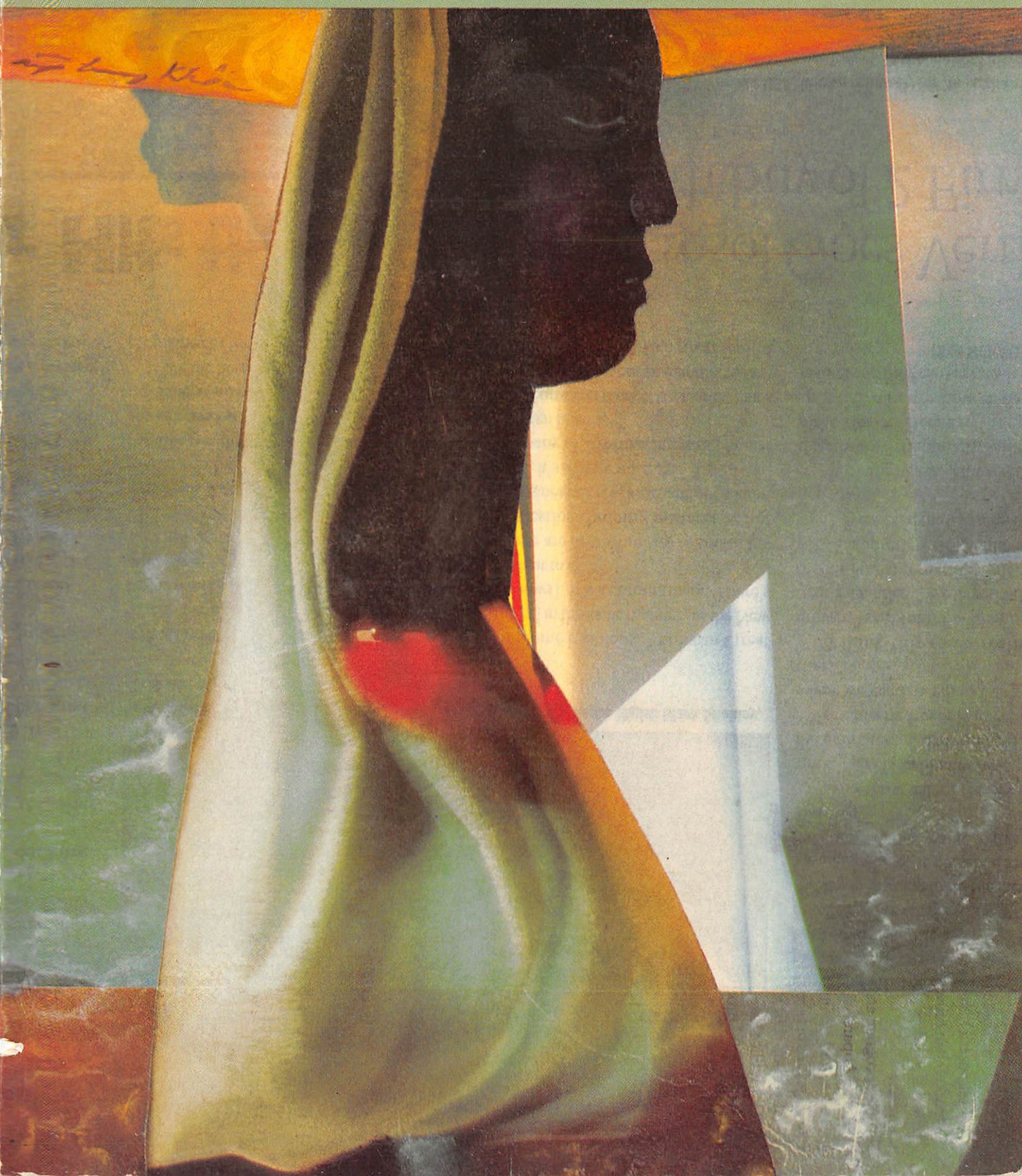
HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

số 5 tháng 6 / 1992





TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Phát hành hai tháng một kỳ - Số 5 tháng 6 & 7 năm 1992

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA.
Telephone và Fax: (714) 537-2468
Đại diện tại Florida:
Triều Hoa Đại, 2835 Cranberry Cir, Middleburg, FL 32068.
Đại diện biên tập và trị sự tại Âu Châu:
Mr & Mrs. Lê Tất Luyện. 15 Place Souham, 75013 Paris, France.
Tel: 45.83.19.12
Đại diện biên tập và trị sự tại Canada:
Trân Sa, 1635 Keele St., Toronto ONT. M6M 3V8
Tel: (416) 652-1384
Hồ Đình Nghiêm, 3360 Barclay, Apt # 10, Montréal PQ. H3S 1K4.
Tel: (514) 342-8018
Đại diện biên tập và trị sự tại Australia:
Thường Quán, 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149.
Tel: 011-61-3-8071620

Business lisence # 142486



TÁC GIẢ GÓP MẶT TRONG SỐ NÀY

Nhận định, biên khảo, phỏng vấn, đọc sách:

Võ Đình, Trần Mạnh Hảo, Dương Thu Hương, Vũ Giáng Hương, Thụy Khuê, Vương Như, Quách Phong, Trần Việt Sơn, Đặng Tiến, Đỗ Lai Thúy, Lê Thứ, Huỳnh Hữu Ủy, Thế Uyên, Trương Vũ.

Sáng tác, dịch thuật:

Nguyễn Thị Ấm, Nguyễn Thị Thanh Bình, Diễm Châu, Trần Trung Chính, Phạm Việt Cường, Nam Dao, Lê Đạt, Lê Thị Huệ, Khế Iêm, Đỗ Kh., Du Tử Lê, Katherine Mansfield, Miêng, Hoài Mỹ, Đoàn Nhật, Milan Kundera, Ngô Thế Oanh, Sông Phố, Chân Phương, Jacques Prévert, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, António Ramos Rosa, Trân Sa, Trần Vàng Sao, Thanh Thảo, Trịnh Y Thư, Nguyễn Đăng Thường, Đỗ Phước Tiến, Dương Tường, Huy Tưởng, Khánh Trường, Bùi Hoằng Vị, Ngu Yên.

Các mục thường xuyên:

Ngày... Tháng... (Kim Thi phụ trách)
Giới Thiệu Sách Mới (Nguyễn Thị Giáng Châu phụ trách)
Với Văn Hữu và Bạn Đọc

Tranh bìa:

Nguyễn Trọng Khôi (Buổi Chiều, Mixed media)

Tranh đen trắng:

Trân Sa, Khánh Trường



thư tòa soạn

Trong số trước, chúng tôi đã công bố thành phần ba người trực tiếp điều hành tập san Hợp Lưu, và những đại diện ở một số quốc gia trên thế giới. Nhưng qua buổi họp mặt vào cuối tháng 5, 1992, gồm những anh chị em trong ban chủ trương hiện đang sinh sống tại California, thì, sau khi cùng đọc những lá thư do độc giả cũng như văn hữu khắp nơi gởi về, những vị này nhận thấy, để phù hợp với yêu cầu khách quan đòi hỏi, Hợp Lưu rất cần thiết tăng cường thêm một số bài nghiên cưú lý luận. Phần này, không chỉ giới hạn trong lãnh vực văn học, mà rất có thể sẽ đề cập đến nhiều vấn đề liên quan trực tiếp đến tình hình chung của Việt Nam hiện tại, như chính trị, triết học, kinh tế, xã hội, khoa học... Sau khi thảo luận, anh chị em cùng đi đến quyết định chung: đồng ý đề cử anh Hoàng Sử Mai phụ trách phần nghiên cứu, lý luận của tờ báo. Cũng cần nói rõ để tránh ngộ nhận: Hợp Lưu trước sau vẫn là tờ báo nặng về văn học nghệ thuật, phần lý luận trên, thêm vào, sẽ không ảnh hưởng đến chủ trương của Hợp Lưu, hay nói khác hơn, sẽ là cái nền vững chắc, để trên cơ sở đó, Hợp Lưu định được rõ hơn lập trường và đường hướng của mình.

Ngoài ra, việc sắp xếp nhân sự cũng thay đổi cho phù hợp hơn với nhiệm vụ: nhà thơ Phạm Việt Cường, nhà văn Phan Tấn Hải sẽ cùng chủ biên phụ trách phần thơ văn sáng tác. Phần trị sự sẽ được giao cho cô Nguyễn Thị Giáng Châu.

Đặc biệt trong số này, Hợp Lưu hân hạnh giới thiệu với độc giả một bài nhận định của nhà văn, nhà thơ Trần Mạnh Hảo trực tiếp gởi từ trong nước ra (Kèm với bài nhận định này còn có năm bài thơ, chúng tôi sẽ lần lượt đăng tải ở các số sau), cùng với năm bài thơ khác của nhà thơ Huy Tưởng. Cần nhắc lại, Trần Mạnh Hảo là tác giả của tiểu thuyết *Ly Thân* đã gây nhiều sóng gió ở quốc nội. Tại hải ngoại, nhà xuất bản Thời Văn cũng đã

in lại tác phẩm này, hai năm trước. Huy Tưởng là nhà thơ và dịch giả nổi tiếng trước đây của miền Nam, ông đã xuất bản các thi phẩm như *Áo Nguyệt Ca, Mưa Trong Vườn Chiêm Bao,* và là dịch giả tác phẩm *Chàng Tuổi Trẻ Gan Dạ Trên Chiếc Đu Bay* của William Saroyan.

Phần sáng tác trong nước, chúng tôi cho đăng một số thơ, truyện của các cây viết trẻ xuất hiện vào những năm gần đây. Lực lượng này tại Việt Nam hiện nay rất đông, họ là những người không dính líu nhiều đến quá khứ, nên cách nhìn, cách tư duy, cách chọn đề tài... khá phong phú, đa dạng và cấp tiến. Chúng tôi nghĩ, chính lực lượng này sẽ là những hạt nhân tốt giúp cho tiến trình dân chủ hóa tại quê nhà chuyển động hiệu quả.

Cũng trong chiều hướng đó, phần thơ văn ngoài nước sẽ lần lượt giới thiệu đến quý độc giả một đội ngũ sáng tác "trẻ" khác - xin hiểu chữ "trẻ" ở đây như là đồng nghĩa với năng động, khai phá và nhất là không đắm chìm trong thù hận hay băn khoăn mãi về cái "chỗ đứng" của mình.

Cuối cùng, vấn đề Thụy Khuê / Dương Thu Hương từng làm xôn xao giới cầm bút đã vừa đi đến một chung cuộc vui: Trung tuần tháng 4, 1992 chúng tôi nhận được *Thư Ngỏ* của Dương Thu Hương gởi từ trong nước ra, chính thức xin lỗi Thụy Khuê. Song song với *Thư Ngỏ* này, chúng tôi còn nhận được một thư riêng, cũng của Dương Thu Hương gởi cho một bạn văn. Chúng tôi cho đăng tất cả những tài liệu này, với mục đích giúp độc giả có thêm dữ kiện để tự rút ra cho mình một kết luận, về một vấn đề, dù muốn dù không cũng từng làm chúng ta băn khoăn.

Hợp Lưu



THẾ UYÊN

vài nhận xét về tương quan giữa cộng đồng việt nam hải ngoại và nội địa

TỪ BÁO CHÍ ĐẾN THỰC TẠI

Một người ngoại quốc trung bình, khi muốn tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của một cộng đồng hay một dân tộc, thường tìm đọc báo chí của cộng đồng hay dân tộc ấy, coi đấy là nguồn tư liệu thứ nhất cho việc tìm hiểu của mình, nhất là về địa hạt thời sự, dù thuộc lãnh vực chính trị kinh tế hay sinh hoạt xã hội. Nhưng qui tắc này không còn hữu dụng cho lắm sau tháng 4 năm 1975.

Tại nội địa, sau thời điểm trên, tất cả báo chí Việt Nam nội địa đều do Đảng Cộng Sản Việt Nam kiểm soát và lãnh đạo. Báo chí vẫn đăng tin thời sự đấy, nhưng loan theo chiều hướng mà ở Việt Nam thường hay gọi là "lạc quan cách mạng". Một bài viết về một xưởng máy chẳng hạn, thì tất cả mọi sự đều tốt đẹp, đều một màu hồng của tương lai mộng tưởng đầy huy hoàng. Đọc tờ *Nhân Dân, Sài Gòn Giải Phóng* trước phong trào Đổi Mới 1986, người đọc thấy không những đất nước Việt Nam thanh bình ấm no, mà tất cả các nước Xã Hội Chủ Nghĩa khác cũng đều tốt đẹp, no đủ như thế. Thiên tai, hạn hán, lụt lội, tai nạn máy bay tàu thủy, thậm chí đến các nạn dịch, chỉ xảy ra tại các nước Tây Phương, cùng lắm là xảy ra tại các nước thuộc khối thứ ba nào mà Đảng Cộng Sản ít cảm tình.

Tại hải ngoại, tình hình báo chí không đến nỗi tệ hại như nội địa, nhưng không phản ảnh trung thực bao nhiêu tâm tư nguyện vọng thực sự của đa số người Việt tại hải ngoại. Nhiều báo chí, đặc biệt là báo chợ, do thành phần chống Cộng bảo thủ, kiểu Việt Nam Cộng Hòa trước kia, nắm giữ.

Những báo chí này thường có khuynh hướng bóp méo hiện thực cho vừa ước mơ chính trị của mình.

Những bài tin tức thì không khác bao nhiêu cách thức báo chí nội địa đã làm. Nghĩa là tin tức gì tốt cho địch thì không đăng hay có đăng thì phải xuyên tạc, nếu không xuyên tạc thì phải có dăm ba lời bình chống cộng ở phần mở đầu hay phần chót. Về chính trị và văn học cũng vậy. Tất cả hầu như bị chi phối bởi quy tắc bất thành văn (học của Đảng Cộng Sản): Tất cả những cái xấu của địch đều là những cái xấu tối đa, tất cả những cái tốt của địch chỉ là những cái đóng kịch, giả vờ để đánh lừa nhân dân thôi.

Cũng bởi thế, nếu người ngoại quốc chỉ căn cứ vào báo chí Việt Nam hải ngoại loại đó thôi, dễ có cái cảm tưởng là tất cả những người Việt hải ngoại đều giống nhau. Thí dụ tất cả đều là những chiến sĩ chống cộng can trường (không hề có một ai bỏ chạy năm 75 cả chẳng hạn), tất cả đều "thề phanh thây uống máu quân thù cộng phỉ", cương quyết bao vây kinh tế Cộng Sản, không gởi một đồng dollas, franc hay mark, hay bất cứ một gói thuốc nào cho thân nhân trong nội địa. Và nhất định là giữ vững quyết tâm không bước chân về Việt Nam, ngày nào còn chế độ Cộng Sản. Cha mẹ già có hấp hối cầu mong nhìn thấy mặt con lần chót, thì " cho mấy ổng bả ấy chết luôn, ai bảo không chịu chạy cho lẹ ra nước ngoài. Kẹt lại thì ráng mà chịu!"

Nhưng sự thực có phải như thế không? Chế độ Cộng Sản Việt Nam, dù đảng đã tốn mấy chục triệu tấn giấy từ bao năm, cũng không thể làm cho chế độ mình xấu trở thành tốt, đen trở thành hồng, đói trở thành no được. Tại hải ngoại cũng vậy mà thôi. Các tờ báo bảo thủ hải ngoại với các ông già cựu lính cựu viên chức Việt Nam Cộng Hòa, dù có cố gắng đến mấy, cũng chẳng thể cản nổi *đời sống thực sự* của thành phần đa số trong cộng đồng. Những tâm tư nguyện vọng, những điều muốn làm, vẫn cứ được biểu lộ qua các báo chí cấp tiến, vẫn cứ được thực hiện trên thực tế.

NHỮNG ĐỘNG LỰC CỦA VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Xin hãy cùng để vấn đề những động lực chi phối đa số thầm lặng nội địa cho một bài văn khác. Trong phạm vi bài này, chúng ta hãy thử đưa một cái nhìn phân tích sơ lược với đa số thầm lặng của cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại.

1. Tiền và quà

Điều nổi bật đầu tiên là cơ cấu và liên hệ gia đình của những người Việt Nam xa quê. Tình máu mủ họ hàng bạn bè truyền thống của xã hội Việt Nam có từ ngàn đời vẫn còn nguyên vẹn, và tác động tối đa. Hãy nhìn vào

thành phần di tản năm 1975 thì thấy rõ. Dù thành phần này có tỷ lệ bảo thủ và chống cộng cực đoan cao nhất, tình máu mủ ruột thịt vẫn cứ bền chặt. Ngay khi chế độ Cộng Sản Việt Nam cho gởi điện tín về thăm thân nhân, là gởi liền. Khi cho gởi quà gởi thuốc về cứu giúp, là gói lớn gói nhỏ tới tấp. Thậm chí như ở Mỹ, không cho gởi thuốc men, thì gởi ké qua Pháp, qua Canada. Và trước khi chế độ Cộng Sản nội địa cho chính thức gởi tiền về, người Việt nương tựa vào hệ thống chuyển tiền của người Hoa để gởi chui, gởi đen về nội địa. Và khi hai chính quyền Mỹ Việt cho bảo lãnh đoàn tụ gia đình, là giấy tờ cùng thủ tục được xúc tiến ngay với một lòng kiên nhẫn vô bờ bến, vượt rất nhiều khó khăn đủ loại, nhất là những khó khăn về tài chánh.

Trong những năm đầu sau 75, đa số thầm lặng này khi giúp đỡ thân nhân nội địa, đã tốn kém cho ngân sách của mình, mà còn phải che dấu việc giúp đỡ. Sợ mấy ông báo chí hội đoàn địa phương biết thì mấy ổng chửi cho là phước, dám còn bị chụp nón cối và bạo lực bạo hành nữa. Nhưng tình thương yêu gia đình vẫn là trên hết nên trong thời gian này đã có những người ở Virginia thì gởi tiền qua Cali nhờ chuyển, người Cali thì nhờ Vancouver BC hay Montréal và ngược lại.

2. Về thăm thân nhân và thăm quê cũ.

Rồi đến khi người Việt được phép về du lịch, thăm quê hương thì đa số thầm lặng này... bèn về. Tại những nước Âu Châu, dân trí và tinh thần dân chủ cao hơn, lại có bang giao bình thường với nội địa, việc về thăm Việt Nam không gay go cho lắm. Tại Mỹ, vì có sự hiện diện của một số thành phần bảo thủ dữ tợn, ưa chửi tục và bạo hành bạo lực hơn bên Âu Châu, thì bà con "đi chui". Nghĩa là đi âm thầm, chỉ một số người thân cận được biết mà thôi. Có thể nói trong thời kỳ này đã phát sinh một hiện tượng độc đáo, chỉ thấy xảy ra trong cộng đồng Việt Nam mà thôi. Đó là làm dân một nước nổi tiếng là tự do và dân chủ, mà dân Mỹ gốc Việt vẫn phải "đi chui" về Việt Nam.

Có thể nói hơn khôi hài một bực, phải gọi là bi thảm nữa, khi những thuyền nhân vượt biên đã phải "đi chui" ra khỏi Việt Nam, để rồi sau đó vài năm, nhớ người yêu nhớ vợ con nhớ cha nhớ mẹ, lại phải "đi chui" nữa trở về quê hương cũ! Nếu nhái giọng văn của nhà văn Mai Thảo, thì hiện tượng "đi chui, về cũng cũng chui luôn" này *chỉ xảy ra trong cộng đồng của ta, và chỉ có ta thôi.*

Kể từ khi chính quyền Mỹ cho phép dân đi Việt Nam dễ dàng, rồi cho phép các công ty Mỹ tổ chức du lịch Việt Nam, người Việt gốc Mỹ bắt đầu về thăm nhà nhiều hơn. Điều đặc biệt cần nêu là một quan sát viên đứng ở phi trường Tân Sơn Nhất cho biết: căn cứ vào giấy tờ xuất trình ở Hải Quan

nơi này, cứ một passport thì có một Re-Entry permit. Sự kiện đó chứng tỏ chính những người di tản sau bảy lăm thân thiết với thân nhân và quê hương cũ, mặc dầu chính thành phần này mới đích thực là nạn nhân Cộng Sản trong nhiều năm trước đó.

Những người trở về này, mặc dù phát ngôn thận trọng, tránh đả kích chính quyền Cộng Sản, nhưng sự hiện diện của họ (quần áo, tiền bạc, quà cáp, những kể lể về đời sống thanh bình dân chủ tự do ở Tây Phương...) có tác động phá hủy vô cùng lớn cho nền thông tin tuyên truyền của chế độ nội địa.

3. Lòng ao ước muốn giúp dân giúp nước.

Đa số thầm lặng hải ngoại còn bị thúc đẩy bởi lòng ao ước muốn giúp dân tộc Việt sớm ra khỏi vòng nghèo đói và đổ nát. Nguyện ước này là khá mạnh nơi thành phần có học, có kiến thức chuyên môn thuộc thế hệ di dân đời thứ nhất.

Họ thường chủ trương dùng văn hóa giáo dục là chính. Muốn đổi thay một chế độ lỗi thời, phải bắt đầu từ căn bản căn bản nhất của xã hội là văn hóa giáo dục. Đối với họ, chính vì còn sự hiện diện của chính quyền Cộng sản, lại càng cần phải về phổ biến tư tưởng mới giáo dục mới hơn nữa. Số lượng thành phần này đã về nước giảng dạy hiện còn rất khiêm tốn, nhưng với biến đổi của tình hình quốc tế quốc nội, số người này sẽ đóng vai trò cố vấn về kinh tế và tài chính cho cả chính quyền địa phương lẫn các công ty lớn nhỏ.

4. Vấn đề đầu tư vào nội địa.

Trong phạm vi bài này sẽ không bàn tới việc viện trợ trên cấp bậc hai chính quyền Việt Mỹ, chỉ bàn tới khả năng của đa số thầm lặng trong cộng đồng Việt tại hải ngoại. Điều nhận xét đầu tiên là khả năng đầu tư kinh tế của thành phần này rất là giới hạn: cộng đồng quá non trẻ, chưa đến hai chục năm tuổi thọ, số triệu phú đã có nhưng không nhiều. Đã thế khi đầu tư vào Việt Nam, họ thường bị chi phối bởi động cơ muốn giúp đỡ bà con bạn bè ở Việt Nam có kinh tế tự túc, hơn là mục đích kiếm lời nhiều. Cho đến bây giờ, một số cơ sở đầu tư nhỏ kiểu này ở miền Nam đã có lời, thì do hối xuất rắc rối và chênh lệch, nhiều người đầu tư ở hải ngoại vẫn để cho thân nhân, bạn bè Việt Nam giữ phần tiền lời ấy, hoặc để đầu tư tái sản suất và phát triển, hoặc để khi chính người đầu tư về thăm Việt Nam, có sẵn tiền địa phương chi tiêu cho thoải mái.

Dĩ nhiên một khi chính quyền Mỹ chấm dứt phong tỏa, thì người Việt có vốn liếng ở hải ngoại sẽ đầu tư vào Việt Nam nhiều hơn với tinh thần kiếm lời thật sự. Sư kiện này sẽ làm nẩy sinh một thành phần tiểu tư sản mới tại Việt Nam thay thế cho thành phần tiểu tư sản cũ đã vượt biên, đi đoàn tụ

gia đình hay HO khá nhiều. Do tương đồng về quyền lợi, thành phần tiểu tư sản mới (nhấn mạnh: do vốn đầu tư của hải ngoại mà xuất hiện và tồn tại) sẽ liên kết với thành phần tư sản và tiểu tư sản *đỏ* (mà vốn liếng đầu tư xuất phát từ những tham ô, hối mại quyền thế) để tạo thành một thành phần tiểu tư sản vững mạnh trong nội địa. Chế độ Cộng Sản Việt Nam có chấm dứt sớm hay muộn, tùy thuộc rất nhiều ở thành phần tiểu tư sản này: họ lớn mạnh thì một chế độ dân chủ kiểu đa nguyên lại càng dễ hình thành.

MỘT CHÚT VIỄN TƯỢNG

Nếu chỉ nhìn cho đến năm tận cùng của thế kỷ này, chúng ta thấy, nếu chỉ xét trên những nét chính, tương quan giữa cộng đồng hải ngoại và dân tộc trong nội địa mỗi ngày sẽ trở thành bình thường hơn.

"*Bình thường hơn*" nghĩa là sẽ có tương quan ngày càng giống như tương quan của các cộng đồng thiểu số Á Châu khác với các chính quốc của họ. Cộng đồng Phi là cộng đồng Châu Á đông dân nhất ở Mỹ, cộng đồng Hoa đông thứ nhì, rồi mới đến những cộng đồng Nhật, Đại Hàn và Việt Nam. Tương quan của các cộng đồng này với chính quốc thường là thoải mái. Dân hải ngoại ưu tiên mua hàng của nội địa, đặc biệt là các sản phẩm địa phương (không phải như cộng đồng Việt hiện nay mua nước mắm, mắm tôm, mắm ruốc... của Thái Lan). Họ đọc những sách báo của nội địa, đồng ý và bất đồng ý, khen và chê, chọn phe phái chính trị (trong nội địa) mình thích mà bênh vực, giúp đỡ. *Nhưng ai ở đâu vẫn cứ ở đó*. Ngoại trừ một số người lớn tuổi, về hưu thường thích chọn nơi an dưỡng nơi vùng đất cũ, còn đa số vẫn cứ tiếp tục làm dân nơi mình đang ở (Mỹ, Canada, Pháp, Úc, Đức và cỡ hơn ba mươi quốc gia nữa).

Đó là đối với thế hệ di dân đời thứ nhất. Còn với thế hệ thứ hai trở đi, thì quan hệ của họ với quê hương cũ (của bố mẹ ông bà) mờ nhạt, đầy sương khói dĩ vãng. Cái cô gái Yumaguchi chiếm huy chương vàng về trượt băng nghệ thuật của Thế Vận Hội Mùa Đông vừa qua chẳng hạn, mặc dù từ họ tên đến gia đình, màu da và vóc dáng, vẫn Nhật Bản không thể nghi ngờ được. Nhưng thử hỏi cô gái đó mà xem, sẽ thấy cô trả lời đất Mỹ mới là quê hương mình, quê hương thứ nhất của cô. Còn cái xứ Phù Tang Tam Đảo lừng danh kia, chỉ là quê hương thứ hai. *Về chơi thì được, về ở thì không.*

Bình thường hơn cũng có nghĩa là về giáo dục, nhiều sinh viên nội địa sẽ đến theo học ở các đại học Mỹ, không lẻ tẻ một hai chục như hiện nay. các sinh viên Việt gốc Mỹ sẽ chọn đi vacation mùa hè ở Việt Nam và một số không ít sẽ chọn theo học một hai lớp về Việt Ngữ, lịch sử và văn học Việt

Nam - hiện giờ mới được tổ chức tại đại học Hà Nội, nhưng sẽ mở ở Sài Gòn một ngày không xa.

Về nghệ thuật, sẽ có những đoàn cải lương tuồng chèo chi đó từ nội địa bay sang Bắc Mỹ trình diễn (e sẽ lỗ vốn vì số khán giả hải ngoại chuộng bộ môn này không nhiều), nhưng ảnh hưởng nếu có thì cũng không thấm vào đâu những phim của Mỹ từ lâu đã tràn ngập thị trường nội địa. Thi sĩ Nga nổi tiếng một thời Yevtushenko khi đến ngâm thơ cho sinh viên đại học The Evergreen State College (Wa) nghe, vào mùa xuân 92, đã phải than trong lúc mạn đàm là, tại cái quốc gia Liên Xô cũ nay mang tên tắt mới là CIC của ông, các Sylvester Stallone và Chuck Norris đã đẩy các phim nội địa đi chỗ khác chơi.

Bình thường hơn cũng có nghĩa là các tác phẩm văn học và nghệ thuật tạo hình có giá trị của nội địa sẽ được triển lãm và bán tại các thành phố lớn của Bắc Mỹ Châu. Còn các tác phẩm văn học hải ngoại, ngày nào còn chế độ Cộng Sản Việt Nam, cũng sẽ được in lại trong nước một số chọn lọc, thuộc loại không đặt vấn đề chống Cộng. Còn nếu chế độ Cộng sản Việt Nam giải thể, thì tương quan hai chiều nặng nhẹ ra sao, sẽ tùy thuộc ở yếu tố giá trị của các tác phẩm ấy. Nghĩa là nếu nội địa viết tồi quá, dân hải ngoại sẽ không thèm đọc. Và ngược lại.

Đã nói về viễn tượng, về thị kiến thì không biết nói bao nhiêu cho đủ. Bởi thế nếu có điều gì để nói thêm cho bài văn này là: Dù muốn hay không, cộng đồng Việt Nam hải ngoại đã, đang và sẽ là vùng đất ước mơ cho những người nội địa. Chính vì là một vùng đất ước mơ ấy mà *các cộng đồng xa xôi sẽ còn rất lâu đóng vai trò kích thích và xúc tác cho dân nội địa tiến tới một thể chế nhân bản hơn, một cuộc sống Tây Phương hóa hơn, và dĩ nhiên no đủ và tự do hơn.*

Nếu nhìn theo khía cạnh này thì quả thực dân tộc Việt Nam nói chung chẳng nên than phiền nhiều về truyện thất trận của miền Nam năm 1975. Nhờ có vụ sập tiệm của Việt Nam Cộng Hòa này, dân tộc Việt nói chung mới có được một cộng đồng tại hải ngoại - bởi vì dân Việt quá quen sống trong lũy tre xanh của làng xã cả hàng ngàn năm, không bị đánh đuổi, bức bách đến cùng, đâu có mấy ai chịu bỏ quê hương mà đi như thế.

THẾ UYÊN
Tháng 4, 92

Thế Uyên

NGHĨ TRONG MÙA XUÂN



TRƯƠNG VŨ

tại sao phải là nguyễn huệ?

Tôi viết bài này sau khi đọc truyện ngắn *Mùa Mưa Gai Sắc* của Trần Vũ (1). Những điều viết ra đây có đôi phần phát xuất từ những ý nghĩ chợt đến cách đây hơn hai năm, sau khi đọc *Phẩm Tiết* của Nguyễn Huy Thiệp (2). Mặc dầu phản ứng của tôi về hai truyện ngắn này có nhiều điểm khác nhau, tôi chỉ muốn trình bày ở đây một số nhận định tương đối giống nhau về hai tác giả, liên quan đến cùng một nhân vật trong tác phẩm của họ: *Nguyễn Huệ*.

Những truyện ngắn nói trên của Nguyễn Huy Thiệp (NHT) và Trần Vũ (TV) rõ ràng không phải là truyện dã sử. Và chắc chắn không phải là những bài biên khảo hay nhận định lịch sử. Do đó, những vấn đề như "cố ý làm sai lệch lịch sử" hay "bôi nhọ anh hùng dân tộc", mà một số người đọc tác phẩm của NHT (3) đã nêu ra, sẽ không được bàn đến ở đây.

Những sáng tác văn chương này nặng phần hư cấu. Tuy nhiên nhân vật Nguyễn Huệ, tức vua Quang Trung, xuất hiện trong cả hai tác phẩm, lại được xây dựng từ một nhân vật của đời sống thật, hoàn toàn với sự cố ý của tác giả. Mà một khi nhân vật lấy từ đời sống thật, với nguyên vẹn cả tên họ, có cố ý, đem cho xuất hiện trong văn chương, cho dù là văn chương hư cấu, thì sự kiện đó vẫn có thể tạo nên một số vấn đề. Vấn đề sẽ lớn nếu đó là một nhân vật mà mọi người đều biết. Vấn đề càng lớn hơn nữa, nếu đó là một nhân vật thuộc về lịch sử cũng như đã từng làm nên lịch sử. Trong trường hợp của các truyện ngắn này, vấn đề gặp phải chưa chắc đã kém phần quan trọng nếu đem so với những vấn đề khác, chẳng hạn như "có cố ý hay không cố ý làm sai lệch lịch sử hay bôi nhọ anh hùng dân tộc", thường được bàn cãi quanh một số truyện dã sử.

*

Trong *Phẩm Tiết*, (NHT), Nguyễn Huệ chỉ xuất hiện sau khi đã trở thành vua Quang Trung và đã đánh tan quân Tôn Sĩ Nghị. Trong bữa tiệc khoản đãi mấy trăm gia đình giàu có Bắc Hà ở Kẻ Chợ, nhà vua đã nói những câu rất lạ:*"...thời bình ta lấy kẻ có trí lực làm điểm tựa. Nay các ông đến đây, đều là những người có của, tức là những trí lực cả, ta cho ăn cho uống, xin các ông vì ta mà mở mang công nghệ, bán buôn làm cho nước giàu dân mạnh"*. Sau đó, khi tưởng mình bị Ngô Khải gạt và vì trước đó đã bị Ngô Khải chê thức ăn không biết nấu, nhà vua nổi giận: *"Thằng Khải kia, tài bằng cái đấu, khinh ta quá chừng! Trời cho mày sống đến năm mươi tuổi, cướp không biết bao nhiêu lộc thiên hạ, ăn miếng ngon không biết đậy mồm còn chê là lợm...Ta cho mày ăn cứt, xem mày có chê lợm không"*. Nói rồi nhà vua cầm phất trần quất ngang miệng Khải, quát tả hữu nọc ra đánh nhét cứt vào mồm, lột truồng đuổi Khải về nhà.

Cũng trong *Phẩm Tiết*, vua Quang Trung giữ Ngô Thị Vinh Hoa, con gái thứ mười của Ngô Khải, ở lại trong cung, hết lòng yêu thương chìu chuộng. *"Song Vinh Hoa vẫn một mực không cho nhà vua thành thân"*. Ít lâu sau khi kéo quân về Phú Xuân, nhà vua đột ngột mất. "*Khi lâm chung, có Vinh Hoa đứng hầu bên giường, nhà vua nhìn mãi Vinh Hoa mà không nhắm mắt. Cả triều đình thương cảm. Con trai nhà vua là Nguyễn Quang Toản vuốt mắt cho cha, nhưng hễ buông tay ra mắt nhà vua lại mở trừng trừng. Đến cả hoàng hậu Ngọc Hân cũng thế. Sau Vinh Hoa phải lấy ngón tay út của mình đặt lên hai mí mắt nhà vua thì mắt nhà vua mới nhắm lại được. Sau đấy, chỗ ngón tay út của Vinh Hoa đen như chàm, rửa thế nào cũng không sạch.*"

Trong Mùa Mưa Gai Sắc, (TV), Nguyễn Huệ xuất hiện khi chưa trở thành vua Quang Trung. "*Tôi biết Huệ đã lâu. Từ lúc Huệ còn niên thiếu, những trận mưa rào còn bất chợt đổ về qua ấp Tây Sơn, thứ mưa nóng và ẩm của vùng Qui Nhơn sỏi đá (...) Những khi giận, hai tròng đỏ trong mắt Huệ lập lòe lửa, tất cả thần khí dữ dội đều hiện lên ở đồng tử, nên nhìn rất sợ.*

Sau khi tiến quân ra Thăng Long diệt chúa Trịnh, Nguyễn Huệ được vua Lê gã Ngọc Hân công chúa cho, theo sự dàn xếp của Nguyễn Hữu Chỉnh. Trong thời gian này, Chỉnh đã từng đến điện Kính Thiên, bàn chuyện với vua Lê và gặp Ngọc Hân ở đó. *"Xong chuyện, Chỉnh cho vua Lê lui gót rồng, còn lại một mình hắn cười khẩy săm soi sàm sở nhìn Ngọc Hân (...) Chỉnh chồm người, gầm gừ, đầy đắc thắng, bàn tay vẫn luồn trong yếm đào, vừa mân mê vừa đe dọa.*"

(...) *"Trong phủ Chúa, chốn sang trọng lộng lẫy nhất Thăng Long, từng mảng da beo lớn trải làm thảm lót chân, Huệ đi lại trên đó và khạc nhổ cũng trên đó.* Khi Vũ Văn Nhậm nhắc Huệ sắp đến giờ rước dâu, Huệ gắt: "*Ta dẫn mấy vạn quân ra đây, đánh một trận dẹp yên thiên hạ, lão già họ Lê, dòng họ, ngai vàng lão thuộc về ta như trâu bò, đất đai, người ngợm của Bắc Hà. Việc gì phải đi đón! Đem con nộp thì ta lấy!"*

(...)" Đêm hợp cẩn của Ngọc Hân," (...) "Huệ chụp lấy ngực áo cưới của Ngọc Hân xé toạc" (...) "Huệ xô ngã sấp Ngọc Hân ra giường, tháo dây đai quất xối xả lên tấm lưng mảnh dẻ" (...) "Huệ quất như thúc roi, thúc ngựa" (...) "Đến lúc Huệ bắt Ngọc Hân co hai đầu gối, thì nàng quá đau đớn không dằn được, bật tiếng kêu nấc trong đêm tối. Huệ nghe tiếng nấc, khoái cảm càng tăng lên như những lúc chứng kiến hành quyết."

Những đêm sau đó, Huệ tiếp tục quất roi vào mình Ngọc Hân như một kẻ suốt đời hành nghề tra tấn. Để rồi, "*Huệ bị ràng buộc vào người đàn bà mà mãi mãi từ đây, hàng đêm Huệ phải tìm đến. Khuôn mặt Huệ toát ra vẻ mãn nguyện, thỏa mãn. Huệ chỉ buông rơi khi Ngọc Hân đã ngã khuỵu xuống chân giường. Cảnh giao hoan của Huệ với Ngọc Hân, cũng không còn là cảnh cưỡng bức ban đầu, nếu dáng ngồi đè của Huệ vẫn in dáng hổ nhai mồi, thì hai cườm tay Ngọc Hân đã quấn chặt lấy cổ Huệ, và trên lưng Huệ đầy vết cào của một con sư tử cái."*

Trong *Mùa Mưa Gai Sắc*, có hai người kể truyện, đều xưng *tôi*(hay một người với hai nhân cách). Một người là bạn thân của Huệ, một người là bạn thân của Hân. Truyện mở đầu bằng lời kể của người thứ nhứt, và kết thúc bằng lời kể của người thứ hai. Theo người bạn Hân, thì bài phú *Ai Tư Vãn*, tức bài văn tế Huệ, thật ra đã được Ngọc Hân làm từ lúc Huệ còn ở Thăng Long, trước khi Hiển Tông mất. Cũng theo người bạn này, *"Hân sống như người bệnh trí từ hôm về ở với Huệ. Đêm đêm chứng kiến cảnh Hân chịu đòn, tâm thần tôi cũng tan nát. Tôi thân thiết với Hân như hai chị em song sinh, cùng cha, cùng mẹ, cùng một nỗi lòng con gái mới lớn, kề vai lãnh trọng trách trung lương nhà Lê chẳng khác đội đá vá trời."(...)*

"Mấy lá trúc vàng, rây rắc gió cuốn rụng xuống Thăng Long xào xạc hơn bao giờ."

*

Hành động, cử chỉ, và lời nói của Nguyễn Huệ trong cả hai truyện ngắn rõ ràng là "không thật" một cách có chủ đích nhưng không cố ý xuyên tạc. Cả hai tác giả đều làm "như thiệt". Trong *Phẩm Tiết*, NHT làm cho người

đọc có cảm tưởng như đang đọc trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí (HLNTC) nhưng lại được đặt trong một bối cảnh huyền ảo hơn, tạo những cảm xúc mãnh liệt hơn, với những suy nghĩ mới lạ và tàn bạo hơn. Cách nói năng của Nguyễn Huệ trong *Phẩm Tiết* chẳng khác bao nhiêu với cách nói năng của Nguyễn Huệ trong HLNTC, mặc dầu nội dung thì hoàn toàn khác và có vẻ như "giễu một cách nghiêm chỉnh". Khác với NHT, TV tạo nên một Nguyễn Huệ trông chẳng giống bất cứ một ông Nguyễn Huệ nào đã xuất hiện trong sách vở từ trước đến nay. Với *Mùa Mưa Gai Sắc*, người đọc có cảm tưởng như xem những đoạn phim gây cấn, kiểu như *The God Father*, thậm chí như xem phim "sex", xen lẫn với những đoạn thật lặng lẽ, u buồn, đầy thương cảm, đầy không khí hồi tưởng, như trong trong phim *Gone With The Wind* hay *Doctor Zivago*. Nét tài hoa cùng với những yếu tố bất ngờ thường thấy trong văn TV vẫn được nhìn thấy ở đây. Với cả hai truyện, người đọc đều bị lôi cuốn từ đầu đến cuối, mặc dù vẫn có lúc phải ngừng đọc và tự hỏi:"Tác giả đang chơi trò gì đây?"

Điều cần phải nhấn mạnh là cả *Phẩm Tiết* lẫn *Mùa Mưa Gai Sắc* đều là những truyện ngắn có giá trị, mặc dầu *không đặc sắc bằng nhiều truyện ngắn khác của NHT và TV*. Một điểm quan trọng khác cần được nêu ra ở đây là: với một vài thay đổi cần thiết, không nhiều lắm, tác giả vẫn có thể không cần phải dùng đến tên họ Nguyễn Huệ, cũng như những tên họ có thật khác, Nguyễn Hữu Chỉnh chẳng hạn, mà vẫn giữ nguyên được giá trị văn chương của tác phẩm. Tôi nhấn mạnh, *giá trị văn chương của tác phẩm*. Như vậy vấn đề được nêu ra ở đây là: tại sao phải đem ông Nguyễn Huệ vào truyện? Hay, nếu phải tạo nên một nhân vật như vậy cho tác phẩm thì, tại sao phải gán cho đó là ông Nguyễn Huệ? Sự gán ghép như vậy nhằm mục đích gì và đem lại giá trị gì cho tác phẩm?

Một nhà điêu khắc có thể sử dụng nhiều vật liệu khác nhau, như gỗ, đá, đất sét, thạch cao, sắt, đồng, mảnh vụn bom đạn, lon bia, đồ hộp..v.v. để làm nên tác phẩm.Thứ gì cũng được, bởi vì, phần quan trọng không phải ở vật liệu được sử dụng, mà ở mức độ nghệ thuật mà tác phẩm có thể đạt tới. Một miếng gỗ tạc đúng cách, đặt đúng chỗ, có giá trị cao của nó trong tác phẩm. Và, ở vị trí đó, với hình dạng đó, nó có một giá trị khác. Nó không còn là một miếng gỗ như trước. Ngắm toàn bộ tác phẩm, người thưởng ngoạn sẽ không thắc mắc là nó đã được tạc từ một khúc củi trôi sông, từ một miếng ván bỏ đi, trong nhà kho, hay từ một khúc gỗ tốt lành mới mua về từ tiệm mộc. Nhưng sẽ có một vấn đề được đặt ra ở đây: để có được miếng gỗ đó, nhà điêu khắc đã phải làm một việc trái với những tình cảm hay quan niệm đạo đức thường tình của con người, chẳng hạn như đã đi đào một ngôi mộ và chẻ quan tài ra lấy gỗ.

Vấn đề được đặt ra không liên hệ gì đến chuyện quan niệm nghệ thuật hay khả năng sáng tạo của người nghệ sĩ. Bởi vì, có thể ông ta đã tạo nên một tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời. Cũng như, có thể mọi người đều đồng ý là người nghệ sĩ có quyền đào mồ một người để tạo nên một tác phẩm cống hiến cái đẹp cho cho muôn người thưởng ngoạn. Nhưng, nếu cái phần nghệ thuật của tác phẩm chẳng hề đòi hỏi là miếng gỗ kia phải được lấy từ quan tài của một người nào đó, càng tiếng tăm càng tốt, thì vấn đề đặt ra ở đây vẫn là: *tại sao phải làm như vậy?*

Người làm văn chương cũng đương đầu với một vấn đề tương tự.

NHT và TV không viết truyện dã sử, không viết truyện kí danh nhân, nên không thể có ý đồ bôi nhọ hay lăng nhục nhân vật lịch sử. Nhưng trong *Phẩm Tiết*, cái người nói câu *"tao cho mày ăn cứt"*, cái người để lại vết chàm, vết nhơ không rửa được trên bàn tay trong trắng của người con gái Ngô Thị Vinh Hoa , lại được tác giả gán cho cái tên Nguyễn Huệ. Cũng như, trong *Mùa Mưa Gai Sắc*, cái người xử sự như một anh trùm Mafia mắc bệnh bạo dâm, cái người dẫn quân ra Bắc Hà như một lũ ăn cướp, uống rượu ừng ực và khạc nhổ tùm lum, cũng lại được gán cho cái tên Nguyễn Huệ. Nhân cách như vậy, hình ảnh như vậy, đặt trong bối cảnh của truyện, không có gì là không phải. Có thể làm cho truyện hay hơn, lôi cuốn hơn, tàn bạo hơn. Nhưng câu hỏi vẫn là: *tại sao phải gán ép cho Nguyễn Huệ nhân cách đó, hình ảnh đó?*

Đọc kỹ *Phẩm Tiết* và *Mùa Mưa Gai Sắc*, người đọc dễ đi đến kết luận là việc sử dụng nhân vật Nguyễn Huệ như thế phải hàm chứa một ẩn ý. Và bởi vì, viết văn không phải để chơi trò ú tim, ngoại trừ viết truyện trinh thám và kiếm hiệp, nên cái ẩn ý trong hai truyện ngắn này không gì khác hơn là một cách gởi đến người đọc một thông điệp. Gởi thông điệp một cách vòng vo, nửa đùa nửa thật, mờ mờ ảo ảo, để vừa bảo toàn an ninh cho chính mình vừa làm cho câu chuyện thêm phần hấp dẫn.

Nguyễn Huy Thiệp viết *Phẩm Tiết* cách đây ba năm. Lúc đó bức tường Bá Linh còn đứng vững. Lúc đó, rất nhiều người Cộng Sản trên thế giới, không riêng gì Việt Nam, còn đang hăng say nói về sự dẫy chết của các chế độ tư bản. Vào thời điểm đó (và có thể, bây giờ), xã hội Việt Nam bị chi phối nặng nề bởi một quan niệm hay chủ trương một chủ trương rất cổ hủ về thần tượng. Theo đó, mỗi người trong xã hội trở nên vô cùng nhỏ bé. Và nhiều khi trở nên vô nghĩa, trước một số rất ít cá nhân đã được "thần thánh hóa", "vĩ nhân hóa", vô cùng to lớn. Bên cạnh đó, ai cũng biết người Cộng Sản Việt Nam thường xem cuộc đấu tranh của họ có nhiều điểm tương

đồng với cuộc nổi dậy Tây Sơn, cũng như có nhiều điểm tương đồng về tài đức giữa hai lãnh tụ: Hồ Chí Minh và Nguyễn Huệ. Cả hai được tôn vinh là những thần tượng vĩ đại. Không một nhân vật Việt Nam nào khác có thể sánh ngang hàng.

Có lẽ Nguyễn Huy Thiệp không chịu nổi cái quan niệm cổ hủ đó và vì ông muốn đập vỡ thần tượng, nên đã cho Nguyễn Huệ ngồi thù lù giữa một đám "trí lực" Bắc Hà, mồm nói *"tao cho mày ăn cứt"*, và khi chết đi, để lại một vết nhơ đời đời không rửa sạch.

Giống như truyện Nguyễn Huy THiệp, truyện của Trần Vũ chứa rất nhiều hình ảnh có tính biểu tượng. Có lẽ nhiều hơn. Khác với Nguyễn Huy Thiệp, Trần Vũ đùa nghịch với các nhân vật lịch sử một cách "tỉnh bơ", chẳng một chút kiêng dè. Hình ảnh mang tính biểu tượng nổi bật nhất trong *Mùa Mưa Gai Sắc* là hình ảnh chiếm ngự công chúa Ngọc Hân của tay lãnh tụ "áo vải cờ đào", có tiếng là đãi người bằng chữ Tâm. Khi chiếm ngự được rồi thì đánh đập không thương tiếc và làm tình như một kẻ bạo dâm. Thầy tớ xử với nhau như các tay anh chị trong các băng đảng, loại băng đảng còn mang nhiều tác phong "chụp giựt", chưa đạt đến mức độ tổ chức tinh vi, có "phẩm chất". Đọc *Mùa Mưa Gai Sắc* thấy Nguyễn Huệ, thấy Ngọc Hân, thấy Nguyễn Hữu Chỉnh, thấy Vũ Văn Nhậm, thấy vua Lê... theo cách mô tả trong đó, như thấy lại bao nhiêu biến cố dồn dập trong xã hội Việt Nam trong mười bảy năm qua. Người con gái Ngọc Hân phải tượng trưng cho một cái gì đây. Một đất nước Việt Nam? Một miền Nam? Một miền Bắc? Những con người ngây thơ, vô tội? Tiếng roi đánh chan chát tóe lửa vun vút cuồng nộ lên tấm thân mảnh dẻ của Ngọc Hân có phải thật ra là những tai họa giáng lên mảnh đất quê hương, đang oằn mình chịu đựng? Và, cái băng đảng mà anh trùm được gán cho tên gọi Nguyễn Huệ và được mô tả là mồm nói hành xử chữ "Tâm" nhưng tự bản chất lại như một *một kẻ suốt đời hành nghề tra tấn, không được đánh người thì không biết phải làm gì* để ám chỉ tập thể nào đây? Có phải một tập thể chỉ giỏi đánh nhau ngoài ra chẳng làm được gì khác, như chăm sóc, vun trồng trên mảnh đất quê hương? Rồi, những tiếng thở dài của người bạn Nguyễn Huệ từ thuở hàn vi, đã chứng kiến những thăng trầm, thay đổi trong đời Huệ, cũng như những người bạn từ thuở ấu thơ của Ngọc Hân? Ở đây, Nguyễn Huệ và Ngọc Hân không là biểu tượng của một cuộc tình duyên đã đi vào văn học sử. Ở đây, Nguyễn Huệ và Ngọc Hân tượng trưng cho hai thế lực chỉ có "một sống, một chết" hoặc "một chủ, một tớ".

Và cuối cùng, truyện ngắn của Trần Vũ hàm chứa một nghi vấn, có vẻ như đặt ra cho một tập thể người Việt nào đó về một ước mơ chính trị của họ. Nghi vấn đó là: *những âm mưu của Ngọc Hân là đáng thương hay đáng*

tội? Và trước đó, Trần Vũ đã cho Ngọc Hân nhìn xa vắng về phía cung Vạn Thọ, chợt hỏi: *"Nguyễn vong, Trịnh mạt, Tây Sơn diệt thì thiên hạ chỉ còn cách phù Lê, phải không?*

Bảo là nghi vấn, nhưng thật ra Trần Vũ đã trả lời giùm cho người đọc khi mô tả vua Lê như *con heo già, chỉ biết giương đôi mắt lờ đờ thở ì ạch*, và trong phần kết thúc truyện, có câu:

... sống trong một đất nước chỉ biết lấy chữ "Sát" làm chuẩn thì thật đáng thương.

Có nhà phê bình (4), khi nhận xét về các truyện ngắn *Kiếm Sắc, Phẩm Tiết* và *Vàng Lửa*, đã đề nghị nên đọc Nguyễn Huy Thiệp như xem tranh Chagall, trong đó hình ảnh con người bị méo mó đi nhưng không hề có nghĩa là tác giả cố ý bôi nhọ hay lăng nhục ai. Không biết sẽ có ai đề nghị như vậy đối với *Mùa Mưa Gai Sắc* của Trần Vũ? Tuy nhiên, đề nghị đó cần được xét lại. Trong tranh Chagall, hình dạng con người quả thật không giống như ở ngoài đời, vì vậy gọi là "méo mó" cũng được. Nhưng, *không xấu hơn*. Ngược lại, *đẹp hơn*. Vì vậy mà Chagall mới được kính trọng như một thiên tài đã làm đẹp cuộc đời. Trong *Phẩm Tiết* và *Mùa Mưa Gai Sắc*, Nguyễn Huệ chẳng những không đẹp hơn, mà xấu đi rất nhiều. Xấu một cách tàn bạo.

Trong *Vàng Lửa*, đoạn cuối cùng được viết: *"Triều Nguyễn của vua Gia Long lập ra là một triều đại tệ hại. Chỉ xin lưu ý bạn đọc đấy là triều đại để lại nhiều lăng."* Trong *Mùa Mưa Gai Sắc* đoạn cuối cùng có câu: *"những âm mưu của Ngọc Hân là đáng thương hay đáng tội? Chép trong chánh sử Tây Sơn thì đáng tội. Xét theo sử triều Lê thì đáng phục. Nhưng sống trong một đất nước chỉ biết lấy chữ "Sát" làm chuẩn thì mới thật đáng thương"*. Dù ít dù nhiều, những câu này hàm chứa một "chìa khóa" để đọc một thông điệp viết bằng mật mã. Mặc dù, người đọc có thể vẫn chưa thật sự nắm được cái chìa khóa, và bức thông điệp được đọc theo cái kiểu như đã trình bày trên đây chưa hẳn là bức thông điệp được gởi đi.

*

Trở về trường hợp Nguyễn Huệ của đời sống thật. Sử liệu về cuộc đời của ông cũng như về triều đại của ông không đủ đến mức cho phép người viết sử viết về ông hay triều đại ông một cách rõ ràng, chính xác như người Pháp, hay cả người Việt, viết về Napoléon, cũng sống cách đây khoảng hai trăm năm. Những công trình hay nhận định về Nguyễn Huệ đang còn rất nhiều điểm dị biệt. Chúng ta, ai cũng có quyền không đồng ý với nhận định của người khác về Nguyễn Huệ. Ai cũng có quyền nghĩ về Nguyễn Huệ theo những chiều hướng khác nhau, tùy theo sự thương, ghét, cách yêu nước, niềm kiêu hãnh của mình về lịch sử đất nước mình.

Bên cạnh một sự thật lịch sử chưa được hoàn toàn chiếu rọi để mọi người Việt Nam có thể có một nhận xét khách quan và chính xác hơn về Nguyễn Huệ, vẫn có những mưu toan tầm thường của một số người hay một thế lực chính trị là thần tượng hóa nhân vật lịch sử này vì những lợi ích hoàn toàn chính trị của mình. Để đạt được điều này, nhiều sự thật lịch sử thường được các thế lực chính trị thổi phồng hoặc bóp méo đi. *Phản ứng của một trí thức, một nhà văn đối với những suy nghĩ không phải, những trình bày sai sự thật, những mưu toan tầm thường của người làm chính trị, phải là những phản ứng trực diện với chính những suy nghĩ không phải, những trình bày sai sự thật, hay những mưu toan tầm thường này.* Những phản ứng trực diện như vậy cần phải có cho bất cứ trường hợp lạm dụng lịch sử nào cũng như đối với sự bất công nào. Cho một người của hai, ba trăm năm trước hay với con người của ngày hôm nay. Phát sinh từ một cá nhân, một tập thể, hay từ thói hư, tật xấu, hay những suy nghĩ đã thành nếp của bao nhiêu thế hệ. Chỉ trong hoàn cảnh không thể cho phép có được những phản ứng trực diện như vậy, nhà văn mới dùng những hình thức ẩn dụ để chuyên chở kín đáo những suy nghĩ của mình. Điều này chỉ nên làm khi hoàn toàn không thể làm cách nào khác được, bởi vì, nếu không, cái giá mà nhà văn phải trả sẽ không thấp chút nào. Bởi vì đối với một nhà văn, sự kính trọng - kính trọng chứ không phải yêu chuộng - mà mọi người dành cho ông, trước hết là ở lương tâm và lòng can đảm, rồi sau đó mới đến tài năng.

Có rất nhiều nhà văn có tài, sống nhọc nhằn trong những xã hội chuyên chế nhưng không hề bán rẻ lương tâm của họ. Nhưng nếu chỉ có vậy, hoặc đi xa hơn một chút, nhà văn viết cho người đọc, bằng một cách quanh co hơn, để người đọc nhìn thấy thông điệp ở giữa dòng, nhà văn vẫn sẽ được dành nhiều kính trọng, nhưng chính ông ta, có thể ông ta sẽ cảm thấy là chưa sống trọn cho sự nghiệp văn chương của mình. Có lẽ dựa trên quan niệm như vậy về sự dấn thân của nhà văn cho sự nghiệp văn chương mà cho đến nay, các giải văn chương Nobel chỉ được trao cho những nhà văn nào có can đảm *viết thẳng ra* những điều mà lương tâm họ buộc họ phải viết.

Gần một trăm năm trước đây, nước Pháp bất công với một người. Đại úy Alfred Dreyfus. Lý do chính phát sinh từ mặc cảm bại trận của người Pháp sau trận chiến với Phổ. Vào lúc đó có vụ bán tài liệu quốc phòng cho Phổ bị phát giác. Cả nước Pháp không muốn tin rằng một người Pháp chính cống có thể bán tài liệu cho Phổ, Dreyfus, một người Pháp gốc Do Thái, bị đưa ra tòa án binh (1894) và bị tù chung thân về tội phản quốc. Một thiểu số, đặc biệt nhất là nhà văn Emile Zola, không tin rằng Dreyfus phản quốc. Emile Zola tìm hiểu nội vụ, và vào tháng giêng năm 1898, ông viết bài J'accuse! (Tôi Tố Cáo) lừng danh. Trong đó, ông kết tội chánh phủ

Pháp và rất nhiều sĩ quan cao cấp đã đồng lõa với nhau để đàn áp công lý và che đậy sự thật và nước Pháp đã sai lầm trong vụ ám Dreyfus. Sau khi bài viết đăng tải trên tờ *L'Aurore*, Emile Zola gặp phản ứng mạnh mẽ của Giáo Hội Công Giáo, Chánh Phủ, Quân Lực và một quần chúng đông đảo đang bị kích động vì tinh thần bài Do Thái. Emile Zola bị đưa ra tòa, phải bỏ trốn sang Anh để tránh nằm tù. Ông vẫn tiếp tục tranh đấu cho Dreyfus. Mãi đến năm 1906, tức mười hai năm kể từ ngày Đại Úy Dreyfus bị kết tội, nước Pháp chính thức công nhận sai lầm trong vụ án này. Lúc đó, Emile Zola đã qua đời được bốn năm.

Có thể vì nước Pháp của một trăm năm trước đã có sự tự do ngôn luận hơn nước Việt Nam ngày nay hay cộng đồng Việt Nam hải ngoại ngày nay, nên Emile Zola mới có thể *phản ứng trực diện* với những bất công của cả nước đối với một người. Và mặc dù ông cũng đã thực sự đương đầu với khó khăn và nguy hiểm, chúng ta cũng cứ giả thử là những khó khăn hay nguy hiểm này thật ra chẳng thấm gì so với chuyện cắt khẩu phần, đi học tập, hay chuyện lên án, chụp mũ. Do đó, Emile Zola đã không cần phải viết truyện ngắn, truyện dài, và tìm cách chuyển thông điệp đến cho người Pháp một cách kín đáo. Không biết cắt nghĩa như vậy có đúng không, nhưng nếu có thì cũng phải đúng một cách chua chát. Cũng chính vì vậy mà ngày nay, nếu chúng ta có những nhà văn dám nói một cách vòng vo phản ứng của mình đối với những bất công mà một người, hoặc một tập thể nhỏ đã gây ra cho cả muôn người, hay cho cả nước, thì như vậy cũng đáng mừng cho chúng ta lắm rồi.

Như vậy thì cũng vẫn còn lại một điều: Muốn nói vòng vo thì cứ nói vòng vo, *việc gì phải đem ông Nguyễn Huệ ra làm phương tiện?*

*

Như đã nói trên đây, chúng ta, ai cũng có quyền không đồng ý với người khác về những nhận định hay trình bày về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Huệ. Tôi không muốn nói đến Nguyễn Huệ như một anh hùng dân tộc. Tôi chỉ muốn nói đến Nguyễn Huệ như một con người thật, như triệu triệu con người thật khác. Và, theo thiển ý, cho dù ông sống cách đây hai trăm năm, ông vẫn có quyền được *hiện diện một cách trung thực* và được dành cho sự kính trọng mà những người hiện hữu ngày hôm nay luôn luôn đòi được hưởng.

Trong thực tế, Nguyễn Huệ không được hưởng nhiều lắm. Chết rồi mà quan tài còn bị quật lên, và những gì người khác xử với ông sau đó sách vở cũng đã nói đến nhiều. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh một điều: Những sử gia trung thành với nhà Lê, dù thù ghét Nguyễn Huệ đến đâu, khi viết về ông ta vẫn không viết quá tay. Những sử gia triều Nguyễn cũng vậy, mặc dầu

những những người này không hề khách quan chút nào khi viết về Nguyễn Nhạc. Những điều xấu xí nhất về nhân cách được gán cho Nguyễn Huệ, cho đến nay, chỉ thấy có trong *Phẩm Tiết* của Nguyễn Huy Thiệp và *Mùa Mưa Gai Sắc* của Trần Vũ.

Hai truyện ngắn đó là những sáng tác phong phú, xuất sắc, cá biệt. Những sáng tác "không" và "không thể" "bôi nhọ anh hùng dân tộc". Người đọc tinh ý thừa sức thấy rõ điều đó. Chẳng những vậy, nhân vật được gọi tên là Nguyễn Huệ được xây dựng với những nét rất sắc, rất mạnh, và rất độc. *Nhưng người đọc cũng "tán đởm" vì những nét đó.* Không vì đó là một nhân vật a - b - c của truyện, mà vì đó là một nhân vật a - b - c của lịch sử, hay nói đúng hơn, vì đó là một nhân vật có thật và có như mọi người đều biết. Ở đây, người đọc không thấy được sự công bình cũng như không hiểu được sự gán ghép để có một cách hư cấu như vậy. Câu hỏi, do đó, vẫn là: *Tại sao phải là Nguyễn Huệ?*

TRƯƠNG VŨ
(Tháng 5, 1992)

---

(1) Trần Vũ, *Mùa Mưa Gai Sắc*, Hợp Lưu số 4 (tháng 4, 1992)

(2) Nguyễn Huy Thiệp, *Phẩm Tiết*, "Nguyễn Huy Thiệp: Tác Phẩm Và Dư Luận", nhà xuất bản Trẻ - Tạp chí Sông Hương (1989)

(3) Đại diện cho quan điểm này là nhà sử học Tạ Ngọc Liễn, qua bài *Về Mối Quan Hệ Giữa Sử Và Văn*, trong sách đã dẫn ở chú thích (2)

(4) Xem Văn Tâm, trong bài *Đọc Nguyễn Huy Thiệp*, cũng trong sách đã dẫn ở chú thích (2)



LÊ THỨ

gã hát rong nhiều hệ lụy...

- Cháu có dám mơ mộng không ?
Chú bé gật đầu quả quyết:
- Có.
Nhà thơ mỉm cười:
- Vậy cháu bất hạnh.
Nguyễn Huy Thiệp (truyện ngắn *Sang Sông* — 12-1991)

Tôi không tin do ngẫu nhiên mà thời gian sau này "vấn đề" Trịnh Công Sơn lại được nhắc tới đó đây. Từ những bài bình luận về sinh hoạt văn học nghệ thuật (1) cho đến những trao đổi trên các mạng lưới thư điện tử (electronic mail). Tôi nghĩ, đó là hệ quả xa gần của sự có mặt — còn rất rõ, sừng sững — của Trịnh Công Sơn, hoặc *hiện tượng* Trịnh Công Sơn, trong cuộc sống chúng ta. Hơn nữa, những chuyển biến gần đây trên thế giới, và trong nước, tự chúng đã manh nha hình thành, ngày càng rõ, yêu cầu về một nhận thức về tình thế - hôm qua, hôm nay, và sắp tới - cũng như cách ứng xử cho mỗi người đối với các vấn đề về quê hương.

Nhưng, tại sao lại là *Trịnh Công Sơn*?

Tôi sẽ thử trả lời câu hỏi này bằng những suy nghĩ chủ quan, từ kinh nghiệm và tầm nhìn nhỏ hẹp của mình, về TCS.

Tôi đã không có cái may mắn tìm gặp Trịnh Công Sơn, lúc đầu, qua những ca khúc tình yêu tuyệt vời của anh. TCS thuộc thế hệ đàn anh của chúng tôi. Ngày anh bắt đầu viết những ca khúc tình yêu, nổi tiếng sau này, của anh, tôi và đám bạn trang lứa còn phải vật nhau với hai cái bằng tú tài để, theo cách nói của bà và mẹ tôi, khỏi đi lính. Cái mục tiêu đầu đời sao mà nhỏ nhoi, câu thúc. Tình yêu trai gái lúc bấy giờ nếu có vướng vất đâu đó trong tôi cũng chỉ là một thứ "thương vay, khóc mướn", nếu không phải là thứ tình yêu "hàm thụ" mà thôi. Tôi chưa có cái diễm phúc/bất hạnh để mà yêu một "Diễm hôm nay" sâu đậm, hết mình, thì tìm đâu ra một Diễm xưa để "nghe đời biển động"...

Những năm sau đó, tôi đã đến thẳng với Trịnh Công Sơn qua những ca khúc nói về quê hương và chiến tranh của anh. Tự nhiên và có phần nào vồ vập như một nhu cầu, hẳn nhiên như hệ luận của một định lý đời mà *định mệnh chính trị* đã mở ra ngay trước mắt tôi. Đó là những năm nửa sau của thập niên 60. Cơn trốt chính trị đã ru chúng tôi mệt nhoài với những "voi giấy, ngựa giấy tít mù nó chạy vòng quanh". Và cũng trong cơn trốt xoáy ấy, biết bao thần tượng sụp đổ, vấn đề quê hương, chủ quyền, dân tộc trở thành thiết thân. Và, để rồi hôm nay, ngoái nhìn lại, tôi lại chọn một vấn đề không mấy trữ tình để viết về anh. Âu cũng là cái [vô] duyên của tôi với TCS!

*

"Tôi chỉ là tên hát rong đi qua miền đất này
để hát lên những linh cảm của mình
về những giấc mơ đời hư ảo."
Trịnh Công Sơn

Trịnh Công Sơn, bởi vì tình yêu quê hương trong những ca khúc của anh đậm đà và tha thiết quá. Và, mỗi lần đứng trước một biến động, hay bắt gặp dấu hiệu đổi thay của tình thế, đối diện một chọn lựa có tính cách một thái độ "chính trị", lắm người trong chúng ta lại tìm lại với tình tự dân tộc thâm sâu trong lòng mình. Và, vừa hé mở cánh cửa là ta lại thấy bóng dáng TCS ở đó. Như một bạn đồng hành, như một thực chứng, như một bất bình, như một lần lầm lỗi, hay có khi là một vấn nạn còn mới nguyên.

Ở TCS, khả năng mơ mộng đến cùng, cảm nhận niềm đau nhân thế đến tim mình ứa máu, và dự tưởng bay bổng đến những cõi chưa hề đến, như quả thật đã được hòa trộn và nâng lên thành những "linh cảm" như anh đã nói. Khi TCS than van, đau đớn đến nổi cuồng vì thảm cảnh:

Người Việt nhìn sao xa lạ
Người Việt nhìn nhau căm thù

Thừa đôi tay, dư làn môi
Từ nay tôi quên hết tiếng người

trong tận cùng đổ nát đó, anh vẫn linh cảm về một quê hương thanh bình:

Đêm mai này hỏa châu hết sáng
Cho mẹ thấy tương lai đàn con

và ao ước

Khi đất nước tôi thanh bình
tôi sẽ đi không ngừng
Saigon ra Trung, Hà Nội vô Nam

Tôi sẽ đi không ngừng
và mong sẽ quên chuyện non nước mình

để hết thấy và được quên đi cái thảm kịch:

Em chưa hát ca dao một lần
Em chỉ có con tim căm hờn

và

Trẻ con chưa lớn để thấy quê hương...

Ôi cái ước mơ của một kẻ mong được làm dân một nước "không có lịch sử". Hạnh phúc của một người mất trí nhớ. Còn gì sung sướng cho bằng một ngày nào đó ta được quên tất cả những khổ đau của một lần phân tranh, để tìm lại cho mình con người thân yêu.

Từ đó, tiếng kêu đòi hoà bình là tiếng kêu tối hậu của một thời thế, của một kiếp nhân sinh. Trịnh Công Sơn, gã hát rong, với lương năng của mình đã tiếp thu, chắt lọc đến thăng hoa tiếng kêu trầm thống đó, chuyển nó thành cung bậc và ký gởi trở lại trong tâm khảm của những con người nơi xóm mạc mà anh đã đi qua. Lời ca tiếng hát của anh trở về với gốc gác của nó, lấp lánh, trong veo... Yêu anh, chính vì người nghe nhìn ra thân phận mình, trong thân phận quê hương đọa đày...

Một kẻ hát rong lừng lẫy khác đã viết về TCS: "Nhạc TCS là nhạc nói về QUÊ HƯƠNG, TÌNH YÊU, và THÂN PHẬN CON NGƯỜI". "TCS muốn nói lên nỗi đau con người trong cuộc sống hiện đại, có tình yêu, có chiến tranh, có hận thù, có cái chết dễ dàng như *chết trong mơ*. Anh ca tụng tình yêu và — như bất cứ nghệ sĩ nào ở trên đời này — anh chống bạo lực và chống chiến tranh".

(Phạm Duy — *Hồi Ký - Thời Phân Chia Quốc Cộng*, PDC Musical Productions, 1992)

Cuối cùng rồi, đặt lại "vấn đề" TCS cũng chính là nhìn lại những gì làm chúng ta động lòng, trước cảnh huống của quê hương. Vấn đề thân phận của quê hương dân tộc, sau mười bảy năm im tiếng súng, chẳng những không ngơi niềm thôi thúc, mà hình như còn cấp bách hơn bao giờ hết...

Tại sao mãi cho đến giờ này vết thương cũ vẫn chưa lành? Tại sao tiếng nói oán hờn, những lời kêu thương vẫn còn chỗ đứng trong tim ta ? Mười bảy năm lẽ ra đã đủ cho đứa trẻ sơ sinh của năm 1975 chuẩn bị vào đời. Thời gian đủ dài để các em bé của câu thơ Bằng Việt:

Mỗi em bé phút này tung tăng vào lớp một
Đều sinh trong thời có triệu tấn bom rơi

(Đất nước, 1973)

đủ lớn, vào tuổi thành nhân, sẵn sàng đem bàn tay và khối óc ra đóng góp cho đời. Ác thay, thực tế cuộc sống không yên lành, đẹp tươi như ý nguyện.

Tôi không nghĩ phần đông chúng ta đã chọn con đường lầm lũi với quá khứ và ký ức, để nâng niu và vun vén hoài những hờn căm. Tôi cũng không nghĩ chúng ta đã đành lòng quay lưng lại thực tại quê hương, để cho mình bị kéo xuống bằng chính túi hành trang riêng tư nặng nề quá khứ. Tôi không nghĩ số đông chúng ta thật sự là những kẻ sống cho — và bằng — màu cờ sắc áo. Quê hương là quê hương. Ta không vui, lòng ta còn ngổn ngang buồn giận, vì mười bảy năm qua lại chất chồng thêm khổ đau, oan trái mới. Chúng ta còn muốn và cần nói tiếng nói bất bình vì hệ quả của những lầm lỗi, ác tâm, hẹp hòi, ngu dốt. Vì cuộc viễn trình của cả một dân tộc đã chạy lạc đường thế kỷ do một đầu tàu cổ lỗ, hư hao, lèo lái bởi người lái tàu mộng du... Làm sao lành lặn lại thịt da khi những vết thương mới lại nằm chồng lên vết thương năm xưa ?

*

Trịnh Công Sơn, bởi vì hệ luỵ đã cột anh lại với đời, với người, với một cõi bụi lầm anh vẫn còn quanh quẩn đi về. Ôi, cái hạnh phúc đứt ruột của một hành giả hiếu sự còn yêu mê cái nồng cay của một lần náo nức được thực chứng những gì mình linh cảm.

Như đã nói, Trịnh Công Sơn là một kẻ dám mơ mộng. Và do đó, trong những ngày tháng Tư đầy biến cố ấy — qua suy diễn chủ quan của tôi — anh đã phản ứng bằng chính nỗi ước mơ của mình. Đây rồi, cái "mai này" của những Ca Khúc Da Vàng, của Kinh Việt Nam. Trong cái "đêm bây giờ" của linh cảm, anh muốn nhập thân vào niềm mơ ước lớn của dân tộc anh, hiển hiện qua bè bạn thân yêu, tin cậy quanh mình, để bước qua một thời khổ đau, thời có "người chết hai lần, thịt da nát tan".

Nếu có thể công bằng với TCS hơn, có lẽ cần nhắc tới một số không nhỏ những người, cũng như anh, đã kỳ vọng vào một vận hội mới cho dân tộc. Có rất nhiều thầy học của tôi, ở đại học, đã ở lại, đã mong đợi — dù trong thấp thỏm âu lo — một đổi thay sáng sủa hơn. Và trong mười bảy năm qua, có vị đã phải buồn bã ra đi, có vị đã trả giá rất đắt cho một lần chọn lựa, và cũng có vị vẫn còn tiếp tục kiên trì, trong muôn vàn khó khăn, để theo đuổi niềm kỳ vọng của mình. Điều đáng lưu tâm, là khi các vị ấy nói về thái độ và hoàn cảnh của nhau, mỗi người đã cố hết sức để đặt mình vào hoàn cảnh cụ thể của đồng nghiệp để mà hiểu cho nhau. Vì muốn bám lấy quê hương mình, người ta phải gieo vào đó hạt giống ước mơ. Để có một ngày mai mà ao ước, một mùa thu hoạch mới mà đợi mong...

Hãy chôn vào quên lãng
nỗi đau hay niềm cay đắng,

Đời nhẹ nâng bước chân em...

Có người trách cứ TCS rất dữ về thái độ và hành động của anh trong giai đoạn này. Tôi lại nghĩ khác hơn. Nếu những người — rất nhiều người — như TCS đã có được tiếng nói, và được chấp nhận, trong nỗ lực xây dựng một xã hội Việt Nam ngay sau chiến tranh thì xã hội nước ta may ra đã có được một bộ mặt nhân đạo hơn. Thế nhưng, thực tế đã không xảy ra như vậy. Và đó là một thất bại. Không phải là thất bại của TCS, mà là của cái thế lực chính trị chủ đạo của Việt Nam thời bấy giờ. Chế độ đã khước từ, phá nát và chà đạp lên những mơ ước chân thành và thiết thân của bao triệu con người Việt Nam, từ Nam chí Bắc, trước một vận hội lớn của dân tộc.

Dĩ nhiên, nhìn lại, sẽ có nhiều người cho mình quyền cười cợt, hoặc thống trách về sự ngây thơ của một cách nghĩ. Tôi đoán, như một người trách nhiệm về hành vi của mình, TCS chẳng quản ngại gì điều đánh giá ấy. Tôi còn hình dung ra sự hả hê của anh vì anh đã thử lửa. Anh đã không đứng bên rìa cuộc sống làm người hiền giả đê mê với cái "túi khôn" và đôi bàn tay "sạch sẽ" của mình.

Về cuộc dấn thân khá ngắn ngủi đã lần nữa biến anh thành mục tiêu của những chê trách, thù ghét, kết án, hoặc cảm thông, bênh vực, có lẽ chỉ có TCS là có đủ tư cách để trả lời (hoặc không trả lời) dư luận.

Riêng tôi, xin nói rằng tôi cũng không đồng tình với những người, vì quá yêu TCS, đã cố biện bạch về cái vị thế phi-chính-trị (apolitical) của anh (Cho dù, tự thân anh không thể nào là một con người chính trị). Rất khó mà biện bạch như vậy. Vì trong bối cảnh những ngày tháng Tư năm 1975, và sau đó nữa, đối với nhiều người, nhất cử, nhất động đều mang một ý nghĩa chính trị. Nói hay im là chính trị. Nói thế này hay nói thế khác là chính trị. Đi hay ở là chính trị. Khen hay chê là chính trị. Không khen hay không chê cũng là chính trị. Biết làm sao khác hơn được?

Trong nước, khi TCS hát:

Mỗi ngày tôi chọn một đường đi

anh lính cầm bảng chỉ đường, canh gác một thứ *đường riêng* giật mình hô hoán: chính trị.

Ngoài nước, khi TCS hát:

Em ra đi, nơi này vẫn thế
Vẫn có em trong tim của Mẹ,
Thành phố vẫn có những giấc mơ,
vẫn sống thiết tha, vẫn lấp lánh hoa trên đường đi...

anh lính chỉ đường khác, đang miên man nói về một miền u ám, lưu đày, hốt hoảng báo động: chính trị.

Nói TCS không chính trị còn hàm ý nhận rằng có điều gì đó không ổn trong thái độ và hành động của anh, nếu nhìn dưới góc cạnh TCS công dân. Tôi chưa hề ngạc nhiên vì có ai đó không đồng tình với TCS, hoặc ngay cả chống lại thái độ và chọn lựa của anh. Chẳng phải đó là tự do riêng của mỗi người hay sao? Huống chi, cái cảnh quan chính trị Việt Nam, sau hơn nửa thế kỷ biến động, đã dễ gì cho ta có cái nhìn giống nhau. Mỗi người, và mọi người, đều có quyền phê phán TCS, gã hát rong vẫn còn quẩn quanh đâu đây trong cuộc sống của họ.

Nhưng, tôi cũng chưa hề tin rằng đã có một thứ chân lý phổ quát, rạch ròi, khẳng định rằng lập trường và thái độ của những người chê trách TCS — có khi đi đến nặng lời, thóa mạ anh — là đúng hơn những gì anh đã làm, đã nghĩ. Sau 75, ngay ở Việt Nam, đâu phải không có những nhà "cách mạng" đã đánh giá TCS một cách nghiệt ngã theo thế giới quan riêng của họ. Và đó không chỉ là tự do của họ, mà nó đã trở thành một thứ "chân lý" được phù trợ bởi quyền lực. Nghĩa là, nó có thể giáng họa hay tác phúc trên sự sống của TCS. Trộm nghĩ, hôm nay, mười mấy năm sau, nếu có một lần dám trung thực với lương tâm của mình, đọc lại lời cáo buộc cũ, liệu họ cảm thấy ra sao? Nếu bình tâm hơn, họ sẽ nhận ra sự khác biệt giữa những gì có giá trị vĩnh hằng và những gì là cát bụi, hoặc son phấn, một thời.

Như vậy, *Trịnh Công Sơn* còn có nghĩa là một lần nhập cuộc, nhập cuộc bằng niềm tin yêu và hi vọng trong sáng của mình, vì một ước mơ cho quê hương. Và phải chăng, trong cùng thẳm tâm hồn của nhiều người trong chúng ta, vì vậy mà "vấn đề" TCS lại đặt ra ngày hôm nay ?

Chiều ngày 15-3-1992, tại Saigon, TCS đã cùng với bảy người bạn nhạc sĩ của anh trong nhóm Những Người Bạn đã hát trước cả ngàn người nghe. Không phải chỉ có các bạn trẻ đến dự mà còn có khá nhiều người có tuổi. Bài hát mới của TCS "Con Mắt Còn Lại", dựa theo thơ của Bùi Giáng, rất được ưa thích.

(theo tin báo Tuổi Trẻ Chủ nhật — 22-3-92)

Xin được chấm dứt bài viết này với một mẩu chuyện thật nhỏ về Bob Dylan. Lại một kẻ hát rong (3).

Trong một chuyến lưu diễn, Bob Dylan vớ được quyển sách dày 278 trang viết về anh. Anh đọc qua quýt, xong trả sách lại, người chủ quyển sách ngỏ ý: nếu thích, Dylan có thể giữ sách làm kỷ niệm. Dylan nói :"Không. Tôi đã đi qua tất cả các nơi ấy và làm hết cả các việc ấy". Ngừng

một tí, anh thêm, với một chút cười mỉm: "Bây giờ nếu bạn tìm được quyển sách nào cho tôi biết được rằng tôi sẽ *đi đâu* thì có lẽ tôi muốn đọc hơn".

Tôi mong sao TCS sẽ không phải đọc những gì hạn hẹp tôi viết về anh. Con đường anh đi nằm trước mặt.

LÊ THỨ (tháng 4- 1992)

---

(1) — *Thí dụ như bài* "Về Chức Năng của Phê Bình và Lý Luận Văn Học", *Thế Kỷ 21 (4-1992) để góp ý với tác giả Thụy Khuê* ("Đập Vỡ Cái Ghetto", *TK21, 9-1991). Chỉ quanh bài viết này của Thụy Khuê không thôi cũng đã có một số phản ứng liên quan tới TCS.*

(2) — *Những lời ca dẫn không ghi rõ nguồn trong bài này trích từ ba tuyển tập ca khúc của TCS:*

a. Ca Khúc Da Vàng, *Cơ sở xuất bản Đại Nam, Hoa Kỳ in lại.*

b. Em còn nhớ hay em đã quên, *Hồng Lĩnh, Hoa Kỳ, xuất bản, 1991.*

c. Một cõi đi về, *Hồng Lĩnh, Hoa Kỳ, xuất bản, 1991.*

(3) — Dylan Now *(Robert Hilburn, Los Angeles Times Magazine, Feb. 9, 1992)*



ĐỖ LAI THÚY

hàn mặc tử: một hiện tượng độc đáo trong tư duy thơ việt nam

1. *Thơ mới* là sự tiếp nối một cách đứt đoạn dòng thơ trữ tình truyền thống - con sông cái trong hệ thống thủy văn văn học Việt Nam. Nếu Tản Đà, nhà thơ tài tử - kiện tướng cuối cùng, chạy đến hụt hơi mà vẫn không vượt qua được ngưỡng thơ mới, thì Hàn Mặc Tử là hiện thân sinh động cho sự tiếp tục cuộc chạy đua tiếp sức đó. Và điều cần thiết để bứt lên phía trước là lúc chạy khởi động ở cuối chặng đường thơ cũ, Hàn Mặc Tử dường như đạt tới tốc độ của Tản Đà.

Chuyển sang làm thơ mới, Hàn Mặc Tử cùng các nhà thơ khác như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương... tiếp tục đưa thơ trữ tình Việt Nam lên đỉnh cao mới. Điều này trước hết nhờ sự giải phóng cá nhân. Bởi lẽ, thơ trữ tình là sự chiếm lĩnh kinh nghiệm thực tại, thông qua *một* cá nhân cụ thể. Dòng thơ trữ tình truyền thống, từ Đoàn Thị Điểm đến Tản Đà, là sự vật vã quyết liệt và đau khổ để giải phóng cá tính, chống lại những quy phạm đã trở thành thiên la địa võng. Cuộc vật lộn trường kỳ đó được các nhà thơ mới kết thúc có khải hoàn ca, tuy còn đầy mặc cảm. Chưa bao giờ và chưa ở đâu như ở các nhà thơ mới, thâm cung bí hiểm của nội tâm được thăm dò ở nhiều tầng bậc như vậy. Sức mạnh của tiếng nói nội tâm đã phá vỡ những rào cản ngôn ngữ cũ để đưa ra những nhịp điệu mới làm biến đổi cả ngôn từ, thể thơ và các phương tiện biểu hiện khác.

Tuy nhiên, những thành tựu trên là chung của cả "một thời đại thi ca". Riêng Hàn Mặc Tử, đóng góp của ông, chỉ xét ở *khía cạnh trữ tình*, so với những người cùng thời đã có nhiều *khác lạ*.

Nếu Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Bính là dòng lãng mạn thuần khiết; Nếu Xuân Diệu, và nhất là Huy Cận, là dòng lãng mạn được cườm vào những yếu tố tượng trưng... thì Hàn Mặc Tử là sự hòa sắc của cả lãng mạn, tượng trưng, thậm chí siêu thực nữa. Dĩ nhiên, một căn cốt Đông phương thâm hậu đã làm cho tượng trưng của ông có bóng dáng tượng trưng Đường thi, và xa hơn nữa là tượng trưng Thiền, còn siêu thực thì đậm nhạt một màu sắc Liêu Trai. Điều này tạo nên sự riêng biệt, vừa phong phú vừa sâu sắc, trong phong cách trữ tình của thơ Hàn Mặc Tử.

Trữ tình Hàn Mặc Tử là *gợi cảm* chứ không phải *truyền cảm*. Nhà thơ không truyền thẳng cảm xúc của mình tới độc giả nhờ phương tiện ngôn ngữ, mà bằng bản thân ngôn ngữ thức dậy thứ năng lượng đó vốn tiềm ẩn trong mỗi độc giả, vì vậy mà cảm giác thẩm mỹ của người đọc no đủ hơn, sâu sắc hơn bởi như tránh được một sự áp đặt từ bên ngoài.

Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu / Đợi gió đông về để lả lơi / Hoa lá ngây tình không muốn động / Lòng em hồi hộp chị hằng ơi! Nhà thơ ở đây đã phóng chiếu những rạo rực bản năng ra ngoài vũ trụ. Cái nhìn của ông ve vuốt, mơn trớn cả tạo vật. Cảm giác này được thi nhân thể hiện theo lối ứng xử phương Đông *vừa lộ liễu vừa kín đáo*, khác với lối nói trực tiếp của Xuân Diệu (*Hãy sát đôi đầu! / Hãy kề đôi ngực! / Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài! / Những cánh tay ! Hãy quấn riết đôi vai! / Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt!*). Hàn Mặc Tử đã giăng mắc một mạng lưới các danh từ như *trăng, chị hằng, gió, hoa, lá...* và những từ chỉ động thái *nằm sóng soãi, ngây tình, hồi hộp, lả lơi...* Những từ này, nếu đứng riêng rẽ thì không làm sao, nhưng một khi đứng cạnh nhau thì lập tức làm người ta nhớ đến những cụm từ khác chuyên dùng để chỉ chuyện tình ái như *gió trăng, trăng hoa, phong tình, trêu hoa ghẹo nguyệt...* Nghĩa là chúng đã thu phát xạ để tạo nên một trường ngữ nghĩa, khiến mỗi yếu tố ngôn ngữ trong đó đều lấp lánh cái hàm nghĩa ái ân. Cảm xúc được gợi lên từ những tín hiệu ngôn ngữ, nhờ liên tưởng, cứ lan truyền đi xa mãi như những làn sóng.

Nếu các nhà thơ cổ điển *nhìn thiên nhiên* như nhìn vào tấm gương phản chiếu để tự nhận thức mình với tư cách là một bộ phận của nó, một tiểu vũ trụ, thì các nhà thơ lãng mạn chỉ sử dụng thiên nhiên như một đối tượng hưởng thụ, hoặc một công cụ để giải bày nội tâm. Thiên nhiên trong thơ Xuân Diệu thường đóng vai trò yếu tố khai thác hay nghiệm chứng cho những ý tưởng sáng tác của ông. Nhà thơ thường lồng trăng vào những dòng tư tưởng có tính cách triết lý (*Trăng sáng trăng xa, trăng lạnh quá / Hai người nhưng chẳng bớt bơ vơ*), hay nói đúng hơn, vào một thế giới trữ tình, mà trong đó có những diễn biến, nếu muốn có thể giải thích thuần nhất theo một ý hướng tâm lý của cảm giác (Vầng trăng trong *Lời Kỹ Nữ*). Hàn Mặc Tử, ngược lại, thường trình bày trạng thái tĩnh của thiên nhiên như một họa điệu của hồn ông, đồng thời chi phối nó trong một nét tương quan thủy chung thanh thoát. Cho nên khi Hàn Mặc Tử khéo léo đưa vào trạng thái tĩnh ấy những chuyển động hững hờ, thì ông dễ dàng thành công với việc đặt các yếu tố *động* ấy vào môi trường ngoại ý thức để làm cho các yếu tố đó chỉ đóng vai trò làm nổi bật trạng thái tĩnh (các bài *Đà Lạt Trăng Mơ; Huyền Ảo...*). Nhờ vậy, Hàn Mặc Tử đã tạo ra được một cách thuần khiết thế giới thơ của riêng ông: khi ông vẽ lên bối cảnh thiên nhiên thì đồng thời chính ông cũng *tan biến* vào thiên nhiên. Đặc điểm này về sau trong "giai đoạn *Đau Thương*" còn được đẩy lên một bước nữa: nhà thơ đã làm mất luôn cả bối cảnh thiên nhiên ấy để thế giới thơ ông trở thành vô thường.

Tính chất vô thường của thế giới thơ Hàn Mặc Tử còn gắn với *Nghệ thuật siêu thực* trong thơ ông. Dĩ nhiên, ở Hàn Mặc Tử siêu thực mới chỉ là *yếu tố* chứ chưa phải là *chủ nghĩa*, nhưng trong các nhà thơ Việt Nam bấy giờ không ai đậm chất siêu thực như ông. Hãy xem, cặp mắt "*đau thương*" của nhà thơ nhìn một bông hoa: *Sao bông phượng nở trong màu huyết / Nhỏ xuống lòng tôi*

những giọt châu? Còn đây là một tâm trạng khác của nhà thơ: *Tôi ngồi dưới bến đợi nường mơ / Tiếng rú ban đêm rạng bóng mờ / Tiếng rú hồn tôi xô vỡ sóng / Rung tầng không khí bạt vi lô / Ai đi lững thững trên làn nước / Với lại ai ngồi khít cạnh tôi...* Theo Quách Tấn kể lại thì một khuya mùa đông, Tử ngồi ngắm trăng một mình trên biển. Vắng chi là vắng. Bỗng có một bóng người đến ngồi khít bên Tử. Từ bóng ấy đi ra bóng nữa... Điều này có thực hay không không quan trọng bằng những hình tượng thơ của Hàn Mặc Tử đã tạo ra một thế giới siêu thực, ảo hóa giúp ta thâm nhập vào trạng thái tâm hồn chân thực của thi nhân.

Tại sao thơ Hàn Mặc Tử lại giàu yếu tố siêu thực như vậy? Có thể tiến trình thơ mới mười lăm năm là sự thu gọn và tái diễn hơn một thế kỷ thơ Pháp. Sau lãng mạn sẽ đến tượng trưng và siêu thực. Hàn Mặc Tử, tuy tự mình đi một mạch từ cổ điển đến siêu thực, nhưng thơ ông chín rộ vào quãng gối đầu giữa tượng trưng và siêu thực. Hơn nữa, điều này quan trọng hơn, là tạng thơ của Hàn Mặc Tử. Kiểu tư duy, khí chất và bệnh tật làm cho ông luôn luôn phân thân. Giấc mơ và hoang tưởng. Do vậy, điều thực với ông không phải là *thủ pháp kỹ thuật*, mà là *bản chất sáng tạo* của thơ ông.

2. Nếu Nguyễn Trọng Trí là một tín đồ Thiên chúa giáo thì Hàn Mặc Tử lại là một nhà thơ. Với nhà thơ thì nghệ thuật là tối thượng, là đạo. Nhưng nhà thơ ấy lại không thể không liên quan đến vị tín đồ kia, nhất là trên phương diện hình thành *nhân cách* và *kiểu tư duy*. Hơn nữa, Hàn Mặc Tử với tư cách là một nhà thơ coi tôn giáo với tất cả tinh thần của chữ ấy là một cái gì đời đời vĩnh hằng và tuyệt đích của nghệ thuật (Tựa tập thơ *Tinh Huyết* của Bích Khê). Với một quan niệm tôn giáo như vậy, những Chúa, những Phật, những Tây Vương Mẫu... chỉ là những ký hiệu, những biểu tượng cụ thể của cái duy nhất, cái vĩnh hằng. Đến với Hàn Mặc Tử, từ cạnh khía tư duy, tư duy tôn giáo, là hợp lý hơn cả. Điều đó chẳng những khắc phục sự tranh chấp bất phân thắng phụ về vấn đề "Hàn Mặc Tử có phải là nhà thơ tôn giáo hay không?" mà còn cho phép thâm nhập vào bản chất nghệ thuật của nhà thơ. Dĩ nhiên, tôn giáo là một hiện tượng đa tạp, có khoảng sáng và có vùng tối, có thoát tục và trần tục, nhất là với tư cách là một thiết chế xã hội. Ở đây chúng tôi chỉ xét tôn giáo trên phương diện thuần túy lý luận là một kiểu tư duy.

Tư duy ma thuật, và chừng nào đó là tư duy huyền thoại, do tính chất đa thần, đã xé vụn thế giới ra thành những mảnh riêng rẽ.(Tục ngữ: *đất có thổ công, sông có Hà Bá*) Còn với tư duy tôn giáo, do tính chất độc thần, thế giới vỡ vụn đã được thống nhất trở lại. Nhờ đó, con người mới có điều kiện để nhận thức bản chất thế giới, trả lời những câu hỏi mang tính chất toàn nhân loại như nguồn gốc vũ trụ và con người, ý nghĩa của cuộc sống và cái chết... Tôn giáo, do đó, đóng vai trò *cơ chế tư tưởng* chuyển những giá trị riêng tư, cá nhân, dân tộc, khu vực thành những giá trị chung, thế giới, nhân loại. Phật giáo coi mọi người đều có chung một thân phận là ai nấy cũng đều phải gánh chịu tứ khổ: *sinh, lão, bệnh, tử*. Do đó, ước mơ được vớt khỏi bể khổ không là của riêng ai. Coi mọi người bất kể sang hèn, giàu nghèo đều có Phật tính, nghĩa là có khả năng trở thành Phật, là một tư tưởng bình đẳng, nhân đạo. Thiên chúa giáo cũng thừa nhận mọi người đều bình đẳng trước Chúa, vì giá

trị của mỗi người là ở bản thân hành động của anh ta, chứ không phải ở tài sản, địa vị.

Như vậy, xét trên khía cạnh tư duy tôn giáo, các nhà thơ - thiền sư Lý - Trần (Phật giáo) và Hàn Mặc Tử (Thiên Chúa giáo) đều có trong tay một công cụ như nhau (cơ chế tư tưởng) để nhân loại hóa thơ mình. Đó là sự *giống nhau* ở họ. Còn sự *khác nhau*, trước hết và chủ yếu, là ở những sự khác nhau giữa Phật giáo và Thiên Chúa giáo. **Một là**, con người trong mắt các nhà thơ Thiền là con người cá nhân, cụ thể. Thiên Chúa giáo coi trọng cá nhân, nhìn con người như một cá nhân là do việc xưng tội buộc nó phải đánh giá, phán xét tâm hồn, hành vi con người một cách riêng tư. Tín đồ Thiên Chúa giáo tự chịu trách nhiệm trước Chúa và bản thân mình, với tư cách cá thể. **Hai là**, các nhà thơ Lý - Trần coi *Hữu, Vô* như nhau, sự sống, cái chết như nhau (Vạn Hạnh: *Thân như điện ảnh hữu hoàn vô*). Bởi vậy họ coi thường *thân*, thân là *không*, cái thân hiện ra, tức *sắc thân*, chỉ là *ảo*. Hàn Mặc Tử, ngược lại, rất coi trọng cuộc sống và cái chết, coi trọng *thân xác*. Tóm lại, nguyên cớ cơ bản khiến Hàn Mặc Tử *khác* và cũng là *mới* hơn các nhà thơ Lý - Trần là ở *tính chất cá nhân* đến với ông bằng hai nẻo: Thiên Chúa giáo và nền văn minh phương Tây được xây dựng trên cơ sở Thiên Chúa giáo.

Chính tư duy Thiên Chúa giáo đã làm cho sáng tác của Hàn Mặc Tử có một cấu trúc nội tại, không những ở cấp vĩ mô (toàn bộ các tác phẩm), tạo nên một vũ trụ thống nhất, hoàn chỉnh. Theo nhà nghiên cứu Đặng Tiến thì *Gái Quê* là thế giới đợi chờ điềm lạ, đợi chờ Chúa ra đời, *Đau Thương* là tâm hồn mong mỏi Chúa trở lại. Trong *Đau Thương*, Hàn Mặc Tử chấp nhận bệnh tật như là nguyên tội, là "phương tiện thân xác" mà Chúa đã dùng để cứu thế. Bệnh tật là sự tham gia vào công đức cứu rỗi, là nối liền người bệnh với bản thân Chúa-hiện-làm-người. Còn *Xuân Như Ý* là thế giới khải huyền; con người rũ sạch được tội lỗi *Đau Thương* (tạp chí Văn, số 179, năm 1971). Như vậy, trên bình diện cấu trúc tác phẩm, sáng tác của Hàn Mặc Tử, một cách vô thức, đã "minh họa" cho con đường cứu rỗi của Thiên Chúa giáo, hành trình tác phẩm của ông là hành trình đi tìm một giải pháp cho *Đau Thương*. Các tôn giáo Á Đông cũng đi tìm một giải pháp cho *Đau Thương*. Phật giáo coi cuộc đời là bể khổ, mà nguồn gốc của đau khổ là dục vọng. Cho nên, diệt dục là con đường cứu khổ cứu nạn. Lão giáo thì đưa ra thuyết vô vi, sống theo tự nhiên thì sẽ sửa chữa được những lầm lạc của người đời. Chỗ gặp nhau của những tôn giáo lớn - những tư tưởng lớn là ở đây. Hạt nhân triết học của những tôn giáo lớn cũng là ở đây.

Tư duy tôn giáo đã là một công cụ hữu hiệu để nâng cánh cho trực giác nghệ thuật tuyệt vời của thi nhân bay cao, bay xa vào cõi siêu hình. Nhà thơ có một cái nhìn vũ trụ trong tính toàn thể, tính siêu việt của nó với một xúc cảm tràn đầy: *Mới hay cõi siêu hình cao tột bực / Giữa hư vô xây dựng bởi trăng sao / Xa lắm rồi, xa lắm, hãi dường bao!... / Ai tới đó chẳng mê man thần trí / Tòa châu báu kết bằng hương kỳ dị / Của tình yêu rung động bởi hào quang / Những cù lao trôi nổi xứ mênh mang / Sẽ qui tụ thâu về trong một mối / Và tư tưởng không bao giờ chắp nối...* Bức tranh vũ trụ được thi sĩ dùng trực giác vẽ ra tưởng như đã gặp đâu đó trong một cuốn sách thiên văn học hiện đại nào. Con người bay vào vũ trụ (*Cõi siêu hình cao tột bực*), thoạt tiên còn có cảm giác cô đơn, nhỏ bé trước sự bao la (*hãi dường bao!*), nhưng rồi thần trí

mê man trước vẻ châu báu của vũ trụ, cuối cùng là sự hòa hợp giữa con người và vũ trụ, vũ trụ là thống nhất (*Những cù lao trôi nổi xứ mênh mang / Sẽ qui tụ thâu về trong một mối*), nên tư duy của con người, cái phản ánh của vũ trụ, cũng mang tính thống nhất (*Và tư tưởng không bao giờ chắp nối*). Bài thơ cho thấy Hàn Mặc Tử đã đạt tới một *tinh thần tôn giáo - vũ trụ* (khái niệm của A. Einstein): đó là toàn thể tính của thế giới và nhất tính giữa con người và thế giới.

Hàn Mặc Tử thường quay về với cội nguồn, với mùa *xuân đầu tiên* của trời đất và của con người. Dường như ông tìm thấy ở đấy sự nhất tính nguyên sơ giữa con người và vũ trụ - căn nguyên của mọi nghệ thuật, châu báu mà con người đời sau đã đánh mất trong biển thời gian, và chỉ còn giống thi sĩ là có công ngụp lặn, mò tìm: *Thuở ấy càn khôn mới dựng nên / Mùa thơ chưa gặt tốt tươi lên / Người thơ phong vận như thơ ấy / Nào sẽ ra đời ngọc biết tên.*

Nhờ tinh thần tôn giáo - vũ trụ đó, các bài thơ xuân của Hàn Mặc Tử (*Mùa Xuân Chín, Xuân Đầu Tiên, Đêm Xuân Cầu Nguyện*) chẳng những giữ được vẻ trinh nguyên của đất trời, mà còn đượm một cảm giác huyền bí thiêng liêng của cuộc đời. Đó là ánh thiều quang khác lạ của thơ Hàn Mặc Tử so với thơ xuân của các thi sĩ cùng thời.

3. So với thơ của các thi sĩ cùng thời như Xuân Diệu, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương... thơ Hàn Mặc Tử có một sự khác về *chất*. Đó là *tư duy tôn giáo kết hợp nhuần nhuyễn với chất trữ tình trên cơ sở cái tôi cá nhân hiện đại*. Tính ưu việt của "hợp chất" mới này thể hiện ở những khía cạnh khác nhau: **Một là**, tư duy tôn giáo với tính hệ thống chặt chẽ của nó làm cho các yếu tố tượng trưng, cổ điển của thơ Đường, tượng trưng tôn giáo, lãng mạn, siêu thực... vốn rời rạc, lẻ tẻ trước đây được kết thành một cấu trúc nghệ thuật hoàn chỉnh. **Hai là**, con người cá nhân cá thể hiện đại kết hợp với con người siêu cá thể trung đại làm cho *cái nhìn con người* trong thơ Hàn Mặc Tử vừa có chiều sâu, thậm chí tầng sâu vô thức, vừa có chiều rộng, chiều phổ quát toàn nhân loại, đồng thời có chiều cao tâm linh. Hàn Mặc Tử đã phá vỡ tính chất nguyên phiến tạo ra con người đa chiều kích. Con người, với thi nhân, không chỉ là *một*, mà là *hai*, thậm chí *vô số*. Nếu Cao Bá Nhạ trong *Tự tình Khúc* thấy "trong một mình bảy tám biệt ly", thì Hàn Mặc Tử còn thấy một sự phân thân, hóa thân sinh động hơn: "Bóng ai theo dõi bóng mình, Bóng nàng yêu tinh, Nụ cười như tiếng vỡ pha lê". Với cách nhìn con người từ bên trong như vậy, Hàn Mặc Tử báo hiệu sự ra đời của chủ nghĩa nhân văn mới, phi cổ điển. **Ba là**, yếu tố siêu thực và chất tôn giáo đã làm cho thơ Hàn Mặc Tử mang tính chất huyền bí của cuộc đời. "*Điều đẹp nhất mà ta có thể cảm giác được chính là cái khía cạnh huyền bí của cuộc đời. Đó là tình cảm sâu xa ở trong nôi của khoa học và nghệ thuật đích thực*" (A. Einstein). **Bốn là**, tính trữ tình kết hợp với tư duy tôn giáo đã đẻ ra những hình tượng tân kỳ, như: *Lụa trời ai dệt với ai căng / Ai thả chim bay đến Quảng Hàn / Và ai gánh máu đi trên tuyết / Mảnh áo da cừu ngấm nở nang...*

Trên bình diện sáng tạo cụ thể, bước đổi mới sáng tạo của thơ Hàn Mặc Tử đó được thể hiện bằng những hình tượng nghệ thuật vừa độc đáo, vừa nhất quán. Đó là ký hiệu - biểu đạt: *trăng, hồn và máu.*

Trăng với Hàn Mặc Tử có một mối quan hệ đặc biệt. Có người cho bệnh phong có một tương tác đặc biệt nào đó với trăng, kiểu thủy triều. Điều đó

có thể có hạt nhân hợp lý. Tuy nhiên, nếu có, thì đấy cũng chỉ là "cái hích ban đầu" thúc đẩy cỗ xe sáng tạo lăn bánh, chứ không phải là động cơ trực tiếp. Điều đáng nói là một nhà thơ bao giờ cũng biết "khai thác" đến tận cùng cái tiểu sử cụ thể của mình. Nếu không bị cùi thì hẳn Hàn Mặc Tử đã không chú ý đến cái sắc độ dị thường trên gò má: *Người trăng ăn vận toàn trăng cả / Gò má riêng thôi lại đỏ hườm*. Nếu bản thân không nghèo đói, không yêu trăng thì thi sĩ cũng không thể có những câu thơ như: *Áo ta rách rưới trời không vá*, hoặc *Trời hỡi làm sao cho khỏi đói / Gió trăng có đó làm sao ăn?*... Chỉ có Hàn Mặc Tử mới có thể nói về cái nghèo đói của mình cao sang như vậy.

Có thể nói rằng, ánh trăng đã để lại những cảm giác vật chất lên thân thể Hàn Mặc Tử. Bởi thế, trong khi các nhà thơ lãng mạn khác thi vị hóa trăng, Hàn Mặc Tử lại trần tục hóa nó. Từ chỗ *Bóng nguyệt vào song sờ sẫm gối* của thơ luật đến *Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu... Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe* thì đã là một bước tiến dài. Tuy nhiên, bên cạnh sự *người hóa* trăng đó, Hàn Mặc Tử còn có sự *trăng hóa* người. Điều này khiến ngòi bút ông nẩy ra những câu thơ khác lạ: *Mới lớn lên trăng đã thẹn thò / Thơm như tình ái của ni cô*. Đây là một sự kết hợp đầy kỳ cục giữa các từ rất xa nghĩa nhau như *ni cô* và *tình ái, tình ái* và *thơm*... Nhưng đằng sau cái vẻ nghịch lý đó là sự thuận lý: trăng với Hàn Mặc Tử như một con vật lưỡng thê, vừa vật chất vừa tinh thần, vừa trần tục vừa thiêng liêng... Cạnh khía thứ hai của trăng được bộc lộ rõ hơn vào giai đoạn sau của thơ Hàn Mặc Tử.

Ở giai đoạn *Đau thương* này, trăng trong thơ Hàn Mặc Tử đã trở thành một ám ảnh ghê gớm. Nó vừa là ánh trăng, vừa là bóng tối, hay đúng hơn, là sự tương tranh giữa ánh sáng cùng bóng tối, một thế giới thích hợp với Hàn Mặc Tử. Nhà thơ cũng là ánh trăng: *Không gian đầy đặc toàn trăng cả / Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng.*

Trăng cũng còn là *hồn* là *máu*. Đó là ba cạnh khía khác nhau của thế giới Hàn Mặc Tử, một thứ "tam vị nhất thể": *Gió rít tầng cao TRĂNG ngã ngửa / Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô / Ta nằm trong vũng TRĂNG đêm ấy / Sáng dậy điên cuồng mửa MÁU ra* và *Thịt da tôi sượng sần và tê điếng / Tôi đau vì rùng rợn đến vô biên / Tôi dìm HỒN xuống một vũng TRĂNG êm / Cho TRĂNG ngập dần lên tới ngực.*

Ba hình tượng trăng, hồn và máu dồn đọng lại trong một tương quan chặt chẽ: nhà thơ khạc hồn ra khỏi miệng, điên cuồng mửa máu ra hay ngậm cả miệng trăng. Như vậy cả ba, trăng, hồn và máu đều từ thân xác, thân xác *Đau Thương.*

Ngoài ra, thơ Hàn Mặc Tử đầy những *máu, lệ / tiếng thét gào* (ông còn có bút danh *Lệ Thanh), gió, cát, bụi* (bút danh *Phong Trần*)... Chúng tồn tại như những *biệt thể* của thân xác, khi tụ khi tán. *Đau Thương* trong thơ ông có tính lưỡng tri: *một mặt*, nó làm thơ ông suy nhược, hao mòn, tan loãng, *mặt khác*, nó khơi dậy trong ông một nguồn sáng tạo vô biên. Máu, hồn và trăng là *Đau thương đang trở thành sáng tạo*. Điều này giải thích được sở thích kỳ lạ của Hàn Mặc Tử, thoạt đầu có vẻ bệnh hoạn: nhà thơ muốn được nhìn thấy máu mình chảy và máu càng chảy thì ông càng cảm thấy khoái lạc và thơ ông cũng tuôn chảy: *Lời thơ ngậm cứng không rên rỉ / Và máu tim anh vọt láng lai / Thơ ở trong lòng reo chẳng ngớt / Tiếng vang tha thiết dội muôn nơi.*

Với Nguyễn Trọng Trí, tín đồ Thiên Chúa giáo, đau thương là một phương tiện cứu chuộc tội lỗi. Còn với Hàn Mặc Tử, nhà thơ, giải phẫu đau thương là hành vi sáng tạo. Thơ Hàn Mặc Tử là *kinh nghiệm đau thương*. Không phải ngẫu nhiên mà tập thơ hay nhất của ông là *Đau Thương: Hương Thơm* là đau thương của khứu giác, *Mật Đắng* là đau thương của vị giác, *Máu Cuồng* là đau thương của thân thể rỉ ra để biến thành những dòng chữ.

Một kinh nghiệm, hay một giải pháp đau thương khác của Hàn Mặc Tử hòa tan vào vũ trụ, bay sang một thế giới khác. Đọc thơ ông, thường bắt gặp những từ chỉ sự biến đổi này với một tần số cao như: *tan, hóa, tiêu tán...* như: - *Bao giờ mặt nhật TAN thành máu / Và khối lòng tôi CỨNG tợ si*. Hay: *Cả niềm yêu, ý nhớ cả một vùng / HÓA thành vũng máu đào trong ác lặn.*

Hàn Mặc Tử diễn tả cảm giác hay ý thức tiêu tán qua những biến đổi ngược chiều: những gì thường ngày liên tục tuôn chảy như dòng đời, nguồn sống thì *cứng đọng* lại, còn cái gì chắc chắn, có hình thù khối lượng thì *tan loãng* ra. Hàn Mặc Tử có thái độ tha thiết với cuộc sống - càng vơi cạn thì càng tha thiết - Thoạt đầu có chút hốt hoảng, gào thét, nhưng dần dần đã đi đến chấp nhận, an nhiên. Lúc này, ý thức tiêu tán chuyển đến mơ ước một *thế sống mới*, một dạng vật chất mịn hơn, nhẹ nhàng, thanh thoát không giới hạn: *Đây là tất cả người anh tiêu tán / Cùng trăng sao bàng bạc xứ mơ say.*

4. Thiên tài bao giờ cũng là hiện tượng đơn nhất, không lặp lại trong lịch sử. Nhưng thiên tài nào cũng đứng lên vai người khổng lồ để chiếm lĩnh tầng cao mới, để cắm cây mốc mới trên hành trình đi tới. Thực chất của mỗi một bước tiến là đưa ra được một mô hình mới. Các thế hệ sau học tập một thiên tài, thực chất, là chiếm lĩnh và cải biến mô hình đó mà thôi. Hàn Mặc Tử là người đã xây dựng được cho thơ mình một mô hình. Đó là *tính trữ tình + tư duy tôn giáo.*

Nhìn vào diễn trình lịch sử của thơ Việt Nam, có thể ghi nhận một điều là: khi tính trữ tình phát triển đơn độc hoặc kết hợp với tư duy đạo đức là nhiệm vụ "văn dĩ tải đạo" thì thơ phát triển không cao, lại thường bị sa vào tình trạng rời rạc, lẻ tẻ, không kết thành hệ thống. Còn khi tính trữ tình kết hợp được với tư duy tôn giáo hoặc triết học thì thơ được nâng lên một tầm cao mới. Những đỉnh nhọn của thi ca vượt qua tầng địa quyển nhô vào khoảng không vũ trụ, hòa vào nhịp điệu miên viễn.

Thời đại Lý - Trần, tư duy tôn giáo và triết học phát triển nên thơ thời đại này phóng khoáng, cao viễn. Nghĩa là ở đấy, cả hai yếu tố: tính trữ tình và tư duy tôn giáo (hay triết học) đều đã có, nhưng do thiếu tính chất cá nhân hiện đại làm chất xúc tác, nên không xảy ra một "phản ứng hóa học" nào để tạo ra một hợp chất mới cao hơn như ở Hàn Mặc Tử. Trên thế giới, nhiều thiên tài thơ ca cũng đã được sinh ra từ mô hình này, như Holderlin (1770 - 1843), Tagore (1861 - 1941), Paul Claudel (1868 - 1955)...

Đến đây, chúng tôi xin tạm khép lại dòng suy nghĩ của mình về Hàn Mặc Tử bằng một câu viết của Chế Lan Viên, "Trước không có ai, sau không có ai, Hàn Mặc Tử như một ngôi sao chổi xoẹt qua bầu trời Việt Nam với cái đuôi chói lòa rực rỡ của mình" (*Tuyển tập Hàn Mặc Tử,* Văn Học, 1987).

ĐỖ LAI THÚY
(Trong nước)



DƯƠNG THU HƯƠNG

thư ngỏ gửi bà thụy khuê và thư cho một bạn văn

LTS: *Trong hai tháng qua, bản "Tự Bạch" do nhà văn Dương Thu Hương công bố tại hải ngoại đã trở nên một vấn đề thời sự nóng bỏng. Gạt sang bên những bài viết có tính cách hả hê, tiểu tâm, thậm chí cừu thù, thiếu tinh thần đối thoại nghiêm chỉnh; tựu chung, đa số đều đã nhìn vấn đề một cách sáng suốt, xây dựng. Đó là hiện tượng đáng mừng, chứng tỏ sự trưởng thành của tư duy dân chủ. Chúng tôi lạc quan tin rằng, bằng vào sự trưởng thành ấy, những người có thiện tâm của cả hai phía, sẽ dần dần chấp nhận các cuộc đối thoại khác, trong tương lai, hầu tìm ra một hướng đi tốt đẹp cho Việt Nam mai hậu.*

Tiếp tục mục tiêu hóa giải chắc chắn còn lắm gian nan và nhiều ngộ nhận này, Hợp Lưu trân trọng gởi đến độc giả thư ngỏ của nhà văn Dương Thu Hương gửi bà Thụy Khuê, và một "thư riêng" khác, cũng của nhà văn gởi cho một bạn văn, hiện sống tại hải ngoại, hầu có thể giúp độc giả tìm được cho mình một kết luận khách quan và chân xác hơn, về một vấn đề, có thể, cho đến nay, vẫn còn làm không ít người hoang mang, dao động.

Ngoài "thư ngỏ", lá thư thứ hai là "thư riêng", nên khi Hợp lưu đề nghị xin được công bố trên mặt báo, người nhận thư đã vô cùng đắn đo, ái ngại. Lý do: hiện nay nhà văn Dương Thu Hương đang sống tại quê hương, những điều bà viết trong thư có thể sẽ gây cho bà những hậu quả khó lường. Tuy nhiên, xuyên qua các tác phẩm, các bài tham luận bà đã công bố, những điều này cũng không ra ngoài tinh thần đó, khác chăng, chỉ là cường độ của lá thư, đã minh bạch hơn, rạch ròi hơn. Vì vậy, chúng tôi nghĩ, nếu có một hậu quả không hay nào đến với bà, cũng là điều chẳng đặng đừng, chúng tôi tin bà đủ nghị lực để chấp nhận nó, như chấp nhận các vết thương mà những người đi giữa hai lằn đạn buộc phải gánh chịu. Về phía chúng ta, hy vọng lá thư sẽ giúp

nhìn thấy bà rõ hơn: một người đã can đảm dám nói những điều muốn nói, và ngay thẳng nhận lỗi khi biết mình sai lầm. Thái độ đó rất đáng để chúng ta suy gẫm.

Cũng vì là thư riêng, chúng tôi xin được lược bỏ những phần có tính cách thăm hỏi xã giao, ngoài ra, chúng tôi theo đúng tinh thần bản viết tay, kể cả những dòng in đậm, do chính tác giả gạch dưới, nhấn mạnh.

Hợp Lưu

*

Sài Gòn ngày 16 tháng 4 - 1992

Thưa bà,

Tôi đã được đọc bài trả lời của bà cho Tự Bạch cũng trên báo Diễn Đàn. Những khác biệt về quan niệm, về ngôn từ, về phương pháp suy tưởng... giữa bà với tôi, tôi thiết nghĩ cũng là đương nhiên, vì chúng ta có hai quá khứ khác nhau, hai môi trường sống khác nhau và hai sự nghiệm sinh khác nhau. Dù ít hay nhiều, chúng ta cũng đã từng bị khống chế bởi những hệ ý thức trái chiều và sự chi phối của dĩ vãng bao giờ cũng ghê gớm hơn người ta vẫn tưởng. Quá trình đi đến sự hòa hợp là quá trình soi rọi lại chính mình, sàng lọc, tẩy rửa và vun xới. Nó phải được thực hiện nghiêm cẩn với mọi cá nhân trên cơ sở thành thật và thiện chí. Nếu bà ưng thuận, chúng ta sẽ còn rất nhiều cơ hội để bàn luận việc này (với điều kiện thần hộ mạng của bà và của tôi cùng phù trợ). Trong thư này, tôi chỉ đề cập tới một vấn đề, ấy là sự ngộ nhận của tôi với bà... Qua những người bạn tin cẩn của tôi ở Paris cũng như qua nhà văn Nhật Tiến, tôi biết bà là người chủ trương hòa hợp dân tộc và hiện đang ủng hộ đắc lực nhóm "Hợp Lưu" của họa sỹ Khánh Trường và nhà văn Nhật Tiến. Bà là người xót xa với thân phận dân tộc và tha thiết với đồng bào. Như vậy, tôi hiểu lầm bà một cách trầm trọng khi tôi đọc câu "Dương Thu Hương là viên ngọc trong đám sình lầy..." Tôi đã nghĩ rằng đám sình lầy bà ám chỉ đám đông dân đen, những người lầm than, tủi nhục, chìm đắm trong bóng tối của đau khổ và u mê. Bởi lẽ tôi là nhà văn của dân đen và tôi chiến đấu vì họ, nên tôi khó thể hình dung ra cách ví von so sánh của bà. Cũng bởi lẽ nữa là trong tâm hồn thương tổn của tôi, đã có những vết thương nhức nhối. Trong hai lần tôi đi ra nước ngoài (đi Nga - 84 và 88 - mỗi lần hai tuần) tôi đã gặp tới năm trường hợp người Việt chối bỏ gốc rễ của mình. Đó là những kẻ mới được phong lưu ngày hôm qua, hôm nay đã trà trộn vào những người Nga để giới thiệu mình là người Nhật, người Tàu và lảng tránh đồng bào của họ như tránh hủi. Tại Hà Nội, trong đám Việt Kiều về thăm quê, tôi cũng gặp vài người

có thái độ tương tự. Có lẽ, do những kỷ niệm không mấy êm dịu đó, trái tim tôi bị thương tổn và chứa đầy thuốc nổ. Thật rất đáng tiếc, những nỗi uất ức ấy đã trút vào bà, một người đầy thiện chí với tôi. Tôi vẫn nghĩ rằng, dù bà có ưu ái tôi bao nhiêu lần hơn nữa, mà bà khinh bỉ dân tộc, nhục mạ đồng bào thì xin bà tha thứ, tôi không bao giờ cho phép tôi mở lòng đón nhận những quà tặng đó. Tôi chỉ có một phe nhóm, một đảng phái, một triết thuyết thôi, ấy là lợi ích dân tộc. Với tôi, lợi ích dân tộc là tối thượng. Ai tôn trọng lợi ích đó, người ấy là bạn của tôi. Ai tha thiết với tương lai dân tộc, người ấy thuộc một phe nhóm, một đảng phái, một triết thuyết với tôi. Đó là vấn đề cốt tử, vấn đề cốt lõi. Còn lại, đó sẽ là phận sự của thời gian và của sự nỗ lực của mỗi cá nhân. Vậy thì, xin bà hãy nhận lời xin lỗi chân thành của tôi. Tôi đã xử sự với bà thật bất công và phi lý. Có lẽ, sự lầm lẫn ấy trước hết là do không chỉ trái tim mà cả cái đầu tôi cũng luôn luôn bốc lửa. Sau nữa, là do phương pháp suy tưởng của chúng ta không giống nhau. Tuy nhiên, dầu cho tình huống nào thì cuối cùng con người cũng có thể hiểu được con người nếu lòng họ rộng mở. Điều lầm lẫn xui xẻo này chẳng ai muốn có nhưng cũng là một dịp để chúng ta hiểu nhau hơn, nhất là bà có cơ hội biết những khuyết tật và nhược điểm đầy rẫy trong tôi. Phần tôi, tôi rất sung sướng nếu bà sẵn lòng tha thứ cho tôi và quên đi những phiền muộn cũ.

Xin gởi tới bà lời chúc sức khỏe và hạnh phúc.

DƯƠNG THU HƯƠNG

THỤY KHUÊ TRẢ LỜI DƯƠNG THU HƯƠNG

Chị Dương Thu Hương

Đọc xong thư chị, tôi muốn cùng chị lặp lại một lần nữa, câu mà chị đã viết trong thư: *"Dầu cho tình huống nào thì cuối cùng con người cũng có thể hiểu được con người, nếu lòng họ rộng mở."*

Tôi trân trọng những dòng chị vừa viết và trân trọng tấm lòng rộng mở của chị. Như chị, tôi cầu mong chúng ta còn nhiều dịp đổi trao, đối thoại với nhau, để cùng mở rộng tầm nhìn. Nguyện ước ấy, không chỉ ở riêng chị và tôi, mà còn là nguyện ước chung của mọi người - như chúng ta - *thiết tha với tương lai dân tộc.*

Paris ngày 23 tháng 4 năm 1992.
THỤY KHUÊ

THƯ CHO MỘT BẠN VĂN

Sài Gòn mồng 8 tháng 3 âm lịch, Nhâm Thân

Thân gởi anh...

(...)

Hôm nay, tôi đã đi lấy bản Tự Bạch viết tay về. Đọc lại bản này, tôi thấy nó hoàn toàn trung thành với ý nghĩ của tôi. Chỉ có một câu sơ xuất. Đó là câu: "Tôi không từ bỏ đội ngũ những người Cộng Sản để chạy theo những người chống cộng **cực đoan**". Tôi đã viết thiếu hai từ **cực đoan**. Vì thế nó gây hiểu lầm và mâu thuẫn với phần dưới tôi viết: "Những người Cộng Sản bảo thủ và những người chống cộng cực đoan, sao mà họ giống nhau đến thế ?..." **Hiển nhiên trong thực tế, khi tôi đã phủ nhận triệt để lý thuyết Mác Xít và bị khai trừ khỏi đảng thì tôi đã là một người chống cực quyền**. Nhưng tôi không bao giờ chấp nhận lối chống cộng của những người đã đánh trọng thương nhà văn Duyên Anh và dọa ném lựu đạn vào các tòa báo. Những thứ quyền uy của bạo lực như thế, dù đỏ hay trắng, đều đáng ghê tởm và phải chống lại chúng cho đến hơi thở cuối cùng. Đối với tôi, cả những người Cộng sản bảo thủ lẫn những người chống cộng cực đoan đều không thể đem lại một tương lai tốt đẹp cho dân tộc. Họ chỉ có khả năng đục khoét hận thù trong quá vãng, làm suy tổn sinh lực của cộng đồng, kéo dài tình trạng lạc hậu của đất nước. Họ chống đối nhau nhưng lại giống hệt như nhau: Họ đều muốn giết tất cả những kẻ suy nghĩ khác mình. Tôi mong anh lưu ý cho từ **Cộng Sản bảo thủ**. Ở Việt Nam bây giờ còn hàng triệu đảng viên Cộng Sản. Trừ một số rất nhỏ có quyền hành, tham nhũng, hà hiếp dân chúng. Số đông còn lại là những nạn nhân. Họ nhận thức được chân lý cũng như thân phận thê thảm của mình, nhưng họ không có khả năng phản kháng. Năng lượng phản kháng, Thượng Đế không chia đều cho mọi cá nhân. Với những người ấy, tôi yêu thương và cảm thông họ. Tôi cũng mong anh cảm thông với họ. Bởi lẽ, đó là những kẻ bị lừa dối, tước đoạt và trắng tay cho đến phút xuống mồ.

Có người trách tôi trong bản Tự Bạch đề cập lại sự phân giới Quốc/Cộng, một vấn đề đã lỗi thời sau mười sáu năm thống nhất đất nước. Ý nghĩ này giống như ý kiến bà Thụy Khuê trả lời tôi (cũng trên báo Diễn Đàn). Họ và bà Thụy Khuê có lý. Nhưng tôi nghĩ rằng tôi cũng có lý vì tôi muốn bản Tự Bạch này trước hết phải được những người độc giả của tôi ở miền Bắc Việt Nam đọc. Đám đông này không phải là những bậc trí giả như bà Thụy Khuê, họ còn bị vây hãm trong những phân định, những

thành kiến mà mấy thập niên chính quyền đã nhồi nhét không ngừng nghỉ vào đầu óc họ. Bản thân tôi là một nhà văn, luôn luôn có tinh thần học hỏi, có một số mối giao tiếp mà còn bị thiếu thông tin huống hồ những người đồng bào của tôi ở miền Bắc, bị đày đọa trong một đời sống lam lũ, đói nghèo, bị khuôn định trong các mối giao tiếp hạn hẹp. Để thanh toán những vấn đề lịch sử thì phải giải phẫu nó một lần triệt để. Đó là thiển ý của tôi. Rất có thể là tôi sai lầm. Nếu có vậy, công luận và lịch sử sẽ phán xét và tôi sẵn sàng chịu trách nhiệm. Nhưng, cho đến ngày hôm nay, bằng vào những ý kiến của nhiều độc giả đã đọc bản Tự Bạch, tôi biết điều tôi viết trùng khít với nhận thức của họ. Thêm nữa, cuốn Vô Đề đã không được in ở Việt Nam nên việc viết bản Tự Bạch cho những thân hữu và độc giả quen thuộc của mình tại đây càng cần thiết hơn với tôi. Trong trường hợp này, tôi phải lựa chọn ích lợi cho số đông.

Cũng có người mắng mỏ tôi thậm tệ vì tôi đã viết: "Chính quyền miền Bắc không bao giờ dùng danh từ Quốc Gia - Tự Do - Dân Tộc trong các khẩu hiệu được coi là tôn chỉ của cuộc chiến" và bảo cô thiếu cẩn trọng. "Cô không thể là một con bé vừa nhảy lò cò vừa là người anh hùng được." Tôi bật cười. Tôi chẳng bao giờ muốn và nghĩ tôi là một anh hùng cả. Mọi vinh quang đều hão huyền cả. Tôi bao giờ cũng chỉ là một con người phản kháng. Đừng ai sợ tôi mưu toan cướp ghế Tổng Thống hay Bí Thư của họ. Đến chức tổ trưởng ba người tôi cũng không thể làm nổi. Vì tôi thích nhất là được ngủ muộn và ăn bún riêu bún ốc lê la dọc hè phố. Nhưng những gì tôi đã làm là nhân danh nỗi đau khổ và tủi nhục của chính bản thân tôi và bạn hữu tôi, những người đã nằm xuống dưới chân thành Quảng Trị. Nhân danh một lớp người bị lừa dối, bị cướp đoạt. Bởi vì tôi hiểu rằng mười triệu người chết để đánh đuổi ngoại xâm mũi lõ mắt xanh cũng là vô ích nếu thay thế ngoại xâm ấy bằng một lũ cường hào mũi tẹt da vàng. Mười lăm năm nay tôi đã sống và hành động vì oan hồn của những người thân yêu đã chết. Họ đã chết khi chưa biết đến bậc thềm của giảng đường đại học và mùi vị nụ hôn. Nhân danh họ, tôi đòi lại những gì chúng tôi đã mất. Và chính vì họ, tôi gia nhập cái cuộc chơi mà trong đó tôi phải ném con át chủ bài là sinh mạng của tôi xuống mà di chân lên. Tôi nói rõ ràng như vậy để thêm một lần nữa tuyên bố rằng tôi là một thứ nhà văn bất đắc dĩ. Tôi lại càng không là một trí giả hay học giả vì ngoài tiếng Việt tôi chỉ học được 500 từ tiếng Pháp trong sáu bảy tháng ngồi tù. Thế nên, quả là tôi không có ý thức cẩn trọng khi lựa từng từ, từng chữ. Thế nên, khi bà Thụy Khuê vạch ra cái khẩu hiệu "Không có gì quý hơn..." thì tôi giơ tay xin hàng. Nhưng tôi xin hàng một cách vui vẻ vì điều đó hợp lý. Tuy nhiên, tôi cũng muốn trình bày lại cảm xúc của tôi khi viết Tự Bạch. Dù đã nghe cái câu "Không có gì quí

hơn... " hàng ngàn lần tôi cũng chẳng bao giờ nhớ nó. Nó không có trong kho tàng ngôn ngữ và trí nhớ của tôi. Làm gì có tự do ở cái xứ mà mặc quần ống túm hay ống loe cũng bị săn đuổi rượt chụp như những tên kẻ cướp. Làm gì có tự do ở cái xứ con người bị khống chế bởi tem phiếu thực phẩm và các con dấu tròn vuông giống như lũ cừu được đánh số ở cổ và ban phát lương thực lẫn đòn roi bằng hệ thống giám định chặt chẽ và man rợ. Tôi không nhớ bóng ma của ngôn từ cũng như không có khả năng duy danh định nghĩa. Toàn bộ kiến thức của tôi dựa trên sự nghiệm sinh. Tôi chỉ biết rằng anh với tôi, chúng ta đã từng ở hai thứ "tiền đồn" để bắn giết nhau. "Tiền đồn của thế giới tự do" và "tiền đồn của phe Xã Hội Chủ Nghĩa". Ý niệm ấy đã từng hữu hiệu trong vài thập niên. Và xóa nó đi không phải là một sớm một chiều. Điều đó có thể dễ dàng và mau mắn hơn với lớp người có tâm và có tri thức. Nhưng chắc chắn nó sẽ khó khăn và chậm trễ hơn đối với đám đông. Từ một lịch sử ấy, con đường hội nhập đến chân lý không thể giản đơn. Từ một lịch sử ấy, mỗi cá nhân, kể cả anh và tôi đều đã mang rất nhiều tỳ vết của quá khứ mà mình khó tự ý thức nổi. Muốn đến tụ điểm của chân lý, ai cũng phải tự xóa đi những thói quen và ám ảnh dĩ vãng trên cuộc hành trình. Phần tôi, tôi rất vui lòng nhận ra những gì là yếu kém trong tôi, những gì là sai phạm mà tôi phải chịu trách nhiệm nếu những điều đó là sự thực. Đối với tôi, mọi ý thức hệ, mọi triết thuyết, mọi phương pháp luận và các trường phái đều vô bổ. Đối với tôi, quyền lợi dân tộc là tối thượng. Tôi tranh đấu cho cái quyền lợi tối thượng ấy. Một khi dùng văn chương như một phương tiện phản kháng, tôi biết nhà văn phải là đối trọng của người cầm quyền, theo đúng như sứ mạng nó cần có. Bởi thế, tôi không hồ nghi chút nào về thân phận mình: Nếu sống trong chính thể Nguyễn Văn Thiệu, tôi có bị tù không?... Chắc chắn là có. Vì lúc ấy tôi sẽ lại căm thù "những kẻ đầu cơ tích trữ, những đứa sống nhởn nhơ, phè phỡn trên cơn thiếu thuốc men, bệnh tật của dân nghèo khó, những đứa buôn súng đạn, bán đứng sinh mạng của chính anh em đồng ngũ của mình...". Mặc dù tôi vẫn biết rằng tính chất phong kiến dã man Châu Á đã làm biến dạng cơ cấu xã hội kiểu dân chủ tư sản ở miền Nam, song le với nguyên tắc cốt tủy tam quyền phân lập, nó vẫn còn văn minh gấp bội xã hội chuyên chính vô sản miền Bắc. Vậy thì, ngôi sao chiếu mạng tôi đã định đoạt rồi, tôi an nhiên chấp thuận.

(...)

DƯƠNG THU HƯƠNG



KHÁNH TRƯỜNG

những vòng tròn không đồng tâm

Từ lâu, anh nghiệm ra điều giản dị này: trái tim của con người không phải chỉ đập một nhịp đập duy nhất suốt đời, cho một người. Anh nói với Quỳnh Thư điều đó bằng sự ngay thẳng của mình, bởi anh nghĩ chúng ta đã đi qua già nửa đời người, em đã là mẹ, từ năm mười chín, anh cũng đã là cha, mười bảy năm nay. Với từng trải đó, màu mè với nhau nào ích lợi gì? Ở vào một tuổi nào, người ta có thể nghĩ và tin một cách thơ mộng rằng, tình yêu chỉ đến với mỗi người duy nhất một lần trong đời, lần đầu. Chúng ta hẳn không còn đủ ngây thơ để coi đó là chân lý. Cho nên, những điều anh sắp nói với Quỳnh Thư, là những điều đã được cân nhắc, nó có một phần của trái tim, phần còn lại anh không thể phủ nhận, từng được gạn lọc chín chắn bởi lý trí.

Có lẽ em đã biết qua bè bạn chung của chúng ta hoặc báo chí, rằng ba năm nay, từ ngày anh và Tuyền đồng ý xa nhau (đúng hơn, cô ấy buộc anh phải chấp nhận giải pháp xa nhau), anh tưởng có lúc không thể sống nổi. Anh yêu Tuyền, anh cố gắng trong khả năng cao nhất của mình, mang hạnh phúc đến cho Tuyền. Và khi những dấu hiệu đầu tiên báo trước một rạn nứt, anh cũng đã phấn đấu bằng phấn đấu của một người bị đẩy đến mé bờ vực thẳm, gom toàn bộ sức lực mà hắn có thể có được, để cưỡng lại. Nhưng làm sao lấp đầy cái vực thẳm đã nứt ra trong trái tim của một con người? Anh tuyệt vọng nhìn cái diễn trình tan vỡ tuần tự xảy ra bằng đôi mắt của kẻ bất lực. Mấy mươi năm chung sống với một người đàn bà, anh bị điều kiện hóa bởi những thói quen và sự bình an của đời sống lứa đôi. Thay đổi khẩu vị một loại thuốc lá, một nhãn hiệu cà phê, dễ, nhưng bỏ đi những thói quen đã gắn liền với mọi sinh hoạt gần như máu huyết, khó lắm. Khó đến độ có lúc, anh nghĩ, cuộc đời anh đã hoàn toàn vất đi, có lẽ tốt nhất anh không nên tiếp tục hiện

diện nữa trên trái đất này. Sự hiện diện xét ra không còn ích lợi gì cho ai, đã đành, còn tự kéo lê đời mình một cách vô nghĩa, nhợt nhạt.

Cho đến bây giờ, tôi vẫn tin sau quyết định dứt khoát rành rành trên giấy trắng mực đen kia, cuộc sống tôi sẽ khá hơn, hay ít ra cũng đỡ nhàm chán, mệt mỏi như đã, bao nhiêu năm nay. Bao nhiêu năm nay, sau cái hành động của Kha với gã đàn ông từng theo đuổi tôi trước khi tôi quyết định lấy Kha. Cái hành động, chỉ *trong một khoảnh khắc cực ngắn*, biến tình yêu thành một thứ ảo tưởng đầy mai mỉa so với hiện thực. Tôi thật không ngờ người con trai đẹp đẽ, cao ráo rất trượng phu tôi từng đem lòng yêu mến kia lại là kẻ có thể quỳ xuống dưới chân gã đàn ông, đang là tình địch của mình, đang âm mưu phá nát hạnh phúc gia đình mình, để lạy lục van xin tha mạng. Tôi vẫn còn nhớ như mới hôm qua, hôm kia, cái hình ảnh đê hèn đó, dù đã xảy ra những gần hai mươi năm. Gã đàn ông đứng ngạo nghễ, gót giày "bốt đờ sô" đạp trên ngực Kha, giọng nhựa hơi men: "Tao sẽ đập chết mày như đập chết một con chó." "Anh tha cho, vợ em đang có thai...". "Vợ mày có thai? Vợ mày..." Gã bật cười sằng sặc, tiếng cười vừa căm uất vừa khoái trá, "vợ mày... một thằng hèn như mày mà xứng đáng làm chồng à?" Gã đàn ông cúi xuống, hắn túm ngực áo Kha, dựng dậy, đẩy dí vào chân tường khai nồng mùi nước tiểu, vung tay tát mưa xối vào hai má Kha. Tôi đứng nép sau gốc cây, run bần bật. Trong đầu tôi lúc đó rối loạn những ý nghĩ trái ngược, tôi muốn chạy ra, van xin gã đàn ông tha cho Kha, nhưng tôi cũng muốn Kha phải biểu tỏ một hành động phản kháng nào. Đành rằng gã đàn ông to khỏe hơn Kha, đành rằng bộ quần áo rằn ri trên người hắn có khả năng áp đảo mọi ý chí đề kháng của kẻ khác, nhưng Kha cũng là đàn ông kia mà. Kha phải chống cự chứ, ít nhất, không bảo vệ được cho tôi thì cũng chứng tỏ anh không phải là một thằng hèn như gã đàn ông đã nói. Đàng này Kha chỉ co rúm lại, như một con sâu, và luôn miệng đem tôi ra, tôi và cái thai, giọt máu của Kha đang tượng hình trong tôi, làm một thứ mộc che. Hành động đó tiềm tàng điều gì tựa như sự bất nhân, bất nghĩa. Một người như thế làm sao có thể cùng tôi sống đời sống kiếp đến bạc đầu? Ý nghĩ này, sau lần đó, cứ lớn mãi trong tôi, nhất là càng ngày, qua những chung đụng, tôi càng thấy rõ hơn bản chất của Kha, bản chất của một người đàn ông nhu nhược, yếu hèn, yêu chính bản thân mình một cách mù lòa, si ngốc. Bên trong dáng vẻ hòa hoa, trí thức kia, chỉ lợn cợn những tư tưởng vị kỷ, hẹp hòi.

Nhưng tại sao tôi vẫn cứ tiếp tục sống bên Kha? Tại sao tình yêu đã chết hẳn trong tôi kể từ buổi tối hôm đó, mà tôi vẫn tiếp tục hít thở với Kha một

bầu khí, dưới một mái nhà? Tại sao tôi tự cho phép mình có thêm với Kha một đứa con? Những câu hỏi này tôi vẫn hỏi tôi hằng đêm, để hằng đêm, khi Kha lăn vật ra, mê mệt với giấc ngủ sau một trận tình, đã làm tôi ứa nước mắt tủi hờn. Hai mươi năm bên cạnh một người đàn ông mình khinh bỉ! Cực hình dai dẳng này quả thật vẫn thường khiến tôi kinh ngạc.

Ba tháng đến Cali, với lý do bề ngoài khá vững chắc: đi tìm cảm hứng mới cho một giai đoạn sáng tác. Sự thật, chỉ có anh mới hiểu rõ, anh đang chạy trốn. Chạy trốn ngôi nhà đã nhiều năm từng mệnh danh tổ ấm. Chạy trốn một không gian mà bất cứ cái gì cũng có khả năng đánh thức trong anh nỗi bi thương đứt ruột. Nhiều đêm, nhiều ngày, trong ngôi nhà im lìm của cõi chết đó, anh như một kẻ cuồng. Góc phòng kia con gái anh từng ngồi xem TV. Khoảng màu xanh thẫm trên bức tranh lớn chiếm gần trọn vì tường nọ là gợi ý của Tuyền. Thỏi son môi màu hồng bạc khi dọn đi Tuyền làm rơi lại như đẫm trong mùi thơm nhân tạo là mùi hương da thịt đằm thắm. Con xì-cơ Tuyền rất thích dùng làm vật đánh dấu trang còn nằm giữa cuốn sách đang xem dang dở... Tất cả đều ngầm nói với anh, đã có một thời gian, dưới mái nhà này không phải chỉ có một mình anh. Hạnh phúc và khổ đau, đó là hai mặt tương phản quyết liệt của đời sống. Nó có thật và có khả năng tồn tại dài lâu trong tâm não chúng ta. Xóa đi không phải điều dễ dàng, trừ phi...

Nhưng sự chịu đựng của con người chẳng phải là vô giới hạn. Cuối cùng, cái điều đã nung nấu trong tôi gần hai mươi năm đã vỡ ra. Nó vỡ ra, dù là kẻ chủ động, tôi vẫn không thể không cảm thấy xót xa. Đúng như Huân nói, những thói quen đã được tạo nên trong đời sống vợ chồng, bỗng chốc mất đi cũng ít nhiều làm tôi choáng váng. Tuy nhiên trạng thái mất thăng bằng này xảy ra không lâu. Nhanh chóng, tôi hiểu mình phải bắt đầu lại cuộc đời như thế nào. Mang tâm trạng rời bỏ ngôi nhà đó như rời xa một cánh cửa địa ngục, tôi không cảm thấy lưu luyến mảy may. Và có thể, ba năm nay, đời sống tôi không được bình lặng, những lo toan áo cơm, những đêm dài trống vắng, những cuộc vui cốt lấp đầy cô đơn, những buông thả như một hành động tìm lại chính mình, đã ít nhiều mang trong nó nỗi bất an, nhưng tôi cảm thấy mình tự tại hơn, chủ động hơn, và nhất là không thường trực đối diện với cái mặt trái sần sùi của hạnh phúc. Khác Huân, cái tổ ấm đó, cái không gian đó, chẳng bao giờ gợi nổi trong trái tim tôi một rung động nhỏ nào. Bỏ nơi đó mà đi, tôi tự thấy mình đã may mắn thoát được một nơi chốn từng chôn vùi tôi mười mấy năm dằng dặc.

Trừ phi... Anh không ngờ đã "gặp" lại em. "Gặp" lại, không mặt đối mặt, "gặp" lại, chỉ qua những điều nghe nói về em. Té ra, như anh, cuộc sống gia đình em cũng tan vỡ, cũng gãy gánh nửa đường. Anh không được biết nguyên do. Nhưng cần gì phải biết nguyên do. Trên trái đất quá đỗi già nua này, hạnh phúc và khổ đau muôn đời vẫn thế, dù rằng có hàng trăm, hàng nghìn, hàng vạn lý do khác nhau.

Cùng với những tin tức góp nhặt được chung quanh thân thế em hiện tại, hình ảnh cô bé Quỳnh Thư của ngày nào dần dần sống lại. Quỳnh Thư mười lăm mười sáu sống lại, cũng có nghĩa anh mười tám hai mươi hồi sinh. Ừ nhỉ, đã có thời anh yêu em biết chừng nào. Yêu vụng dại, yêu thầm lén, yêu đau đớn tủi hổ. Dưới mắt anh ngày đó, em là hình ảnh của một ước mơ không bao giờ có hy vọng đạt tới. Và dưới mắt em ngày đó, có lẽ anh chỉ là một thằng con trai hết sức đáng thương. Anh hiểu lắm điều này. Hiểu, qua ánh mắt em vào cái buổi chiều mà rất nhiều năm sau, mỗi lần hồi tưởng, tim anh lại đau nhói. Không khó khăn gì để hình dung lại hình ảnh một Quỳnh Thư đứng bên cửa sổ, mái tóc đen dài phủ lòa xòa trên đôi vai, chảy xuôi xuống gò ngực con gái đồng trinh. Cửa sổ quay về hướng Tây, nắng chiều dọi vào, ánh sáng xuyên qua lớp lụa mềm, đập vào mắt đứa con trai đang tuổi dậy thì hình hài Quỳnh Thư mơ hồ thúc gọi. Hắn sững nhìn, và rồi trong choáng ngợp, hắn u mê bước tới, liều lĩnh ôm chầm cái hình hài kiều diễm kia. Hình như hắn có nói anh yêu em. Nhưng có lẽ tiếng nói bị nhận chìm dưới ngọn triều xúc động, trở nên lắp bắp vô nghĩa. Anh nhớ, em đã vội đẩy anh ra, vừa dịu dàng vừa quyết liệt "Anh Huân!" Tiếng kêu ngầm chứa phán quyết tối trọng: không, Quỳnh Thư không thuộc về anh. Chỉ trong khoảnh khắc cực ngắn, như một thiền sư hốt nhiên liễu ngộ, anh buông em ra, và biết, sẽ chẳng hy vọng gì trong cuộc đời còn lại của mình, anh có em.

Bỏ nơi đó ra đi cùng với ba đứa con để đến thành phố nắng ấm này, tôi nghĩ chọn lựa của mình là rất hữu lý. Ở đây tuy có lắm phiền hà do thói tật tò mò của người đồng hương, nhưng lòng tôi ấm hơn, cảm tưởng đang sống giữa đất đai quê mẹ ít nhiều giúp tôi tìm lại được bản ngã của mình, cái bản ngã đã một thời gian dài gần như nhòa nhạt trong dòng sống dửng dưng xa lạ. Vậy mà đã trên sáu năm... Hai đứa con tôi vừa vượt qua tuổi vị thành niên, chúng đang bước vào thế giới của người lớn. Phần nào gánh nặng làm mẹ cũng đã nhẹ bớt. Có điều, vì thế niềm trống vắng của một người đàn bà trung niên nhan sắc chưa tàn, không quá âu lo cơm áo, có cơ hội phát triển.

Quỳnh Nga, đứa con gái đầu, trong những đêm mẹ con nằm cạnh nhau vẫn thường thủ thỉ khuyên tôi. Mẹ không thể chết héo trong già nua, con và Hiếu đã lớn, vài năm nữa chúng con có chồng, có vợ, mẹ sẽ thế nào đây? Con thật không đành lòng nhìn mẹ vò võ cô đơn. Nhưng mẹ cô đơn đâu nào, mẹ vẫn có bè bạn đấy chứ, thiếu gì? Con lớn rồi mẹ ạ, con đủ lớn để biết, tất cả những quan hệ hiện nay của mẹ chỉ là một cách để lấp đầy cô đơn. Chẳng thể lấp được đâu mẹ. Mẹ cần một đồng hành. Con nhìn thấy điều đó. Tôi cố nén tiếng thở dài. Phải. Con gái tôi nói đúng. Quả thật, tôi đang cần một đồng hành. Dẫu sao cái quyết định do chính tôi chủ động sáu năm trước ít nhiều cũng khiến tôi tổn thương cả tâm hồn lẫn thể xác, nay thời gian chấn động đã qua đi, tôi không thể tiếp tục đời mình một cách buồn tẻ thế này mãi. Nhưng tìm ở đâu ra một đồng hành? Trong ước mơ tôi, kẻ đồng hành kia phải hội đủ vài điều kiện tối thiểu: đó là người đàn ông đúng nghĩa về mặt tâm hồn, nhưng đó cũng là một người đàn ông không tệ lắm về mặt nhân dáng. Tôi có đòi hỏi quá đáng chăng? Không. Mẫu người bình thường này nào thiếu gì trong cuộc đời.

Nhưng sao tôi vẫn chưa gặp?

Đúng trong thời gian đó tôi nghe tin Huân đang có mặt tại đây. Cả một đoạn đời dĩ vãng chợt sống lại trong tôi. Huân, người con trai đã từng một thời yêu tôi đắm đuối. Người con trai, mỗi chiều, đứng âm thầm sau cửa sổ, nhìn tôi đi qua. Trong ánh mắt tinh anh kia có điều gì quá đỗi thiết tha, khiến tôi cảm thấy xốn xang thế nào. Tôi không yêu Huân, đã hẳn, nhưng tôi kính phục Huân, kính phục trí thông minh và tài hoa của anh. Ngày đó, Huân chưa đến tuổi hai mươi, tuy vậy kiến thức và tên tuổi anh đã được nhiều người biết đến. Bao lần, Oanh - em gái Huân - đưa tôi lên căn gác gỗ, nơi làm việc của anh, cho tôi xem những bức tranh treo kín khắp bốn vách tường. Thú thật, tôi không biết gì về hội họa, nhưng qua những bài báo rải rác được đọc, Huân là hiện thân của một thiên tài kiệt xuất. Tranh anh được người ta sưu tập, trân trọng. Buồn thay, con người tài hoa đó lại không phải hình ảnh tôi hằng ôm ấp. Dưới cái nhìn của một đứa con gái có nhan sắc, làm sao một người như Huân có thể lọt vào mắt xanh của tôi? Tôi đẹp, tôi biết mình đẹp, để xứng đáng với tấm nhan sắc đó, kẻ đi bên cạnh tôi phải thế nào kia chứ! Cứ hình dung Huân và tôi trên hè đường Lê Lợi vào một buổi chiều chủ nhật tấp nập người qua kẻ lại nào đó, là tôi đã cảm thấy hoảng hốt. Không, tôi kính trọng Huân, thương mến Huân, nhưng yêu Huân, điều này quả quá sức tôi.

Huân nghĩ đúng, khi tôi đẩy Huân ra, dù cố dằn lòng, trong giọng nói tôi vẫn tiềm tàng một quyết định dứt khoát. Nhìn vẻ mặt Huân lúc đó, tôi biết mình vừa xúc phạm đến một trái tim vốn nhạy bén hơn người bình

thường. Sự nhạy bén ở một nghệ sĩ, hẳn nhiên. Còn là sự nhạy bén của một con người trót sinh ra đời dưới một nhân dạng bất toàn nhưng lại quá đỗi thông tuệ tài hoa, hai cực đối kháng này đã biến anh thành một kẻ vừa e sợ vừa cao ngạo trước cuộc đời. Tuy còn trẻ, tôi vẫn hiểu rằng ấn tượng tôi gieo trong đầu Huân, sẽ có nguy cơ biến thành một vết thương khó kéo da non. May mắn thay, đúng như Huân nói, trong tâm hồn của mỗi con người, không phải chỉ tồn tại duy nhất một hình bóng. Tôi hiểu Huân, và yêu mến sự thành thực của anh. Với tiếng tăm anh đang có, chuyện đổ vỡ trong gia đình anh không còn xa lạ gì với quần chúng. Tôi đã biết, như mọi người biết. Tuy nhiên cái biết của tôi, của quần chúng phần nào bị khúc xạ lệch lạc bởi những dữ kiện không thật, do hư cấu, do thêu dệt chung quanh một mối tình, do vậy, chưa một ai xác quyết được nguyên nhân đưa đến đổ vỡ. Và chính lớp sương huyễn hoặc này, một phần nào gây cho tôi sự tò mò. Phải chăng đó là một trong những động lực khiến tôi đang ngồi đây, cái chỗ ngồi cách mặt đất trên ba mươi nghìn bộ, giữa trùng trùng mây trắng và tiếng động cơ rì rầm một nhịp đều?

Dĩ nhiên anh đã đau khổ, dĩ nhiên anh tưởng mình có thể chết được, như đã từng tưởng thế, khi mất Tuyền.

Vậy mà anh vẫn sống, vẫn vượt qua tuổi thiếu niên, rồi thanh niên, rồi trung niên và rồi gặp Tuyền, yêu nàng, lấy nàng, sinh con đẻ cái... Hai mươi mốt năm qua đi... Cho đến hôm nay, "gặp" lại em, để chợt nhận ra, đã có một thời trong trái tim anh, có một người mang tên Quỳnh Thư, từng hiện hữu như một hiện hữu bất khả đổi thay.

Và anh cũng chợt nhận ra, ngoài Tuyền, từ lúc biểu tỏ cái hành động nông nổi với em trong ngôi nhà vắng, hai mươi mốt năm qua, anh chưa từng nghĩ đến một người đàn bà nào khác. Có thể nói một cách chắc chắn rằng, trong cuộc đời anh, chỉ có duy nhất hai mối tình: Em và Tuyền.

Như thế có nghĩa là, em hiểu, anh đang nghĩ đến cái khả năng chúng ta, hai kẻ từng mất mát quá nhiều trong cuộc đời, biết đâu sẽ có thể nương nhau đi tiếp quãng đường còn lại.

Ngày nay, đã đi qua gần nửa đời người, liệu cái dáng vẻ bề ngoài của Huân đối với tôi sẽ thế nào? Thú thật, tôi vẫn không hình dung được lúc gặp Huân thực sự, tâm trạng của tôi sẽ ra sao? Trong tôi, hình ảnh Huân còn tồn tại vẫn là cái hình ảnh ít nhiều gợi lên sự thương cảm. Mà sự thương cảm, trong tình yêu, liệu có không chỗ đứng của nó? Có lẽ tôi không nên

dùng hai chữ "tình yêu". Với tôi, từ lâu rồi, hai chữ này dường như không còn là tác dụng tối trọng trong cuộc sống lứa đôi. Với tôi, ngày nay, rất cần thiết có được một người đàn ông đúng nghĩa? Mà thế nào là một người đàn ông đúng nghĩa? Cái hình ảnh Kha quỳ dưới chân tình địch, như một con vật tả tơi hèn mọn, bỏ mặc người vợ mới cưới run rẩy, đau đớn, tủi nhục, với chiếc bào thai bốn tháng, đứng chết lặng sau gốc cây già, vẫn còn in hằn trong tâm não, khiến tôi luôn luôn vừa kinh tởm vừa hoảng sợ. Chẳng may một lần nữa trong đời, tôi buộc phải đối diện một hoàn cảnh tương tự, thì sẽ thế nào đây? Tôi nghĩ rằng, dù bất toàn trên nhân dáng, Huân sẽ không phải là loại người như thế. Lại thêm một lý do nữa để tôi tự trấn an mình, rằng chuyến đi này không phải là một cuộc phiêu lưu may rủi. Với số tuổi bốn mươi, người ta không có quyền phó thác đời mình cho hai chữ rủi may. Tuy nhiên, dẫu biện minh cách nào, tôi vẫn có cảm tưởng hành động đang làm ít nhiều bị dẫn dắt bởi những động cơ vô hình nào đó mà tôi không đủ khả năng thấu hiểu.

Tại sao lại là Huân?

Ba năm từ ngày ly dị với Kha, quanh tôi nào thiếu bọn đàn ông? Phải chăng ngoài những lý do tôi vừa nêu, ấn tượng của buổi chiều bên cửa sổ vẫn còn làm tôi bất nhẫn? Phải chăng, cái hào quang của tài hoa anh, cho đến bây giờ, vẫn tiếp tục tỏa chiếu, đang là một quyến rũ? Phải chăng, như con gái tôi nhận xét, cái nhu cầu cần có một người đàn ông bên cạnh đã trở nên vô cùng bứt thiết?

Nhưng tại sao lại là Huân?

Đừng nghĩ anh muốn dùng em như một cái cớ để lấp đầy nỗi trống vắng và khổ đau hiện tại. Không, anh thừa biết em đang ở trong giai đoạn chín rộ nhất trong đời một người đàn bà, và chung quanh em, hẳn nhiên không thiếu những kẻ theo đuổi. Nhưng, hãy bình tĩnh để cân nhắc: liệu có kẻ nào yêu em như anh đã từng yêu em? Và em cũng thừa biết, liệu có kẻ nào sẽ thủy chung với em như anh sẽ thủy chung với em?

Bằng vào những tiên liệu chắc chắn đó, anh cố vượt qua nỗi run sợ của lần đầu ôm em trong ngôi nhà vắng, ngay thẳng đề nghị với em: hãy xin nghỉ một tuần, nửa tháng, lên đây với anh. Chúng ta sẽ có dịp để nói với nhau nhiều điều, và còn chán thì giờ để em có một quyết định dứt khoát về đề nghị của anh. Nếu chẳng may (anh tha thiết mong điều chẳng may này đừng xảy đến, nhưng nếu có xảy đến, cũng đành) anh không đủ điều kiện cùng em đi chung quãng đời còn lại, thì hãy xem đây như cuộc du lịch ngắn. Mùa thu đang chớm tại nơi anh ở, khí hậu chỉ se lạnh, trên khắp những ngọn đồi bao

phủ chung quanh thị trấn, hoa vàng và lá phong đỏ rực. Cảnh trí rất thích hợp cho ngơi nghỉ, an dưỡng tâm thân.

Tại sao lại là Huân?

Câu hỏi vẫn chiếm trọn đầu óc tôi kể từ lúc bước chân lên phi cơ cho đến bây giờ. Bây giờ, phía bên ngoài phòng đợi, người đàn ông đang dáo dác tìm kiếm. Tôi nhận ngay ra Huân khi vừa bước ra khỏi gate. Người con trai của tuổi mười tám hai mươi so với bây giờ không khác nhau nhiều lắm, dù thời gian đã để lại trên vầng trán thông tuệ kia nhiều đường cày, dù đôi mắt tinh anh đã có dấu hiệu của mỏi mệt. Nhưng Huân vẫn thế, vẫn nụ cười vừa tự tin, cao ngạo, vừa bối rối, lẫn tránh. Tôi bước vội về phía Huân, anh đưa tay định đỡ chiếc xách tay nhưng tôi đã vội nói.

"Không nặng lắm, em xách được."

Tôi biết, để giữ thân thể thăng bằng trên đôi chân bất toàn kia, đối với Huân đã là một cố gắng khó nhọc.

Chúng tôi đi dọc hành lang ra ngoài. Tôi cố tình chậm bước để Huân có thể theo kịp. Tại sao lại là Huân? Ngay trong phút giây này, tôi đã lờ mờ cảm thấy có điều gì không ổn. Nhưng tám giờ bay khiến tôi không muốn đào sâu thêm những uẩn khúc trong nội tâm mình. Mọi chuyện rồi sẽ đến như nó phải đến.

Ngôi nhà của Huân tọa lạc trên một ngọn đồi thấp, nhìn xuống vùng thung lũng có những vạt hoa vàng rực trong nắng chiều và những cây phong đỏ lá. Đúng như Huân viết, khung cảnh thật tuyệt vời. Sống nhiều năm ở thành phố, đôi lúc tôi có cảm tưởng như bị nhốt trong cũi, bức bối và tù túng quá đỗi. Bây giờ đối diện với thiên nhiên, tôi chợt thấy tâm hồn lắng xuống. Với bản chất của Huân, môi trường này quả là thích hợp. Tôi nói với anh điều đó khi vừa bước chân lên những bực thềm dẫn vào nhà. Anh cười nhẹ.

"Nhưng mà buồn lắm. Buồn chết được."

Ngồi với Huân vài phút ở phòng khách, tôi xin phép anh vào tắm rửa qua loa rồi thay bộ quần áo nhẹ, lên giường, định chợp mắt một hai tiếng đồng hồ. Tám giờ ngồi bó rọ trên phi cơ, hai vai tôi mỏi nhừ, và đầu nặng như đeo đá. Vậy mà tôi không ngủ được. Câu hỏi quái quỷ kia cùng những xao động trong tâm hồn do bao nhiêu suy nghĩ dồn dập kể từ lúc nhận thư anh và tấm vé phi cơ làm mắt tôi cay xè nhưng ráo hoảnh. Tôi ngồi dậy trở ra với Huân.

"Quỳnh Thư không nghỉ à?"

"Không anh, em thấy khỏe rồi."

"Quỳnh Thư đói chứ. Chúng ta xuống phố nhé?"

"Thôi... Em muốn xem tranh. Hai mươi mốt năm rồi..."

Huân đưa tôi vào phòng làm việc của anh, lật từng tấm tranh dựng dọc tường cho tôi xem. Anh nói.

"Đây là những sáng tác mới sau ba tháng ở Cali."

Tranh Huân bây giờ khác nhiều so với ngày trước, hình thể đã bị tước bỏ, và màu sắc cũng giới hạn đến mức tối đa. Tôi có cảm tưởng mỗi bức tranh là một công án của Thiền tông. Đường nét lẫn vào nhau, bất chợt giữa nền tối thăm thẳm, bỗng bùng lên những vệt sáng, tỏa chiếu lãng đãng và làm méo lệch tất cả mọi vật thể. Biên giới của sự thật hình như không còn, hay nói khác hơn, sự thật dưới mắt nhìn Huân, đã biến thái hoàn toàn theo những rung động sâu thẳm nào đó.

"Em không hiểu gì hết." Tôi nói.

"Có lẽ em nên xóa bỏ cái định kiến *hiểu* hay *không hiểu* khi xem một bức tranh. Vấn đề chỉ giản dị thế này: bức tranh tạo ra cho em cảm giác nào? Cái đó mới là cốt tủy của hội họa."

Từ chuyện hội họa, dần dần suốt buổi tối, chúng tôi nói với nhau rất nhiều điều. Một đoạn đời hai mươi mốt năm trải ra giữa hai chúng tôi. Có một lúc tôi chợt nhận thấy, có lẽ, tôi, chỉ tôi thôi, mới là kẻ Huân tìm kiếm, và ngược lại, hình như tôi đã bắt gặp ở Huân một tâm hồn đồng điệu. Tôi nhìn Huân, trực nhận trong đáy mắt anh một tia sáng. Cái tia sáng như những vệt màu tỏa chiếu lãng đãng trong những bức tranh của anh. Phải chăng do bị chìm ngập dưới ảnh hưởng của giây phút giao thoa này, tôi đã nhẹ nhàng gật đầu khi Huân ngập ngừng nhắc lại lời đề nghị trong thư?

Nhưng mà...

Trong bóng tối hư ảo của vầng trăng bên ngoài khuôn cửa sổ dội vào, tôi bỗng giật nẩy mình ra khỏi cơn đồng thiếp. Thân xác từng chứa đựng cái tâm hồn đồng điệu tôi vừa tìm thấy trước đây một hai tiếng đồng hồ nó như thế sao? Tôi lạnh toát toàn thân. Bật dậy như một chiếc lò xo, tôi kêu lên.

"Không, Huân..."

Tiếng kêu của hai mươi mốt năm xưa, tiếng kêu dội trong đêm vắng, tiếng kêu khiến Huân khựng lại. Anh ngã người ra mặt nệm, bất động vài giây rồi vội với tay kéo chiếc quần ngủ, mặc vào. Tôi xoay lưng vào tường, nước mắt bỗng trào ra. Không. Không. Không. Trong đầu tôi tiếng kêu vẫn tiếp tục dội vang.

Huân nằm bất động dễ chừng đến mươi phút. Cuối cùng anh ngồi dậy, nói nhỏ.

"Anh xin lỗi Quỳnh Thư... Ngủ ngon."

Huân lặng lẽ lết ra khỏi phòng, đôi chân khẳng khiu như hai que xương cố gắng đỡ tấm thân có chiều ngang quá khổ một cách vặn vẹo cực nhọc. Huân nhẹ khép cánh cửa. Đêm hoàn toàn yên tĩnh. Vầng trăng bên ngoài đã lên cao. Những đồ vật trong căn phòng nổi rõ hình thù dưới ánh sáng vàng dịu. Không, người ta không có khả năng bóp méo sự vật qua cái nhìn của tâm thức. Sự thật và ước mơ luôn luôn có một khoảng cách vô phương lấp đầy. Tôi nhớ lại những bức tranh của Huân, cái điều tôi không thể hiểu, cái điều bị bao phủ dưới lớp sương mù của đạo học hình như bắt đầu sáng ra trong óc não tôi. Suốt đêm tôi trằn trọc không cách nào chợp mắt. Gần sáng, tôi thiếp đi trên mặt gối đã nhòe nhoẹt nước mắt, cùng với những vệt màu rực cháy bay nhảy hỗn loạn.

Thiên nhiên ở đây vẫn đẹp, Huân vẫn dịu dàng, câm lặng, chịu đựng. Nhưng tôi hiểu hơn ai hết, tôi không thể tiếp tục đánh lừa mình. Tôi vẫn là tôi của những năm mười tám hai mươi, vẫn muốn đi tìm sự hoàn hảo ở một người đàn ông. Hoàn hảo ở cả thể xác lẫn tâm hồn. Tôi biết, sẽ chẳng bao giờ tôi tìm ra cái mẫu người lý tưởng đó.

Trên chuyến phi cơ trở lại Cali ngày hôm sau, nhìn ra trùng trùng bóng tối bên ngoài, tôi thấy hiện lên đôi mắt Huân khi tiễn tôi bước vào lòng phi cơ. Đôi mắt thăm thẳm, mỏi mệt, cam phận. Đôi mắt đã tắt ngấm những vệt màu tỏa sáng. Tôi nói thầm khi những giọt lệ chực trào ra. "Xin lỗi anh."

KHÁNH TRƯỜNG



CHÂN PHƯƠNG

năm mười nghìn lẻ một, đọc trong một thư tịch cổ

ô nhục không giết chết loài sinh vật ấy
và sự thật là điều trước đó chúng đã lãng quên
sau nhiều mùa lạc loài theo ngọn gió cuối thu
cùng nhà tiểu công cộng dọc hai bên xa lộ
chúng quyết định gởi kỷ niệm trên trăng
rồi vĩnh biệt các giấc chiêm bao người chết
đạp bừa lên mớ mảnh chai của nỗi bực dọc đầu tuần
giành từng giây trong cuộc việt dã
với mấy sợi tóc trắng
bỏ lại sau lưng miệng vực hư không
chúng ráo riết đuổi chụp
tờ giấy bạc.



bổ túc lý lịch cho loài di dân

dần dà chúng trở nên quen thuộc
với các mùa thu mùa đông sòng phẳng
đã qua cái buổi ban đầu loay hoay máy tính
khai thuế đầu năm trả nợ cuối năm
điện thoại xe nhà bảo hiểm
từ từ lấn át kỷ niệm hoặc người thân
nhịn thuốc lá để tiền uống bia
không mua báo mà mua vé số
tẩm liệm niềm vui bằng vài nụ cười vị lợi
tống táng nỗi buồn vào bão tuyết cuối trời
làm việc đẻ con ăn rồi ngủ
như một giống dân rời Ai Cập xưa
biển cả khép lại sau lưng
quay mặt với thiện ác giả chân
mặc kệ mưa rơi làm mờ nhạt
hình ảnh mấy mảnh ruộng cằn

chúng cố rượt đuổi cho kịp đàn người Do Thái
CHÂN PHƯƠNG



NGUYỄN THỊ ẤM

nguyệt cầm

Nguyệt cầm, nàng gảy, chàng đau
Duyên xưa với mảnh trăng tròn vỡ đôi
(Hát ả đào)

*

Dòng họ Nguyễn Huy ở làng Vân Đại vốn là dân lều chõng. Từ bao đời chẳng biết mồ mả đất cát ra sao, nhưng các cụ tổ ở dòng họ này đi thi đều hỏng. Theo lời các cụ kể lại, các ông khóa ứng thí ở trường Nam (Nam Định) cứ viết khoảng nửa quyển thì có một cô gái xinh đẹp mặc quần áo lụa trắng hiện lên với chiếc đàn nguyệt. Nàng vừa gảy đàn vừa khóc. Các ông khóa tâm thần tán loạn, không viết được gì, cộng với nước mắt nàng lã chã rơi xuống bị nhòe chữ, thế là hỏng.

Tới đời thứ bảy, dòng họ Nguyễn Huy lại có một ông khóa đi thi. Ông này láu lỉnh, mang theo một cái bát sành. Tay trái ông hứng nước mắt của cô gái xinh đẹp đó, tay phải viết quyển thi. Ông viết trong tiếng đàn, tiếng khóc. Khi viết gần xong, bát đầy mà không biết. Thế là nước mắt tràn ra làm nhòe mấy trang cuối của quyển thi.

Khoa thi năm ấy, quan chủ khảo thấy quyển của ông văn hay chữ tốt, không nỡ đánh hỏng, lấy ông đỗ tú tài. Tú tài ngày xưa nếu là người có tiếng, có đức, may ra được vua vời ra làm quan. Còn đa số quay về gõ đầu trẻ, viết câu đối tết, thưởng nguyệt ngắm hoa một mình.

Ở quê tôi, người nào đỗ tú tài là vênh vang lắm rồi. Ngày ông về, bà con họ mạc, xóm làng ra đón. Chả biết vì bất đắc chí hay tủi hờn, ông ném mẹ cả sách cụ Khổng, bút lông, mực tàu xuống ao. Chú tiểu đồng vác chõng tre ngơ ngác nhìn ông. Điên tiết, ông hê nốt cái chõng vào bụi ruối.

Ông bỏ làng đi xa lắm. Nghe đâu vào tít tận miền Nam. Vào trong đó ông làm nghề thầy lang bốc thuốc, trở nên giàu có. Nhưng ông thù bọn đàn bà nó ám văn chương ông, bèn lấy một lúc sáu vợ. Thỉnh thoảng các mụ vợ ghen tương, đánh nhau. Ông trông thấy, không can mà còn vỗ tay khen hay. Các bà đánh nhau, đều tưởng chồng bênh mình. Ông không bênh lại còn xúi thêm. Các bà sợ đau đành phải giảng hòa.

Tới đời thứ chín, có một ông khác đi thi. Ông này hay chữ nổi tiếng khắp vùng, không những thế, còn có tiếng phong lưu công tử. Năm hai mươi ba tuổi, ông vác lều chõng đi thi. Trước khi đi, ông biết thừa sẽ bị cô gái xưa hiện lên cùng với cây đàn và tiếng khóc ám ảnh. Vào trường thi, ông không nằm viết như các sĩ tử khác mà ngồi viết. Cái quần trắng vải trúc bâu, ông tháo đường chỉ ở đủng quần. Nó giống y như cái cửa quần tây bây giờ. Trước mặt, ông xòe cái ô đen để đỡ ngượng với các bạn đồng môn. Gió bốn phương thổi qua lỗ hở vào người mát lồng lộng. Ông viết một mạch, văn như gió cuốn, chẳng có con ma nào đến quấy ông. Khoa thi năm đó ông đỗ luôn nhị trường. Tức cử nhân thứ hai.

Ông vinh qui bái tổ về làng. Người làng kể, ông nằm trên võng còn cười khanh khách. Từ đó trở đi dòng họ nhà Nguyễn Huy không bị ma ám nữa. Ngôi nhà thờ tổ của dòng họ này xây thêm một cái điện nhỏ để thờ riêng ông. Người làng gọi ông là ông cử Bạch. Điện của ông còn thiêng cho đến bây giờ. Những kẻ thi cử vào khấn ông để được phù hộ. Người làng còn bịa thêm vẫn gặp ông mặc quần thủng đáy, vừa đi vừa hát lúc đêm khuya trên đường làng.

Đỗ đạt xong, ông được vua Nguyễn sai đi làm tri huyện ở một tỉnh miền ngược. Khác với mọi vị quan trẻ khác, ông không mang vợ con theo mà đi một mình. Giống như mọi thầy khóa, ông lấy vợ sớm để có thêm người làm ruộng. Bà vợ này xấu xí nhưng khỏe mạnh, trông y như cái chum nước. Đối với trí óc đàn bà, ông đỗ tận cử nhân quả là quá ghê sợ, nên muốn đi đâu, làm gì chẳng bao giờ bà dám hó hé. Mỗi một dòng họ ở làng tôi đều mang một thói xấu. Ví dụ như lưu manh, ăn cắp vặt, thầy cò thầu kiện. Riêng dòng họ Nguyễn Huy ấy mắc cái dòng máu cuồng sĩ. Ông cử nhân Nguyễn Huy Bạch này cũng mang ít nhiều dòng máu đó. Chẳng biết nó màu gì, nhưng đã thành giai thoại, thành chuyện cho đến tận bây giờ vẫn chưa tan.

Ông tuy là quan huyện của một tỉnh miền ngược, nhưng thỉnh thoảng vẫn nhảy về Hà Nội chơi. Hà Nội ngày ấy còn thưa vắng. Cái mảnh đất cũ kỹ này đã biến thành một thành phố nửa tây nửa ta. Buổi tối thành phố nhom nhem nửa đèn dầu nửa đèn điện, nhưng không thiếu gì những thú vui hoan lạc. Nó giống như các cô gái Việt Nam hồi đó vẫn mặc áo đen đầu đội nón quai thao, nhưng kéo váy các cô lên một tí thì đùi các cô vẫn trắng xanh, trắng nõn. Các điểm hát cô đầu như ngõ Cấm Chỉ, Khâm Thiên... hầu như đêm nào cũng sáng đèn suốt đêm. Trong đó vẫn vẳng ra tiếng trống, tiếng phách, tiếng đàn. Nghe kỹ, người ta thấy cả tiếng cười, tiếng kêu khe khẽ. Đêm vắng, nhưng phần xác và phần hồn của những kẻ lãng tử đều được toại nguyện. Để rạng sáng hôm sau những kẻ từ đó ra đi với một linh

hồn bải hoải, đầu óc trống rỗng vô hoài. Họ ngất ngư trong buổi bình minh đầy nắng đỏ mây đen.

Ông cử Bạch tuy mang trong người dòng máu văn nhân phóng đãng, nhưng trong ông vẫn còn mảnh đất nhân văn của tình yêu hoang vắng. Từ mảnh đất ấy, trong những đêm dài hát cô đầu, một bông hoa phù dung hé nở tuyệt đẹp. Vào một đêm dưới ánh trăng suông, người ta thấy ông ra khỏi tiếng đàn, tiếng trống. Ông gọi một chiếc xe tay ra ga Hàng Cỏ, và không định đi một mình. Đi theo ông có một cô gái ăn mặc quần áo lụa bạch, đầu vấn tóc, răng trắng. Da nàng trắng thơm như một cánh hồng trắng. Lông mày và mắt nàng đen óng trong ánh điện màu vàng tối của phố phường. Tiếng đàn nguyệt vang theo gót chân nàng thánh thót.

Ông tuy là tri huyện, nhưng còn rất trẻ. Khi đi chơi, ông ăn mặc theo cách của kẻ hàn sĩ. Người ông đẹp thanh tú, tinh quái. Cặp tình nhân đó đi chuyến tàu ngược Lào Cai. Ga đêm, người vắng. Mấy ông đội xếp, mấy thầy ký ga đương ngái ngủ đều giật mình ngắm cặp tình nhân quá đẹp.

Còi tàu kêu u u. Đoàn tàu chuyển bánh. Tại một phòng của toa hạng nhất, người ta thấy cặp tình nhân đó lại ôm nhau ngủ thiếp. Cô gái hé mở một nụ cười hạnh phúc. Tâm hồn cô lúc ấy như một con thuyền trôi lững thững đã bao năm trong tiếng đàn, bây giờ về bến.

Tại phủ đường vắng vẻ của một huyện miền ngược, ngày trước người ta chỉ nghe tiếng mõ cầm canh và tiếng ào ào suối chảy trong đêm. Nhưng đêm nay, người ta thấy cả tiếng nguyệt cầm thánh thót. Ông huyệt ngất ngư trong men rượu. Dân bản địa không hiểu ông say đàn, say rượu hay say nàng. Cô gái tuyệt đẹp theo ông nghiễm nhiên thành bà huyện. Người ta không biết tên cô gái đó là gì, họ bèn gọi nàng là Nguyệt Cầm.

Đôi uyên ương đó sống trong tình ái, câu thơ và tiếng đàn. Nhưng bỗng một ngày có người lái buôn từ đất nước Trung Quốc rộng mênh mông, vượt biên giới sang Việt Nam. Đàn ngựa thồ lặc lè chở những đồ sứ quý Trung Quốc, hàng tơ lụa, lẫn với những đồ trang điểm cực đẹp. Khi đi qua cửa huyện đường, người lái buôn đem vào biếu quan huyện sở tại một số đồ sứ quý. Ông huyện đáp lễ, mời người lái buôn cùng đoàn tùy tùng nghỉ lại một đêm tại huyện đường. Tối hôm ấy vợ chồng tri huyện mời người lái buôn đến nhà riêng ăn cơm. Đó là một người Trung Quốc trọc đầu, mắt sáng và sắc như dao. Người đó to cao, có vẻ lẫn lộn gì đó giữa một pháp sư và một kẻ giang hồ. Người lái buôn cùng với hai vợ chồng ông huyện ăn cơm uống rượu với nhau. Giữa bữa ăn buột mồm, người lái buôn khen bà huyện đẹp như hoa Mạt Ly. Ông huyện khẽ cười, còn Nguyệt Cầm đỏ mặt. Nàng ngước đôi mắt ngọc lưu ly nhìn hắn cám ơn. Sáng hôm sau trước khi chia tay, hắn sai tùy tòng đem vào dâng bà huyện một xấp lụa Hàng Châu.

Từ đó trở đi, mỗi chuyến buôn qua đây người lái buôn đều ghé thăm vợ chồng ông huyện Bạch.

Vào một đêm mưa, nước suối dâng, đường về xuôi bị tắc, người lái buôn lỡ đường tạm trú nhà ông huyện. Núi rừng heo hút, thiếu bạn tri âm, ông huyện và người lái buôn uống rượu tán gẫu. Tự nhiên ông huyện nổi hứng, ông sai vợ đem đàn ra gảy cho bạn nghe. Tiếng đàn rơi lẫn tiếng mưa. Trong hơi rượu ông huyện có ý ngầm khoe tài của vợ. Nghe xong tiếng đàn người lái buôn nói: "Tài của lệnh bà quả là vô song. Tôi ngày xưa cũng có biết một vài ngón đàn. Nay xin hầu quan lớn và phu nhân". Hắn đỡ lấy chiếc đàn từ tay bà huyện, đưa tay vuốt nhẹ trên mặt đàn, một chuỗi âm thanh như tiếng ngọc rơi vào đêm. Hắn bắt đầu gảy. Thư phòng của quan huyện hôm đó tự nhiên lặng ngắt. Không gian tối sẫm, ngọn nến chập chờn trong tiếng đàn và sương gió của nhân gian. Ông huyện ngồi rũ rượi. Linh hồn ông đi tận nơi nảo nơi nào. Bà huyện cũng hút hồn vào đó. Mắt bà huyện đen óng đầy bướm trắng bay. Hắn đàn xong rồi. Hình như cả không gian cũng không còn thở nữa.

Lần đó tắc đường, hắn quay về Trung Quốc. Hai hôm sau huyện quan mất vợ. Thực ra chẳng phải hắn rủ rê, mà bà huyện trẻ trung xinh đẹp bị tiếng đàn bắt mất hồn. Bà lần theo vết chân ngựa của hắn để về cái xứ sở rộng mênh mông và mịt mù mây xám.

Ông huyện Bạch phi ngựa đuổi theo vợ. Ngựa của ông đến ải Mục Nam Quan thì mất bóng Nguyệt Cầm. Ông hỏi viên quan trấn ải. Viên quan này trả lời: "Sẩm chiều hôm qua có người lái buôn Tàu qua đây. Hắn ngồi trên lưng ngựa, tay ôm một cô gái mặc quần áo lụa trắng, cô nàng đẹp tuyệt trần. Trong đoàn lính của tôi có thằng mải nhìn cô đến nỗi ngã ngựa."

Ông Cử Bạch trở về. Trời chiều mây đen vần vũ, ông ngẩng mặt lên trời than: "Ngày hôm nay khúc Tư Mã Phượng Cầu sao vẫn còn."

Từ đó nẻo đường biên ải vốn vắng vẻ lại thiếu bóng người khách buôn Trung Quốc. Buổi chiều ngồi trong công đường, mắt ông huyện trông vô vắng đến não nuột. Mấy người lính hầu đứng im phắc, biết quan buồn mất vợ, sợ đến nỗi ruồi đậu vào mồm không dám đuổi. Lần đầu tiên dòng máu cuồng sĩ ngạo mạn trong ông không chảy nữa. Từ nay ông biết ngoài cái ngôn ngữ tình yêu của con người, có một cái ngôn ngữ tình yêu sâu ẩn hơn, mê hồn hơn, đó là tiếng đàn.

Hình như tình yêu vô vọng nó làm cho tất cả mọi người ngớ ngẩn. Buổi chiều xong việc quan, ông thường mở cửa ngóng về phương Bắc. Ông biết rằng theo sách của người xưa, người đàn bà đã đi theo tiếng đàn thì không bao giờ quay trở lại. Năm ấy ông chưa đến ba mươi tuổi mà mái tóc đã pha sương.

Người đàn ông mà Nguyệt Cầm đi theo vốn có dòng máu quan lại lâu đời trong triều đình Trung Quốc. Chẳng may sự thay ngôi đổi chúa làm dòng họ ấy bị thất sủng. Ngón đàn tài hoa người đàn ông gảy cho Nguyệt Cầm nghe là ngón bí truyền. Tiếng đàn siêu ẩn ấy, người bình thường mấy ai được nghe. Xưa kia tiếng đàn này chỉ dành riêng cho hoàng đế Trung Hoa. Người ta kể lại rằng, ngày xưa có một nhạc công tài hoa. Người này khảy đàn cho vua Tần Thủy Hoàng nghe. Các thị nữ của vua Tần Thủy Hoàng rất đẹp, chàng trai đó si mê. Chàng lấy ngón đàn bí truyền mà gảy. Vua Tần Thủy Hoàng và các cận vệ của ông ngồi mở mắt nhưng mất hồn. Còn chàng kia cùng các thị nữ của nhà vua nhảy múa chán chê rồi lại ái ân tơi bời mà không ai biết. Tang tảng sáng, chàng lại dùng tiếng đàn của mình cho nhà vua và các cận vệ của người tỉnh lại. Từ đó trong đám hoàng tử công chúa, có mấy kẻ giống y như người nhạc công. Vua Tần nghi ngờ, người nhạc công sợ hãi trốn mất. Hình như nhà vua sợ sử sách chép lại chuyện đó, bèn ra lệnh đốt sách và trở nên rất tàn bạo. Tuy vậy, tiếng đàn đã đầu độc nhà vua. Vua không thể thiếu tiếng đàn, giống như kẻ nghiện không thể thiếu thuốc phiện. Sách còn chép lại, vua Tần Thủy Hoàng rất mê tiếng đàn. Trong cung không bao giờ vắng tiếng nguyệt cầm. Vua thường nghe một mình trong cung điện vắng. Người khác nghe tiếng đàn thì lòng dịu hiền, còn nhà vua thì càng ngày càng thêm tàn bạo và khát máu người. Tất nhiên chuyện đời không nên quá tin, nhưng không thể không có mà dựng lên được. Chuyện ông cử Bạch vì tiếng đàn mà mất vợ là chuyện có thật.

Trong vòng tay người lái buôn, trên mình ngựa, Nguyệt Cầm đi gần hai tháng trời mới về đến nhà hắn. Đó là một tòa nhà nhỏ, hướng cửa quay ra một mặt hồ rộng. Hồ rộng lắm, đứng bên này bờ nhìn sang bên kia, con người chỉ nhỏ bằng hạt đậu. Một tình yêu hoang trong cung đàn, dưới bầu trời rộng xanh biếc. Khó có thể nói mối tình nào đau đớn và hạnh phúc hơn.

Về đến nhà, người lái buôn sống sung sướng như một ông vua, nhưng vài tháng hắn lại rong ruổi trên những nẻo đường khác nhau. Nàng mê hắn bởi tiếng đàn, nhưng hắn chẳng bao giờ còn đàn cho nàng nghe cả. Căn nhà hắn ở có một cái điện thờ, trong điện có một bức tranh vẽ bằng mực tàu đã ố vàng lồng kính. Tranh vẽ một người đàn bà ôm cây đàn nguyệt. Bức tranh vẽ đẹp đến nỗi người ta tưởng nàng là người thật. Vào những đêm trăng suông cuối tháng nghe văng vẳng tiếng đàn từ trong bức tranh lẫn tiếng khóc chìm trong tiếng đàn.

Nguyệt Cầm sợ lắm. Hắn lại đi, hắn bỏ lại nàng với hai nàng hầu gái câm như hến. Đất khách quê người, cả một mùa đông dài lê thê. Nàng ở một mình trong cô vắng. Ngoài trời tuyết bắt đầu rơi lả tả xuống mặt hồ.

Mặt hồ thì xanh, tuyết rơi thì trắng, căn nhà rộng mênh mông. Chuyện trò với nàng chỉ có cây đàn và chiếc bóng của nàng. Đêm vắng, ở xa người ta nghe vẳng tiếng đàn nguyệt. Nàng đã nặng duyên cầm sắc với tiếng đàn. Nhưng nàng đâu biết, mỗi lần nàng đàn, tiếng đàn lại hút máu nàng. Nàng chết trong đêm mùa đông đầu tiên nơi đất khách quê người. Ngoài trời tuyết phủ trắng mặt hồ. Nàng chết vì mất máu. Xác nàng trong như thủy tinh, chỉ có tóc và lông mày nàng vẫn còn đen óng như xưa. Nàng không hiểu rằng, nàng là vật tế nữ thần đàn của hắn. Nàng chết, người nàng được gia nhân rửa bằng nước thơm, xác nàng được liệm bằng sa tanh trắng, chôn y vậy dưới bức tranh nữ thần đàn của người lái buôn. Từ đó tiếng đàn vô ảo trong cái điện thờ lại trở nên sâu ẩn hơn. Một kẻ lãng tử vô phúc qua đây khó lòng mà bước nổi.

Từ ngày mất vợ, quan huyện Bạch như người mất hồn. Một hôm, gia nhân bắt được một con chim bạch yến đậu trên ống bút của quan. Mỏ và chân chim đỏ tươi như máu. Quan huyện thích lắm. Quan làm một cái lồng thật đẹp. Mái lồng bốn cánh cong cong như mái chùa. Có điều lạ, con chim này chỉ hót khi có một mình quan huyện. Tiếng hót của chim nghe như tiếng đàn nguyệt lẫn với tiếng khóc và tiếng gió mưa.

Một hôm vào mùa đông, chim bạch yến bệnh không chịu ăn uống gì cả. Nó nằm ở góc lồng sã cánh nhìn ông huyện. Quan huyện buồn bã, ông lấy tí nước dãi của mình cho ra ngón tay đưa vào miệng chim để tiễn biệt. Con chim ngỏng cổ nuốt nước dãi của ông. Chim không chết mà tự nhiên dần dần tỉnh lại. Từ đó trở đi chim không bao giờ uống nước mà chỉ uống nước dãi của ông huyện.

Đêm đêm khi ngủ, ông huyện thường nằm mơ thấy mình ái ân với một người đàn bà tuyệt đẹp, da nàng trắng như tuyết, tóc nàng vừa đen vừa xanh biếc như rêu, người nàng tỏa hương thơm như mùi hoa cỏ úa, mặt nàng bao giờ cũng có một lớp sương mù màu trắng bao phủ xung quanh làm ông không nhìn rõ nét. Trong lúc ái ân nàng khóc, tiếng khóc thút thít như tiếng khóc của bé thơ. Ông huyện hỏi thế nào, nàng cũng không nói năng gì. Đáp lại ông chỉ có tiếng nguyệt cầm vẳng vọng nghe buồn đến chết người.

Sáng ra tỉnh lại, ông nghĩ người đàn bà mà mình gặp trong mộng đêm qua có cái gì giống như Nguyệt Cầm, nhưng da thịt nàng quá lạnh. Lạnh đến nỗi nghĩ lại ông còn sợ. Nhưng ông thú thật với lòng mình, riêng ông, ông muốn đêm nào nàng cũng về với ông như vậy.

Nhà vắng đêm khuya, ông ngồi đọc sách. Tự nhiên trong bóng tối chập chờn vẳng vọng tiếng đàn nguyệt. Tiếng đàn tinh diệu linh ảo như tiếng đàn của người khách Tàu năm xưa vậy.

Ông sống với tiếng đàn và tình yêu trong những giấc mộng đến nửa năm. Một hôm có vị thầy tướng từ Quảng Đông, Trung Quốc đi qua huyện đường nhìn thấy ông. Thầy nói, "Quan lớn bị ma nó hại rồi. Quan lớn nói thật đi, may ra tôi có thể giúp được". Ông huyện bèn kể hết, ông kể từ chuyện cô gái mặc quần áo trắng và cây đàn nguyệt ám ảnh dòng họ ông trong khi thi cử cho đến cô Nguyệt Cầm, đến chim bạch yến và cô gái ông vẫn gặp trong mộng.

Thầy Tàu nghe chuyện, trầm ngâm một hồi rồi trả lời: "Ngày trước, chắc các cụ nhà ông cậy quyền cậy thế ép tình một kỹ nữ, làm chết người ta. Con ma cái ấy đã định lấn lướt ông ở trường thi, nhưng đàn bà kém mưu không làm được. Nó theo ông nuôi hờn phải trả. Khốn nỗi thay, ma cái cũng vẫn là đàn bà, mà ông lại là kẻ lãng tử minh trí, thế là từ hờn lại chuyển thành yêu. Có một điều con ma đó lại đa đoan tiếng đàn, phải bỏ xác nơi đất khách quê người. Nó nhớ thương ông, hóa thành chim bay về với ông. Tình xưa chưa tan, con ma biến thành người đòi ái ân. Chỉ có điều người âm máu lạnh, người dương máu nóng. Nó làm thế bằng giết ông. Ông giống như một bó đuốc bị nhúng xuống suối, chả mấy mà tắt. Dòng họ ông nhờ ông mà giải được oán hờn. Con ma ấy trong lúc ái ân nó khóc, có thể là tiếng khóc của một kẻ phụ tình, cũng có thể nó biết rằng vì nó mà ông sẽ chết. Tôi nói với ông chuyện này chắc con ma ấy sẽ nghe thấy. Ông bây giờ về nhà con chim bạch yến ấy đã chết, vài hôm nữa ông sẽ thành người thiên cổ. Nếu ông muốn giữ nắm xương tàn ở quê hương thì về ngay đi không muộn. Ông đừng sợ, cái thế giới bên kia cũng không vô vắng lắm đâu. Điều cuối cùng an ủi ông, cái duyên cầm sắc của ông sang đến tận bên kia hãy còn."

Ông huyện Bạch về nhà. Con chim yến đã chết rũ ở góc lồng. Người hầu bảo ông chắc con chim nó cắn lưỡi chết vì thấy mỏ nó có vài giọt máu.

Ông đi chuyến tàu sáng, qua ga Hà Nội rồi đi tiếp về quê hương. Về đến quê, ông nói với bà vợ cả: "Tôi về để chết đây. Hãy chôn tôi ở chỗ gò đất hoang phía đồng mả". Người nhà tưởng ông đi đường mệt nên nói đùa. Ông vào trong buồng, đặt hai tay lên bụng rồi nhắm mắt đi luôn.

Tối hôm sau nhập quan. Cả làng và các quan trên tỉnh kéo đến đưa đám ông cử Bạch. Trời đương sáng trăng, bỗng mây đen kéo kín. Một cơn gió lớn từ đâu thổi lại làm đèn nến tắt sạch. Từ trong quan tài, người ta thấy có một luồng khói trắng bay ra, cuốn vào ngọn gió hoang bay thẳng lên trời, nơi những vì sao đang mọc.

Ông sống oai phong "phụ mẫu chi dân", kẻ hầu người hạ tấp nập. Khi ông chết tháng năm cũng xóa dần. Mộ của ông đến bây giờ thành ngôi mộ hoang bởi con cháu đều từ bỏ quê hương đi kiếm ăn ở nơi khác. Hiện nay

có người đã thành nhà văn, hình như văn chương cũng tuyệt luân bán được lắm tiền. Các ông các bà trong cái dòng họ Nguyễn Huy không giải thích được câu trăn trối của người khuất bóng. Họ phải chiều theo ông để ông nằm một mình ở cái cồn hoang đầy gió lạnh.

Ông chết được mấy tuần. Một hôm người ta thấy một đàn quạ đen bay rợp trời. Có một điều lạ, trong đàn quạ đen đó có hai con quạ trắng. Chúng nó cặp đôi với nhau đậu trên một cành của cây gạo đại thụ. Hai con này kêu to nhất, vang vọng cả một khung trời.

Cái gò hoang từ xưa đã nổi tiếng lắm ma. Bây giờ lại thêm ông cử Bạch nằm ở đấy, nên người làng từ lớn chí bé chẳng ai dám bén mảng tới đó vào đêm. Năm mươi năm về trước có một người mõ làng tối tối vẫn mò sang gò hoang bắt quạ về chén. Một hôm, vào đêm tháng ba nhà hết gạo, tuy sợ ông cử Bạch nhưng đói quá hóa liều. Ông mõ làng một mình mò mẫm lội trên cánh đồng ngập nước rộng thênh thang. Tháng ba trời còn lạnh, trăng suông, mây trời vần vũ. Cây gạo im lìm, đàn quạ đậu kín ngọn cây. Ông nằm xuống, hé mắt nhìn vào cồn hoang. Bỗng ông thấy ông cử Bạch mặc bộ quần áo thầy khóa ngày xưa, đầu đội khăn xếp, tai dắt chiếc bút lông, mặc áo chùng đen quần diềm bâu vải trắng. Ông cử Bạch vòng tay ôm một cô gái mặc quần áo lụa trắng tuyệt đẹp. Nàng đương gảy đàn. Tiếng đàn từ ngón tay nàng vang ra thánh thót. Ông mõ làng khoái quá vì ông thấy chuyện người xưa yêu nhau cũng y như ông yêu vợ ông. Ông vừa nhìn vừa nghe tiếng đàn. Ông mõ làng không biết rằng chính ngón đàn đó là ngón đàn bí truyền của người lái buôn Tàu ngày xưa và cũng chính là ngón đàn vua Tần Thủy Hoàng đã nghe và đã ngủ mở mắt.

Vua chúa còn vậy, huống hồ chi ông. Ông nhắm mắt ngủ một lèo cho đến khi nắng chiếu vào miệng mới dậy. Ông về kể lại cho người làng nghe và còn lèo thêm là ông cố mở mắt nhìn thấy ông cử Bạch chân lận guốc gỗ, vỗ tay nhảy múa trong tiếng đàn. Ông còn nói thêm một vài điều gì rồi che miệng cười khích khích.

Tôi viết truyện này xong. Trong lòng còn văng vẳng tiếng đàn nguyệt. Tình yêu nó cũng đau buồn như tiếng đàn vậy, và lại giống cả tiếng hót của chim bạch yến vào buổi rạng đông. Tôi chịu, tôi không lý giải nổi hạnh phúc và nỗi đau của tình ái. Có một điều mà tôi nghiệm thấy, tình yêu không tránh nổi những đau buồn. Hình như vạn năm qua ánh sáng của các vì sao vẫn chiếu sáng trên những nỗi đau buồn của tình ái. Và vạn năm sau nữa vẫn vậy không hề khác.

Hà Nội, tháng 6, 1991
NGUYỄN THỊ ẤM
(Trong nước)



SÔNG PHỐ

fromage

mấy gã đàn ông
thích vụng trộm
vẫn rập rình
quanh tôi

như những chú chuột lắc
trên đôi chân
liếng thoắng

họ sẵn sàng
nhả tôi ra
tót về hang

trên ria mép
còn
dính fromage.

mượn

tặng DTT

Em mượn anh
cái chén
đã trong chạn người khác
nhấp chút tình thừa
cay xé bờ môi

Em mượn anh
cái xác
trong vòng tay người khác
tìm chút hồn
vướng víu ở bên trong.

Em mượn anh
từ ảo tưởng tình yêu
để níu kéo
chút xuân thì còn sót lại...

SÔNG PHỐ



NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

đàn bà là đồ chơi của đàn ông?

Khi trứng của người đàn bà từ chối gặp gỡ
Đám tinh trùng lúc nhúc có khác chi giòi bọ
Ồ xin lỗi
Em chỉ là con búp bê nên làm anh tuyệt giống.

Ôi Adam! Anh tìm gì ở những bầu dục vọng?
Anh xối nhục cảm lên những cụm lông mịn
Anh cỡi sâu bóng tối nhầy nhụa sương mỏng
Anh thủ dâm nhàu nát khoái lạc rỗng
À thì ra anh muốn bay lên như những chùm bong bóng!

Ồ chẳng qua anh bay được cũng nhờ luồng khí ấm phủ nóng
Ồ phép lạ gì đâu anh chả bảo em chỉ là món đồ chơi
Hỡi tên Adam kiêu ngạo đáng thương của em ơi!
Có hề gì nếu anh là "male stripper" đon đả nỗi cuồng dâm nhiệt đới
Có hề gì nếu khách mua hoa cũng hành nghề đĩ đực
Có hề gì nếu đàn ông thấm đổ mồ hôi dương cực
Vâng, có hề gì nếu đâu phải chỉ đàn bà mới đem làm thứ giải trí trang sức!

Vẫn là những thành kiến làm em khá tức bực
Vẫn là những thói tật xếp loại phê bình kiểu bôi bác hiềm tị
Cuộc đời tưởng chết tiệt những thiên tài nghệ sĩ

Chỉ còn lại thứ quạ kên vỗ ngực
Chỉ còn lại những mua bán mặc cả cảm xúc
Xin lỗi anh tâm hồn em đã quá bị phá sản kiệt sức!

Ôi! Đã đến lúc em có quyền giao phối thách thức
Ăn nằm trinh nguyên với những giọt tinh trùng ngân hàng
Em chỉ cần trả một trăm bốn chục đô cho một "sample" động cỡn
Đường tinh anh sẽ không sợ mất mùa hạn hán
Máu của anh nhất định sẽ được thí nghiệm kỹ càng
Em yên tâm khỏi phải cầu kinh sám hối
Nhân danh đứa bé
Em tuyên bố cuộc giao hoan này vô tội!

Có những đêm tối em muốn cùng trăng vỡ xanh nước mắt
Để chúc phúc riêng cho những môi hôn nồng nỗi đẫm đầy thuốc phiện.
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH



MIÊNG

nghịch cảnh

Trần nhà sao mà thấp quá. Cái nóng hè Sài Gòn như úp chụp xuống căn phòng điều tra. Mồ hôi nhễ nhại trên trán, tóc bết vào hai thái dương, cô Ba định thần nhìn chung quanh như tự xác định vị trí mình đang ngồi. Bàn làm việc của anh công an quận ngổn ngang giấy tờ làm cô thêm mệt. Chiếc quạt máy uể oải chạy xè xè trên trần như sắp đứt hơi. Cô Ba cứ nhìn quanh, hụt hẫng mơ hồ như trong chiêm bao. Cô tìm kiếm cái gì chính cô cũng không biết.

Tiếng rơi của cây bút chì làm cô giật mình. Anh công an vẫn hỏi giọng ôn tồn chị đã suy nghĩ kỹ chưa. Chị có sẵn sàng muốn nghe hết sự thật không. Cô Ba nhìn cái máy ghi âm trên bàn, lòng ngao ngán. Một cảm giác nghèn nghẹn, chặn cứng ở cổ làm cô nửa muốn ói, nửa muốn ngất. Cô can đảm gật đầu. Một lần trong đời rồi thôi, cho dù sự thật mà cô biết trước là sẽ rất phủ phàng, sẽ làm cô chết lịm cả linh hồn, sẽ giết cô mỏi mòn trong đau khổ quá sức con người có thể chịu đựng. Anh công an nhìn cô như ái ngại, rồi đưa tay ấn nút cho máy chạy.

Cô Ba đưa khăn chậm mồ hôi vả ra trên trán, trên cổ, khắp người. Dù cái máy ghi âm đã cũ, cô vẫn nhận ra giọng anh chàng Hảo rất rõ ràng, bởi cô đã nghe nhiều lần, rất nhiều lần, hắn từng nói những lời nịnh bợ cô trong những bữa cơm mà hắn đã tới hoặc "tình cờ", hoặc cùng lúc về với Cảnh. Nào là bà chị nấu cơm khéo quá. Nào là ăn cơm của bà chị rồi thì chả còn muốn ăn cơm nhà ai khác nữa. Thảo nào, hắn nghiền cơm cô đến nỗi cứ như nhà cô nấu cơm tháng miễn phí vậy!

Cô Ba liếm môi. Cái nóng kinh người đốt cháy cô từ trong ruột đốt ra. Sao miệng cô đắng chát thế này?

- Anh Cảnh có ý thức là tuổi tác giữa anh ta và cô Trần Thị Đoan Trang có cách xa nhau nhiều không?

Hảo lại cười. Lại vẫn giọng cười ấy:

- Đồng chí coi, nếu tính chuyện xây dựng thiệt tình thì còn để ý tới tuổi tác. Cảnh biết là cô ta già gần tuổi mẹ anh. Nhưng chuyện ấy ăn nhằm gì vì Cảnh có thương yêu gì cô ta đâu?

Ngoài sân có tiếng ai vô tình cười. Thiên hạ có nhiều người dễ cười. Cô thèm được cười vô tư như họ. Cô chợt nhớ có nhiều lần cụ thân sinh nhắc nhở hoài về tiếng cười dòn dã của cô gái hầu trong gia đình. Theo cụ thì đó là người con gái đáng yêu duy nhất mà trong đời cụ được gặp. Tiếng cười của cô gái hầu ấy duyên dáng thu hút đến nỗi trong tuổi hùng tráng của thanh niên, cụ đã đùa nghịch vào tóc, vào má mỗi lần cô phải lên hầu "cậu Cả". Và tiếng cười của cô gái hầu ấy đã phải biến thành tiếng khóc khi cái quan niệm "môn đăng hộ đối" đã bắt cụ phải bỏ vào Nam. Và người con gái ấy, để tránh những nhầm lẫn có thể gây tai hại về sau, đã được phép của gia đình cụ cho đứa con gái nhỏ mới lọt lòng mang tên giòng họ cụ. Và vì đứa bé được sinh ra ngày mồng một tháng năm âm lịch, nó có cái tên dễ nhớ là Trần Thị Đoan Ngọ. Cụ thường ao ước được nghe lại tiếng cười dòn dã như tiếng thủy tinh rơi ấy. Tiếng cười như chim hót buổi mai đầy hồn nhiên chơn chất ấy. Tiếng cười như rót vào tai người một điệu nhạc êm ái du dương không trần tục ấy. Ôi tiếng cười, tiếng cười đã ám ảnh cả cuộc đời làm chồng làm cha của cụ! Mấy năm nay, từ ngày hai miền thống nhất, cứ mỗi lần có người từ Bắc vào là cụ đều hỏi thăm tin tức của người gái hầu và đứa con rơi của cụ, khi họ về, cụ lại nhờ dò tìm. Một hôm có người viết thư báo cho cụ biết là bà mẹ đã chết lâu rồi, còn người con gái thì kết hôn với một người họ Đào tại Hải phòng. Cụ muốn gặp đứa con gái đầu lòng mà từ khi nó mới lọt lòng đến giờ, cụ chưa bao giờ biết mặt...

Cô Ba lại lau mồ hôi. Trời ơi sao bức thế này. Trần nhà như thấp thêm xuống. Tất cả cái ngột ngạt oi bức của cơn mưa chưa tới như một cái lưới khổng lồ bao phủ lấy cả bầu trời. Tiếng xè xè của quạt máy chỉ làm thêm sốt ruột. Trên trần, đôi thạch sùng nãy giờ vẫn chép miệng một cách vô tư. Vài con ruồi hết đậu trên bàn, trên tủ, lại đậu trên nụ cười của Hồ Chí Minh ở bức hình to tướng trên tường muôn đời vẫn như có một cái gì bí hiểm, ma quái. Chữ nghĩa của các khẩu hiệu treo la liệt như quay cuồng, múa may, đùa nghịch. Tất cả những thứ ấy cộng với cái nóng hâm hấp âm ỉ làm cô Ba điên người. Chỉ có anh công an vẫn bình tĩnh. Cô Ba thèm sự trầm tĩnh của anh ta. Cô thèm được ở vị trí của bất cứ một người nào. Trừ của cô hiện tại. Chợt cô nhớ tới anh Hai. Có lần Cảnh vừa ra về, anh cô cười nói với vợ:

- Mẹ trẻ nhỏ có thấy cái mặt thằng Cảnh này tức cười không. Nhìn nó sao tui cứ thấy không nín cười được. Cái miệng gì mà lên tới ngang tai, lúc nào trông như nó cũng cười cười...

Chị Hai vội suỵt chồng:

- Ba nó lạ quá. Bộ không nghe người ta nói "cuốc cùn dễ bấu, chồng xấu dễ xài" đó sao?

Anh Hai quýnh lên:

- Ai bảo với mẹ mày là tụi nó sẽ là vợ chồng? Con Ba không gần bằng tuổi mẹ nó sao? Nếu quả mà nó muốn lấy con Ba thì chỉ vì ham của thôi...

Chị Hai cằn nhằn:

- Ba nó kỳ chưa. lỡ cô Ba nghe, cổ buồn tội nghiệp.

Cô Ba đã buồn, đã giận anh Hai không rõ tấm chân tình của Cảnh đối với cô. Bây giờ chính tai cô nghe Hảo nói, cô lại không thấy giận Cảnh chút nào. Đối với cô, phút chốc, chuyện đó gần như đương nhiên. Vì Cảnh không phải là người có thể đến với cô với ý định tốt đẹp hơn. Cô chợt nhớ tới niềm vui của ba cô, đã nhìn Cảnh với cặp mắt trìu mến thương yêu của một ông bố vợ tương lai đầy lòng nhân từ và rộng lượng...

- Thì đồng chí tính, ông cụ thấy bộ khó qua khỏi, gọi anh ta tới bảo lo làm đám cưới chạy tang. Tốn kém bao nhiêu cụ sẽ lo cho hết. Tội nghiệp, thấy cô con gái có người tới lui thăm hỏi, coi bộ ông cụ vui quên cả bịnh.

Rồi hơi trầm ngâm, Hảo tiếp:

- Dĩ nhiên anh ấy cũng vâng vâng dạ dạ cho qua. Nhưng ngay ngày hôm sau thì Cảnh viện cớ phải đi công tác thình lình. Dĩ nhiên là cô ta khóc hết nước mắt. Cảnh biết thừa không phải là nước mắt khóc cha. Nhưng anh ấy không thể làm khác được.

- Rồi hôm đám tang sao lại tới?

- Thì lúc đó đám cưới chạy tang gì được nữa. Ảnh nghĩ nên tới lăng xăng cho có vẻ tình nghĩa để lấy lòng cô.

Tiếng sấm như bom nổ làm cô giật mình ra khỏi cơn mơ màng của những lời đối đáp trong máy ghi âm. Một lần chớp tiếp theo xẹt ánh sáng vào cửa sổ, như muốn xé toang nóc nhà cơ quan và đốt phăng hết mọi sự hiện hữu trên đời. Vài giọt rơi lộp độp lúc đầu còn ngập ngừng, rồi cơn mưa đổ ập xuống, hấp tấp rộn ràng. Sự chống đỡ của mái tôn như vỡ ra bằng âm thanh đục nặng nề, át hẳn tiếng của máy ghi âm. Anh công an tắt máy và đứng lên khép cửa sổ cho mưa khỏi hắt vào phòng, rồi đứng đó nhìn mông lung ngoài cửa.

Cô Ba cũng nhìn ra ngoài. Giàn hoa ti gôn màu đỏ máu run rẩy trước cơn thịnh nộ của đất trời, và run rẩy xới tung những kỷ niệm của cô. Sao Cảnh đóng kịch tài tình thế? Sao Cảnh có thể nghiêm chỉnh cầm nén hương

đứng trước bàn thờ ba cô, mắt buồn như dại, miệng lâm râm van vái điều gì? Rồi cùng với bà con thân nhân gia đình cô, hắn tất tưởi lo ngược lo xuôi trong tang lễ, nhất nhất như người lo chuyện gia đình. Hắn tỏ vẻ bình tĩnh, thạo việc và tận tụy. Té ra, té ra tất cả những trò hề ấy chỉ là để cô tin tưởng đến nỗi vừa hết tang cha vội vàng chỉ một năm, cô xin phép anh Hai ra thuê nhà ở với hắn. Tin tưởng đến nỗi...

- Mưa xuống là dễ chịu ngay.

Anh công an nhìn cô, mỉm cười và trở lại ghế ngồi. Vân vê trong tay cây bút chì, anh như bối rối trước sự thản nhiên không hề tỏ vẻ đau khổ gì của cô Ba. Anh nghĩ có lẽ, ừ, có lẽ nếu cô Ba khóc lóc than thở, anh sẽ thấy dễ dàng hơn. Đàng này cô Ba ngồi đó, im lặng như một pho tượng, dửng dưng như một kẻ bàng quan, người ta không thể nói cô là một kẻ mất trí, cũng không thể kết luận là cô còn ý thức được những sự việc chung quanh cô. Không biết phải làm gì, phải nói gì để phá tan sự im lặng mà chính anh mới thấy là ngột ngạt. Anh công an đứng lên, nói dịu dàng:

- Mưa lớn quá. Chị nghỉ một lát cho khỏe.

Phải, cô cần nghỉ một lát cho khỏe, để nhận ra cái lầm lẫn rằng trước kia đối với cô ai cũng bộc tuệch, hời hợt. Chỉ có cô là người duy nhất có khả năng nhìn rõ lòng dạ chân thành của Cảnh. Đến nỗi mà khi cô xin ra riêng, anh Hai nói như van:

- Tao xin mày. Nhà còn rộng chán cho hai đứa mày. Tao chỉ còn có mày, lỡ ra có chuyện gì...

Cô đã gắt lên:

- Anh đừng lo quẩn quá vậy. Em già rồi chứ con nít nữa đâu.

Anh Hai nói như thở dài:

- Thì chính vậy tao mới lo hơn nữa!

Trước khi Cảnh đến với cô, dù sống trong tình yêu thương của gia đình, trong tận cùng thâm tâm, cô vẫn thấy thiếu thiếu một cái gì. Cái thiếu thiếu ấy cô biết tên, nhưng vì tự ái, vì tự trọng, cô không tiện nói ra và không hề tỏ vẻ cho mọi người thấy là cô biết nó hiện diện. Nên lúc nào cô cũng cảm thấy một nỗi cô đơn dai dẳng, lì lợm bám lấy cô, trêu ngươi cô, thử thách cô. Hình như cái trán hơi vồ của cô đã đẩy ra xa tất cả các chàng trai mà ở vào một cái tuổi nào đó, dù không mời gọi, các cô con gái vẫn được các chàng tìm đến. Hình như cái môi mà ba cô đã vui lòng trả không biết bao nhiêu tiền cho mỹ viện - với một đường vá dài khéo léo thẩm mỹ tới đâu, vẫn khiến cho con trai thời này e ngại là cái hôn sẽ kém phần trọn vẹn. Còn cặp cửa sổ linh hồn cô thì người ta chỉ thấy nó lập loè đâu đó sau khung kiếng dày cộm có rất nhiều vòng, khó nhìn thấy tấm lòng băng tuyết, xứng đáng với cái tên mà hai đấng sinh thành đã đặt cho cô!

Để trả lời câu hỏi là các anh có tính toán với nhau, là phải đánh đập cô ta tàn nhẫn thế à, giọng Hảo bỗng cao lên, bực bội:

- Đâu có. Chúng tôi bàn tính với nhau là Cảnh trông chừng ở cửa, tôi một mình vô nhà. Việc đầu tiên là thả ít con chuột sẽ đem theo, cốt để làm cho cô ta ngất xỉu thôi, vì cô ta rất sợ chuột, có một con bò ngang chân là xỉu ngay chớ đừng nói tới ba bốn con. Sau đó tôi sẽ lục tủ chén ở phòng khách, vì trước khi vờ đi công tác, Cảnh đã dặn cô ta cất nữ trang ở đó. Bỗng nhiên lúc tới, trái với dự định, Cảnh nhón gót đi tới cửa trong nhìn vào. Và cũng trái với dự định, anh ấy khoát tay lia lịa bảo tôi đừng thả chuột ra, bảo tôi ra về. Lúc đó thì trễ rồi vì mới hé miệng bao là bốn con chuột đã tuôn ra rồi. Cô ta xỉu ngay. Tôi vào lục tủ mãi không thấy, quýnh lên, tôi phải đánh để cô ta khai...

- Mưa tạnh rồi. Chị mệt hả? Sao trông chị xanh lả đi thế? Thôi chị về nhà nghỉ đi. Chẳng nên nghe tiếp làm gì.

Cô Ba gượng mỉm cười nói là vì con bé đạp mạnh quá, chớ cô không mệt. Cô đòi nghe tiếp. Nghe cho hết. Một nhà tâm lý học nào đó đã chẳng từng khuyên nếu muốn hết khổ, phải đi sâu vào nỗi khổ đó sao?

*

- Tôi không nỡ... khi mới quen cho đến hôm tới nhà tính cướp của, tôi luôn luôn nghĩ cô ta chỉ là một món mồi ngon trong dự định bất chính của tôi thôi. Ngay cả khi cái bụng cô đã lớn rồi, tôi vẫn không thấy có một chút dính líu tinh thần nào có thể khiến tôi bỏ ý định. Đứa con cô ta mang là của tôi, nhưng tôi cũng không thấy một chút mảy may quyến luyến hay có trách nhiệm gì. Vì tôi không chờ đợi nó. Và tôi cũng không cần nó ra đời. Tôi đã có vợ và ba con ở Hải Phòng, đối với tôi là đủ lắm rồi. Ấy thế mà khi nhòm vào cửa, nhìn thấy cô ngồi với vẻ ì ạch nặng nhọc, đang đan cái áo len nhỏ xíu, làm tôi khựng lại.

Giọng Cảnh nghẹn ngào hơn:

- Cái hình ảnh ấy, hình ảnh một người đàn bà gần tới ngày sinh nở ngồi đan áo cho con, cái hình ảnh ấy tôi đã thấy nhiều lần. Tôi nhớ khi mới lên năm, thấy mẹ tôi đan áo, tôi hỏi, "Mẹ đan áo cho bố hay cho con vậy?" Mẹ tôi cười dòn tan trả lời: "Áo cho bố hay cho con mà chút xíu vậy sao? Mẹ đan áo cho em bé đấy". Rồi âu yếm cầm tay tôi đặt lên bụng, mẹ tôi nói thật dịu dàng, "Nè, con sờ bụng mẹ xem, ít tháng nữa mẹ sinh em bé cho con, con sẽ có em chơi với."

Cảnh thở dài, giọng trở nên ngập ngừng:

- Cô Ba cũng vậy. Thỉnh thoảng cô cũng âu yếm cầm tay tôi đặt lên chiếc bụng căng tròn của cô, và nói là ít tháng nữa, anh sẽ có con chơi với. Những lúc đó tôi xúc động vì chợt nhớ tới mẹ tôi hơn là vì cô. Lạ là mỗi lần có bầu, vợ tôi cũng thường làm cái cử chỉ ấy. Có lẽ đàn bà ưa làm như vậy. Và có lẽ việc ấy thường đi đôi với việc đan áo cho con. Nhưng khi nhìn vào nhà, hình ảnh cô mệt nhọc cặm cụi đan áo không làm tôi nghĩ tới vợ, mà lại làm tôi nghĩ tới mẹ. Có lẽ vì cô già gần bằng mẹ tôi nên gợi cho tôi hình ảnh mẹ hơn là vợ. Thế là trong tích tắc, bao nhiêu kỷ niệm êm đềm với mẹ hiện về trong trí. Mẹ tôi, một người đã có cuộc đời trôi nổi, bấp bênh từ ngày mới lọt lòng... Gia đình ông ngoại xua đuổi, bà ngoại bơ vơ nuôi con hoang...

Vừa đi tới quận (lại tới quận!), cô Ba vừa hồi tưởng lại những lời mà Cảnh đã khai trong lúc lấy cung. Cô cũng đã bình tĩnh nghe hết cuộn băng như đã bình tĩnh nghe cuộn băng của Hảo. Trên đời không có gì đáng ngạc nhiên, không có gì không thể xảy ra. Chỉ đáng ngạc nhiên là con người, lấy làm ngạc nhiên về mọi chuyện xảy tới cho mình không như ý muốn.

Bỗng cô giật thót người. Bụng cô sao bỗng nhiên đau quặn lên. Cô trấn tĩnh, cô xoa xoa cái bụng căng tròn. Vài giọt nước trên các tàng cây rớt xuống sau mỗi cơn gió nhẹ. Trời cao và trong. Hàng me hai bên đường đang mùa thay lá non, run rẩy trong cái se lạnh sau khi vừa tắm gội dưới trận mưa rào mùa hạ.

Cô Ba ngửa mặt lên, hít đầy không khí tươi tắn của buổi chiều đầy lồng ngực. Trong chốc lát cô thấy dễ chịu. Đường tới cơ quan còn chừng vài trăm thước. Cô tự hài lòng với quyết định của mình. Ờ, cho dẫu rằng hắn đã đối với cô không chân thật, nhưng cô tha thiết gì tới sự hắn ngồi tù? Chả mang gì lại cho cô cả - ngoài một nỗi dằn vặt mới mẻ đau lòng, khác hơn là nỗi đau của một người bị tình phụ. Thôi thì, thêm một lần trong đời, cô nhắm mắt hy sinh cho một cái gì cao cả hơn là cho cái tự ái căm hờn thường tình của một con người. Cô không đóng vai trò của một vị Thánh, cô cố gắng bình tĩnh để đóng vai trò của một người thân... Cô đã bãi nại cho hắn được ra về.

Đau quá, cô Ba tựa vào gốc cây me gần đấy. Cô chợt thấy mỏi mệt lạ lùng. Đầu óc cô hơi choáng váng. Lại thêm một cơn gió nhẹ làm cô rùng mình. Trong cái lạnh se se buổi chiều, bỗng cô nghe trong người mình có cái gì thật ấm. Cái gì đó ươn ướt chạy dài xuống hai đùi cô, càng lúc càng nhiều. Cô xây xẩm muốn xỉu. Nhưng cái ấm áp dễ chịu lạ lùng giúp cô cố gắng nhìn xuống hai chân mình.

Cô té nhào xuống vệ đường. Đầu cô chạm vào chân cây me, mắt nhìn về phía cơ quan. Cái gì cô vừa thấy ở chân, cùng một màu với ngọn cờ đang phất phới ở cổng quận...

Cô ngất đi. Và cùng với cơn ngất vừa ập tới, cô đồng thời nhớ lại câu chuyện người bạn già của bố ở Bắc mới vào. Ông ta nói như một người đã báo bằng thư, là người đàn bà có tiếng cười khuynh thành đã chết. Người con gái, Trần Thị Đoan Ngọ cũng đã già rồi và có người con trai trưởng hiện ở trong Nam. Tên chàng ta là Đoàn Viết Cảnh.

MIÊNG
Paris, Mars 92



NAM DAO

giăng tơ

Em như tơ nhện giăng vào lòng anh
Một khoảng nhỏ nhoi mà đầy trăm mối

Em như tơ nhện giăng vào tình anh
Một khúc đường quen sao anh lạc lối

Em như tơ nhện giăng vào đời anh
Cơn bão mùa Đông cũng không phá nổi
NAM DAO



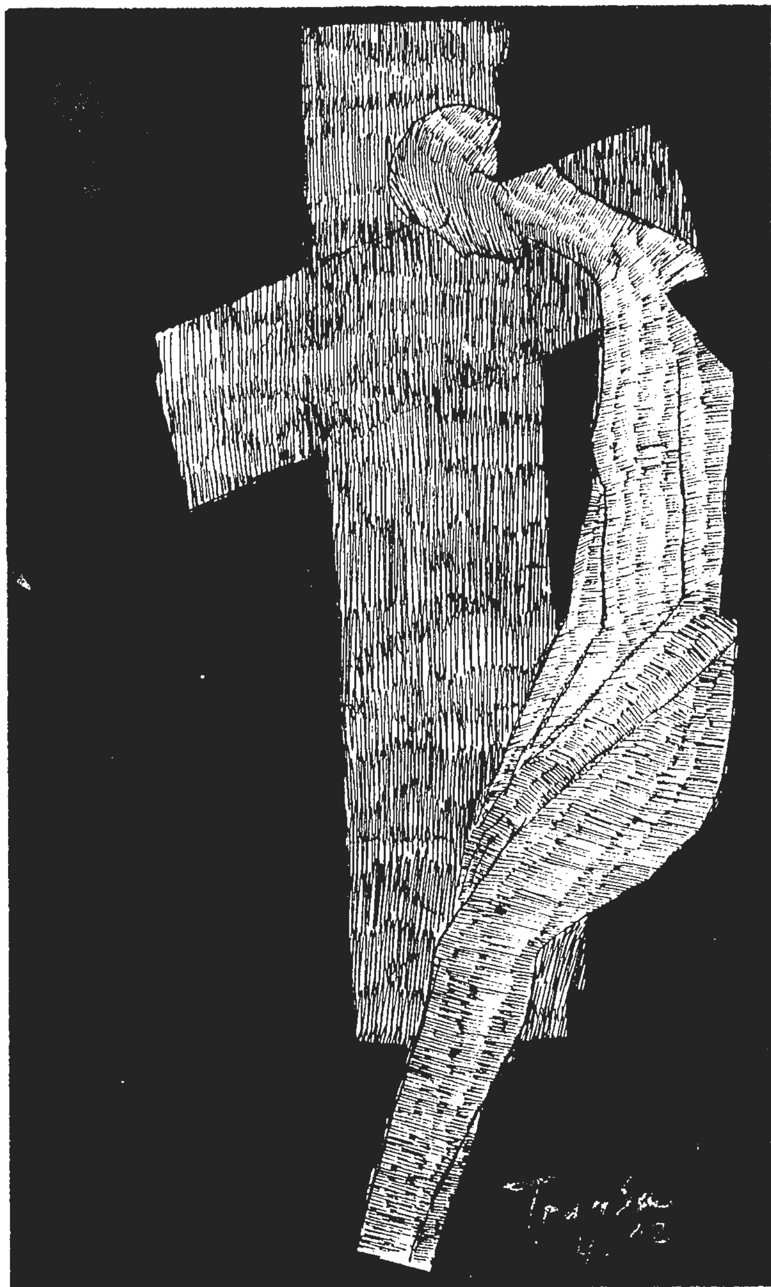
LÊ THỊ HUỆ

mười bảy năm nghe lại một giọng nói

gửi H.3

tiếng nói như những sào nước
một sào hai sào ba sào
những cánh chim hải âu đậu lại nhìn nhau
những hàng lưới nâu vạm vỡ mảnh mai
che ngang eo biển
gió mơn man môi ướt
chân trần lủi trên cát
tóc hoe vàng tuổi thơ
đuổi bắt nhau những chiều nghỉ học
rồi ngủ quên trên bãi dương khô
tiếng nói chiêu hồn những trưa hè
ngủ muộn
tóc chị thắt hai bím
tóc em lưng lức mùi chanh-ngâu
những hương con gái thơm hơn nhánh ngọc lan
ủn người vào nhau khúc khích
trên lưng võng
tiếng nói còn xanh hơi hướm người tình
những nụ hôn vụng trộm hiên nhà
khét lẹt mẩu thuốc lá dấu diếm
mùi da non của gã thiếu niên
nhớ một cánh tay
ôm mấy cũng không đầy
tiếng nói nghe như đêm qua vừa thác lũ một trận mưa rào
xối xả những ký ức con gái
đã ngậm ngùi bay xa

LÊ THỊ HUỆ



Tranh Trân Sa



TRẦN SA

ngựa gấu trắng bướm ong...

Cứ tự do thế em, con ngựa miền hoang dã, tìm thánh địa giấc mơ chập chờn trong cỏ lá. Cứ chạy qua hỡi em, bao mùa đông trắng xóa, như gấu trắng cô đơn nhảy trên những đụn tuyết. Cứ bay đến hỡi em, những ngày hè xanh biếc, như bướm ong khát khao mật nhụy tình ngọt lịm.

Cầm trên tay nhé em, đóa thời gian nở búp, khiêu vũ cùng muôn sao với hai bàn chân đất. Cứ cười như thế em, dẫu đời đầy đau đớn. Cứ đẹp như mặt trăng, dịu dàng và kiêu hãnh.

Vâng, em là Tặng Phẩm Vũ Trụ gửi riêng em, và trăm năm tặng phẩm phải về lại thiên đàng. Vậy cứ thế hỡi em, con ngựa miền hoang dã, gấu trắng của mùa đông và bướm ong mùa hạ..., bằng tất cả đam mê và vô cùng lãng mạn, cứ chạy đi bay đi trong cõi trời lồng lộng; bằng đôi chân quả cảm hoặc hai cánh nhẹ nhàng, cứ chạy qua bay qua mọi khung rào buồn nản...

Và cứ giữ trái tim bao la không giới hạn, ấm áp và vẹn nguyên cho tới tận thiên đàng!

TRẦN SA



TRẦN TRUNG CHÍNH

để mình yêu mình hơn

Em có một cái gương nhỏ, nẹp bằng nhựa tái sinh, loại gương dùng soi cục bộ, nhổ lông mày, tô môi, hoặc nặn trứng cá... sở hữu duy nhất cho trang điểm cá nhân. Lược dùng chung với cả nhà, đựng trong ống bơ cùng với ba cái bàn chải đánh răng của ba thành viên gia đình em. Mỗi khi muốn thấy chân dung mình em hà hơi kỹ lên mặt gương, xát vài lần vào gấu áo rồi sải thẳng tay cầm, tư thế xạ kích súng bộ binh, vòng tròn đường kính 5cm vẫn không thu nhận hết mục tiêu, em nâng từ từ, dưới lên trên, trên xuống dưới, tới lúc cánh tay mỏi trĩu. Không sao ngắm trọn vẹn, cái gương chỉ cho em thấy nhiều nhất là một phần hai khuôn mặt, tức là giảm cho em một nửa nỗi đau khổ. Hầu như em không soi gương trước lúc bước ra cửa nhà, tập quán của mọi người tự trọng. Dù một nửa chân dung em trong mắt em cũng làm cho sự mặc cảm hành hạ theo sát mỗi bước chân.

Các buổi sớm, lúc mợ em vẫn xắn quần, vén bụng nằm ngáy, cậu em nằm sấp dưới sàn, đờm cuộn lên khí quản thở khao khan. Em ngồi vào chỗ khuất, thận trọng cầm gương rà soi chấp nối từng bộ phận khuôn mặt mình. Soi xuống cổ, rụt rè mở khuy áo, vẫn chưa thấy ngực mình nhú, bàn tay em do dự ước lượng không biết con gái mười lăm tuổi cơ thể phải như thế nào. Em đã chuẩn bị trước cái nịt ngực vải phin trắng, đợi của em bằng quả cam non.

Mắt vẫn nhắm, cậu em trở mình hỏi:

- Nấu cho lợn ăn chưa?

Giấu vội gương vào túi áo cánh, em hối hả châm bếp, xúc ngô, thái rau. Lúc trở vào đặt cái bật lửa vào chỗ cũ, em rảo bước để khỏi nhìn lâu cậu vừa gác chân lên bụng, vừa ngái ngủ giật nốt mấy cái khuy áo nơi ngực mợ.

Con lợn đực dạo này gầy, nhão, đợt phối giống ào ạt kéo dài làm nó xuống sức mỏi mệt, nhạt miệng. Thêm miệng gạt bát cám, qui định của cậu

em đâu phải là khẩu phần phục hồi cho con đực làm cái việc này. Cậu cứ nhất định bảo: "Gầy thầy cái ấy", em nghĩ rượu nói chứ cậu không nói. Cậu cứ lấy mình mà suy, bữa trưa thiếu dĩa dồi, lòng non, cậu chống đũa ngáp chảy nước mắt, nghển cổ cò, ngón tay rờ rẫm mấy sợi râu cằm lơ thơ, rít thuốc lào sòng sọc, phả khói mù mịt vào mặt mợ. Bất thần véo nghiến bẹn mợ, đay rằng:

- Ăn thế này không đáng một cái của ông!

Mợ giật nẩy lên như bị dí lửa vào đít, phun cơm phì phì, vừa căm hờn nhai, vừa khinh bỉ sâu sắc khả năng đàn ông tí hon của cậu. Phải cho cậu biết cái đồ thị tình yêu của cậu từ mùa đông tới mùa hè còn rành rành trong trình độ tính nhẩm của mợ. Vậy thì có đang ăn không? Mợ nêu cao câu hỏi lúc sợi rau muống lòng thòng hai phần ba ngoài mồm mãi vẫn không được kéo vào. Em cúi mặt lo sợ cậu sẽ tố cáo từ lâu mợ ít nhớ đến phẩm hạnh, dẫn chứng các sự kiện diễn ra với cả những thằng bé đáng tuổi con mợ, dọc bờ tường nhà hộ sinh trong những buổi tối mợ xếp thùng đợi lấy nước từ vòi công cộng. Nhưng cậu yên lặng, tội cậu quá; cậu lại bỏ cơm, chỉ rượu. Mợ cạo cháy soàn soạt, húp hết hai bát nước rau dấm sấu mới nặng nhọc đứng lên. Cậu ăn uống thế nên càng gầy. Thuốc lào rượu trắng còn ít dinh dưỡng hơn bát cám.

Nói vậy chứ cậu thương con lợn lắm, cậu tính chiều nay nó phải đi nhảy, ăn no chỉ tổ nặng bụng. Công việc này hơi đói mới tốt, với lại nên để bụng ăn khao nồi cháo trứng của bà chủ con lợn cái, tội gì, đằng nào cũng sẽ no. Cậu hay dỗ lợn như thế, nó có vẻ chậm hiểu. Mặc kệ, cậu cứ ngồi thầm thì, tẩn mẩn xoa khắp mình nó, có chỗ em phải quay mặt đi. Cậu gọi em rót thêm chén nữa, uống một nửa, lừa lúc nó nằm lơ mơ cậu vạch nhanh mồm nó trút nốt nửa chén còn lại. Một lát rượu ngấm, nó đứng lên, lại ngã, cả hai cùng phấn chấn, cậu gởi quyết tâm vào tai con lợn: "Cố nhé, phải làm cho *chúng nó* chắp tay lạy *chúng mình* con ạ!". Gặp ngay lúc mợ gánh hàng về, sẵn đòn gánh sồng xộc xông vào. Cậu loẹo khoẻo vậy mà nhanh lắm, leo tót qua cái thang chuồng, nấp sau đít con lợn, đun nó ra phía trước hứng đòn. Đổi chiến thuật, không phang được thì mợ ra sức chọc, lợn kêu, người van xin, người vừa thở vừa gầm gừ. Con lợn xây xát khắp mình, răng gãy, mõm rách, máu chảy ròng ròng. Chỉ khi em cầu khẩn: "Con van mợ, nó sắp đi đực đấy", mọi người mới nhớ ra việc quan trọng của cả nhà. Tuy vậy, cậu vẫn nằm bẹp trong chuồng. Để cho trận trừng phạt rõ kết quả, mợ thẳng tay tát em vì tội để cho những con đực nốc rượu.

Em chưa dám chắc khi nào em có cơ hội soi mình vào gương trước khi ra khỏi nhà. Cử chỉ thỏa mãn lòng tự tin của mỗi người. Vòng tiếng Pháp trên cái gương mỏ neo khuyến cáo tế nhị "để mình yêu mình hơn". Hàm ý

tự vấn hay sự khích lệ của Thượng Đế đối với mỗi sáng tạo của Người. Ân huệ đó, Người không ban cho em, đứa con gái khiếm khuyết đủ thứ để có thể trở thành thiếu nữ, đàn bà. Em luôn cầu xin Người nghĩ lại, một sớm nào đó thức dậy, em sẽ được đứng năm phút trước một cái gương lớn, bắt gặp trọn vẹn hình hài mình, em can đảm dừng lâu hơn ngắm mình chăng? Chắc em chưa thể nhanh chóng làm quen với cô ấy, nghĩ cô ấy thuộc về em, cô ấy bước vào em, cô sẽ quay mặt đi cho em bớt xấu hổ trút xuống bộ y phục tồi tàn của mình. Em sẽ kiên nhẫn hơn đá, Người sẽ phục sinh cho em, em mang hình hài của Người sinh thành, quỳ xuống hôn chân người đàn ông đầu tiên do Người lựa chọn. Em gạt bớt tóc sang hai bên thái dương, phô gương mặt mình, chẳng ngại đôi má xanh xao, cặp lông mày cánh cung của em chắc được thấy rõ ràng. Em sợ hãi, hoài nghi mỗi lúc đối diện với từng phần chân dung mình, nó vô cảm xa lạ so với những điều em biết về em.

Đã thành lệ, vừa xuống lòng đường con lợn đực tiểu tiện ngay, tại không khí thoáng đãng, hay là cách khởi động sinh lý. Nó co một chân lên thoả thuê trút đi rất lâu cái thứ nước khai nồng nặc, để đảm bảo cho lượng dung dịch sắp ban phát nguyên chất, chân thật hơn. Mợ đã uổng công chuẩn bị bữa cháo loãng, mợ thiếu tôn trọng quá trình làm nên sự sống, từ nghi thức khởi đầu trước cuộc hành lạc của muôn loài, giả tạo làm sao được. Nó bắt đầu hăng hái ra đi, nghển cao cổ nghe ngóng, quan sát. Nhưng lời ca rầu rĩ có thể nghe trên suốt đoạn ngõ hẹp, lầy lội, chẳng làm nó nãn. Việc gì mà nao núng, nếu chuẩn bị tâm trạng bằng trống trận cũng thế thôi. Sự bí mật trọn vẹn cuộc ái ân kích thích toàn thân nó, các bộ phận sinh dục con vật đã cương nặng sà sát xuống mặt đường, nó cà mình vào chân em một cách cố ý. Không biết mọi loài có cảm nhận giống nhau về sự lạ lẫm của những cơ thể mà nó gần gũi. Cần căn cứ vào kết quả điều tra xã hội toàn diện, nhất là các đối tượng hành nghề chuyên nghiệp (có hoặc không có giấy phép). Biết đâu thái độ cam phận của nhóm người này lại là hứng thú của nhóm người khác. Nhưng, chắc chắn loài người thiêng liêng nhất trên mọi giống nòi man rợ sẽ công bố điểm thắng tuyệt đối về văn minh của mình. Trước hết là sự phong phú vô tận của các hành vi kết giao: hai bàn tay tìm nhau, khăng vào nhau làm cho mấy ai đó xao xuyến đến mười lăm ngày; bốn mắt gặp nhau gây dông bão suốt một vùng khí hậu; một nụ hôn run rẩy đủ năng lượng sinh học qua hai chu kỳ kinh nguyệt, vân vân và vân vân... Tổng số sao trời cũng không thể sánh với sự phong phú bí ẩn đó, lý thuyết tình dục đã vượt xa lý thuyết đạo đức, cái thứ lý thuyết rất mực cao siêu nhiều hơn cỏ dại trên mặt đất, vậy mà còn phải khám phá chán. Mấy ai đã hiểu kỹ năng của người cổ đại khác cận đại ra sao! Chưa cần khảo sát đến nhóm

người giàu cảm hứng sáng tạo, loại người dùng cả cuộc đời nhất thiết lặn lội tìm kiếm cái mới. Bọn lợn ơi! Giống nòi chúng mày chỉ có độc nhất hành vi sơ sài đáng thương bất chấp mọi bước quá độ, chẳng chịu tiếp thu, học hỏi để tiến hoá. Sau nữa, sự lựa chọn là phẩm chất còn cao quý hơn, nhóm người sáng tạo tự do tuyệt đối cũng chưa đến nỗi cứ cái mới nào cũng ham. Luật pháp xử tội cưỡng ép - thông đồng - tự nguyện, khác nhau từ một tháng tù treo đến mười năm cấm cố. Những song sắt nhà giam dựng lên quanh em cô gái vị thành niên, em có quyền yên tâm, bằng chứng là đã ba năm nay em luôn cặp đôi với con đực phóng đãng không có giấy phép hành nghề mà chưa ai lên án. Những nhà đạo đức cũng đợi ngày em nhận lá phiếu cử tri. Một lần nữa nó lại cạ mình vào em, thái độ thân thiện này chỉ xảy ra mỗi khi em chuẩn bị cho nó ăn, lúc ấy nó từ tốn không vội vã phàm tục vung vãi, chưa kể nó còn dừng ăn ngẫm nghĩ. Em ngồi bên dỗ dành, nhìn nhau, khuôn mặt em in rất rõ nét trọn vẹn trên bề cong nhãn cầu đục lờ lờ. Em thấy nóng mặt khi rất vô thức tưởng tượng rằng ngày xưa, thuở rất xa, nó không mang lốt con lợn đực..., con người hay bất cứ loài vật nào đều phải tuần tự trải qua mọi kiếp sinh linh, có phải gọi là bổn phận không ạ. Nó còn có bổn phận với bao nhiêu con cái nữa? Hàng ngày bên em nó nhu mì, khi thực hiện bổn phận nó khác, dữ tợn và hết sức cố gắng. Thế giới có thể khác chăng nếu chúng ta đều ý thức rất cao về bổn phận. Em nghi ngờ ý thức, bởi cần có quá trình, một cái gì cơ tựa như thôi thúc từ máu, từ bản năng, từ cội rễ xa xưa, hoặc sự vận động vòng thiên hà thúc bách mỗi sinh vật đi hết chu trình sống... Trí tuệ có vai trò gì trong sự tiến hóa? Một nữ nhân vật của một quyển sách khá có tiếng tâm sự: "Chính đàn ông cho cô ta sung sướng biết mình có một cơ thể đàn bà". Trong khi chờ đợi thể nghiệm bản thân mình, em nghĩ thêm: sẽ có thể chính kẻ đó sẽ dẫn cô ta đến ghế bị cáo, vậy thì hạnh phúc - tội lỗi khác nhau chỗ nào?

Em nghĩ tới anh Hoạt, người đàn ông láng giềng dỏng cao, y phục sờn cũ nhưng sạch bong, cặp kính cận cũng sạch như thế. Kỷ lục vệ sinh khó hiểu ở toàn xóm rác rưởi, dột nát, lúc nào cũng ngập nước thải và thiếu nước rửa, giá xóm em nằm ngay trên sa mạc, nước đái lợn sẽ biến sa mạc thành ốc đảo. Anh Hoạt sống trên nóc nhà mái bằng duy nhất xóm, hai tầng. Ông anh bà chị chế biến thức ăn từ phần nội tạng và máu những con lợn chết lúc rạng sáng. Trên mái anh bác sĩ thú y dựng cái lều nửa diện tích, phần còn lại phơi chăn rách, cá khô. Tòa bệnh viện kiêm lò sát sinh. Em đã có dịp lên đó đón quốc khánh, hoa đăng tước bầu trời thành muôn ngàn sợi kim nhũ lộng lẫy đổ nhẹ nhàng xuống mái xóm, cứu rỗi cho biết bao linh hồn lợn trong cuộc tàn sát khổng lồ suốt ba đêm trước. Dưới xóm thấp tầng này, người ta chỉ đề phòng cao độ nhìn một mét năm mươi, che đậy cho

công tác vệ sinh thân thể. Em lên chòi quan sát của anh bác sĩ mua thuốc điều trị cho con lợn đực mắc bệnh xã hội, kháng sinh liều cao là vũ khí lập nên những chiến công tình ái. Toàn bộ các cuộc tắm rửa của hai giới trong bán kính năm mươi mét diễn ra mồn một trước mắt em. Em khóc mất hai hôm, từ đó tắm rửa trong chuồng có mái che với con lợn đực. Chúa cũng sống ở độ cao như vậy, người hiểu tất cả và lượng thứ cho tất cả. Chàng Hoạt mặc blu trắng trên đỉnh cô sơn, là ngọn bạch lạp thanh khiết toả sáng khắp xóm lợn tối tăm vô giới tính. Chàng tự thỏa mãn thanh thản, đứng vững trên tư thế ngoại phạm, đạo đức vẹn toàn, khoái cảm còn hơn con lợn đực sống theo luật lệ cậu mợ em ban hành.

Nó đi chậm lại, ngất ngư xiêu vẹo rồi ngã đổ xuống vệ đường. Đói hạ đường huyết chăng, chàng casanova của em? Thân thể nó run rẩy dưới bàn tay em vuốt ve, em giật mình phát hiện vết thương trầm trọng trúng ức nó, màng máu khô rách ra tuôn chảy. Tại mợ nông nổi quá. Nó thở khò khè máu tiếp tục trào. Nhưng em đụng vào phần nhạy cảm nhất, nó vùng đứng dậy ráng đi ngay ngắn chậm rãi giữ sức. Vào sân, mùi cháo nóng bốc hơi ngào ngạt, bà chủ hoan hỉ tháo then chuồng, cuộc đấu bò tót cũng có không khí căng thẳng như thế. Con lợn đực của em thở hổn hển, đứng lặng chiêm ngưỡng con cái, đối tượng hành lạc trắng hồng mềm mại, đang như vũ nữ thoát y dạo quanh từ tốn khêu gợi, đánh giá kẻ muốn chiếm đoạt. Cả hai đều tiết ra mùi gây ghê gớm. Con đực hộc lên dữ dội, con cái bỏ chạy. Đã đảo quanh sân năm vòng, con đực mỗi lúc đuối sức hơn chưa xáp lại gần được. Lòng em se thắt. Bỗng nó ngoặt gấp điên cuồng chạy cắt ngang sân, con cái chỉ lê đi vài bước gọi là và chịu đực... Máu từ vết thương con đực rải nhầy nhụa trên sân, sao như vạn hoa rải khắp bầu trời. Buông con cái ra, nó lặng lẽ ngả nghiêng. Con cái chưa dứt tiếng rên, thong thả sục mõm vào máng cháo nóng.

Đêm nay em sẽ ngủ yên giấc, không giật mình mỗi khi cậu bò vào trong màn em lấy đi cái quạt con cóc mang xuống chuồng lợn, hoặc mợ đánh thức em châm đèn đập muỗi cho nó. Em bóp vỡ cái gương con trong lòng bàn tay từ lúc nào, cảm giác đau đớn xuất hiện cùng lúc khi đôi vú của em nở đầy, đang đâm lên chọc rách ngực áo.

Giữa sân, người ta xúm lại thọc vội lưỡi dao vào cuống họng nó, hứng nốt huyết cho bữa tiết canh hóa kiếp một con vật.

Hà Nội tháng 3-1990
TRẦN TRUNG CHÍNH
(Trong nước)



DU TỬ LÊ

phương hướng

Ngọn gió từ hướng đông
thổi tấm lòng bất trắc
ngọn gió từ hướng bắc
thổi buồn về tây nam

*

Trái tim ta như rừng
chẳng gió nào thổi nữa

tiếng mõ

Em trở về. Đâu đây
ngực vun mồ gió ngất
đất gửi lá cho cây
hoa rơi từ giữa hạt

*

Chiều hoang mang vó ngựa
buồn ngọn ở vực sâu
nửa thời kinh không đầu
dù xót khô tiếng mõ

*

Đám hạt bụi thiên thâu
lấp tình ta mấy chốc

DU TỬ LÊ



HUY TƯỞNG

quỳnh hồ,

Thủa chờ Em
Nuôi mãi vầng trăng váng mật
Rừng trầm mơ
Lá nhỏ
Ngực hoen màu chiều đan thọ
Mi cong rưng rức dương cầm thao thức tiễn...

Thủa chờ Em
Đá gợn tím vách chiều
Cùng những vì sao khắc khoải mãi lưng đồi...
Lá nhỏ
Hương ùa xanh như cốm
Đêm cong ngói đỏ bỏng bên môi...

Thủa chờ Em
Sẽ lau sạch giấc mơ ngày ly cách
Vầng vặc biếc...



khúc hoài niệm bên thác xưa,

gửi T.V.

Trăng dội vàng tiếng dế
Đá ngước xanh
Chiều buông những nấc thang chuông lạnh
Mịt mờ chân ai mây nổi. Lòng thăm thẳm
Thăm thẳm gió thăm thẳm mây. Thăm thẳm...
Khúc cầm xưa đắm đuối lá sau đồi...

Đá ngợp
Đá ngước xanh
Chấp chới bàn tay nước lũ
Ngực thở buốt hư không
Quá cùng môi tuyệt vọng. Ngày thăm thẳm...

Chiều thăm thẳm
Trăng đầm đìa tiếng dế
Vàng biếc lệ
Đá ngước xanh những lòng ai mê mải...
HUY TƯỞNG



ĐỖ PHƯỚC TIẾN

đảo của dân ngụ cư

Sau một thời gian dài lang thang khắp miền duyên hải, cái đầu nhọn của tôi dài thượt ra, sạm đi, héo như một trái đậu bắp thô. Cùng một gã Triều Châu mắt lác, tôi săn lùng những cái đồng hồ cổ lỗ sỉ, treo tường, để bàn, gọng kính cũ, vỏ đài bán dẫn, bình xăng máy đuôi tôm, bảng đèn hiệu của các xác trực thăng. Tóm lại, tôi kiếm sống bằng cách tìm mua những phế phẩm đã thổ tả đến lục phủ ngũ tạng. Những chiếc móc sắt kềnh càng trong kho trạm khai thác nông sản chẳng hạn, dây xích lòng thòng có thể gông trọn một cái máy cày. Doanh nghiệp giang hồ gần năm năm không lúc nào trôi chảy một phần cũng tại cái xứ sở nhiệt đới đỏng đảnh này, hết mưa rồi nắng. Khi đã mòn nhẵn tất cả các túi, chúng tôi mới sáng mắt trước một trục trặc khó bù đắp nổi: cả hai đứa đều chậm chạp và kiết xác. Rồi vận hội nữa, nếu ai đó tin rằng đi buôn lạc xoong cũng cần có vận hội.

Gã Triều Châu mảnh dẻ như cọng rơm, tính khí thất thường, tháo vát và đặt biệt keo cú khủng khiếp. Bùa hộ mạng của gã là một cái chuông lắc to dùng như cái loa phóng thanh. Những vố thua đau đớn khiến hai chúng tôi thường xuyên cay cú hục hặc và hắc ám như những lão phù thủy. Bạn đồng hành của tôi cứ cười sằng sặc suốt ngày. Cái chuông dị hợm rung thảm thiết khắp thôn cùng ấp tận, dội lên những mái lá quạnh hiu trong gió chướng cái âm thanh quái đản của đói khát, mời mọc chủ nhân những món hàng thổ tả tham gia đổi chác. Khi gia sản đã tiêu tán hoàn toàn, chúng tôi nằm liệt hai ngày cạnh một hầm cá tra, thở đến tọp người đi và rầu rĩ mơ màng một nồi canh chua với rất nhiều trái giác. Một nồi canh khổng lồ. Bụng hai đứa sôi lên vì mặc cảm bất tài, vì ân hận và vì những ám ảnh bất trắc. Cho đến khi bình minh êm ái lướt qua những đọt rau đắng non, rau đồng tiền và rau kinh giới, gã Triều Châu gượng dậy trước tiên. Cố vận

dụng sức tàn, gã trình bày với tôi về một lối thoát cho cả hai. Gã giảng giải rằng dù có ra sao, thì tôi với gã vẫn cứ là những trang nam tử. Một nồi canh mơ mộng không đủ nuôi được chí lớn. Rằng cơn ác mộng tha hương này phải kết thúc thôi, ngay tại đây, cạnh cái hầm cá bẩn thỉu này. Rằng vận hội của hai đứa không giống những cơn mưa nhiệt đới, trời già chẳng tuôn xuống bao giờ. Cần phải đi mà tìm, như đàn bà vậy, chộp lấy rồi ngấu nghiến, dù có ở trong túi người khác cũng mặc. Và còn một trăm cái rằng khác nữa, đặc sệt mùi cá kèo khô với bánh dừa không nhân. Tôi nghe gã, mệt mỏi rã rời, và nhụt chí nữa.

Rồi có một ngày xuân rất xanh, hai đứa tôi chia tay nhau giữa cơn cùng quẩn. Tôi đi lên phía Bắc, cố bứt thật xa những cánh đồng nước mặn với hoàng hôn tím ngắt trong giấc mơ tha hương. Gã Triều Châu trở lại miền cực Nam, lo phần hậu sự. Kế hoạch của chúng tôi mở đầu như vậy.

Nhà chệt Liếm rất dễ tìm bởi cổng gỗ sơn đỏ chói, hàng rào cây mắn có dây nhãn lồng và những chùm trái giác tròn trĩnh cuốn quanh. Lúc tôi đến, quán ăn đã cũ kỹ lắm rồi, tường vôi có mái lợp ngói âm dương đã hở móng. Khu nhà phía sau như cái bẫy chuột, gác gỗ xấu xí, ống thông khói như cái bàn chải răng dựng đứng, toàn bộ cấu trúc u ám, mờ nhạt và rối rắm. Thị xã lúc nào cũng mù mịt bụi. Trên những con phố chật chội, những quần thể kiến thiết đơn điệu như vậy còn rất nhiều, âm thầm bạc thếch dưới nắng xuân.

Theo kế hoạch, tôi sẽ ở phụ việc cho chệt Liếm khoảng hai năm, vừa đủ để tỉnh hồn. Trong thời gian này tôi sẽ phải làm đủ thứ: tập nếm rượu, cuốn chả, hấp lạp xưởng, ướp kim tiền kê và muối vào những quả trứng bắc thảo. Có thời cơ sẽ nghiền ngẫm món xào chua thập cẩm hay lẩu cá chẻm. Sành sõi được món hầm nhừ sa tế thì coi như bá chủ căn bếp. Xin nhớ cho: căn bếp của một thương nhân gốc Hạ Môn. Nó là lối thoát mà tôi với gã Triều Châu đã thỏa thuận.

Tôi là đứa tồi tàn, đúng vậy. Mấy mùa qua, tôi đã vận động nhiều hơn một con bò và dư sức hiểu rằng cần phải vận động nhiều hơn nữa nếu không muốn bẹp dí như một con gián trong khi chen lấn với cuộc đời. Tôi cũng có quyền được ăn no ngủ yên như người khác và hơn nữa, tôi chẳng thích sống một mình tí nào.

Ngoài gia đình chệt Liếm, trong quán còn có một người Khách gia thanh lịch khắc khổ, một người Ấn lai Việt đứng bếp và một người Khmer xuất phát từ miền châu thổ sông Hậu. Tất cả đều lầm lì, rình rập lẫn nhau và bao giờ cũng chu tất phần việc của mình.

Tôi rất thích ông Khmer, một người trầm mặc và hào hiệp, to xám như một con chuột đồng. Tương ứng về mặt nhân chủng cũng như hoàn cảnh

kinh tế, tôi nghĩ vậy, người ta dễ dàng bộc lộ nghĩa cử đồng thời nhanh chóng chấp nhận nhau. Tình bằng hữu của chúng tôi bắt đầu bằng cái bật lửa có nắp mở kêu tanh tách của tôi, di vật cuối cùng của một thời lang thang. Ông Miên rất vừa lòng mặc dù bọc cao su đựng thuốc gò của ông xếp cạnh cái bật lửa trông thật chướng mắt. Trong khi tôi chui vào một hốc tối, lặng lẽ ngốn những miếng sườn còn lại từ ngày hôm qua thì ông Miên khăn rằn quấn quanh bụng, điềm nhiên quấn thuốc cạnh tấm thép chắn lò. Ông phục vụ chệt Liếm đã lâu, lâu lắm rồi, có lẽ còn trước khi cái sinh mạng hèn mọn của tôi xuất hiện dưới gầm trời này. Cứ quan sát cách mổ bụng theo kiểu người Bình Xuyên của ông thì biết: từ dưới lên, hơi chếch qua trái một chút. Người Khmer nói chung không hay thay đổi chỗ ở cũng như phương thức kiếm sống, như cây cỏ của xứ nhiệt đới vậy, chúng sẽ tàn lụi rất nhanh nếu bị tách khỏi mô hình sinh trưởng tự nhiên.

Nhiệm vụ của ông Miên nặng nhọc ghê gớm. Một tuần ngoài những phần việc cố định, ông còn phải hạ thịt từ hai đến ba con dê, có thể là bốn nếu quán hoạt động hiệu quả. Những con dê mới đến còn rất tơ, được vỗ béo kỹ càng, lông óng mượt như vừa mới chui ra từ những nụ so đũa cuối đông. Chúng được phục đến say khướt bằng một thứ rượu mía nồng nặc, bị đuổi chạy khắp thị xã với cái lon rỗng cột sau đuôi cho đến mệt lử. Những con dê bạc hãnh đó chết rất nhanh trước mũi dao thiện nghệ của ông Miên, mình mẩy dẫm mồ hôi và mắt mở to còn tràn ứ khoái cảm.

Quán mở cửa suốt ngày nhưng chỉ khởi sắc thật muộn màng khi chiều xuống, lúc những cơn lốc bụi đã dịu đi.

Người Khách gia cột ngang bụng một tấm vải hoa sặc sỡ. Ông phun nước lên sân gạch, xếp thêm bàn ghế với phong thái đạo mạo cố hữu. Người Ấn nặng nề xoay trở quanh những tấm thớt, tráng cái chảo hai quai trên bếp với động tác hờ hững, khinh bỉ. Ông Miên muối những tảng thịt dê còn bốc khói và tôi đánh vật với cái máy xay cứ long lên sòng sọc. Khi đèn măng-sông được thắp lên, chệt Liếm đã ngấm say thù tạc. Ông cười hào sảng giữa đám thực khách, quan sát từng món thức ăn dồn dập mang ra với cặp mắt cân nhắc tỉnh táo, ly rượu sô-đa lấm tấm hơi nước trong tay. Chệt Liếm cũng có phần việc riêng và ông không cho phép bất cứ ai trong chúng tôi làm thay. Treo những cái đèn lồng bằng vải lên cổng gỗ chẳng hạn, rót rượu cho thần tài, thanh toán tiền với khách, đó là công việc của ông.

Hoàn tất phần việc của mình sớm nhất là ông người Ấn. Trong khi chúng tôi cọ rửa thì ông ẩn vào một góc riêng, lầm rầm những bài kinh dài lê thê trước dĩa đèn dầu. Cái xác phàm chảy xệ của ông rủ xuống trong lúc trò chuyện cùng đấng tiên tri.

Đắp xong một chục lò mạt cưa, tôi tìm cách chui lên gác với chị Chu. Ở trên đó, tôi có thể nghỉ ngơi giây lát với tâm trạng yên ổn như đang ở nhà mình (dĩ nhiên là nếu tôi có nhà). Ở trên đó, chị Chu ngồi một mình ngày này qua ngày khác với những con gà nhựa, gáy được khi lên dây cót. Chệt Liếm cấm tất cả mọi người lên gác, trừ xiếm Hoa. Tôi ra vào bằng mái thông gió và bồn chồn căng thẳng mỗi khi ở gần chị Chu. Tôi biết chẳng phải một mình tôi đến với chị. Có một buổi sáng, chệt Liếm từ trên gác leo xuống, ông đi thẳng một mạch ra sàn nước. Ở đó ông người Khmer đang rửa những cái bình đất đựng rượu huyết dê. Chệt Liếm đến gần, mắt dán chặt vào gáy ông Miên. Hai người đàn ông đứng nhìn nhau rất lâu trên sàn nước, không nói một lời. Chệt Liếm rút trong túi ra một cái bật lửa có nắp kêu tanh tách, ngắm nghía nó một lát rồi đặt trên lu nước, sát người đàn ông Miên. Rồi ông lặng lẽ bỏ đi.

Chị Chu kể với tôi rằng chị đã ngồi trong "cái hộp gỗ" của chị từ lâu lắm rồi, từ khi biết ngồi và chị còn phải ngồi cho tới bao giờ căn gác tan đi, tan vào thinh không theo khói mạt cưa hằng ngày dưới quán xông lên. Tôi không tin. Tôi ăn những mẩu bánh nướng chị để dành từ bữa ăn trưa để chị yên lòng rằng tôi là một đứa con nít, chẳng làm hại được ai. Tôi nắn bóp những bắp thịt đã mỏi nhừ của chị vì ngồi lâu, nghe chị kể lại những đêm rằm vàng ngập ánh trăng, chị ngồi chờ đám mây vảy cá phiêu bông qua hiên gác. Chị bắt tôi đếm nhịp theo tiếng thời gian gõ lốc cốc trên những mái ngói âm dương, len lỏi qua những hẻm phố tối tăm lồi lõm. Cái thế giới bạo động liên tục phía dưới, và chệt Liếm nữa, hoàn toàn không dính dáng gì đến chị. Một tay và một chân chị chỉ còn da với xương do chứng liệt cơ bẩm sinh.

Chệt Liếm đối xử với chúng tôi rất tốt và chưa bao giờ tôi nghi ngờ lòng nhân hậu của ông chủ. Tôi cũng rất cảm thông với tinh thần bền bỉ, ý chí phục hưng nòi giống của người Hạ Môn, và của người Trung Hoa nói chung. Chệt Liếm chỉ có một mình chị Chu và chắc chắn là ông rất khổ tâm vì điều đó. Ly rượu sô-đa sủi tăm chẳng xoa dịu nổi sự bất hạnh cay đắng của ông đâu, nó chỉ như lượng thuốc an thần có tác dụng giới hạn. Và chệt Liếm xứng đáng là một người đàn ông Trung Hoa, ông thầm lặng chịu đựng nỗi ô nhục do chị Chu gây ra với một nghị lực phi thường. Ông điều khiển cơ đồ của mình chính xác đến từng cái nút chai, những miếng sườn tôi ăn trộm chỉ là những sơ sẩy hiếm hoi. Ông khen ngợi không tiếc lời những bó rau cần vàng úa hay giỏ nấm mèo nhăm nhúm thảm hại chỉ vì chủ của chúng đã mang đến cho ông từ những thôn ấp khô cằn xa xôi. Ông có đầy đủ phẩm chất của một thương nhân bậc trung, và chỉ có vậy thôi. Ông không biết chọn, bằng mưu lược của mình, một điểm tựa có sức đàn hồi để

vọt đi xa hơn. Tôi đang bổ sung thiếu sót của ông đây: Chu là một trong những mục tiêu của kế hoạch giữa tôi với gã Triều Châu.

Tôi dành ngày càng nhiều thời gian cho chị Chu và tâm lực nữa. Lúc chị tuyệt vọng, tôi lại phải trổ tài hùng biện xó chợ của mình ra. Tôi rất ghét nước mắt, nước mắt và sự im lặng u uẩn. Những giọt nước mắt của chị lăn suốt đêm chưa tới cằm. Nó khiến tôi chạnh nghĩ đến cái thân phận khốn nạn của mình. Tôi ôm chị vào lòng và bắt chước gã Triều Châu, tôi giảng giải cho chị hiểu rằng mây vảy cá chỉ là một đám mây hơi nước, lẩn thẩn và ngu ngốc. Chúng hèn nữa, đúng, rất hèn. Chúng có tồn tại hay không phải nhờ thần gió quyết định thay. Thời gian tha hồ rỉa rói tấm thân mỏng manh bạc nhược của chúng. Mà thời gian là gì, tiếng lốc cốc là do chiếc trống dây tự va đập vào nó, mà người nhuộm đồ rong thì chắc gì đã sống tốt hơn tôi, với chị. Thời gian là sự vận động sinh học hết sức nhảm nhí của cảm giác, nó không có yếu tố định mức, nó bấp bênh lắm. Tóm lại, chị hay tôi hay bất cứ một người nào khác trên đời này, như những cái máy cày lê lết qua cánh đồng thời gian, còn khát vọng chính là chiếc móc sắt han rỉ cùm chúng mình ở lại trên cõi nhân gian. Ngồi một chỗ như chị hay suốt đời di động như tôi thì có khác gì nhau. Sự thăng hoa của nội tại mới thực sự là bước đi của con người trong cuộc đời.

Tấn tuồng của tôi với chị Chu kéo dài hơn nửa năm. Tôi không thể tiếp tục vì không còn đủ sức. Trong lúc soạn thảo kế hoạch với gã Triều Châu, tôi đã không đánh giá đúng tầm mức của tình huống này. Trong lúc ôm ấp thân thể trần trụi của chị, tự đáy lòng tôi đã thành khẩn tin rằng mình đang làm một điều thiện, rất chân thiện. Giống như những thứ thổ tả tôi vẫn săn lùng ngày trước, dù đã tồi tàn, chúng vẫn có giá trị vật chất đôi khi vượt ra ngoài những ước lệ của qui chế trao đổi. Chị Chu cũng vậy, lúc vùi đầu vào bộ ngực mềm ấm đó, tôi bàng hoàng nhận ra rằng, vang sâu trong cái sinh vật dị dạng đang rệu rã kia là những cơn bùng nổ liên tục của khát vọng làm người, của những đam mê hết sức chân thành, trong trắng và sôi động. Linh hồn mỗi người, nếu quả có nó, thật ra không ăn nhập gì với cái xác phàm mà nó ẩn náu cả. Từ đó suy ra một hệ luận: tự do tâm linh cũng là một nhu cầu đồi trụy bởi thói tắc trách vô liêm sỉ của nó. Tôi cố lèo lái cuộc ái ân cho mềm mại hơn so với trí tưởng tượng thô tục của mình. Tôi luôn bị ám ảnh bởi nỗi hờn ghen rất trẻ con rằng trên cái giường của chị Chu, trước tôi đã có những trận luyến ái bão táp kinh hồn. Còn tôi chỉ là một thứ hình nộm để lấp đầy khoảng trống giữa hai cơn bão. Với những cơ bắp rắn chắc và lì lợm, ông Miên dồn ép quần quật chị Chu bằng những động tác quyết liệt và chi li, giống như đang đối xử với những con dê tử tội vậy. Biết làm sao được khi đó cũng là một dạng phân tâm bệnh lý? Trong tay tôi, chị Chu

cũng ngất đi rất nhanh, mình đẫm mồ hôi và lớp lông tơ trên ngực chị đỏ rực khoái cảm.

Dù rất yêu chị Chu và dù luôn luôn tâm niệm với mưu đồ dựng nghiệp của mình, tôi vẫn rất khổ nhọc khi phải kéo dài lối sống bệ rạc của mình trong nhà chệt Liếm. "Cái hộp gỗ" lưu cửu mùi củ cải muối của chị Chu theo tôi cả trong giấc ngủ. Nhiều lúc bắt chước chệt Liếm, tôi cố đánh tan những dự cảm đen tối đeo đẳng trong đầu bằng những ly rượu. Những ly rượu cay xé lưỡi dĩ nhiên cũng là thứ ăn trộm. Nhưng tôi đã nói rồi, rượu chỉ là thứ thuốc an thần vô hiệu đối với cơn khắc khoải kinh niên của con người. Mặc cảm về sự hèn mọn của mình là động lực thúc đẩy con người vượt lên trên nhưng đồng thời cũng chính vì nó mà người ta tự vùi dập cuộc đời mình. Điều đó đúng hay sai cần phải thử nghiệm, còn dự cảm thì ngược lại, dự cảm tự nó tìm đến.

Rồi một ngày, một ngày mà xuân cũng rất xanh, tôi từ bến đò trở về, ì ạch kéo theo một xe đầy mạt cưa. Cơn lốc tháng ba lồng lộn qua những hẻm phố, nhét đầy miệng tôi những hạt cát vừa khô vừa mặn. Cổng gỗ trước quán mở toang, sân gạch vắng ngắt. Dưới hiên, ông già người Ấn ngồi thẩn thờ ngắm những con ruồi đang phơi nắng, dĩa đèn đặt bên cạnh. Phía sau, lơ lửng trên cái bẫy chuột, có tiếng đàn bà khóc rấm rức. Tôi đi vào, ê ẩm choáng váng vì những dự cảm chẳng lành, vì mệt và vì nắng. Nhà sau cũng vắng vẻ. Tiếng khóc nỉ non trên gác. Lạy trời, lẽ nào những dự cảm đen tối của tôi đã thành sự thật? Tôi không tin. Nhưng rõ ràng đêm qua tôi đã nhìn thấy cuộc đụng độ giữa chệt Liếm và ông Miên ngay dưới chân thang gác. Chệt Liếm là một người đàn ông phi thường, tôi biết chắc như vậy. Thấy bóng người nhốn nháo trên đó, tôi phóng lên. Ở bậc thang cuối cùng, tôi sững lại.

Trên cái giường mà tôi với chị Chu vẫn lén lút với nhau hằng đêm, giờ cũng có hai người. Chỗ của tôi (hay chỗ của ông Miên cũng vậy) được thay thế bằng xiếm Hoa. Chị Chu nằm ngửa, cằm trễ xuống, mắt trợn trừng trông thật kinh khủng. Xiếm Hoa cong người như một con tép sắt, nức nở trên người chị. Trên cái bàn thấp kê sát đầu giường, bữa ăn đang dở dang, chén cơm rơi tung tóe trên sàn gác, một chiếc đũa gãy cắm trên chiếu. Tiếng khóc không thoát ra từ đôi vai run rẩy của xiếm Hoa mà dội lên từ trên mái ngói đầy bồ hóng xuống.

Người Khách gia đứng trước mái thông gió, cần cổ duỗi ra chống đỡ cái đầu đạo mạo đang gục xuống vì xúc cảm. Ông Miên tựa vào tường cạnh cái bàn thấp, gương mặt lầm lì của ông phồng lên, đỏ lưởng. Chệt Liếm ngồi cứng đơ trong cái ghế duy nhất có trên gác, mặt nhợt nhạt, những con gà nhựa lăn lóc dưới chân ông. Không có khói mạt cưa, nhưng căn gác như sắp

tan ra vì những ánh mắt thù địch, vì hơi thở căm giận ngấm ngầm của những người đàn ông, dồn dập và sôi sục.

Dồn dập và sôi sục, tôi mơ hồ thấy ông Miên nâng tô canh trong mâm cơm lên, múc ít nước canh đổ vào lòng bàn tay, chà xát rồi ngửi. Điệu bộ của ông lúc đó rất giống dáng dấp băn khoăn của con chuột đồng trước miếng mồi đã bị đánh bã. Ông đăm đăm nhìn ra hiên gác, nơi những thanh gỗ mỏng lắp chéo nhau tạo nên một góc trang trí mờ tối. Có lẽ đó là nơi hò hẹn mỗi đêm của chị Chu với đám mây vảy cá hoang tưởng. Rất lâu, tôi cảm nhận sự vận động chậm rãi ấy bởi hàng trăm tiếng lốc cốc đều đặn xuyên qua đầu mình, tôi thấy ông Miên bưng tô canh đến gần cái ghế duy nhất trên gác. Rất bình tĩnh, ông chụp cái tô lên đầu chệt Liếm, nhẹ nhàng và từ tốn. Lá cải trôi từ trán chệt Liếm xuống chân mày, xuống gò má, xuống cằm rồi rơi nhanh xuống đùi. Chệt Liếm vẫn ngồi cứng đơ, hai tay bóp chặt thành ghế. Sắc vàng đùng đục của nước canh loang loang chầm chậm trên mặt ông. Phủi tay với vẻ hả hê, ông Miên chệnh choạng đi xuống gác. Rồi ông đi mãi không bao giờ trở lại nữa.

Tôi ngồi bệt xuống sàn gác. Tiếng trống dây của người thợ nhuộm đồ rong bây giờ ầm ầm như tiếng trống trận trong đầu tôi. Thời gian ơi thời gian. Thời gian tắc nghẹn, nhẹ tênh. Chị Chu ơi, bây giờ chị đã nghe thấy tiếng thời gian gõ nhịp trong bước đi đầu tiên của chị chưa? Tôi đã nghe rồi đây, ảo thức của tôi đang vỡ vụn tan tành.

Vài ngày sau đám tang chị Chu, ông người Ấn ra đi. Ngày xuân ấy chưa kịp tàn, những con ruồi trơ tráo sau khi tắm nắng thỏa thuê đã nhảy vào dĩa đèn của ông, vùng vẫy rồi chết luôn trong đó. Ông người Ấn rủ người đi khi chứng kiến đức tin tận tụy của mình đã bị đấng tiên tri phỉ báng. Ông bỏ đi không nói với ai một lời. Chẳng buồn thanh toán số dầu lâu nay chệt Liếm vẫn cung cấp cho ông.

Tôi còn nán lại quán chệt Liếm một thời gian nữa. Chẳng còn mưu đồ gì, căn bếp không còn kích thích nổi tham vọng chiếm cứ của tôi nữa. Tôi yêu chị Chu nên khó mà rời xa những âm hưởng lay lắt kỷ niệm cứ gào thét vào mỗi đêm rằm trên căn gác gỗ.

Ông Khánh gia rồi cũng đi, chệt Liếm không giữ được ông. Liên minh của ông đã tan rã.

Cuối cùng, người ta tống cổ tôi ra khỏi cánh cổng gỗ sơn đỏ cùng với những mẩu xương dê. Nằm bên vệ đường như một con chó ghẻ, tôi nghiền ngẫm đủ điều, tôi không tiếc những tháng năm đã mất trong cái bẫy chuột. Tôi biết mình không bao giờ có thể san sẻ được với họ, những người tồn tại phía sau hàng rào dây nhãn lồng đó, cuộc sống lâu bền được.

Tôi nghĩ đến gã Triều Châu. Thật ra, cứ sống như gã mà hay. Với cặp mắt lác, gã có thể cùng lúc nhìn thấy hai phía của cuộc đời. Bởi vì cuộc đời bao giờ cũng đúng y như mắt mỗi người đã nhìn thấy. Gã là người Trung Hoa cho nên gã phải hiểu người Trung Hoa hơn tôi. Gã biết chệt Liếm nên thay vì dấn thân vào, gã đẩy tôi phiêu lưu trong cái bẫy chuột của ông. Cứ để gã ôm ấp cái quán tương lai với mớ bàn ghế hỗn độn trong giấc mơ êm ấm, tôi đã chọn cho mình một con đường khác. Đừng trách tôi phụ bạc, cuộc chia tay ngày ấy chắc gì ai đã may mắn hơn ai. Suy cho cùng hạng cùng đinh như hai đứa tôi chỉ là cái phần chìm trong nồi canh do chính chúng tôi nặn ra để lòe bịp cơn đói.

Tôi còn nghĩ đến chị Chu nhiều lần nữa.

Tôi sẽ còn ân hận rất lâu vì những miếng sườn thiu, vì cái bật lửa có nắp mở kêu tanh tách vì những thớ thịt xung đột triền miên trên người chị Chu. Sẽ không bao giờ, suốt cuộc đời mình, không bao giờ tôi còn có được hạnh phúc nữa, không bao giờ.

ĐỖ PHƯỚC TIẾN
Tháng 2/1992
(Trong nước)



NGU YÊN

lễ kỷ niệm 16 năm xưa thề 100 năm

Khi các con đã yên giấc
Xin cho anh trân trọng bắt đầu
Làm lễ kỷ niệm 16 năm hạnh phúc
Và khấn lời thề yêu em 100 năm

Cho anh gửi bàn tay táy máy
Cho anh mượn đôi môi có sức hút nam châm
Và một chỗ úp mặt tìm êm ái
Và một đêm lập lại đêm ban đầu

Cho anh lăn khắp đường cong bí mật
Cho anh đùa nơi đẹp nhất trần gian
Cho anh nhảy
Cho anh bò
Cho anh la hét
Cho anh gầm rung chuyển cả thinh không
Cho anh hiên ngang
Cho anh phá phách
Cho anh thấy mình đáng được sống trăm năm

Anh đang thở bằng hơi em ấm áp
Anh đang tình không sợ đổ mồ hôi
Anh ngất ngưởng đi sâu vào nhân loại
Anh dọc ngang quên hết buồn phiền
Anh dừng lại níu phút giây chầm chậm
Anh bước vào nơi em đón tình yêu
Anh ngã xuống khi em đọc thần chú
Anh lịm người khi em xé con tim

Cho anh tìm lại trong thời gian đã mất
Những lần vui hỉ xả kiếp con người
25-8-1991

nghịch nữ nhi

Trồi lên
Đè xuống

Đè xuống

Trồi lên
Nổi lâm ly
Tiểu thư trêu. Cảm giác ly kỳ

Suốt đêm thức giỡn năm mười mộng
Sáng sợ xanh người nghịch nữ nhi
NGU YÊN



HOÀI MỸ

về với biển cả

"Nghe gì chưa, bác Trình chết đuối!" - "Thật hả?" - "Thì tôi cũng mới được tin" - "Xạo, bác Trình mà chết đuối!" - "Ai mà biết, có điều..." Điện thoại của các nhà người Việt reo nối nhau. Bác Trình chết đuối. Tin đồn lan nhanh. Nhưng dường như không người nào tin. Một người như bác Trình, bảo chết đuối thì chẳng ai tin, cũng phải. Nhưng người Việt vẫn tiếp tục điện thoại cho nhau, để hỏi, để nghe và để rồi... không tin.

Hôm đó - mùng một tháng năm - bầu trời âm u. Sương mù dày, xuống thấp. Rừng núi thâm đen. Thời tiết giao mùa, cuối xuân sang hè mà vẫn lạnh buốt. Vào ngày lễ nghỉ nên sinh hoạt bên ngoài lắng đọng, vắng vẻ. Không gian vì vậy càng trầm buồn.

Gần đến chiều thì nhiều người Việt đã bán tín bán nghi. Một lời đồn dù nghịch lý mà được lập đi lập lại, vẫn gây tác dụng. Người ta lấy xe chạy tới nhà bác Trình. Đã có đông người ở đây, đứng cả ra ngoài hè. Mặt người nào cũng nghiêm trọng. Bên trong nhà, ngồi ở sa lông, bác Trình gái đang trả lời các câu hỏi của cảnh sát. Hai mắt bác đỏ au. Ba bốn người con ngồi quanh bên mẹ, cũng khóc. Cảnh tượng làm những người đến thăm mủi lòng. Nhiều phụ nữ bịm môi, thỉnh thoảng lấy khăn chậm mắt.

Người thông dịch dường như cũng sợ mình nói lớn sẽ xúc phạm đến bầu không khí đau thương này nên hạ giọng, ngậm ngùi:

- Xin bác... bớt buồn. Ông cảnh sát này hỏi thế bác trai ra biển lúc nào?

Bác Trình gái không trả lời ngay, vòng tay qua ôm lấy vai đứa con út ngồi cạnh như để tìm nguồn trợ lực. Tuy vậy giọng bác vẫn nghẹn lại:

- Khi ăn sáng xong... Bữa mô cũng đi rứa.

Nước mắt lại dàn dụa xuống khuôn mặt hiền hậu của bác. Người cảnh sát Na Uy ghi chép những gì thông dịch viên chuyển ngữ. Trong nhà chật ních người thế mà vẫn không có tiếng động mạnh. Chỉ thỉnh thoảng nổi lên tiếng thở dài. Người ta im lặng phần như để chia xẻ nỗi đau đớn với bác

Trình gái, phần để được nghe chính người nhà bác Trình kể về những gì họ mới thoáng biết qua.

Bác Trình gái trỏ tay về phía một trong những người con gái lớn của bác, kể lể:

- Con ni hồi sáng nói cha ơi ngày lễ cha ở nhà một bữa đi, người Na Uy không làm việc hôm ni mô. Nhưng ông nhà tôi có nghe mô, nói tao mô có làm việc, tao đi biển chơi. Mấy đứa khác cũng cản, bảo trời ni xấu, thôi cha ở nhà. Thế rồi ông nhà tôi cũng đi cho được. Tính ông nhà tôi vậy đó, không cách chi ngồi yên một chỗ.

Người cảnh sát nghe bác gái nói một hơi dài, không hiểu, vội ra dấu cho người thông ngôn dịch lại. Ông ta ghi ghi chép chép, sau đó hỏi tiếp bằng giọng trầm tĩnh:

- Ai khám phá ra bác trai bị nạn?

- Thằng ni.

Bác vỗ vào vai đứa con út xác nhận. Rồi không đợi được hỏi thêm, bác kể:

- Thường bữa mô ông nhà tôi cũng khoảng quá trưa thì về ăn cơm. Bữa ni sao lâu không thấy về, tôi sai thằng ni chạy ra gọi. Chặp sau nó về, khóc nói cha đi mô rồi, chỉ thấy chiếc thuyền bị bể giạt vào bờ. Linh tính báo điều chẳng lành...

Bác chợt ngưng lại, nấc lên. Nước mắt tuôn dài trên má. Mãi sau bác mới dằn được cơn xúc động:

- Tôi với mấy đứa nhỏ chạy vội ra... thấy như rứa thật...

- Từ nhà ra chỗ bác trai vẫn câu xa không bác?

- Đứng ngoài ban công kia thấy biển liền. Ngặt hôm ni sương mù nhiều mới nhìn không rõ. Đi bộ dường tắt chừng mươi lăm phút.

- Rồi bác báo cho cảnh sát?

- Không, ông Noọc bên cạnh. Hàng xóm thấy mấy đứa ni khóc qua hỏi. Nghe xong, ông Noọc lấy điện thoại nhà ni gọi politi. Chung quanh đây người Noọc nào cũng thương. Bữa mô câu được nhiều cá ông nhà tôi vẫn biếu họ. Ở rộng với họ nên ai cũng có cảm tình.

Người cảnh sát đứng dậy, vừa cho cuốn sổ và cài cây bút vào túi áo vừa hỏi, coi như câu hỏi ngoài lề. Người thông dịch ngược lại vẫn giữ bộ mặt và giọng nói nghiêm trọng, chuyển ngữ:

- Bác được mấy con?

- Mười.

- Mười?

- Hai đứa con gái nhớn lập gia đình rồi. Thằng thứ hai mới đám hỏi. Ông nhà tôi tính hè ni thì lo cưới, chừ thì...

- Các con bác hay tin hết chưa?

- Rồi, trừ con gái ở Đờ-ra-men, tối mới về bằng xe lửa, sáng mai tới.

- Cô này, cô này, cậu này, cậu kia... là con bác phải không? Tôi thấy chúng nó có khuôn mặt giống nhau.

Bác gái gật đầu sau mỗi cái chỉ tay của người cảnh sát vào từng đứa con của bác. Bác nói thêm:

- Còn mấy đứa nhớn với con rể đang ở dưới biển tìm.

Người cảnh sát trấn an bác bằng đôi câu xã giao thông lệ, hẹn sẽ còn liên lạc với gia đình rồi đi ra. Lúc đó dường như người ta mới nhận thấy không khí trong nhà ngột ngạt dù các cửa đã mở toang. Tiếng nói chuyện lúc đầu còn rầm rì, gượng nhẹ, sau tăng dần cường độ. Đa số đàn ông, thanh niên ra ban công đứng, bàn tán. Vài người đàn bà tìm lời an ủi bác Trình gái. Mọi người vẫn tin rằng bác Trình trai không thể nào chết đuối được vì dựa vào nghề biển của bác, nhưng cũng không ai giải thích nổi tại sao bác mất tích như vậy.

Một cây-cầu-thông-tin vô tình được thiết lập từ nhà bác Trình xuống tới bờ biển. Người nọ chạy xuống, người kia đi lên. Gặp nhau, câu hỏi được lập đi lập lại:

- Tìm thấy chưa?

Và câu trả lời vẫn chỉ là những cái lắc đầu buồn bã.

Đứng trên bờ biển từng tốp ba bốn người. Tất cả những cặp mắt đều nhìn chăm chú xuống mặt nước trong xanh. Một chiếc ca-nô sơn trắng có hàng chữ Politi đen ở hai bên sườn chạy thật chậm đảo quanh eo biển. Tiếng máy nổ xình xịch phá tan sự thinh lặng của biển, lan nhanh vào rừng cây. Bốn năm cảnh sát viên trên ca-nô, người nhìn bằng ống nhòm về những quãng xa, người dõi mắt xuống lòng biển tìm kiếm. Đồng thời cũng có một chiếc thuyền gỗ do hai người Việt Nam chèo lặng lẽ lượn hết chỗ này đến chỗ khác. Trên thuyền hai thanh niên nữa cố gắng trườn mình trên mạn thuyền như đang soi mặt xuống dòng nước. Vẫn không ai tìm ra được thêm dấu tích gì của bác Trình, ngoài chiếc thuyền gỗ của bác bị vỡ ở ngang sườn đã được cảnh sát kéo lên đặt dưới một lùm cây. Trên thuyền này còn lại một số lưỡi câu, cuộn dây ni-lông và con dao mổ cá. Những người trên bờ bàn tán sôi nổi, dựng lên nhiều giả thuyết. Ai cũng như đang đóng vai trò nhà chức trách điều tra phạm trường để bắt thủ phạm. Cứ dựa vào mạn thuyền bị vỡ, người ta đã tạm đồng ý với nhau rằng thuyền bác Trình bị một tàu khác tông. Tai nạn xảy ra có thể vì hồi sáng sương mù dày đặc khiến tài xế của chiếc tàu kia không nhìn thấy thuyền bác Trình. Thủ phạm chắc sợ quá nên bỏ chạy luôn. Tuy nhiên người ta lại tranh luận với nhau, trên thuyền của bác Trình không có vết máu nào, vậy là bác Trình không bị gì, có lẽ bác

chỉ văng xuống nước. Nếu thế từ giữa eo biển kia vào tới bờ này khoảng hơn ba chục thước. Với tài biển của bác, bác dư sức để bơi vào. Im lặng. Rồi bỗng một giọng nói sôi nổi vang lên:

- Tui e bác mặc nhiều áo quá, nào áo lạnh, áo khoác, áo mưa, lại thêm đôi giày bốt tổ mẹ... khó mà bơi nổi.

Nhưng một lý luận khác lập tức dối lại:

- Nếu bác ấy... bị thì cũng không cách gì chìm được.

- Sao không? Thường chết đuối ba ngày sau mới nổi lên.

- Đã đành. Trường hợp bác Trình này khác. Mặc nhiều như thế kể như deo phao rồi còn gì.

- Vậy sao mình vẫn không tìm thấy bác?

- Thì... đó mới là vấn đề!

Phải, quả đúng "đó mới là vấn đề" và không ai giải đáp nổi. Thành thử người ta lại lặng thinh. Như đang diễn ra một cuộc đấu trí sôi nổi. Mặt người nào cũng căng thẳng. Ai cũng mong mình là người đầu tiên tìm ra manh mối. Hình ảnh bác Trình hiện rõ nét trong tâm trí mọi người. Bác như đang mỉm cười, nụ cười thật đôn hậu. Bác như đang trò chuyện, giọng nói thật thân mật. Dáng bác to lớn, vạm vỡ. Bác như một thứ biểu tượng về sự chân phác giữa tập thể người Việt ở đây.

Gia đình bác Trình đến định cư tại thành phố này rất sớm, hình như khoảng giữa năm 1979. Vào thời gian đó số người Việt tị nạn chưa đông nên việc chính quyền Na Uy cung cấp nhà cửa không mấy khó khăn. Thường những người Việt mới đến chỉ phải ở tạm trong khách sạn chừng hơn tuần lễ là có thể dọn ra nhà riêng. Nhưng trường hợp bác Trình thì khác. Phần vì đông con, gia đình bác vượt quá tiêu chuẩn để được cấp nhà trong chung cư. Phần vì bác trai đã bày tỏ ý muốn được ở một nơi gần biển. Bởi vậy việc tìm nhà đòi hỏi thời gian dài. Vào những năm đầu mới nhận người Việt, chính quyền Na Uy thường tỏ ra rộng rãi, cố gắng tối đa đáp ứng hầu hết nguyện vọng của người tị nạn. Họ quan niệm rằng ngoại kiều tới đây, một xứ sở lạnh lẽo và trầm lặng, xa lạ hẳn với văn hóa, phong tục và ngôn ngữ bản xứ, lại sẵn sàng niềm nhớ thương họ hàng, làng nước, nên dễ sinh ra chán nản. Chẳng thế mà nhiều người Việt đã đòi di chuyển sang Mỹ mà lý do bao giờ cũng là ở bên đó có bà con quyến thuộc và khí hậu ấm áp. Thành thử việc tạo cho người Việt mau tìm được một cuộc sống quân bình, thoải mái đã được ghi nhận trong các kế hoạch, dự án của các cơ quan đặc trách ngoại kiều. Do đó việc bác Trình trai ước mong được ở gần biển cũng là điều chính đáng. Hơn nữa như bác đã trình bày, mỗi khi thấy biển, bác có cảm tưởng mình được sống lại thuở đi biển ở quê nhà. Cuối cùng bác Trình được toại nguyện.

Căn nhà của gia đình bác Trình đứng trên một sườn đồi. Từ ban công phía sau nhìn ra, rừng thông trùng điệp, quanh năm lúc nào cũng xanh um kể cả những ngày mùa đông đội tuyết. Xa xa biển len vào giữa hai chân núi để rồi lan rộng trong lòng thung lũng. Eo biển không lớn nhưng đẹp như một bức tranh thủy mạc. Đặc biệt vào những ngày hè, trời trong, mặt nước lăn tăn sóng phản chiếu lung linh ánh nắng. Mùa xuân, mây nhẹ xuống thấp tạo nên cảnh huyền ảo. Biển chỉ biến khỏi tầm mắt những khi trời mưa tầm tã hoặc vào những ngày cuối thu u ám và sương mù dày đặc.

Dọn đến ngày trước, hôm sau bác Trình trai đã xách một con dao lớn tìm đường xuống biển. Công việc sắp xếp đồ đạc, bày biện trong nhà đã có bác gái và những đứa con lớn lo. Với bác trai, biển là trước tiên. Dân cư ở khu vực này còn vắng vẻ nên trong rừng dương như chưa ai bước chân vào. Bác Trình cứ nhắm hướng biển mà đi tới. Lưỡi dao sắc trong tay bác vung lên liên hồi, hạ gục những cành cây, chùm lá. Đôi cánh tay bác lâu ngày không hoạt động khởi sự mỏi nhừ. Mồ hôi rịn ra trong những lớp áo dày. Bác vẫn xấn lên, mở đường. Đúng lúc bác thấy thấm mệt thì khứu giác bắt gặp được mùi biển thoảng lan trong không khí. Bác tỉnh và khỏe hẳn. Bác hít mạnh cho hơi biển dồn căng trong buồng phổi. Mát lịm. Mũi bác cảm nhận được cả mùi rong rêu hòa lẫn với vị mặn của nước biển. Chân bác như được truyền lực, bước nhanh hơn.

Biển. Biển. Môi bác lắp bắp gọi thầm. Bác đã đứng sát biển. Nước vờn lên đôi giày ống của bác. Chất lạnh ngấm qua lớp cao su, làn vớ len rồi thấm nhẹ vào da thịt bác. Bác đưa tay xuống vục nước biển, dấp lên mặt. Bác lặng người sung sướng. Trước mặt bác, biển như trải rộng thân mình đón nhận bác. Sóng nhỏ thi nhau chạy vào bờ, kêu rì rào. Nước trong xanh tưởng chừng như muốn khoe cả đáy sâu. Bên cánh phải, cánh trái của bác, sườn núi thẳng đứng phóng mạnh xuống lòng nước. Cây cối mặc cùng màu áo với biển, đong đưa cành lá, đùa giỡn với những gợn sóng. Bốn bề không một tiếng động mạnh. Một cõi thiên đàng hiện thực đối với bác Trình.

Sau những giây phút ngất ngây trước biển, bác Trình ngồi trên một tảng đá. Mắt bác vẫn không rời mặt biển. Đại dương cũ, mênh mông trong cái nắng cháy da sống lại. Bác thấy mình đang cầm lái cho chiếc ghe rẽ sóng vào bờ sau một đêm một ngày tung lưới. Khoang ghe đầy ắp cá. Lần nào ra khơi về bác cũng có tâm trạng của người được mùa lúa. Những người cùng ghe với bác đều vui, hả hê với kết quả. Bản tính vốn ít nói thế mà thấy họ bông đùa, bác Trình cũng phải thỉnh thoảng góp chuyện hoặc cười phá lên.

Chiếc ghe của bác, một máy hai đầu bạc, khỏe có tiếng. Trừ có đáy, còn thân ghe gỗ lên nước bóng nhánh, giống như làn da cháy nắng nhễ nhại của bác. Ghe cập bến, rỡ cá xuống, chia "tứ lục" xong bác tạt về nhà một chốc

rồi lại trở ra với ghe. Có thể nói bác gần gũi với chiếc ghe còn hơn với căn nhà của bác. Nhưng giờ thì ghe đã nằm dưới đáy biển. Mỗi lần nghĩ lại, tim bác đều nhói lên. Chiếc ghe ngày xưa đã nuôi gia đình bác, sau đó đem gia đình bác đi vượt biên. An toàn. Không một lần hư máy. Thách đố bão táp. Bất chấp sóng cả. Đến khi nhóm bác được tàu Na Uy vớt, các thủy thủ đã đánh đắm chiếc ghe. Bác vẫn như còn nghe rất rõ tiếng rìu bổ xuống lòng ghe. Bác cảm thấy đau như lưỡi sắt chạm vào thân xác bác. Đứng trên boong tàu, bác nhìn chiếc ghe từ từ chìm xuống đại dương, lòng bác quặn lại. Nước mắt bác ứa ra. Từ đó trong cuộc sống an nhàn trên xứ người, chẳng đêm nào bác lại không nằm mơ thấy mình và chiếc ghe... Chiếc ghe cưỡi sóng trên biển cả, như con tuấn mã lao mình trên đường trường. Bác ú ớ rồi bật dậy khi cơn ác mộng tới đoạn cuối: chiếc ghe bị đánh chìm xuống lòng biển.

Rồi bác Trình thực hiện ngay những ý định mà bác đã nuôi từ lâu: mua dụng cụ câu cá. Bác dặn mấy đứa con đọc các mục rao vặt về thuyền bè trên nhật báo. Bác chẳng phải đợi lâu vì dường như ngày nào cũng có người Na Uy đăng quảng cáo bán hoặc đổi ghe tàu, đủ loại. Vấn đề chính yếu đối với bác Trình là giá cả. Bác không dám nghĩ đến những thứ đúng như mơ ước, chỉ miễn sao vừa với túi tiền nhỏ mà bác đã dành dụm được. Tàu tối tân thì không nói làm gì, nhưng loại ghe gắn máy thôi bác thấy sao cũng đắt kinh khủng. Sau mấy lần khảo giá, tới tận nơi xem xét, cuối cùng bác Trình đành chọn mua một chiếc thuyền gỗ chèo tay. Bác nói với đứa con trai lớn nhưng thật ra như để tự an ủi mình: Xài tạm, khi mô có dư tiền, sẽ mua ghe như ở Việt Nam, con hí!

Nhưng rồi bác Trình không "xài tạm", trái lại bác "thương" chiếc thuyền cũ kỹ này ngay từ lúc thuê xe chở về. Bác hì hục cạo lớp sơn cũ, sơn lại nước mới, thay những miếng ván mục, đóng thêm sàn gỗ ngang, sửa hai vòng khuyên cột mái chèo. Không đầy tuần lễ sau bác đã trở thành thứ ngư ông ung dung buông cần trên mặt biển.

Sáng sáng - sau khi ăn điểm tâm - bác Trình cầm cần câu, xách theo phích nước trà, chiếc sô nhựa, lững thững xuống thuyền. Không ngày nào bác lại không đem về một hai sô đầy những cá đã được rửa sạch sẽ. Những người Na Uy ở gần nhà đều được bác tặng những con cá lớn, béo. Mối thân tình hàng xóm tăng dần theo những lần tặng cá như vậy. Chiếc tủ đông đá hai trăm lít đặt ở trong kho nhà bác đã gần đầy các loại cá và bác Trình gái đã tính phải mua thêm chiếc lớn hơn để dưới căn hầm. Bạn bè ở xa tới, bà con người Việt lại thăm, bác Trình đều biếu đôi ba con cá làm quà. Và bao giờ cũng là Laks hay Orret, hay loại cá vừa ngon vừa quý ở Na Uy.

Dĩ nhiên quan trọng đối với bác Trình không hẳn là câu được cá, nhưng là được đến với biển. Bác có cảm giác chỉ thực sự sống mỗi khi hiện hữu ở giữa không gian này. Bác được giải thoát, bứt khỏi mọi chật chội, gò bó. Lần nào cũng vậy, xuống tới biển, bác đã vội hít mạnh vào lồng ngực không khí mát lạnh ở đây. Hương vị của nước biển, của rau câu thấm qua từng tế bào trên thân thể bác, nhập vào huyết quản. Sau khi xếp cần câu, phích nước trà và ít dụng cụ khác vào khoang thuyền, bác đẩy chiếc thuyền xuống nước. Đôi mái chèo khua nhẹ. Ra tới xa, thói quen đầu tiên của bác là vốc nước vả lên mặt hai ba lần. Chất lạnh gây cho bác sảng khoái. Sau đó bác thường nghiêng mình xuống đáy nước để ngắm nhìn từng bầy cá nhỡn nhơ bơi lội. Bác có cảm tưởng đã thân quen với chúng từ lâu. Mà thật, những thứ cá ngày xưa ở miền duyên hải Đà Nẵng nay bác nhận ra gần như đều có ở eo biển này. Nào Bơn, Suộn, nào Mú, Ngừ, nào Ngéo, Đuối, Lầm hoa... Bởi vậy bác vẫn dùng tiếng Việt để gọi chúng dù rằng các con của bác và hàng xóm hay dạy bác kêu bằng tiếng Na Uy. Trừ những âm nào dễ nhớ, dễ nói thì bác tự động Việt hóa như Lange bác gọi là cá Lạc, Lyr là Lia, Flyndre là Phinh, Sei là Xây... Hoặc những thứ cá nào tựa tựa một loại ở Việt Nam bác không ngại lấy tên Việt đặt cho chúng, như cá Multe có cặp môi dày và vảy đậm ở hai bên lườn, bác gọi là cá rô, loại Aalefisk mình dài có khi hơn hai thước, không vảy được gọi là lươn, loại Beryx thân bầu, vảy lớn long lanh như mạ kền bác kêu là cá sơn... Dần dà các con của bác cũng quen với các danh từ Việt Nam đó để rồi lại gọi như cha mình mỗi khi bác xách cá từ biển về.

Bác Trình mừng thầm khi để ý thấy trong eo biển này ẩn chứa nhiều loại rong rêu, phổ tai và tôm tép; lại nữa nhiệt độ nước không đến nỗi lạnh buốt thấu xương và chất mặn cũng không quá nồng độ. Hèn chi cá qui tụ nơi đây. Như cảnh "đất lành chim đậu". Nhất là từ mùa xuân đến cuối hè, chúng về eo biển này đẻ trứng. Vào thời kỳ sinh nở đó, bác thấy các loài cá sống thành từng đàn như để bảo vệ lẫn nhau, nhìn đến sướng mắt. Nhưng khởi sự sang thu, một số loài cá như Laks, Torsk, Kolje (bác vẫn thường gọi là cá hồi, thu, vượt) lại kéo nhau đi để tránh mùa đông ở đây. Ngược lại, loài Sild (bác gọi là cá mòi) thì hồi cư hằng hà sa số về biển Na Uy để đẻ trứng trong những ngày đông tháng giá. Riêng giống Makrell (bác gọi là cá sòng) không đi đâu, chỉ trú ẩn dưới đáy sâu để chờ tiết trời ấm áp trở lại... Mỗi khi nhìn cá bơi lội như vậy, miệng bác lại thì thầm những câu thân ái, như thể bác đang tâm sự với chúng.

Mãi một lúc sau, bác mới thong thả lấy mồi móc vào lưỡi câu, cầm cần, quất mạnh cho lưỡi câu kéo dây văng thật xa. Các động tác của bác thật chậm rãi, đều đặn. Hôn nào nước thấp, bác *câu giăng*: bác lần lượt móc mồi

vừa bằng tôm, ruột cá vừa bằng sò ốc vào khoảng trăm lưỡi câu rồi thả sâu cho chìm xuống đáy biển. Bữa nước cao, bác *câu kiều*: cũng bằng ấy lưỡi câu, không cần mồi, bác thả lơ lửng trong dòng nước. Thả câu xong đâu đấy, bác lấy phích nước trà rót vào chiếc ly nhựa, đưa lên gần mặt để cho hơi ấm và mùi trà thơm phủ lên da mặt, quyện vào khứu giác. Trong khi nhấp từng ngụm trà nhỏ, tâm trí bác lại quay về thời còn trai trẻ. Từ dạo mới lên mười, Trình đã được cha gởi đi theo ghe của bác hai Vọng. Lần đầu được ra tận ngoài khơi, Trình ngây ngất sung sướng. Biển trời lồng lộng. Hơi nước mằn mặn bốc lên thơm nồng. Gió ấm ngào ngạt quấn quít. Trình thiết tha với biển từ những giây phút đó và cảm nhận mình với biển sẽ mãi mãi hòa nhập trong nhau.

Trình được giao phận sự đun bếp trong khi các bác, các chú kéo lưới. Những bữa cơm thanh đạm, nhưng Trình ăn rất ngon và thật khỏe. Trình tập sự nghề biển bằng những lần nhảy xuống đáy sây gỡ lưới mắc rong. Chỉ cần uống một ly nước mắm nhỏ cho ấm người là Trình dư sức chịu đựng ngâm mình cả buổi dưới biển. Trình nổi tiếng bơi giỏi, nhưng lặn sâu vẫn thua thằng Tư-Quảng-Ngãi. May mà nó theo ghe của người khác. Nghe đồn từ hồi mới năm sáu tuổi nó đã được ông nội lấy râu trâu cấy vào mũi nên có thể nhịn thở hàng giờ dưới nước.

Trình lớn lên giữa cảnh biển trời bao la đó và già giặn theo những chuyến đi biển. Thấm thoát Trình đã trở thành một thanh niên cường tráng, linh hoạt.

Hàng năm từ tháng hai đến tháng tám, tháng chín ta, Trình đều đặn theo ghe ra khơi. Hôm nào đánh cá lớn như cá thu, cá ảo, lừ, cá bông thì ghe của nhóm Trình cộng tác với một chiếc ghe bạn bỏ *lưới giăng*. Nhưng Trình mê nhất là những buổi đánh cá trích và cá mòi. Mùi thơm của hai loại cá này phảng phất trong gió. Dù trong đêm tối dân biển cũng biết chắc được hướng đi của chúng, buông *lưới mành* chận đầu là sáng hôm sau kéo nư lưới. Mùa tôm - mùa hái ra bạc - ghe của nhóm Trình ngưng kéo *giả đôi* để đổi qua kéo *giả một*. Lưới bao giờ cũng căng đầy những tôm tưởng chừng có thể rách bung ra, nặng nhọc theo sau những cuộn sóng phát ra từ sau chân vịt của ghe. Nỗi sung sướng hòa lẫn niềm hãnh diện dâng lên trong ánh mắt của cậu trai vừa tròn mười sáu.

Mỗi lần ghe gần vào đến bến, tim của cậu Trình lại đột nhiên rộn lên, bồi hồi. Lẫn lộn trong đám người ra đón ghe lấy cá bao giờ hình ảnh của cô gái tên Duyên cũng nổi bật. Ánh mắt của cậu Trình bắt gặp ngay khuôn mặt bầu bĩnh nhưng rạng rỡ của Duyên. Và có lẽ Duyên cũng chỉ chờ ghe của cậu Trình thành thử cô không tranh dành những mớ tôm cá của các ghe về trước. Dáng dấp của người con trai vạm vỡ, thân hình cuồn cuộn

bắp thịt đã chiếm trọn tâm hồn cô. Hai người tuy chưa một lần dám nhìn nhau lâu hay trao nhau câu nói thân mật nào, nhưng một vài cử chỉ và ánh nhìn kín đáo đã biểu lộ tâm tình của hai người với nhau. Bởi vậy giữa năm mười bảy tuổi, cậu Trình đã được cha mẹ dẫn sang nhà cô Duyên với cơi trầu để xin cưới nàng. Đám cưới linh đình kéo dài ba ngày, có mổ bò và mời cả xứ đạo.

Từ tháng mười trở đi - mùa biển động - dân chài không ra khơi. Bác Trình cũng không thể ngồi yên. Bác không giết thời giờ bằng những canh bạc như phần đông đồng nghiệp, nhưng bác đi thúng trong sông, *câu rớ* hay bỏ *lưới dụt, lưới rùm*. Những mẻ lưới ở nước ngọt tuy không đầy ứ tôm cá như những lần đi biển, nhưng vẫn đem lại cho bác nhiều nguồn lợi; phần bán cho bạn hàng, phần còn lại để bác gái làm nước mắm.

Khi bác Trình có đứa con thứ tư thì cũng đúng thời gian đổi đời. Vốn liếng chắt chiu bao năm đã đưa bác từ một kẻ đi theo ghe của người khác trở thành ông chủ. Chiếc ghe bác Trình mua lại của một người trong làng, cũng di cư 54 từ Quảng Bình vào Đà Nẵng. Ghe vào tay bác dần dần thay hình đổi dạng với lớp dầu bên ngoài đánh bóng, được lau rửa sạch sẽ và thay máy mới. Bác đích thân lái ghe và tự mình chăm sóc ghe. Bác gọi ông anh rể, thằng cháu họ và chú hàng xóm về "đầu quân" trên ghe bác. Họ cũng chân phác như bác nên tình đồng nghiệp ngày một sâu đậm hơn bất cứ ràng buộc tình cảm nào khác. Vì thế ngày vượt biên trên ghe có đầy đủ vợ con của những người đã từng cùng bác gắn bó với chiếc ghe qua bao ngày tháng trên biển cả...

Miên man trôi qua trong hồi ức của bác Trình những kỷ niệm xa xưa. Lần nào cũng linh hoạt, gần gũi như thể mới xảy ra. Để rồi bác lại thẫn thờ ít phút sau đó. Ý thức của bác chỉ hồi tỉnh khi bác phải chăm chú kéo lên những con cá mắc ở chuỗi lưỡi câu. Bác lấy cán dao đập vào gáy từng con cá một, cắt họng dưới mang, mổ bụng moi ruột rồi rửa trong nước biển trước khi bỏ vào trong mấy chiếc xô nhựa. Tay bác thoăn thoắt, nhịp nhàng. Bầy hải âu quen lệ kéo nhau đến kêu inh ỏi ngay trên đầu bác Trình, tranh nhau sà xuống mặt biển mỗi lần bác quăng ruột cá ra xa. Nhiều con bạo dạn xông vào định quắp cá trong khoang thuyền khiến bác phải khua dao đuổi. Miệng bác đồng thời lẩm bẩm như thể bác đang mắng con:

- Sư chúng mày, tham ăn!

Xong xuôi, bác xách các sô cá về tới nhà thường cũng đúng lúc bác gái vừa sửa soạn xong bữa cơm chiều và những đứa con lớn, con nhỏ cũng mới đi làm hay đi học về.

Những ngày mưa to gió lớn hoặc các tháng mùa đông tuyết phủ, mặt nước đóng băng, bác Trình không xuống biển được, bác cảm thấy bải hoải cả người, thời giờ như không di chuyển. Chốc chốc bác lại ra đứng sau khung cửa kính dõi mắt xuống biển dù rằng bác chẳng nhìn thấy gì ngoài một không gian vần vũ mịt mù hoặc trắng xóa trùng trùng.

Bù lại, vào những ngày hè, mặt trời mọc thật sớm và lặn rất trễ, rải nắng chan hòa trên cây cỏ. Phải nói suốt ngày bác Trình ở ngoài biển. Chiếc thuyền lượn lờ trên mặt nước. Những lúc này, bác hoàn toàn như đã quên hết mọi sự. Việc câu cá chỉ là cái cớ. Bác giận thật sự mỗi khi có chiếc ca nô nào chạy vào vùng biển của bác. Mặt nước chao động mạnh. Sóng dồn dập đập vào mạn thuyền bồm bộp. Bác tự nhủ mình sẽ chẳng bao giờ mua tàu dù dư dật tiền bạc. Bác nhận thấy máy móc xúc phạm đến sự linh thiêng của biển cả.

Ngày tháng lặng trôi, tuổi đời tăng dần, bác Trình như càng gắn bó với biển, bất kể thời tiết. Thời gian bác ở ngoài biển cũng lâu hơn. Số cá bác xách về ít đi dần. Như chỉ để tượng trưng việc bác đi câu. Đích thực với bác Trình là được thấy biển, ở với biển. Và cho tới hôm nay, bác ra biển để rồi... không trở về nữa.

Cuộc tìm kiếm bác Trình kéo dài đã hơn hai ngày mà vẫn không kết quả gì. Tờ báo địa phương BA đăng tải trên trang nhất tin một người Việt Nam tị nạn lớn tuổi, đông con bị chết đuối trong khi đi câu, đã gây xúc động mạnh trong dư luận Na Uy. Tấm hình chụp lớn bác Trình gái đứng ủ rũ giữa đàn con và lũ cháu nhỏ cộng với bài tường thuật tỉ mỉ gia cảnh bác Trình từ sau ngày ba mươi tháng tư cho tới cuộc sống nơi xứ lạ này, càng tạo niềm thương cảm. Nhiều bó hoa được gởi tới tận nhà, nhiều tặng vật, tiền bạc được trao tận tay gia đình kèm với những lời cầu mong sự may mắn hoặc những câu an ủi hay chia sẻ nỗi đớn đau...

- Sao, tìm thấy chưa?

- Liệu có hy vọng gì không?

Cây-cầu-thông-tin từ nhà bác Trình nối xuống bờ biển vẫn hoạt động. Và câu trả lời vẫn là cái lắc đầu đã thoáng vẻ tuyệt vọng.

Sang ngày thứ tư, chiếc ca nô của cảnh sát đành rút lui. Nhưng hai người con lớn và con rể của bác Trình không bỏ cuộc. Một số thanh niên Việt Nam tiếp tục phụ giúp tận lực. Ba bốn chiếc thuyền chèo tay vẫn lượn đi lượn lại khắp mặt eo biển. Mấy bác ngư phủ kỳ cựu đem hết vốn liếng nghề biển ra để suy đoán, lượng định trong việc tìm kiếm. Một thương gia Na Uy cho mượn chiếc du thuyền có trang bị những máy móc điện tử của ông ta. Trên mặt ra đa hiện rõ từng cọng rong, từng cành cây mục, từng hòn đá

ngầm... dưới đáy biển. Nhưng vẫn không xuất hiện một dấu vết nào của bác Trình.

Bác gái gầy xọp hẳn xuống. Thân hình tiều tuỵ với đôi mắt trũng sâu và khuôn mặt hốc hác. Đã mấy ngày nay bác không nuốt nổi một hạt cơm nào. Chiều tối, khi việc tìm kiếm tạm ngưng, bác lặng lẽ một mình lần xuống biển. Sự chịu đựng của bác tới những lúc này đột phát bùng vỡ. Bác bật khóc, nức nở gọi chồng trở về với vợ con. Ai mách gì, bác làm nấy, nào chong ngọn đèn dầu trên bờ rồi khấn trời lạy đất cho chồng nhìn thấy ánh sáng mà tìm được đường về, nào thả quần áo của mình xuống biển. Bác những mong vì tình nghĩa vợ chồng keo sơn mà bác trai nếu đã mệnh hệ nào thì cũng để vợ con lo cho mồ yên mả đẹp, chứ đừng nằm dưới biển sâu lạnh lẽo... Nhưng vang vọng vẫn chỉ là những tiếng rì rào của rừng cây và âm thang ầm ì độc điệu của sóng biển.

Giờ thì bác gái hẳn đã hiểu vì sao càng về sau này chồng mình càng trở nên ít nói. Bác trai lúc nào cũng như đang suy nghĩ điều gì quan trọng lắm. Phải chăng đó là linh cảm của một người sắp sửa ra đi vĩnh viễn? Nhưng tiếc rằng thời gian trước đó khi nhận thấy có cái gì khang khác nơi bác trai, vợ con lại nghĩ đó chẳng qua là chứng tật thông thường của những người lớn tuổi. Đôi lần bác gái buộc miệng trách chồng dạo này cứ hay quên, cứ như kẻ bị cướp mất hồn. Nhưng bác trai chỉ lặng thinh, cố nén tiếng thở dài trong lồng ngực.

Nào ai có thể ngờ được rằng vào những ngày này dường như văng vẳng trong đầu bác Trình có một tiếng gọi, lúc đầu mơ hồ sau rõ dần. Tiếng gọi của biển cả. Bởi vậy mỗi khi đã ra đến biển, bác chẳng còn thiết gì đến việc phải lên bờ lại hay trở về nhà. Tâm thần bác Trình đã vượt khỏi ranh giới thực tại để hiện hữu trong ước nguyện duy nhất của đời mình: thuộc về biển cả. Tiếng gọi ngày một thống thiết. Niềm khát vọng hòa nhập với biển lớn mạnh, sôi sục, chiếm trọn trí não và trái tim của bác Trình. Bác nhận ra cọ biển này chật hẹp quá. Ngoài khơi bao la kia mới thực sự là biển cả. Nơi thuở xưa bác đã từng vùng vẫy và ngất ngây giữa trời nước mênh mông tưởng như vô tận. Tiếng gọi không ngừng thúc đẩy, quyến rũ. Và cho tới cái ngày mà bác Trình không còn cưỡng lại nổi tiếng gọi linh thiêng đó nữa, bác đã âm thầm bỏ lại vợ con, bỏ lại mọi sự... để về với biển cả.

HOÀI MỸ



ĐỖ KH.
tôi sẽ lết ông lê về nhà

*

Này đồng chí
Vào giờ những thành phố hăm hở đổi tên
Đường sá công trường hừng hực hạ những bức tượng
Sắp có ngày người ta quăng ông ra khỏi lăng
Thì càng tốt
*Sáu mươi bảy - tám năm trong đó nằm buồn như kiến đốt**
Việc gì mà lo
Tôi còn thấy vui là đằng khác
(Mà chắc ông cũng vậy
Đâu phải tụi mình bày ra cái trò này)
Việc gì mà lo
Nếu vào cái ngày đó
Cái thây ông không còn người dành giựt
Tôi sẽ mướn xe ba gác
Kêu xe tay xe càng xe bò
Vác ông lên tôi khiêng về nhà

*

Tôi sẽ lê ông Lê Nin về nhà
Quan tài kiếng cồng kềnh tôi quờ quạng
Tránh ra!
Coi chừng bể!
Như thiên hạ hôi của vào những ngày biến loạn
(Em bé mình trần trên đầu đội cái nệm
Chị đàn bà chửa ôm cục thịt đông lạnh)

Xác ướp! Xác ướp! hổn hển
Một... hai... ba
Lết ông Lê Nin về nhà
Nhọc nhằn trong khi đằng sau lưng
Trên công trường đỏ Mátx cơ va
Những tấm biển quảng cáo nhiều màu từ từ dựng
Bật chớp nháy tưng bừng
Tự do
Tự do lựa chọn
Giữa Pepsi và Coca
*
Tôi sẽ khiêng ông mang về nhà
*
Để đỡ trong phòng khách
Kê tạm lên bốn mươi bảy cái cuốn "Toàn Tập"
(Thây kệ, cũng ít mấy khi nào tôi đọc)
Đôi lúc nào rảnh
Tôi lau mặt kiếng cho thật bảnh
Đẩy ra vườn uống trà nhìn trăng
*
Thật tình
Tôi sẽ không đả động gì đến
Những cái chuyện lịch sử lỉnh kỉnh
Hội nghị Kiental
Chuyến tàu kín cửa ngang Đức Đế...
Buổi họp ngày 10 tháng 10 Trung Ương Đảng...
Hay là vỗ về
Dẫu gì Ilitch
Cũng đâu ai có thể ví
Ông với, thì , Mustapha Kemal
Và nếu ngày đó không làm nên Cách Mạng
Liên Xô giờ chắc đã ấm no đồng hạng
Siêu cường quốc ngang hàng
(Thí dụ) Thổ Nhĩ Kỳ
Nhưng...
(Với lại Tôn Dật Tiên v.v... chẳng hạn)
Cần gì

*
Có chăng là tôi muốn hỏi khẽ
(Ông biết ông Mác cũng nhiều tai tiếng
Ở con rơi nàng hầu vợ lẽ)
Giữa tụi mình thôi nhe
Tôi hiểu cái chuyện này riêng rẽ
Trước giờ tôi vẫn cứ thắc mắc
Nè anh Lê
Những năm Thụy Sĩ...
Căn nhà ngoại ô Paris...
Đầu đuôi sao anh làm ơn kể
Có thiệt chăng
cái bà
Inessa Armand?
ĐỖ KH.

* Một loại buồn tương tự, nhưng còn hơn chấu cắn.



BÙI HOẰNG VỊ

dị mộng

Đã quá nửa đêm, khi chị thức giấc, soải tay sang cái gối trống bên cạnh và chợt hiểu, thế là hết. Đêm nay nữa là ba, hắn không về. *Thế là hết thật.* Chị nhủ thầm, khẽ trườn mình, với lấy cái bật lửa gaz trên bàn ngủ, đốt điếu thuốc, xong, nằm trở xuống, ngửa mặt lên khoảng không tối đen, ngắm nhìn cái đốm lửa đỏ rực, lẻ loi...

Giờ này hắn có thể ở đâu? Với một vị nạ dòng hung hãn nào? Hay một nữ sĩ hớn hở nào? Hay trong một "quán ôm" lãng nhách nào dưới thành phố? (Cũng chưa chừng!) Mọi hình dung đều chẳng khiến được chị chau mày một cái. Tất cả đều rẻ tiền và đáng thương như nhau. Chị chả ghen đâu. Ghen với những của như thế thật lố bịch. Vả lại, đã hết rồi một thời để ghen.

Dù sao, chị bất giác nhận ra điều này: Chị đã cần hắn xiết bao!

Vâng, chị đã cần hắn xiết bao. Tự hỏi, không biết có phải chị đã quá ảo tưởng? Ở hắn có điều gì hay hớm lắm đâu? Chao, chị cứ ngỡ, đã đoạn tuyệt với mọi thứ ảo tưởng, kể từ khi được xem là trưởng thành.

Ngày xưa chị từng có một ông bố đoảng vị, sau nửa đời miệt mài phấn đấu đã chẳng sắm sửa được lấy điều gì ngoài một món sĩ diện hão. Có lần ông đã giáng cho chị một bạt tai quá đỗi long trọng chỉ vì chị mặc đồ ngủ mà lại ra đứng ở bao lơn vào buổi chiều. Và, cho cái tinh thần giáo dục ấy, ông đã phải trả giá: Sức nặng của mớ giáo huấn phong kiến của ông đã được dậy thì trễ muộn nhưng mãn tính. Được cái, chị giác ngộ sớm hơn bố nhiều, mặc dầu ban đầu chị cũng đã gắn bó hào hứng với biết bao ảo tưởng, thậm chí đã từng trải nỗi tự trọng vô bờ bến của một kẻ không đẹp mà không hề biết mình không đẹp. Khi đột nhiên phản tỉnh, chị đã lên cơn mê

sảng suốt ba ngày liền, sau đó mới bắt đầu tạm gọi được là trưởng thành. Ấy thế mà lần này...

Quả thật ở hắn, chẳng có gì gọi được là hay hớm lắm đâu, nếu không muốn nói trắng ra rằng, chỉ toàn thói xấu, mà trên hết cả là nỗi đam mê khủng khiếp dành cho hai thứ này: Dost(1) và cà pháo.

Vâng, hắn mê cà pháo, có lần ăn hết, mười một, mười hai vại cà, buổi chiều lại cao hứng đi dạo phố, thế là, pháo cứ làm cái công việc của pháo, còn hắn thì nhợt nhạt đi vì đau khổ và cáu giận.

Mà thôi, cái đó hãy xem như chưa đến nỗi. Nhưng còn Dost? Để làm gì vậy? Sao mà chị kinh tởm cái hố thẳm hắc ám ấy đến thế. Chẳng lẽ người ta phải lặn lội xuống đấy mới vén mở được thông điệp của tồn tại địa cầu. Không, bốn mươi tuổi chị chưa một lần đọc Dost.

*

Nếu ngay từ đầu, tỉnh táo hơn, chị đã làm gì?

Lẽ ra chị đã chả nên thả mồi bắt bóng. Hắn đến với chị, như một gáo nước lạnh, khiến chị rùng mình choàng dậy, tự nhủ thế là yêu, rốt cuộc lại ra thế này. Còn con quỷ quý hoá mười phần có thật kia, chị lại lạnh nhạt, thờ ơ. Lỗi chẳng ở ai?

Nhắc đến chuyện, chị không thể không thở dài.

Con quỷ - một chủ thể tồn tại thực sự, nhé, chứ chẳng phải chỉ khiêm tốn là bản sao năng lượng của một cha vơ chú vẩn nào, - những năm trước, nó đến, và đứng ở cửa sổ phòng chị mỗi tối, nhìn vào, huýt sáo, tặc lưỡi, mắt long lanh hăm hở, thật trâng tráo, thật mày trơ trán bóng. Cái kẻ không mời ấy còn là một exhibitionist (2) chính hiệu: mỗi lúc đứng đấy, nó lại lẳng lặng trưng bày cái dụng cụ tạo hình mà kích thước rất có thể làm mất trí những kẻ nghèo tưởng tượng. Vào thời mà nó còn quyết liệt đeo đuổi chị, thì ngoài cái nghiệp chính là đi tuyển mộ những linh hồn béo bở cho thực đơn của địa ngục, nó còn kiêm thêm một nghề phụ, tay trái: dòm lỗ khóa. Đã đành mục tiêu cơ bản vẫn là những cô gái chưa chồng, song nó cũng không việc gì phải lơ là các bà mệnh phụ nạ dòng, thờ ơ những kẻ ế ẩm, hay sao nhãng các bà góa. Những điều trông thấy qua những lỗ khóa ơ hờ của người đời đã khiến nó rộc rạc cả hình hài, vêu vao từ đầu chí đuôi. Một dạo nó ốm đến mức "có thể nhìn một lúc bằng hai mắt vào một lổ khóa", ấy vậy chẳng có gì lay chuyển nổi lòng tận tụy yêu nghề của nó hết. (Và chuyện ấy nhiều năm sau người ta vẫn còn nhớ để kể lại, như một tấm gương, chưa hẳn đã mang ý nghĩa xấu!)

Sự thật, nó cũng có nhiều khả năng, chẳng hạn, hễ gặp phụ nữ - bất kỳ ai, bất kể già trẻ, đẹp, xấu - thân nhiệt nó sẽ tự động giảm 2 độ C. Cũng lại chẳng hạn, nó biết rất rõ, tình yêu ai có bản chất sóng hay hạt, chân giường nhà ai phải thay 365 cái trong một năm, cửa sổ buồng ngủ nhà ai quay hướng nào, thói tật kèm âm thanh mỗi người lúc khoái ngất, màu da màu tóc và những thứ giống tóc, cũng như nồng độ hormone - cơ sở hóa học của tình yêu - ở mỗi người, cùng là bao điều nhảm nhí khác, nhảm nhí đến chóng mặt... Người ta cứ rỉ tai nhau rằng "con quỷ thế này", "con quỷ thế kia", song ai nấy vẫn công nhận nó nom cũng chẳng đến nỗi nào. Chỉ có điều riêng chị không hề thấy xúc động, thế thôi. Điều đơn giản là chị, trong giai đoạn đó, chưa thể cảm thông với cái nhu cầu bức thiết phải xuất khẩu vài phân khối chất nhầy của người ta, bức thiết đến độ phải hy sinh hết thẩy mọi sự, có khi kể cả thanh danh từng khổ nhọc tích cóp một đời. Và chị hẳn đã tỏ thái độ khinh miệt con quỷ ghê gớm, kết quả là lòng tự trọng của nó bị xúc phạm đến mức đã quyết định vĩnh viễn rời bỏ cửa sổ của chị. Để đi đâu. Chẳng phải cất công tìm hiểu, tiếng lành đồn xa đủ cho chị biết, ngay sau đấy, nó đã đến với một cô bạn gái, từng là thân thiết nhất thời đi học của chị, còn lúc này đây đang được biết đến như một nữ sĩ thời danh.

Chị không có kết luận riêng nào, thế nhưng người ta thì kháo nhau, dù chỉ ngấm ngầm thôi, rằng cô bạn nọ của chị thật có phước có phần. Cô đã hoàn toàn lột xác kể từ ngày gặp được người bạn đời lý tưởng: Nếu như trước kia ai cũng nhầm cô với một bà cụ non, lúc nào cũng hoài nghi hạnh phúc có thật hay không có thật, và không gì ngăn nổi cô, với mớ kiến thức hàn lâm của hệ mười năm, được bổ sung thêm cái khẩu khí đao to búa lớn du nhập đâu từ bên kia những cõi bờ Đông Âu, thiếu hẳn vẻ duyên dáng và trung thực, đã hăng hái trèo lên cái chiếu văn (nghe nói đã hàng ngàn năm tuổi thọ) để phá bĩnh một cách ồn ã, nhằm giải sầu, thì giờ đây, cho cô, chân lý đã thị hiện, chân phúc đã chín rõ mười. Người ta kể lại rằng, suốt đêm tân hôn, cô dâu đã cười khanh khách với một âm lượng không đổi là 116 décibel. Hạnh phúc đây rồi, được tìm thấy cụ thể trong một không gian xác định - cái "mặt phẳng chữ nhật có bốn chân" - được đo lường cụ thể bằng một hệ số xác định - 116; với những đơn vị xác định - décibel! Kể từ sau đêm ấy, cô trẻ lại và duyên dáng hẳn, giấy bút đối với cô không cần thiết nữa, cô đã bỏ rơi chúng đến mốc meo trong một ngăn kéo bàn.

*

Điếu thuốc sắp tắt trên tay chị đã được thay bằng một điếu khác. Cái đóm lửa vẫn đỏ rực giữa khoảng không tối đem, nom như một vì sao lẻ loi; chị như con tàu vũ trụ, du hành đến bên nó, ngắm nhìn, và thấy nó lẻ loi khôn xiết...

- Nếu có gì tôi sẽ đánh điện.

Câu nói nhỏ nhẹ đó của hắn lúc này bất thần tái hiện trong đầu chị, như một tiếng vọng bàng hoàng. *Một bức điện? !* Chị khẽ mím môi. *Chẳng để làm gì nữa hết!*

Điều gì đã làm bất ổn cuộc sống chung giữa hai người? Tại sao họ đã không thể dung nạp được nhau? Chị nghĩ, chẳng phải do tuổi tác chênh lệch (hắn kém chị hơn một giáp). Ờ... chủ yếu chỉ có thể là do dị biệt của nhận thức. Vâng, thử nhìn lại mà xem: ở nơi nào chị cho là hanh thông thì hắn chỉ tìm thấy bế tắc; ở nơi nào chị cảm giác thoải mái thì hắn lại nghe như tù hãm; ngay vào lúc chị hy vọng sẽ thịnh đạt thì hắn cứ linh cảm rằng phá sản; bất kỳ ai chị thán phục là sâu sắc thì hắn sẽ nhìn ra là đần độn, vô nghĩa; bất cứ điều gì chị tin tưởng là đời đời kiếp kiếp thì hắn lại đinh ninh là yểu mệnh, phù vân, và cố nhiên rằng ngược lại! Bác sĩ đã hơn một phen cảnh cáo, họ sẽ phải gánh lấy hậu quả xấu nhất do tình trạng, sẽ phải chia đều nhau chăn dắt đám con cái của nết cáu bẩn: bệnh thần kinh, trĩ, dạ dày, và cao huyết áp... Vâng, chia đều, chẳng tránh đâu khỏi.

Thế, hắn lại có ý tránh né: Có những lúc đi về thất thường, có những lúc giam mình trong thư phòng với một nỗi đam mê đến quên cả sự có mặt của chị trên thế giới. Ban đầu, không nhìn thấy gốc rễ của sự việc, chị giận dữ, thậm chí còn ghen được (Chao, cơn ghen giữa một tuổi dậy thì trễ muộn nhưng mãn tính!) Sự việc chỉ cần lặp lại lần thứ hai là chị không nhịn nữa, và bắt đầu lên cơn dằn dỗi, vật vã kinh khủng. Chỉ tội nghiệp cho những chuôi dao, những cán chày, những cổ chai, những đầu kèo, góc cột - tất cả những gì tình cờ đồng dạng và có khả năng gợi liên tưởng, tất cả những vật thể nào tình cờ có tiết diện tròn hay gần như tròn, miễn đường kính đừng quá 5 phân - đã trở thành phương tiện cho một cơn báo oán cao cấp.

Bác sĩ không nói gì thêm nữa, song chị cũng tự biết mình ghen không đúng phương pháp. Chỉ qua một vài cơn, chị đã xanh xao quá. Phải cứu lấy mình thôi, cuối cùng chị nghĩ. Chẳng ai bằng mình thương mình. Một bà cụ kinh nghiệm đã chỉ cho chị cách chữa chạy, và mặc dầu đã ngán ngẩm hết thảy các phương thuốc, chị cũng vẫn ngoan ngoãn thí nghiệm cả đến cái công thức phức tạp nhất, kết hợp Đông Tây kim cổ, nhằm đặc trị bệnh ghen, cái thói người ta thường tình ấy, như sau: *"Gan bảy con ruồi đồng tính ái; Mỡ chín con muỗi cái lesbienne; Mười ba con dơi hóa vô duyên; Với năm con kiến từ miền nhiêu khê..."*, đồng thời ra sức vô hiệu hóa thời gian tâm

lý bằng cách đọc dài ngày các tác phẩm khó đọc nhất (ngoại trừ Dost!), trèo cả lên những đỉnh cao triết luận y học cũng như sử học, chẳng hạn: "Lại bàn về nọc độc của Rắn", "Đông Dương Hồi Giáo bí lục", vân vân. May mắn thay, bệnh tình chị có thuyên giảm...

Dù sao, dần dà, chị cũng kịp nhận ra điều cốt lõi này, ấy là họ vốn không thể sống thuận hòa chỉ bởi lẽ cả hai đều hiểu biết, song mỗi bên lại một lối: Kẻ Lão, người Khổng; Kẻ Kim Dung, người Gorky; Kẻ Krishnamurti, người Marx;... Mà trên hết cả là điều mâu thuẫn dị hợm này: Kẻ nghiện Dost (và cố nhiên, cà pháo nữa, vâng) còn người kia thì lại không. Theo chỗ chị nhớ, phải có không dưới một tá danh nhân đã xen vào và làm xáo trộn cuộc sống gối chăn giữa hắn với chị, và trên lý thuyết, cái giường của họ không phải chỉ dành cho hai vợ chồng, mà có bận nó phải cưu mang thêm ít nhất hai chục tên tuổi lẫy lừng nữa, đồng sàng nhưng dị mộng.

Công bằng mà nói, phải đâu họ không cố gắng để hòa giải! Dự định, chị và hắn sẽ ra bãi biển để hàn gắn vết rạn; họ sẽ ăn cháo cá thu, sẽ đi dạo dưới bóng mát của những rặng phi lao. Song, chuyện đã hóa hư hỏng chỉ vì hôm ấy biển động, không có cá thu, còn hàng phi lao đã bị cháy rụi từ mùa nắng những năm nào, chỉ còn lại bờ cát với những làn sóng hung hãn, bất tận. Thế là họ tuyệt vọng. Biển động, hỏa hoạn, và hàng tá danh nhân - có đúng thế không, quá nhiều đe dọa cho một cuộc tình!

*

Sự thể nhất định sẽ khác hẳn, nếu như chị đã bằng lòng con quỷ tội nghiệp kia. Vâng, nhất định. Con quỷ, nó chẳng đọc gì cả, ngoài những phụ trương lá cải, những đặc san về hôn nhân và tình yêu, những tiểu thuyết hình sự, những mẩu tin "trong nhà ngoài phố", "xe cán chó chó cán xe", hay những tạp chí bàn về Kungfu. Món ăn cao cấp nhất của nó dường như là những loại reader's digest chuyển ngữ. Và nó hoàn toàn tự phụ; về kiến thức loại này, nó có cả một kho báu! Nhưng đã làm sao. Trong trường hợp như thế, chị nghĩ, dẫu cho có xảy ra bi kịch đi chăng nữa, thì cũng là một bi kịch dễ thở; còn hơn đàng này, hiển nhiên là một hài kịch ngạt thở. Đôi khi chị đồng ý với hắn: Thà sống trong bi kịch suốt, chứ hô hấp mãi bầu không khí hài kịch theo kiểu này khó ai kham nổi; có cái gì xúc phạm ghê gớm đến đức nhẫn nại của con người, cũng như dầy xéo, chà đạp ghê gớm nhân phẩm của họ.

Bốn mươi tuổi, chị chưa một lần đọc Dost. Lúc này chị mới bất giác hiểu ra ý nghĩa của sự kiện. Có lẽ đọc Dost, chị đã hiểu hắn hơn, hay ít ra cũng đã sớm tư lường được buổi tối hôm nay. Hắn từng bảo, hãy thương xót con

quỷ. Mà điều ấy sẽ khó hiểu xiết bao, nếu không đọc Dost. Hắn cũng bảo hãy hiểu con người. Mà điều này cũng lại là nửa vời thôi, nếu không đọc Dost. Cũng lại bảo nữa, "Hãy biết chính mình", và một lần nữa, nếu không đọc Dost, cơ may sẽ hiếm hoi gấp bảy lần.

Nhưng mà không, chị khẽ lắc đầu, sẽ chẳng có dịp nào nữa để chị đụng chạm đến cái tên gọi đó, chẳng có dịp nào nữa để chị xét lại chuyện hạ cố lặn lội xuống cái hố thẳm ấy, dẫu rằng từ đây cho đến tận cùng của các thế kỷ, mọi thông điệp của tồn tại địa cầu cứ việc niêm kín như bưng trước hai con mắt đã quầng thâm của chị. Tất cả những điều ấy đối với chị bây giờ, theo một nghĩa nào đó, đã muộn lắm rồi.

Thế là hết thật. Chị nhủ thầm một lần nữa, thờ ơ ngắm cái đốm lửa lẻ loi sắp lụi tàn...

*

... Gần sáng, chị đốt điếu cuối cùng của gói thuốc lá, và chỉ ngồi dậy khi người tớ gái đã rón rén chuồi vào dưới cửa phòng một mẩu hình chữ nhật màu trắng. *Bức điện*! Chị cúi lượm, nhưng không mở đọc. Chị hiểu nó nói gì. Vò nát chậm rãi trong lòng bàn tay, chị ra đứng ở cửa sổ, tì trán vào khung kính đẫm sương lạnh, nhìn xuống buổi sáng bao la...

BÙI HOẰNG VỊ
(Trong nước)

(1) Dostoiepxki: Văn hào Nga.
(2) Exhibitionist: Người mắc tật triển lãm "của quý" nơi đông người.



PHẠM VIỆT CƯỜNG

***

nhớ Kobo Abé

từ nơi chốn tôi
xanh khoảng trời vuông vức
như ngó lên từ đáy huyệt
thỉnh thoảng những cánh chim lặng lẽ vụt qua
từ một giấc mộng
đến cuộc đời xa

từ nơi chốn tôi
những buổi chiều tàn chết
mây trôi đi ngày xưa
lực lên màu trời kỳ dị

những điều vô nghĩa của đời
không còn làm tôi phẫn nộ
và tự an ủi rằng vào một lúc nào đó
tôi đã từng nổi loạn
đã từng chống lại chính mình
khi còn thanh xuân

những cơn say dưới phố người xanh đỏ
tôi còn nhớ
đêm trắng nơi đây
chỉ có tiếng thời gian cát lở

có khi
nắng nhói lên một bóng hình
choáng váng mùi hương năm xưa
có khi
tiếng hát bi thương ngày cũ
vang vọng trong gió chuyển mùa
có khi
bàn tay tình đầu run rẩy
lay thức tôi giữa đêm khuya

còn cháy trong lòng ngọn lửa khát vọng
nên tôi sợ hãi niềm vui
giữa đời sống và sự lãng quên
không có chỗ cho lòng trắc ẩn

khi băng ngang mặt đất này
mỗi người có một lần lựa chọn
mỗi người phải làm một điều gì đó
hoặc là cúi đầu xúc cát
hoặc đứng trên miệng vực kéo dây

có khi tôi dí súng vào màng tang mình
hoặc có khi tôi làm thơ
và nghĩ đến người đàn ông

ngoài cồn cát.

PHẠM VIỆT CƯỜNG



KHẾ IÊM

lời của quá khứ

Chàng giẫm lên cỏ khô, lênh đênh như cánh chim điêu linh. Trong đêm, chàng thấy những tấm ván rung lên. Mối mọt ăn rỗ chân tường và mái vách chỉ còn là khoảng trống không, gió lùa vào một chút rét mướt. Chàng co quắp, bắt gặp đâu đó khoảng khắc của thơ ấu. Con đê cao, bình nguyên và núi rừng chập chùng. Thấp thoáng hoàng hôn cuốn thành mùa hội trẩy. Những tấm áo hoa bay trong sương xuân, dịu thơm mùi đất ải. Chàng man mác buồn... Như đứa trẻ thơ dõi theo cánh chuồn chuồn và mơ tới cảnh người cổ tích. Chàng băng vào hiu quạnh và ngã trên đồi gai. Đâu đây, nỗi sợ hãi, lòng âu sầu như tiếng kêu tan tác làm rướm nát tâm hồn chàng.

Đôi mắt chàng nhức buốt. Trong nỗi khắc khoải, chập chờn chuyến xe nhọc nhằn của quá khứ. Chàng thấy, dường như chiến tranh lại bộc phát. Những chàng trai ra đi, trùng trùng điệp điệp. Những chiến khu được thành lập trong rừng sâu. Những kẻ phản động mưu toan tìm kiếm vinh danh. Và theo những bước chân đi vào lửa đạn, chàng ném hận thù và nước mắt vào hố thẳm, nhận lấy tai ương để cùng người tình tìm về nơi bình yên. Chàng biết, nàng đang trở về sau cuộc hành hương. Rằng hôm qua, nàng còn chải tóc và hong khô đôi môi trong gió ấm. Và không có gì đẹp hơn, nụ hôn nàng trong đêm ngọt như mật ong.

Chàng thức ngủ từng hồi, tưởng nắng trời làm hoen ố mặt đất. Âm vang bồng bềnh, như tiếng rơi của cô liêu. Như chiếc bong bóng thổi ra và vỡ toang trong không. Như lời âu ca hồn nhiên trong gió sớm. Chàng bước ra từ hầm lửa, nghe nỗi thinh lặng như dòng sông dạt trôi về muôn hướng. Và năm tháng, như chuyện ngẫu nhiên tình cờ.

Chàng bâng khuâng trong tiếng reo ngân, đang run lên nốt đàn trầm:

"Có lẽ, con thuyền chẳng kịp tới bến sông đâu nhỉ?"

"Chắc hẳn."

"Và trên núi cao, bình minh..."

"Chúng ta đã mất khá nhiều hơi sức..."

"Lũ cỏ dại đã phủ xanh mùa màng. Và ánh trăng đang làm ngập lụt nước mắt."

"Có bao giờ và bao đời, mỗi khoảnh khắc trong trái tim thanh xuân, tiếng đập của cô tịch..."

Những thanh âm cứ thế, nhẹ nhàng rơi, như chiếc lá trong biển chiều biếc. Tiếng nói, ôi chao, chàng tưởng là những bi kịch dang dở, khép mở lại cuộc tồn vong. Chàng tới lui trong cõi chật hẹp của chiều ngày, thì thầm với vô vọng. Chàng nghe tiếng thở dài của cỏ cây, thấy lũ kiến đục khoét cơ thể, những trái cây mang đầy độc tố, những nụ hoa nhả ra mùi hương mê. Chàng ngã trên ruộng ngàn, loáng thoáng hoa đèn và phố phường...

Người đàn ông vỗ vai chàng:

"Thế còn câu chuyện mùa xuân?"

"Quái."

"... Người ngồi bên sông kể về thời dựng nước, những cánh chim bỏ ngàn."

"Những đứa con xuống biển."

"Cảnh phân ly đã có từ thời huyền thoại."

"Chẳng lẽ."

"Cuộc ra đi là mãi mãi, như con nước xuôi. Mùa xuân năm ấy những đứa con can đảm, vượt qua đầm lầy, sông bãi, tìm đường ra biển, hiện thực lời nguyền đã nằm trong sách sử."

"Hà... Hà..."

"Mùa xuân năm ấy có nguyệt thực và đêm tối kéo dài bất tận... Những giấc mơ vỡ tan và chia lìa..."

"Nhưng."

"Biển cả đã gột rửa quá khứ. Và hỡi những cánh chim phiêu lưu, đi tìm quê hương, cứ bay đi, bay mãi... Bình minh và biển mẹ còn đợi chờ."

"Này, ông không đùa chứ."

Chàng quay lại, người đàn ông đã nhập thành một áng mây trôi. Chàng gượng dậy, hít thở không khí man mác của đêm xanh. Trong chàng xây xát những vết thương. Bên ngoài, con đường đẫm trăng, long lanh chảy. Nhà, đá núi đổ xuống, mang hình dạng loài bò sát, cựa mình trong sương. Bao quanh là biển hoang dã và tiếng ru của nghìn trùng. Chàng đánh mất cảm giác về sự tồn tại. Chàng bay lên. Trong cơn lãng du, chàng thấy đám lưu dân rách rưới, chập choạng bước chân ở khoảng cùng trời cuối đất. Vài con đường ngoằn ngoèo, những bờ tường còn nồng mùi vôi mới giữa đám

cư dân nửa quê nửa tỉnh, bị trôi nổi theo cơn thất tán. Những ngôi nhà được góp nhặt bởi mảnh vụn của nền văn minh xa xưa còn vương vấn nét khả nghi của những chuyến đi phiêu lưu. Những kiến trúc khắc họa nỗi ray rứt mong manh. Đời sống trầm trầm giữa địa thế chẳng thể định hướng. Như cánh chim bay, thấp thoáng những tin thư gửi vào vô định. Như sương lam chướng khí hoang sơ. Họ trồng cấy trên mảnh đất khô hạn và tìm kiếm mưu sinh trong lòng biển. Và mỗi chiều về, vài con thuyền ghé bến, đổi chác thực phẩm như những thời ngôn ngữ chưa bật thành tiếng nói.

Trong cơn huyễn mộng, chàng lẩm bẩm:

"Lời của quá khứ."

Chàng đứng dậy, xốc áo. Chàng đi tìm chàng. Chàng không quên khép cửa, cánh cửa của hư không.

Chàng thất lạc tới một ngôi nhà hoang phế. Xung quanh đầy cỏ dại. Chàng đẩy cửa vào. Căn phòng lờ mờ màu tím than. Một chiếc bàn, vài chiếc ghế và một kệ sách đầy bụi vẩn. Chàng giở ra một trang sách, những nét chữ ngoằn ngoèo nổi lên rồi bay ra. Chàng lẩn thẩn, lần theo những trang giấy đã ố vàng, nhẩm lại năm tháng, thử tìm ra ngày mình chào đời. Chàng bị rơi vào bẫy sập, giữa dấu mốc thời gian. Chàng bị rơi vào tình trạng lưỡng nan, bị cuốn theo những thời đại hưng phế, những bi và hài kịch của thứ đời sống đã chìm trong bụi bậm... Chàng bị hất ngược về thời của những miếu đền và cổ tự. Chàng gấp sách lại, thấy choáng váng vì mùi ẩm mốc của thứ hoàng hôn bị giam nhốt và bất động. Chàng nghe văng vẳng tiếng cười đùa của đôi trai gái trong cơn huyên náo của tình yêu. Như tiếng reo ca của dục lạc, tiếng nước chảy trong chiều hè. Chàng giơ tay bắt lấy chút quá khứ loãng tan. Và dòng sông nước mắt đang đẩy con đò tới bến hoang vắng.

Chàng vỗ trán, trong khoảnh khắc rất nhanh của trí nhớ. Chiếc tủ thờ, bức tranh xưa và cánh cửa sổ mở, thoang thoảng mùi hương thiên lý. Một chiếc bình cổ cắm một bông hoa xanh. Những biến cố kỳ quặc làm chàng kinh hãi. Căn nhà lung lay trong gió. Những ngăn sách rã ra khi chàng đụng đến. Bình nước tuột khỏi tay, tan biến trong nền gạch. Chiếc máy chữ tự động gõ những tiếng lọc cọc. Cùng lúc, có tiếng chân bước của rất nhiều người. Chàng nhận ra khuôn mặt những thế hệ của thời xa vắng, lẫn lộn và mờ nhạt. Sinh hoạt lặng câm và hôn ám dẫn chàng bước vào ngưỡng cửa luân lạc. Chàng, như đồ vật, như chiếc bóng, đang hóa thành bụi.

Ngôi nhà mất tăm dấu vết, như ý niệm trong thoáng chốc nảy sinh nơi tâm trí chàng. Trước mắt chỉ là là ranh núi và lùm bụi hiểm hóc. Chàng loay hoay, tìm kiếm điều chẳng thể tìm kiếm. Thế giới thực và giả lẫn lộn

trong chàng. Chàng đã tới cuối đường, con đường cụt. Chàng buông trôi ký ức, thèm nhớ một mối tình... Chàng vẽ nàng trong không, ngồi ngả người trên thềm đá, mái tóc trôi theo gió và mắt môi, đường nét là nguồn cảm lãng mạn. Chàng đội cho nàng vòng gai và dắt nàng lách qua khung cửa hẹp. Chàng nguyền rủa mồi lửa đã làm tiêu hao rơm rác. Chàng bôi xóa giấc mơ cho thành hiện thực và thực tại mang đầy nỗi giận ghét. Chàng tự đày đọa mình trong cơn hoài nhớ... về một ngày sinh ra trong ổ rơm.

Chàng lẩm bẩm:
"Lời của quá khứ."
Chàng đứng dậy, xốc áo. Chàng đi tìm chàng. Chàng là ai trong cơn phiêu hốt, như chiếc lá chảy trôi trong phiêu linh. Như chút nắng mai hay chiều hôm, hiện tắt trong chớp mắt. Mọi cuộc đời cũng chỉ là những trò chơi vô nghĩa. Đừng tin điều gì về chàng. Hỡi, những kẻ có mặt trên thế gian, hãy gầy lại đóm lửa nghi hoặc.

KHẾ IÊM



NGÔ THẾ OANH

trữ tình

Vào lúc nào và ở đâu anh đã để mất sự yên tĩnh của mình
Bao vô ích trên đường tìm trở lại
Vào lúc nào và ở đâu em đã thôi nhớ về anh
Tình yêu tắt. Một lần và mãi mãi

Không hề thốt một lời. Không điên dại
Thản nhiên anh sống giữa mọi người
Và kinh sợ là cũng không thể chết
Chỉ sống như một hình phạt trọn đời.

NGÔ THẾ OANH *(Trong nước)*



TRẦN VÀNG SAO

những điều có khi hôm nay bỏ qua không nhớ

Những điều hôm nay có khi bỏ qua không nhớ
như ăn miếng cơm có hột sạn nhả ra trên bàn tay
nhìn một lúc hất xuống đất
rồi và tiếp miếng khác
như mặc trái cái quần cột dây lưng
sáng sớm đi ra vườn con sâu rớt trên áo
nắng buổi trưa một nửa trên tàu lá chuối
cái đuôi con thằn lằn rớt giữa nhà
đầu hôm chó sủa lăng ngoài cửa ngõ
những mảnh chai mảnh chén trên vạt đất mới cuốc lật
con mèo ngồi trên cái ghế đẩu dưới tấm cửa chống
tiếng chuột đuổi nhau nửa đêm trên mái nhà
có ai ở nhà bên cạnh kêu tên
cây cỏ lùng mọc dưới nước chết khô
những cọng rơm rớt vãi giữa đường
hai con trâu nằm nhai cỏ đầu ngã ba
sợi dây dắt mũi chảy nước
con nhện sa trước mặt
tiếng trẻ con ru em buổi trưa trời nắng
những điều đó bỏ đi có khi tình cờ thấy lại
không kể năm
không kể tháng
không kể ngày
những bãi phân trâu trời mưa nước đọng vũng ở giữa

chiếc chiếu rách phơi ngoài hàng rào
cái lưng ướt mồ hôi của đứa con gái đi qua trước mặt
tôi đứng yên một lúc
những miếng vá làm cho hai ống quần của tôi
dày thêm và cứng lại
có chín mười giờ rồi
đèn hết dầu
tôi lấy chai ra đường kêu cửa mua chịu
người bán hàng dim mắt ngó tôi đứng ngoài tối
mấy đứa bán bánh về gặp tôi giữa đường hỏi tôi đi chơi
trời mưa chưa to
đường đi có tiếng người
không biết ở nhà người khác về có bỏ quên cái gì không
tôi cứ nhìn phía trước
gặp người quen chào đi khỏi một lúc lâu mới nhớ
tôi bỏ tay vào túi quần xóc xóc hai đồng bạc kêng
không biết mua cái gì cho con
con chuồn chuồn hết đạp nước rồi đậu trên dây thép gai
con bò kéo xe chở gạch bước lách cách
người đánh xe đội trụp mũ levis
ngồi dựa ngửa hút thuốc
buổi chiều nước sông không có mặt trời
tôi xoa hai đồng bạc kêng trên đầu mấy ngón tay
năm năm
mười năm
hai ba mươi năm
những nồi canh chuối cau trộn bột sắn
khi đang nóng húp vội vàng
chảy mồ hôi nước mắt
ăn rồi ra đứng dựa cửa nhìn người đi qua đi lại
bạn bè gặp nhau cứ nói chuyện trên trời
miếng vá nơi quần lâu ngày chỉ đứt không biết
tôi tưởng tôi dại và quá tội
những điều bỏ qua có khi không nhớ lại
con kiến cắn ở sau lưng
tay không với tới được
cuộc đời kể cũng vui

TRẦN VÀNG SAO
(Trong nước)



KATHERINE MANSFIELD
NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH chuyển ngữ

tiệc hoa viên

Katherine Mansfield (1888 - 1923) là nhà văn viết truyện ngắn có kỳ tài: nhận xét và rung cảm rất tế nhị, sâu sắc, bút pháp linh động và nhạy cảm khiến người đọc có cảm giác mỗi truyện của bà là một bài thơ ý nhị.

Cuối cùng rồi thời tiết cũng hoàn toàn như ý. Họ không thể có một ngày đẹp trời hơn, dù họ có đặt sẵn từ trước. Gió lặng, nắng ấm, bầu trời không gợn một đám mây. Chỉ có màu xanh bị một màn sương vàng mỏng che phủ, như đôi khi vào những buổi đầu hè. Từ tinh sương, bác cai vườn đã dậy cắt cỏ, dọn dẹp cho tới khi bãi cỏ và những khoảnh đất màu nâu thẫm trước đây trồng cúc đại quang hẳn đi, như bừng sáng lên. Rồi đến những cây hồng, ai cũng biết chỉ có hồng là loài hoa độc nhất mà tất cả mọi người đều sành, là loài hoa làm cho tân khách thán phục nhất trong những buổi chiêu đãi ngoài vườn. Hàng trăm bông, vâng, quả thực có cả trăm bông đã nở nội trong một đêm. Những bụi cây xanh cúi rạp xuống như thể thiên thần vừa qua thăm.

Điểm tâm chưa xong mà đã thấy thợ đến dựng rạp.

"Mẹ muốn dựng rạp ở phía nào?"

"Con đừng hỏi mẹ làm gì. Năm nay mẹ nhất quyết để các con tự lo liệu lấy mọi sự. Hãy quên mẹ đi. Cứ xem mẹ như một người khách quý."

Nhưng Meg không thể ra trông thợ được. Trước khi xuống ăn sáng cô đã gội đầu và bây giờ cô ngồi uống cà phê, đầu quấn khăn màu lục, mỗi bên má một món tóc quăn, ướt đen thẫm dán vào. Jose, như con bướm, hôm nào cũng xuống ăn sáng trong chiếc xiêm lót bằng lụa và một chiếc áo kimono ngắn.

"Thế thì con phải ra vậy, Laura. Con là đứa có mắt thẩm mỹ nhất nhà."

Và Laura chạy bay ra, tay còn cầm miếng bánh mì quẹt bơ. Có cớ để được ra ăn ngoài trời là một điều rất khoan khoái, với lại cô cũng rất thích được sắp xếp mọi việc, cô tin rằng nội nhà mình cô có tài tháo vát nhất.

Bốn người đàn ông mặc sơ-mi trần đang đứng túm tụm trên lối đi trong vườn. Họ khiêng những cái cọc để dựng rạp cuộn trong những tấm bạt, túi dụng cụ to tướng vác trên lưng. Trông họ oai vệ lạ. Laura ước sao mình đừng cầm miếng bánh trên tay, nhưng biết đặt nó vào chỗ nào bây giờ, vứt đi hẳn là không được. Cô đỏ mặt, làm ra vẻ nghiêm nghị và còn giả vờ hơi cận thị nữa, khi bước đến gần.

"Chào các bác", cô bắt chước giọng mẹ. Nhưng nhận thấy mình không tự nhiên, cô xấu hổ, nói lắp bắp như một cô gái nhỏ: "Ơ... có phải các bác - Ơ... có phải đến dựng rạp... ơ... dựng rạp không?"

"Phải đấy, cô." Người thợ cao nhất đáp, gầy và cao lêu đêu, mặt có tàn nhang. Bác ta xốc lại cái túi dụng cụ, hất chiếc mũ rơm ra đàng sau, cúi xuống cười với Laura: "Chính thế, chúng tôi đến để dựng rạp đấy."

Nụ cười của bác dễ dàng, thân thiện quá. Laura hoàn hồn. Bác có cặp mắt đẹp ghê: nhỏ nhưng mà xanh biếc! Cô nhìn sang những người kia, họ cũng đang cười, như muốn nói: "Hãy tươi lên, chúng tôi không ăn thịt cô đâu." Thật là những người thợ tử tế! Và thật là một buổi sáng đẹp trời! Nhưng mình không nên nói đến buổi sáng, phải tỏ ra mình thành thạo. Phải rồi, cái rạp!

"Đóng ở chỗ có mấy cây loa-kèn được không? Các bác nghĩ sao?"

Cô chỉ về phía bãi cỏ có trồng loa-kèn, cố nhiên với bàn tay không cầm bánh. Mấy người thợ quay lại nhìn theo hướng tay chỉ. Bác thợ lùn béo bĩu môi dưới ra, bác thợ cao nhíu mày:

"Tôi cho chỗ ấy không ổn, nó không đủ lộ liễu. Cô biết không, đối với một cái rạp nhỏ như thế này cần phải chọn chỗ nào đập vào mắt người ta, cô hiểu tôi nói gì chứ?"

Cái giáo dục của Laura khiến cô, trong một thoáng, tự hỏi bác thợ dùng câu "như đập vào mắt" có hơi sổ sàng không? Nhưng cô rất hiểu bác muốn nói gì.

Cô đề nghị: "Hay là ở một góc sân chơi bóng? Nhưng mà có một góc sân đã bị dàn nhạc chiếm mất rồi."

"Hèm, thế ra có cả dàn nhạc nữa?", một bác thợ khác lên tiếng. Trông bác xanh xao, luồng nhãn tuyến lờ đờ khi đôi mắt màu sẫm lướt qua sân quần vợt. Bác đang nghĩ gì thế nhỉ?

"Chỉ có mỗi một dàn nhạc rất nhỏ thôi." Laura lí nhí đáp. Có lẽ bác ta sẽ không khó chịu lắm nếu dàn nhạc rất là nhỏ. Nhưng bác thợ cao ngắt lời:

"Này cô, kia mới là chỗ nên dựng rạp, gần mấy cái cây kia. Chỗ ấy tuyệt đấy."

Gần lùm cây Karakas. Nhưng như thế những cây Karakas sẽ bị che khuất còn gì? Uổng quá, với những tàn cây rộng, tàu lá bóng loáng và những chùm quả vàng chi chít. Cây Karakas giống loại cây ta tưởng tượng mọc ở trên một hòn đảo hoang vu, ngạo nghễ, cô đơn, trải những tàu lá và chùm quả ra ánh mặt trời, trong một vẻ đẹp lặng lẽ và huy hoàng. Có nên để chúng bị che khuất đi không?

Đành vậy. Mấy người thợ đã khoác những cái cọc lên vai, tiến về phía đó. Chỉ còn lại bác thợ cao. Bác ta cúi xuống hái một cành oải-hương đưa lên mũi ngửi. Nhìn cử chỉ này của bác, Laura quên cả cây Karakas, ngạc nhiên thấy bác quan tâm đến những vật tầm thường như thế - quan tâm tới mùi hoa oải-hương. Liệu có bao nhiêu người đàn ông quen biết cô có một cử chỉ như vậy? Ồ, những người thợ thực đáng yêu, cô thầm nghĩ. Tại sao mình lại không có bạn là những người thợ, chả hơn là đánh bạn với đám thanh niên ngớ ngẩn thường cùng cô khiêu vũ và dùng cơm tối chủ nhật. Cô nói chuyện với mấy bác thợ này thoải mái gấp mấy với bọn thanh niên kia.

Trong khi bác thợ cao hí hoáy vẽ gì trên mặt sau cái phong bì, một cái gì cần phải buộc thắt lại, hay bỏ thỏng xuống, cô nghĩ bụng: đấy là lỗi ở cái giáo dục phân chia giai cấp. Riêng phần cô, cô không thấy có sự cách biệt. Không có một tí cách biệt, không có một li một tí nào... Bây giờ tiếng búa gỗ nện chan chát. Có ai huýt sáo, rồi một người lên tiếng hát. "Đằng ấy ở đấy được không?" "Đằng ấy" nghe thân thiện ghê. Để chứng tỏ cô vui sướng đến bậc nào, cho bác thợ cao biết là cô rất thoải mái và khinh thường những ước lệ ngớ ngẩn, Laura ngoạm một miếng bánh thật to và nhìn chòng chọc vào hình vẽ phác của bác thợ. Cô cảm thấy mình giống hệt một nữ công nhân.

Có tiếng gọi từ trong nhà: "Laura, Laura, em ở đâu thế? Vào mà nghe điện thoại."

"Em vào đây." Cô nhảy nhót chạy vào, vượt qua bãi cỏ, theo con đường nhỏ, leo lên bậc tam cấp, qua hành lang rồi vào cổng. Bên trong cửa, cha và anh Laurie đang chải mũ chuẩn bị đi làm.

Laurie nói thật nhanh: "Này Laura, em có thể để mắt đến cái áo khoác của anh sáng nay xem nó có cần phải là lại hay không?"

"Vâng." Đột nhiên không kìm hãm được, Laura chạy lại gần ôm nhẹ lấy anh, háo hức nói: "Em thích tiệc tùng lắm, anh có thích không?"

"Có chứ." Laurie đáp, giọng nồng ấm, nhưng còn non choẹt và cũng ôm nhẹ lấy em một cái rồi đẩy ra "Thôi, mau ra nghe điện thoại đi cô ả."

Điện thoại. "Vâng, vâng, Kitty hả? Mạnh giỏi? Lại ăn cơm trưa à? Ờ. Lại đi. Dĩ nhiên là được. Nhưng sẽ chỉ là một bữa cơm xoàng thôi đấy nhé - ăn vụn bánh vỡ, và những rẻo thừa. Ờ, sáng nay đẹp quá nhỉ? Mặc áo trắng à? Hẳn đi, nên lắm. Đợi một tí, mẹ tao đương gọi." Laura ngồi xuống: "Mẹ bảo gì? Con không nghe rõ?"

Tiếng bà Sheridan bay từ trên gác xuống: "Bảo nó nhớ đội cái mũ đẹp chủ nhật trước nó đã đội lại đây."

"Mẹ tao bảo mày nhớ đội cái mũ đẹp đã đội chủ nhật trước lại đây. Thôi nhé, một giờ trưa."

Laura đặt ống điện thoại xuống, vung tay lên khỏi đầu, hít một hơi dài, vươn vai rồi bỏ thỏng tay xuống. "Hà", cô thở một hơi dài. Và ngồi nhổm dậy, yên lặng nghe ngóng. Dường như tất cả mọi cửa đều mở rộng. Căn nhà như sống động, với tiếng chân bước nhẹ và nhanh, tiếng người nói lao xao. Cái cửa lót dạ xanh ngăn riêng khu nhà bếp bật ra rồi đóng lại với một tiếng động êm. Và bây giờ có tiếng gì ngân dài, cót két rất kỳ quái. Cái đàn dương cầm đang bị di chuyển trên những bánh xe nhỏ rít cứng. Nhưng mà không khí - nếu ta chịu khó để ý nhận xét có phải mọi khi không khí cũng như hôm nay không? Từng cơn gió nhẹ chơi đuổi bắt từ nóc cửa sổ luồn ra cửa cái. Và hai giọt nắng nho nhỏ, một trên lọ mực, một trên cái khung ảnh bằng bạc cũng đang chơi đùa. Những giọt nắng đáng yêu, đặc biệt là giọt trên lọ mực. Trông thật là ấm áp. Một ngôi sao bạc nhỏ và ấm. Cô muốn hôn nó.

Tiếng chuông ngoài cổng reo vang, rồi tiếng áo vải hoa của Sadie sột soạt lên thang. Tiếng một người đàn ông nói rầm rì rồi tiếng Sadie đáp bừa: "Tôi không biết. Hãy đợi đấy để tôi còn hỏi bà Sherian đã."

"Cái gì đấy Sadie?" Laura bước ra mé cửa.

"Thưa cô, bác hàng hoa."

Đúng thế. Ngay bên trong cửa có một cái khay rộng đầy những chậu hoa loa-kèn màu hồng. Rặt hoa loa-kèn, những cánh hoa rộng màu tía, mở ra, tươi tắn, rạng rỡ gần như sống động trên đầu cành đỏ thắm.

"Sadie ơi." Giọng Laura gần như một tiếng rên nhỏ. Cô ngồi xổm xuống sưởi ánh màu sáng rực của hoa; cô cảm thấy nó trên ngón tay, trên môi, và đang nở ra trong lồng ngực.

"Chắc là có một sự lầm lẫn." Cô nói khẽ, "không ai lại mua nhiều hoa như thế này. Sadie thử lên hỏi bà xem."

Nhưng ngay lúc ấy bà Sheridan đi ra, thản nhiên nói:

"Phải đấy, không lầm đâu. Chính mẹ mua đấy. Hoa đẹp không con? Bà bóp cánh tay Laura. "Hôm qua mẹ đi qua hàng hoa, trông thấy hoa bày trong tủ kính. Tự nhiên mẹ nghĩ, trong đời mẹ ít nhất mẹ cũng phải hoang

phí một lần, mua hoa thả cửa. Mẹ lấy bữa tiệc hôm nay làm cái cớ chính đáng để mua."

"Sao mẹ bảo mẹ không muốn dính dáng gì vào việc tổ chức hôm nay?" Laura nói. Sadie đã đi vào. Người bán hoa còn đứng ngoài đường cạnh chiếc xe chở hoa. Cô ôm cổ mẹ, và nhẹ nhàng, rất nhẹ nhàng, cắn yêu vào tai.

"Chắc chúng bay không thích có một người mẹ lúc nào cũng hành sự hợp tình hợp lý phải không? Ấy, không được cắn mẹ thế. Kìa, bác bán hoa đang vào kìa."

Bác ta đang bưng thên hoa loa-kèn vào, lại một khay nữa đầy hoa.

"Bác xếp hộ nó vào bên trong cửa, cả hai bên cổng ấy. Con thấy chỗ ấy được không Laura?"

"Dạ, đẹp lắm!"

Trong phòng khách, Meg, Jose và thằng nhỏ Hans cuối cùng đã di chuyển được cái đàn.

"Bây giờ mình đẩy cái tủ này ra cạnh tường, khuân hết mọi thứ khác ra khỏi phòng, trừ mấy cái ghế, đồng ý không?"

"Đồng ý."

"Hans, làm ơn khiêng hộ những cái bàn này ra phòng hút thuốc, rồi mang chổi vào đấy để quét những chỗ bụi đóng trên thảm đi. Khoan đã, Hans", Jose rất thích ra lệnh cho người làm, và họ cũng thích tuân theo mệnh lệnh của cô. Cô khiến họ có cảm tưởng mình đang đóng kịch. "Mời bà và cô Laura xuống ngay đây nhé."

"Thưa cô vâng."

Jose ngoảnh lại Meg, "Em muốn nghe tiếng đàn hôm nay ra sao, phòng trường hợp người ta yêu cầu em hát trưa nay. Chúng mình thử bài "Cuộc đời này sao chán ngắt" đi."

Pom! Tình tính tang... tang! Tiếng đàn dương cầm bật lên thiết tha đến nỗi Jose biến sắc, nắm chặt hai tay. Cô nhìn mẹ và Laura đi vào với vẻ mặt buồn buồn, khó hiểu.

Cuộc đời này sao chán ngắt?
Một giọt lệ - Một tiếng thở dài.
Một cuộc tình đổi thay.
Cuộc đời này sao chán ngắt?
Một giọt lệ - Một tiếng thở dài.
Một cuộc tình đổi thay,
Rồi chia tay vĩnh biệt.

Đến chữ "vĩnh biệt", mặc dầu tiếng đàn còn rền rĩ, thảm thiết hơn bao giờ hết, nhưng mặt cô lại nở một nụ cười xán lạn, không mảy may xúc động.

"Giống con hay không hở mẹ?" Cô nhoẻn miệng.

Cuộc đời này sao chán ngắt?
Mọi hy vọng vỡ tan tành
Một giấc mộng - Rồi bừng tỉnh

Nhưng Sadie bước vào, cắt ngang."Cái gì đấy, Sadie?"

"Thưa bà, bà bếp hỏi bà có bản liệt kê các món bánh chưa?"

"Liệt kê ư?" Bà Sheridan nhắc lại, giọng mơ hồ. Lũ trẻ trông mặt bà đều hiểu ngay bà đã quên đứt đi rồi. "Để yên tao nghĩ." Bà nói với Sadie, giọng chắc nịch: "Bảo với bếp là độ mươi phút nữa thì có."

Sadie đi ra.

"Laura, vào phòng hút thuốc với mẹ. Mẹ có biên lên mặt sau một cái phong bì nhưng không biết để đâu? Con phải chép ra hộ mẹ. Meg, lên ngay trên gác và cất cái khăm ẩm trên đầu đi. Jose mặc quần áo nhanh lên. Chúng bay có nghe tao nói không, hay là để chiều tao mách bố chúng bay? Jose, nếu vào bếp thì chịu khó dỗ ngọt mụ bếp cho mẹ. Sáng nay mẹ sợ nó lắm."

Cuối cùng phong bì tìm thấy cất sau cái đồng hồ treo phòng ăn, tại sao nó lại ở đấy, bà Sherridan chịu không hiểu nổi:

"Chắc lại một đứa chúng bay lấy nó trong ví tao ra. Tao nhớ rõ ràng - phó- mát mềm và bánh hoa chanh, đã biên chưa?"

"Rồi ạ."

"Trứng và..." Bà Sherian cầm phong bì đưa ra xa, "Tao viết cái gì giống như có chữ "chuột", nhưng nhất định không thể là "chuột" được, không biết là chữ gì?"

Laura nhìn qua vai mẹ, "Chám, mẹ ạ."

"Phải rồi, chám. Trứng và chám đi với nhau nghe lủng củng nhỉ? Trứng và chám". Cuối cùng hai mẹ con cũng xong. Laura mang tờ giấy vào bếp. Cô thấy Jose đang dỗ bà bếp, trông bà ta chẳng có gì là dữ tợn cả.

"Tôi chưa bao giờ thấy những cái bánh ngon lành như thế này." Jose nói với một giọng say sưa, "Bếp ơi, có bao nhiêu loại cả thảy? Mười lăm phải không?"

"Đúng mười lăm loại, cô Jose ạ."

"Bếp tài thật, đáng phục." Bà bếp lấy con dao dài cắt bánh, gạt hết chỗ vụn bánh đi, nở rộng nụ cười.

"Nhà hàng Godber đã đến," Sadie báo tin, từ phòng thay áo đi ra. Chị ta thấy bóng người giao bánh qua cửa sổ.

Thế có nghĩa là bánh phồng nhân kem đã đến. Loại bánh này của nhà hàng Godber rất nổi tiếng cho nên chẳng ai buồn nghĩ đến chuyện làm bánh phồng ở nhà.

"Chị ra mang bánh vào, đặt nó lên bàn đi." Bà bếp truyền lệnh cho Sadie.

Sadie mang bánh vào, rồi lại ra cửa. Laura và Jose đã nhớn rồi, không còn thèm thuồng bánh ngọt nữa. Tuy nhiên hai cô đồng ý là những chiếc bánh trông hấp dẫn lạ lùng. Rất hấp dẫn. Và bếp bắt đầu xếp bánh, phủi bớt những chỗ nào nhiều đường bột quá.

"Trông nó là nhớ lại tất cả những bữa tiệc trước nhỉ." Laura nói.

Jose thực tế: "Có lẽ. Nhưng phải công nhận những cái bánh này trông nhẹ như lông hồng."

Bà bếp dễ dàng: "Mỗi cô lấy một cái nếm thử xem sao. Mẹ sẽ không biết đâu."

Ồ, ai lại thế? Ai lại đi ăn bánh kem ngay sau khi điểm tâm? Cứ nghĩ đến cũng đủ rùng mình. Tuy vậy, hai phút sau Jose và Laura cùng mút ngón tay với vẻ ngẫm nghĩ chỉ khi nào ăn kem đánh bông lên mới có.

Laura đề nghị: "Mình đi cổng sau ra vườn. Chị muốn xem mấy bác thợ dựng rạp đến đâu rồi. Họ là những người rất tử tế."

Nhưng cổng sau đang bị bà bếp, Sadie, Hans và anh hàng bánh đứng án ngữ.

Có cái gì vừa xảy ra.

"Chậc, chậc, chậc" bà bếp tắc lưỡi giống con gà mái bận rộn. Sadie hai tay ôm má như người đau răng. Mặt thằng Hans nhăn lại vì cố gắng tìm hiểu. Chỉ có anh hàng bánh có vẻ vui thích, chính anh là người kể chuyện mà.

"Cái gì thế? Có chuyện gì thế?"

"Vừa mới có một tai nạn, một người chết." Bà bếp đáp.

"Một người chết? Ở đâu? Tại sao chết? Chết từ bao giờ?"

Nhưng đời nào anh hàng bánh chịu để người khác phỗng tay trên câu chuyện lý thú của mình?

"Cô biết dãy nhà tranh nhỏ bé phía dưới bãi kia không?" Biết không? Dĩ nhiên Laura biết. "Có một người tên là Scott sống ở đấy, làm nghề đánh xe. Sáng nay con ngựa của bác ấy nhảy tránh cái máy cày ở góc phố Hawke, nó hất bác ấy ngã vỡ đầu. Chết tươi."

"Chết tươi!" Laura nhìn chòng chọc anh hàng bánh.

"Chết tươi trước khi người ta nâng bác dậy." Anh hàng bánh nhắc lại một cách khoan khoái. "Khi tôi đến đây họ đang khiêng xác bác ấy về nhà." Anh quay sang bà bếp: "Bác ấy bỏ lại một người vợ với năm đứa trẻ."

"Jose lại đây chị bảo". Laura nắm tay áo em kéo ra khỏi nhà bếp sang phía bên kia chiếc cửa lót dạ xanh. Tới đây Laura dừng lại, dựa lưng vào

cửa, nói với một giọng hốt hoảng "Jose, làm thế nào để hoãn tất cả mọi sự lại bây giờ?"

Jose ngơ ngác: "Hoãn tất cả mọi sự? Chị nói cái gì thế?"

"Dĩ nhiên là hoãn bữa tiệc lại." Tại sao Jose lại giả vờ không hiểu?

Nhưng Jose lại càng kinh dị, "Hoãn bữa tiệc lại? Chị có điên không? Dĩ nhiên không thể được. Không ai trông đợi chúng ta làm thế. Đừng lẩn thẩn!"

"Nhưng mình không thể mở tiệc khi có một người chết ở ngay ngoài ngõ nhà mình."

Câu này quá đáng bởi vì dãy nhà tranh kia xây trên một mảnh đất riêng rẽ ở cuối cái dốc dẫn đến nhà. Một con đường rộng chạy ở giữa phân chia hai bên. Kể ra thì quả có gần kề ngay cạnh thật. Những dãy nhà ấy, trông chướng mắt vô cùng, chúng không có quyền gì được xây cất ở vùng phụ cận này. Chúng là những chiếc nhà chật chội sơn màu nâu. Trong vườn chẳng có gì ngoài vài luống bắp cải, mấy con gà ốm yếu và dăm cái vỏ hộp cà chua. Ngay cả những làn khói bốc lên từ mái nhà họ trông cũng thấy nghèo nàn. Những mảnh khói mỏng và tả tơi khác xa với những luồng khói như chùm lông bạc uốn éo tỏa ra khỏi ống khói của nhà bà Sheridan.

Người sống trong ấy toàn là thợ giặt, phu quét đường, một anh thợ giày và một người ngoài cửa chất đầy những lồng chim tí hon. Trẻ con đông như kiến. Hồi còn nhỏ, các cô không được phép bén mảng đến đây sợ hấp thụ phải những ngôn từ thô tục, hoặc lây bệnh tật. Nhưng từ khi lớn lên, Laura, Laurie đôi khi cũng đi lang thang vớ vẩn qua đây. Quang cảnh ghê tởm và bệ rạc. Hai anh em rùng mình đi ra. Tuy nhiên ta cũng nên đi đó đi đây, xem cho biết sự đời. Vì vậy hai anh em vẫn đi.

"Thử nghĩ đến tiếng đàn hát lọt vào tai người đàn bà góa tội nghiệp ấy." Laura nói.

"Ồ, chị Laura!" Jose bắt đầu thực sự khó chịu "Nếu cứ mỗi lần có ai gặp tai nạn chị lại muốn bãi bỏ ca nhạc thì đời chị sẽ chẳng lúc nào thư thản. Em nghe chuyện ấy cũng chấn động như chị. Em cũng thương họ như chị." Hai mắt cô đanh lại. Cô nhìn chị y như khi còn bé lúc hai cô sắp ẩu đả. "Dù chị thương cảm chị cũng không làm cho cái con người say rượu ấy sống lại được." Cô dấu dịu.

"Say rượu! Ai bảo em bác ta say rượu?" Laura giận dữ quay lại và cũng dùng cái giọng khi hai người cà khịa, "Chị sẽ lên nói thẳng với mẹ cho mà xem."

Jose thách: "Thì cứ lên đi!"

Laura xoay quả đấm mở cửa: "Mẹ ơi, con vào được không?"

"Được. Cái gì thế? Sao mặt con nhợt nhạt đi như thế?" Bà Sheridan xoay mình lại, bà đang ngồi trước bàn phấn thử một cái mũ mới.

"Có người vừa bị tai nạn chết mẹ ạ." Laura bắt đầu kể.

"Không phải chết trong nhà chứ?" Bà Sheridan ngắt lời.

"Không, không phải chết trong vườn nhà ta."

"Gớm, mày làm tao hết hồn!" Bà Sheridan thở phào, gỡ cái mũ to tướng ra đặt lên lòng.

"Nhưng mà mình không thể đãi tiệc hôm nay được phải không mẹ?" Laura bồi hồi, nghẹn ngào kể lại tai nạn. "Tất nhiên chúng ta không thể tiếp tục chiêu đãi khách phải không?" Cô van nài, "chúng ta không thể để dàn nhạc ca hát và mọi người tấp nập ra vào. Gia đình bác ta sẽ nghe thấy, họ cũng gần như hàng xóm mình rồi mẹ ạ!"

Laura kinh ngạc thấy mẹ cũng có thái độ y hệt Jose. Và khổ tâm hơn vì mẹ có vẻ thú vị nữa. Mẹ không coi câu chuyện của Laura là nghiêm trọng.

"Nhưng mà, con phải ý thức một tí chứ. Đấy chỉ là tình cờ mà mình nghe thấy tai nạn này. Nếu có ai trong xóm ấy chết một cách bình thường - Mẹ cũng không hiểu họ làm cách nào mà sống chui rúc trong những cái nhà chật chội như ổ chuột ấy - thì mình cũng vẫn tiếp tục đãi tiệc như thường phải không?"

Laura bắt buộc phải "vâng" nhưng cô cảm thấy hoàn toàn không đúng. Cô ngồi xuống chiếc ghế dài, dứt dứt mấy sợi tua trên cái gối dựa. "Mẹ ơi, như thế chẳng hóa ra mình nhẫn tâm lắm sao?"

Bà Sheridan đứng dậy, đến gần Laura, tay cầm mũ. Bà chụp ngay cái mũ vào đầu Laura trước khi cô kịp ngăn cản. "Đây, con xem này, mẹ cho con cái mũ đấy. Nó hợp với con hơn, nó trẻ quá đối với mẹ. Chưa bao giờ mẹ thấy con đẹp như bây giờ. Này, nhìn vào gương mà xem." Và bà cầm cái gương tay giơ lên.

"Thế nhưng mà," Laura lại bắt đầu. Cô không thể nhìn bóng mình trong gương, cô quay đi.

Lần này bà Sheridan cũng hết kiên nhẫn, y như Jose.

"Con hóa điên rồi." Bà lạnh lùng nói, "những hạng người ấy không đòi hỏi mình phải hy sinh cho họ. Và phá đám như con đang làm, không cho mọi người chơi vui là không tốt, không nên."

"Con không hiểu," Laura thốt và rảo bước về phòng mình. Vào phòng, tình cờ cái đầu tiên mà cô trông thấy trong gương là hình ảnh một thiếu nữ rất xinh đẹp đội chiếc mũ đen điểm hoa cúc vàng và một dải nhung đen dài. Chưa bao giờ cô tưởng tượng mình lại xinh đẹp đến thế. "Hay là mẹ có lý?" cô nghĩ. Giờ thì cô hy vọng mẹ có lý. "Mình có phải là đứa vô lý, điên khùng không? Có lẽ mình cũng vô lý thực." Trong khoảnh khắc cô thấy thoáng

hiện ra trước mắt hình ảnh người đàn bà tội nghiệp và lũ trẻ, xác người đàn ông đang được khiêng vào nhà. Những hình ảnh này đều lờ mờ, thấp thoáng, mơ hồ, giống như những ảnh in trên tờ báo. Đợi xong tiệc sẽ nghĩ tiếp đến chuyện này, cô quyết định. Và thấy có lẽ đây là phương cách hay nhất...

1g30 cơm ăn xong. Đến 2g30 thì tất cả đều sẵn sàng xuất trận. Dàn nhạc mặc áo lục đã đến và thiết lập ở một góc sân quần vợt.

"Này nhìn xem." Kitty Maitland léo nhéo, "Trông họ có khác gì mấy con ếch không? Đáng lẽ phải xếp họ ngồi quanh bể nước rồi cho ông nhạc trưởng đứng trên một tàu lá mới phải."

Laurie đã về và vẫy chào hai cô trên đường đi thay áo. Vừa thấy anh, Laura sực nhớ lại cái tai nạn. Cô muốn kể cho anh nghe. Nếu Laurie đồng ý với mọi người tức là mọi sự sẽ như thế. Cô theo anh vào.

"Anh Laurie!"

Laurie đang lên thang, nhưng khi anh quay lại trông thấy em, bất thình lình anh phồng má, trợn mắt nói: "Ê, Laura, em đẹp kinh khủng. Cái mũ không chê vào đâu được."

Laura, giọng yếu ớt: "Thật không?" và mỉm cười, ngước mắt nhìn lên Laurie rồi bỏ qua luôn tai nạn không kể nữa.

Ngay sau đó tân khách lũ lượt kéo đến như nước chảy. Dàn nhạc bắt đầu dạo; những anh bồi chạy long tong từ nhà ra rạp. Nhìn chỗ nào cũng thấy từng cặp đi thơ thẩn, cúi xuống xem hoa, chào nhau, hay tiến ra bãi cỏ. Họ giống như những con chim tươi sáng đã hạ cánh xuống khu vườn bà Sheridan trưa hôm nay, trên đường đi - đi đâu nhỉ? Hạnh phúc là được kề cận với những người sung sướng, được nắm tay họ, kề má họ, mắt cười với họ.

"Em Laura, trông em đẹp tuyệt trần đời!"

"Cái mũ hợp với con lắm, Laura ạ."

"Laura, cháu giống hệt một cô Y Pha Nho. Chưa bao giờ bác thấy cháu đẹp như thế này."

Và Laura hân hoan, dịu dàng đáp: "Bác đã xơi nước chưa? Bác dùng kem để con đi lấy? Kem lạc-tiên hôm nay ngon đáo để." Cô chạy lại gần cha, cầu khẩn: "Cha ơi, cho con mời các nhạc công uống nước nhé?"

Buổi trưa dần dần đi đến chỗ tuyệt mỹ, dần dần phai tàn, cánh hoa dần dần khép lại.

"Chưa bao giờ có một buổi chiêu đãi thích thú như hôm nay... một thành công mỹ mãn... hạng nhất..."

Laura giúp mẹ tiễn khách. Hai mẹ con sát cánh nhau đứng cạnh cổng cho tới khi mọi người về hết.

"Thế là xong, xong hết rồi. May quá!" Bà Sheridan thốt, "Laura, gọi tất cả lại đây. Mình làm thêm mỗi người một chén cà phê nữa, mẹ bải hoải cả chân tay. Ờ. Bữa tiệc hôm nay thành công đấy chứ? Nhưng mà tiệc với tùng, tiệc với tùng! Tại sao chúng bay cứ đòi đãi tiệc?" Tất cả ngồi xuống, trong cái rạp giờ vắng tanh.

"Cha ăn thêm cái bánh nữa nhé? Chính tay con thảo thực đơn đấy."

"Cám ơn con." Ông Sheridan cắn một miếng là hết bánh. Ông lấy thêm cái nữa. "Chắc cả nhà chưa ai nghe thấy chuyện cái tai nạn đã xảy ra ngày hôm nay?"

"Biết rồi ông ơi." Bà Sheridan tiếp tục, "Mà bác ta lại có gia đình, sống ở cái bãi phía dưới kia. Họ nói bác ta bỏ lại một vợ và năm, sáu đứa con thơ."

Một phút yên lặng nặng nề. Bà Sheridan xoay xoay cái chén cà phê. Bố nó thật chẳng có ý tứ gì cả...

Bỗng bà ngửng đầu lên. Trên bàn còn la liệt các thứ bánh ngọt, bánh mặn, bánh kem, những cái bánh còn nguyên vẹn tươm tất và sắp sửa bị vất bỏ. Bà có một ý kiến tuyệt diệu:

"Tôi biết rồi." Bà nói, "mình soạn một giỏ bánh rồi gởi cho lũ người đáng thương ấy những cái bánh ngon lành này. Trẻ con nhất định là thích mê đi rồi. Có đúng không? Với lại nhà bác ta chắc chắn phải tiếp đãi hàng xóm láng giềng tới viếng. Có sẵn cho họ một ít bánh để khoản đãi rất tiện. Laura đâu". Bà đứng phắt dậy, "Lấy cho mẹ cái giỏ to ở trong tủ gầm cầu thang ra đây."

"Nhưng mà mẹ có chắc đây là ý kiến hay hay không?" Laura ngần ngại.

Lạ thật, lại một lần nữa cô thấy mình có vẻ khác tất cả mọi người. Mang cho họ đồ ăn thừa? Liệu người đàn bà đáng thương ấy có thích hay không?

"Dĩ nhiên rồi! Hôm nay con làm sao thế? Mới cách đây mấy tiếng con nhất định đòi mình phải tỏ lòng thương xót họ, bây giờ thì..."

Thôi được. Laura chạy lại lấy giỏ. Mẹ sắp bánh đầy chặt, chồng chất lên nhau. Bà nói:

"Con mang đi cho họ. Cứ mặc thế cũng được. Không, khoan đã. Mang cho họ cả những bông loa-kèn này nữa. Những hạng người ấy rất thích loại hoa kèn."

Jose bao giờ cũng thực tế: "Cuống hoa sẽ làm hoen ố áo chị ấy."

Đúng thế. May mà Jose ngăn kịp. "Thôi thì mang giỏ bánh không thôi cũng được. Và này, Laura," mẹ theo sau cô ra khỏi rạp, "đừng bao giờ..."

"Cái gì hở mẹ?"

Không, không nên gieo rắc những ý nghĩ như thế vào đầu con bé, "Không có gì cả. Đi đi."

Trời vừa sẫm tối khi Laura đóng cổng vườn. Một con chó cực to chạy ra lướt qua như một cái bóng. Mặt đường trắng xóa long lanh và dưới thung lũng, dãy nhà tranh ẩn nấp trong bóng cây. Thật là yên tĩnh sau cái tưng bừng, náo nhiệt ban trưa. Cô xuống dốc đi đến chỗ một người chết đang nằm, cô hoang mang không thể hình dung ra sao. Tại sao cô không hình dung được? Cô dừng chân một phút. Có cảm tưởng những cái hôn, những giọng cười, tiếng nói, những thìa cà phê lách cách, mùi cỏ bị dẫm nát, hầu như vẫn đang ở trong lòng. Không còn chỗ dành cho cái gì khác. Thật lạ lùng! Cô ngước nhìn bầu trời nhạt và tất cả điều cô nghĩ là: "Đúng thế, bữa tiệc hôm nay rất thành công."

Con đường rộng đã đến ngã tư. Ngõ hẻm bắt đầu, tối tăm và đầy khói. Những người đàn bà quàng khăn, đàn ông đội mũ len, dáng đi vội vã. Một bọn đứng quanh quẩn bên bờ rào, trẻ con chơi ngoài ngõ. Tiếng rầm rì từ những căn nhà tranh chật chội vọng ra. Một vài nhà có ánh lửa, và bóng người như con cua đi ngang cửa sổ. Laura cúi đầu rảo bước. Cô tiếc đã không mặc thêm cái áo choàng bên ngoài. Cái áo tiếp tân của cô trông chướng mắt quá! Lại còn cái mũ to tướng với dải nhung đen phất phơ. Giá mình đội cái mũ khác. Liệu có phải thiên hạ đang nhìn cô không? Chắc là đúng. Ta đến đây là một sự lầm lẫn. Cô vẫn biết ngay từ đầu là lầm lẫn. Hay là quay trở về nhà quách?

Không được, muộn quá rồi. Đích thị cái nhà này đây. Chắc là thế.

Một nhóm người đem sẫm túm tụm ngoài cửa. Bên cạnh cổng một bà lão già với cái nạng ngồi trên ghế đang quan sát, chân đặt lên tờ báo. Mọi tiếng nói ngừng bặt khi Laura lại gần. Người ta rẽ ra hai bên nhường lối. Y như họ đang chờ đợi cô, biết cô sắp tới đây.

Laura ngượng nghịu. Hất cái mũ bằng nhung đen qua vai, cô nói với một người đàn bà gần đấy: "Đây có phải là nhà bác Scott không?" Và người đàn bà mỉm cười một cách kỳ dị, "Phải đấy cô em."

Ồ, giá mình đừng đến đây có phải hơn không? "Cầu trời phù hộ cho con,"cô khấn khi đi theo con đường nhỏ vào nhà và gõ cửa. Đi chỗ khác, tránh những con mắt soi bói, hay có cái áo choàng đen che đi, một cái khăn như mấy người đàn bà này cũng được. Cô định bụng sẽ để cái giỏ lại rồi đi ngay. Mình sẽ không đợi họ cất bánh đi.

Rồi cửa mở. Một người đàn bà bé nhỏ, mặc đen đi ra khỏi bóng tối.

Laura nói: "Bác có phải là bác Scott không?" Nhưng cô kinh hoàng khi người đàn bà đáp: "Mời cô vào." Và Laura bị nhốt trong dãy hành lang khi cổng đóng lại.

"Không." Laura nói, "tôi không định vào nhà. Tôi chỉ muốn để giỏ bánh lại. Mẹ tôi bảo..."

Nhưng người đàn bà nhỏ bé đứng trong bóng tối dường như không nghe "Mời cô đi lối này." Bác ta nói với giọng trơn tru, và Laura đi theo.

Cô thấy mình đứng trong cái bếp nhỏ thấp, tồi tàn, ngọn đèn ám khói tỏa ánh leo lét. Một người đàn bà ngồi thừ trước bếp lửa.

"Hèm", người đàn bà nhỏ bé dẫn đường lên tiếng, "này chị. Có cô ý đến" rồi quay sang Laura giải thích: "Tôi là em bác ý. Cô tha lỗi cho bác ý."

"Không dám." Laura đáp "Xin bác cứ để bác ấy tự nhiên. Tôi chỉ muốn để lại..."

Nhưng ngay lúc ấy người đàn bà ngồi trước bếp lửa quay lại. Mặt bác ta sưng húp, đỏ ửng, hai mắt húp híp, môi cũng căng phồng, trông rất ghê rợn. Bác có vẻ không hiểu tại sao Laura lại có mặt ở đây. Thế nghĩa là gì? Tại sao cái nhà cô lạ mặt này lại đứng trong bếp với cái giỏ? Thế này là nghĩa lý gì? Và khuôn mặt đáng thương lại nhăm nhúm lại.

"Không việc gì đâu," người đàn bà kia trấn an, "để tôi cám ơn cô ý cho."

Và bác lại bắt đầu: "Cô tha lỗi cho bác ý." Rồi chính mặt bác, cũng sưng húp, đang cố nhếch lên một nụ cười lấy lòng.

Laura chỉ muốn ra khỏi nhà, đi chỗ khác. Cô trở lại hành lang. Cửa mở ra. Cô đi thẳng vào phòng ngủ, nơi quàng xác người đàn ông.

"Chắc cô muốn nhìn mắt bác ý lần cuối?". Người em chủ nhà hỏi và bác ta lách mình tiến lại phía cái giường. "Đừng sợ," giọng bác bây giờ thân mật và láu lỉnh, bác kéo miếng vải phủ mặt xuống: "Trông bác ý như trong tranh vẽ. Không thấy một vết thương nào cả. Cô lại mà xem."

Laura bước tới.

Trên giường một người đàn ông còn trẻ nằm ngủ say - ngủ say sưa, say đến nỗi bác ta có vẻ ở một nơi nào rất xa, xa cách cả hai người. Ồ, rất xa xôi và yên bình. Bác đang mơ, không bao giờ thức dậy nữa. Đầu bác lún sâu trên gối, hai mắt nhắm nghiền, không còn thấy gì nữa dưới cặp mi mắt khép kín. Bác ta đang say mơ. Tiệc hoa viên, giỏ bánh, áo đăng-ten giờ đây có nghĩa gì nữa đối với bác? Bác đang ở cách đây rất xa. Trông bác tuyệt mỹ. Trong khi họ cười nói, và dàn nhạc đàn hát thì có sự kỳ diệu đã đến trên ngõ hẻm. Hạnh phúc... Hạnh phúc... Mọi sự đều tốt đẹp. Khuôn mặt đang ngủ say như muốn nói: "Mọi sự đều phải thế. Tôi rất mãn nguyện."

Song le Laura lại muốn khóc, nhưng cô không thể đi ra mà không nói với bác một lời. Cô nức lên như trẻ con: "Bác tha thứ cho cái mũ của tôi."

Lần này cô không đợi người em chủ nhà đưa đường. Cô tự tìm lấy lối ra cổng, đi xuống con đường dốc, qua đám người đen sẫm túm tụm ngoài cổng. Đến đầu ngõ cô gặp Laurie.

Anh bước ra khỏi bóng cây: "Có phải em đấy không, Laura?"

"Vâng."

"Mẹ đang lo. Mọi sự xong xuôi êm thấm cả chứ?"

"Vâng. Anh Laurie ơi!" Cô nắm cánh tay anh đi sát lại gần.

"Này, em không khóc đấy chứ?"

Laura lắc đầu. Tuy nhiên cô khóc.

Laurie quàng vai em: "Đừng khóc nữa. Trông thương tâm lắm phải không?" Anh hỏi với giọng thương yêu, nồng ấm.

"Không." Laura nức nở, "Chỉ là một sự huyền diệu. Nhưng anh ạ..."

Cô dừng lại nhìn anh, lắp bắp, "Đời là thế, phải không anh?" Nhưng đời là thế nào, cô không giải thích nổi. Cũng không sao. Laurie rất hiểu:

"Có phải thế không hở em?"

KATHERINE MANSFIELD
(The Garden Party - **Penguin Modern Classics**)
NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH *dịch.*
Châtenay-Malabry, tháng 5, 1991.



JACQUES PRÉVERT

khu phố tự do

Tôi vất cái mũ lính vô trong lồng
rồi xuống phố với con chim nhỏ trên đầu
Ủa
không chào à
vị tướng chỉ huy hỏi
Không
khỏi cần chào
con chim đáp
Vậy hả
thế thì cho tôi xin lỗi nhé tôi cứ tưởng là
người ta vẫn còn chào nhau
vị tướng chỉ huy bảo
Ông được tha lỗi bởi ai cũng có thể bị lầm lẫn
con chim nói.

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG dịch



Tranh Khánh Trường



ĐOÀN NHẬT

trên đỉnh tháp chuông thượng đế chọn tôi...

Trong hút mất ẩn dấu lãng quên
Tôi giơ tay chụp bắt
Những điều khả nghi

Đêm quá dài
Tôi mở mắt ngó điều cốt tủy
của đời sống âm tàng
Nỗi thèm chết
Lòng khát sống
Giữa trạng thái ấy là sự lửng lơ tội nghiệp
và niềm tĩnh yên
mịt mù chân / giả

Đất trời chọn giữ lặng thầm
Chìm chóc mở đầu một thời khắc miên viễn

Từ trong đau kiệt
Tôi ngước mắt lên chỗ đất trời quá vãng
Nghe hơi thở xôn xao
Thoáng lạ mặt lún sâu hoài niệm
Tôi nâng niu nỗi hiu quạnh hãi hùng

Cái chết
Căn nhà sâu thẳm
Đóng chặt sự hiểu biết về cõi chết
Trong nhiệm màu
Sự bất tử là bóng tối nghìn trùng ngoài thế gian

Trên đỉnh tháp chuông
Thượng đế chọn tôi làm nỗi đam mê
Mênh mông
Phiền muộn.
ĐOÀN NHẬT



TRẦN MẠNH HẢO

nghĩ về thơ và thơ hôm nay

LTS: Chúng tôi hân hạnh giới thiệu đến độc giả bài viết "Nghĩ Về ThơHôm Nay" của Trần Mạnh Hảo gởi trực tiếp cho Hợp Lưu.

Trong những số sau, chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu những bài thơ mới nhất cũng do chính tác giả ưu ái dành cho chúng ta.

*

Trong đạo Thiên Chúa Giáo có quan niệm này mà người vô thần cách mấy cũng phải công nhận là thoáng, đó là mỗi người tin đạo đều có thể tìm cho mình một cách đến với Chúa, đến với thiên đường. Cũng có thể lấy ví dụ này để nói về thơ. Bởi vì, mỗi người làm thơ đều có thể tìm ra một cách thơ hay. Và có bao nhiêu người làm thơ thì có bấy nhiêu cách định nghĩa về thơ vậy.

Thơ chính là tuổi thơ của loài người còn sót lại. Kinh Thánh có câu: "Nếu ai không hóa thành con trẻ thì nước trời không thuộc về kẻ đó". Người Trung Quốc quan niệm trời đất bao giờ cũng hồn nhiên như trẻ thơ nên mới có chữ *hóa nhi*. Người Việt Nam nói về điều này một cách rất thật thà, cụ thể: "Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ". Xem ra như thế những gì rốt ráo nhất, chân như và thiêng liêng nhất, đều có chung bản chất với trẻ con. Và như thế, chúng ta vui mừng phát hiện ra rằng, vẫn còn một đứa trẻ con lon ton chạy qua sa mạc, bão tuyết, chạy qua bao nhiêu thiên niên kỷ của những trận đại hồng thủy đến với loài người chúng ta từ vườn Êđen xưa, nơi tổ tông chúng ta bị đuổi khỏi địa đàng. Phải chăng, đứa-trẻ-con-muôn-thuở ấy chính là thơ ca?

Vậy mà đâu đây, trên hành tinh chúng ta, có ai đó trong văn học đã lạnh lùng tuyên bố: "Thưa quí vị, thơ ca đã hết đường tồn tại". Rồi họ vạn tuế các phương tiện truyền thông, vạn tuế thời đại vi tính. Lẽ nào trái đất rộng mênh mông dường này, lại không còn chỗ trú ẩn cho đứa trẻ thơ thiêng

liêng yếu đuối kia? Lẽ nào con người đang tâm xua đuổi thời ấu thơ của mình, xua đuổi cái phần mơ mộng, huyền ảo của tâm hồn mình, xua đuổi cái phần "nhân chi sơ tính bản thiện" ra khỏi đời sống hiện nay?

Ngôn ngữ là tài sản quí giá nhất của một dân tộc. Nếu bộ óc con người phần lớn phải tư duy bằng ngôn ngữ thì tâm hồn con người tư duy bằng thơ ca. Từ thời cổ Hy lạp cho mãi đến nửa đầu của thế kỷ thứ mười chín, người ta gọi tất cả các khoa học là thi ca. Thi ca là kết tinh của ngôn ngữ, là giấc mơ của tâm hồn con người. Thử hình dung ngày nào đó trái đất thiếu thơ ca, rồi văn xuôi, kịch nói cũng không còn, lẽ dĩ nhiên rồi đến lượt ngôn ngữ sẽ biến mất. Hi vọng rằng cái ngày tận thế khủng khiếp kia, khủng khiếp còn hơn chiến tranh hạt nhân, khủng khiếp còn hơn ngày phán xét chung trên cánh đồng Araphát không có cơ hội xuất hiện. Bởi vì, may mắn thay, thi ca vẫn chưa bị con người cắt hộ khẩu khỏi những giấc mơ bị ô nhiễm của chính mình.

Có một thực tế mà những người làm thơ trên thế giới nói chung, ở nước ta nói riêng không thể không quan tâm, đó là những ấn phẩm thơ hầu như rất khó bán. Điều này có thể được giải thích bởi nhiều lẽ. Nhưng không phải vì thế mà kết luận là thi ca không còn đất sống. Có thể bạn đọc tạm thời quay lưng lại với các nhà thơ hiện đại nhưng lại không hề thờ ơ với thi ca đích thực. Vả lại, từ xưa đến nay, hầu như thi ca không có thói quen tự biến mình thành hàng hóa. Nguyễn Du viết Kiều không phải để bán mà hầu như để rước lấy tai họa.

So với các nghệ thuật khác, thi ca bao giờ cũng chỉ là thứ nghệ thuật dành cho số ít, cho một đối tượng hết sức chọn lọc. Nó - tức thi ca - chưa hề và chưa từng là nghệ thuật của đám đông. Đến như Maiakopski, người từng là cái loa của giai cấp vô sản Nga, người từng đọc những bài thơ theo đơn đặt hàng thuần túy chính trị cho hàng vạn người nghe một cách bốc lửa cũng phải thú thực với lòng mình: "Bản chất của văn nghệ là không đại chúng. Nó chỉ trở thành đại chúng là do tuyên truyền". Nhưng ở nước ta mấy chục năm qua, người ta đã công nông binh hóa thơ ca một cách hết sức thô thiển. Người ta đã đồng hóa thơ với các khẩu hiệu tuyên truyền. Người ta đã chất lên cái lưng vốn không lấy gì làm mạnh mẽ của thi ca đến tám mươi phần trăm nhiệm vụ của một nền văn nghệ phục vụ chính trị. Mỗi năm có bao nhiêu ngày lễ lạy, giỗ chạp là có bao nhiêu lần các tòa báo đến gõ cửa nhà thơ để xin một thức thơ mì ăn liền. Nói như vậy, không có nghĩa là thơ chính trị thời sự không có bài hay, hoặc là không thể làm hay. Người ta cám ơn nhà thơ tạo ra mì ăn liền thật chứ không phải những gói mì ăn liền dỏm mà ta bắt gặp hàng ngày trên hầu như ba trăm tờ báo của cả nước vẫn siêng in thơ. Không chỉ ở các tỉnh, mà ngay ở một số cơ quan trung

ương, người ta đã xếp các nhà thơ vào cái rọ *thơ ca hò vè*. Suốt một thời, người ta không cho phép thơ được buồn, được đau, được cô đơn và được chết. Chúng ta thử hình dung ra một con người suốt một thời chỉ vỗ tay ca hát và nhe răng cười hềnh hệch, con người đó có thực sự là một con người đúng nghĩa của nó không?

Một nhà thơ biết điều là một nhà thơ không nên lò dò tới nơi con người đang hạnh phúc, đang vui vẻ nhảy nhót hát hò, đang vỗ tay vỗ chân trong những "ngày hội của quần chúng". Một cặp tâm hồn trong tuần trăng mật chắc chắn sẽ không muốn thấy sự xuất hiện của người thứ ba dù người ấy có là thượng đế hoặc nhà thơ. Nhưng khi tình yêu kia tan vỡ thì nhà thơ ơi, anh hãy xuất hiện. Vương quốc của anh chính là nỗi thống khổ và cô đơn đến tột cùng của con người. Một giọt nước cho kẻ khát, một mẩu bánh cho kẻ đói, một niềm an ủi cho kẻ tuyệt vọng, thi ca đích thực không xuất hiện như một vị thiên sứ hoặc một nhà tiên tri, càng không đóng vai nhà truyền giáo đi rao giảng tín ngưỡng cao siêu hay phàm tục. *Nhà thơ là kẻ ăn mày lòng nhân ái của con người.* Chúng ta xin được một phút kiêu hãnh vì qua nhiều tai nạn, thơ ca chân chính vẫn chưa thể học được cách nịnh nọt kẻ giàu sang, ton hót và thớ lợ với kẻ quyền thế.

May mắn thay, do những biến đổi lịch sử vừa qua, *nền-thơ-lộ-thiên-ham-vui của chúng ta như chợt thức tỉnh để lần về ngôi nhà của mình là tâm hồn con người, nơi những giấc mơ về thời thơ ấu của nhân loại đang có cơ bị nền văn minh vật chất này săn đuổi.*

Vũ khí tự vệ của con nai, con hươu chính là sự chạy trốn của bốn vó, là chuồn thôi thưa quí vị. Nhà thơ chẳng thể có thứ vũ khí tự vệ nào khác ngoài trái tim vốn hay run rẩy của mình.

Từ kinh Vệ Đà của Ấn Độ cổ đại đến Thi Thiên trong kinh Thánh, từ Hôme đến Khuất Nguyên, từ Rimbô, Vẹclen đến Apôline hay Tago... hầu như mọi hình thức diễn đạt của thơ cho đến hôm nay không thể có gì xuất hiện được gọi là *mới* nữa. Dù là các thứ thơ bình phương, thơ lập phương, thơ khai căn, thơ phi thi, thơ lập thể, thơ đađa, thơ vô chiều, thơ thoát xác... đều chỉ là sự lập lại những hình thức cũ. Vậy thì nhà thơ hôm nay lấy cái gì để tồn tại, để được gọi là mới, là sáng tạo đây? Xin thưa, đấy là sự rung động của trái tim con người. Con người đã nghe trái tim mình rung động, xúc động cả tỉ lần, nhưng không lần nào giống lần nào cả. Hãy làm cho trái tim con người rung động thêm một lần nữa đi vì nó là sáng tạo, sự mới mẽ đó nhà thơ ạ.

Rất tiếc đa số những sự cách tân của thơ ca chúng ta những năm gần đây hầu như thiếu vắng cảm xúc. Các nhà thơ gân cổ, xoạc cẳng thi nhau ném lên nền thơ tất cả chai lọ của lý trí, tất cả cát đá của ngôn từ. Nhưng họ chỉ

đạt được những lời nói chứ không phải những câu thơ. Bởi vì trong thơ có nói, nhưng chỉ nói không thì không thể thành thơ.

Muốn nền thơ phát triển, dĩ nhiên mỗi nhà thơ cần phải tự biến đổi, tự cách tân bằng những thể nghiệm thơ cầm chắc sự thất bại hơn là thành công. Hiện đại hóa thơ để thơ vẫn cứ còn là thơ mới là điều hết sức khó khăn. Nhìn chung, thơ chúng ta còn thực quá, phải *hư* đi một tí nữa, phải *siêu* lên một chút nữa. Nhưng nếu chúng ta đi quá giới hạn của cái *hư*, thơ sẽ hỏng đấy. Thơ muốn *siêu*, trước hết nó phải *thực* đã, đi tới tận cùng của cái *thực*, thơ sẽ đạt tới cái *siêu*. Từ một con chim bay đến cái phi cơ hoặc tàu vũ trụ con thoi kia cũng phải tuân theo qui luật đó huống hồ là thi ca.

Có nhà thơ làm thơ với mục đích là không cần ai hiểu. Hỏi thì họ trả lời rằng tớ làm thơ siêu thực, mà siêu thực thì chỉ có cảm, chứ đem cái *hiểu* vào sẽ chết tươi thơ. Khi thơ chối bỏ ý thức, nó đã chối bỏ cái biểu hiện đầu tiên để phân biệt người với rong rêu. Thế nhưng, những nhà thơ tự gọi mình là *siêu* này, luôn luôn chê bai và coi rẻ ý thức lại phải nhờ đến những công cụ rất thực của ý thức là ngôn ngữ, là giấy mực, là nhà in, là hiệu sách để diễn đạt cái vô ngôn vô ngã, cái phi thân phi lý của mình.

Hiện nay, chúng ta đọc trên báo và trong các tập thơ một thứ thơ không chút vần điệu, trúc trắc và xộc xệch đến vô nguyên tắc. Nên nhớ rằng thơ không vần, thơ xuôi là những hình thức thơ đầu tiên của loài người đấy. Không vần, không nhịp điệu, trúc trắc và môđẹc đều tốt cả, đều hay cả nếu nhà thơ có tài và có hồn. Đằng này, người ta đã hắt nước lạnh vào người đọc bằng những loại thơ còn tồi tệ hơn cả thơ dịch. Tôi có cảm tưởng họ là những *nhà thơ Việt tự dịch thơ mình ra tiếng Việt*. Nếu những bài thơ loại này được ví với người con gái đẹp thì đó là người con gái *cốt* vững mà *nhục* ít. Nếu nó được ví với cây thì chỉ là cây không lá không hoa.

Có một thời, người ta đã phong cho thơ bao nhiêu hàm, bao nhiêu tước, như nhà thơ là tiếng loa của giai cấp, là lưỡi kiếm của nhân dân, là tiếng sấm của thời đại... đến nỗi những vinh dự quá lớn lao này khiến nhà thơ sung sướng đến phát ngớ ngẩn. Từ *một nền thơ hướng ngoại*, thơ chúng ta hôm nay đã trưởng thành vì nó đã tìm ra con đường *hướng nội* vốn dĩ của mình. Thơ vẫn cứ tiếp tục làm sấm sét thời đại nếu nó muốn. Nhưng đồng thời thơ đã biết cất lên một tiếng dế, một tiếng ve sầu và tiếng chim cuốc, chim từ quy. Thơ chúng ta đã, đang và sẽ có nhiều thành tựu. Con gấu ăn một thứ ngọt nhất đời là mật ong để sinh ra một thứ đắng nhất đời là mật gấu. Hành trình của nhà thơ, của thi ca khó khăn thay lại ngược lại với qui trình *mật* của con gấu.

TRẦN MẠNH HẢO
(Trong nước)



HUỲNH HỮU ỦY

mấy cơ sở nghiên cứu và đào tạo mỹ thuật, mỹ nghệ dưới thời pháp thuộc chung quanh vùng sàigòn - gia định



Đế quốc Pháp tiến chiếm Đông Dương vì mục tiêu kinh tế, chinh phục đất đai và những nguồn lợi bản địa với ý chí cao nhất. Chúng ta dễ dàng thấy rõ điều đó mà chẳng phải mất công gì trong việc đi tìm những bằng cớ chính xác, cụ thể. Tuy nhiên khi đã đặt nền đô hộ trên toàn cõi đất nước ta, để lòe bịp dân bản xứ cũng như dư luận thế giới, các tay cáo già thực dân cũng đã vẽ vời ra một số huyền thoại đẹp đẽ nào đấy để che lấp thực chất bất nhân, tàn bạo của hành động thực dân. Chiêu bài lớn nhất của người Pháp là đến Đông Dương với sứ mệnh khai hóa, gieo rắc ánh sáng văn minh trên vùng đất còn dã man mọi rợ. Để phù hợp với chiêu bài này, từ nửa sau thế kỷ thứ XIX qua đầu thế kỷ XX, chính quyền Pháp ký nghị định thành lập một số cơ sở văn hóa lớn có tính chất nền tảng như Trường Viễn Đông Bác Cổ Nghiên Cứu Đông Dương, các Viện Bảo Tàng, trường đại học, trường dạy nghề chuyên nghiệp, trường

Mỹ Thuật Trang Trí..., cùng lúc đã gởi nhiều sản phẩm mỹ thuật Việt Nam tham dự triển lãm quốc tế ở Anvers, Paris, tổ chức triển lãm với quy mô quốc tế ngay tại Việt Nam, in sách nghiên cứu về mỹ thuật Việt Nam.

Trong và quanh thành phố Hồ Chí Minh ngày nay, có mấy cơ quan thành lập trong thời kỳ này cần được lưu ý:

- Viện Bảo Tàng Sài Gòn.
- Trường Mỹ Nghệ Thủ Dầu Một.
- Trường Mỹ Nghệ Biên Hòa.
- Trường Mỹ Thuật Trang Trí Gia Định.

Nghệ thuật của dân tộc ta đã phát triển và tồn tại theo với dòng vận động của lịch sử đất nước, bàng bạc khắp nơi, từ dòng nghệ thuật cung đình chính thống đến nền nghệ thuật của nhân dân mà bất kỳ nơi đâu trong đời sống bình thường chúng ta cũng có thể gặp thấy, đặc biệt nơi các tranh tượng dân gian, nơi các chạm khắc giữa những đình chùa miếu vũ từ Bắc chí Nam. Những cuộc khai quật trên các địa tầng khảo cổ học trong những năm gần đây càng góp phần khẳng định về một truyền thống nghệ thuật sâu xa, bắt từ mạch nguồn mấy nghìn năm. Không phải như luận điểm của một số học giả thực dân cùng sự quảng bá các luận điểm này, cho rằng trước dấu mốc hình thành trường Mỹ Thuật Đông Dương (Écolc Des Beaux Arts De L'Indochine), mỹ thuật Việt Nam không có gì đáng kể.

Các công trình nghiên cứu mỹ thuật Việt Nam càng lúc càng chiếu rọi và làm sáng tỏ vấn đề, giúp chúng ta thấy rằng trước khi đế quốc phương Tây đến đây bằng bạo lực và tiếp đấy là sự xâm nhập của văn hóa thì chúng ta đã có một nền nghệ thuật vững vàng, đẹp đẽ. Có điều là, nền nghệ thuật ấy được thiết lập trên mô thức khác, không dính líu gì đến mô thức mỹ thuật sau này một phần do nhu cầu tự thân của đế quốc mà đến, phần khác do quy luật giao lưu văn hóa tự thân giữa các vùng địa lý khác nhau mà hình thành. Một trang sử lớn của đất nước đã lật qua, chúng ta hiện đang đứng trước một thời điểm mới, có nhiều thuận lợi để bình tâm nhìn lại quá khứ một cách khách quan, chính xác, khoa học.

Trong lĩnh vực mỹ thuật, nghệ thuật tạo hình, chúng ta đã thấy những chứng cứ cụ thể còn lưu giữ về một nền nghệ thuật phong phú chung quanh Sài Gòn, Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh từ ba thế kỷ nay. Chưa kể đến nền văn minh Óc Eo hiện đang được tiến hành điều tra với nhiều dấu vết trong địa phận thành phố Hồ Chí Minh mà chắc chắn trong tương lai sẽ có nhiều công bố kỳ lạ đáng kể. Từ trên nền tảng cũ, người Pháp đến đây và chính do nhu cầu riêng của họ mà xây dựng, tổ chức lại và cũng có thể nói đó là những đóng góp mới.

Về mặt học thuật, nghiên cứu, trước tiên phải kể đến việc thành lập *Viện Bảo Tàng Sài Gòn* năm 1887. Việc lập Viện Bảo Tàng đã manh nha từ năm 1886 khi thống đốc De La Grandière ra lệnh cho thu thập và sắp xếp những di tích của các dân tộc trên bán đảo Đông Dương. Cũng trong năm này, phái đoàn thám hiểm sông Cửu Long Doudart De Lagré đem về tặng Đô Thành Sài Gòn nhiều di vật quí Cam-pu-chia bằng sa thạch để dùng làm tài liệu khảo cổ về sau. Năm 1886, De La Grandière trở về Pháp nên dự án lập Viện Bảo Tàng vẫn ở trong tình trạng hồ sơ bàn giấy. Năm 1887 Thống Đốc Le Myre De Vilers cho cất Viện, nhưng Viện Bảo Tàng vẫn chưa thành hình cụ thể được vì khi dinh cơ xây cất xong thì lại trở thành tư dinh của thống đốc (trước là dinh Gia Long, nay là Bảo Tàng Cách Mạng Thành Phố Hồ Chí Minh). Mãi đến ngày 24-11-1927, thống đốc Blanchard De La Brosse mới chính thức ký nghị định thành lập Viện, sau đó có thêm một nghị định khác đặt *Viện Bảo Tàng Sài Gòn* (Bấy giờ tên là *Viện Bảo Tàng Blanchard De La Brosse*) thuộc quyền kiểm soát khoa học của Trường Viễn Đông Bác Cổ, về hành chính thì trực thuộc Chính phủ Nam Kỳ.

Xây cất theo kiểu cổ điển Việt Nam, do kiến trúc sư Delaval vẽ đồ án, khởi sự năm 1928 đến năm 1929 thì hoàn tất. Trên đỉnh nóc nhà có hình một quả bầu, ngay cửa chính vào Viện có hai câu liễn bằng Hán tự:

Á Đông cổ đồng mỹ thuật kê thực học
Việt Nam nhân chủng bác vật đắc kỳ quan

Tô Nam dịch:

Á Đông cổ khí mỹ thuật kê cứu thực học
Việt Nam nhân chủng bác vật được nhiều kỳ quan.

Ngay dưới hai câu liễn này, phía bên trái bày một con gajasimha (sư tử nhưng có vòi voi trước mũi), phía bên phải là một đuôi rắn thần Naga chín đầu và ngay chính giữa đuôi ấy có con chim thần hình người garuda với mỏ lớn, vẫn nuôi mình bằng rắn Naga.(1)

Ngày 01 tháng Giêng năm 1929, lễ khánh thành Viện được tổ chức trọng thể. Sử gia Jean Bouchot nguyên là thủ thư của Hội Nghiên Cứu Đông Dương kể từ 8-6- 1928 đã được đề cử làm Giám Đốc đầu tiên của Viện.

Như vậy, cho đến ngày thành hình chính thức (1929), Viện Bảo Tàng Sài Gòn đã có một thời gian khá dài gần 43 năm (1886-1929) để lượm lặt, thu thập, trân tàng biết bao nhiêu cổ vật quí báu. Đặc biệt đáng kể là công trình sưu tập của Hội Nghiên Cứu Cổ Học Đông Dương (*Société des Études Indochinnoises*), mua lại các bộ sưu tập cổ ngoạn tư nhân, giữ gìn các sưu tập do các tỉnh miền Nam gởi tặng, chăm sóc các thạch khí từ Viện

Bảo Tàng Albert Sarraut (Nam Vang) gởi xuống. Đáng kể nhất là bộ sưu tập cổ ngoạn Hoa- Việt của bác sĩ Holbé, sau khi qua đời năm 1927, được bán ra với giá 45.000 đồng; Hội Nghiên Cứu Đông Dương mở một cuộc lạc quyên rộng rãi trong công chúng để mua lại bộ sưu tập này và tặng hết cho Viện Bảo Tàng. Nhờ thế mà sau này đã hình thành được một Viện Bảo Tàng mỹ thuật, lịch sử, khảo cổ và dân tộc học khá lớn, giới thiệu được nhiều nét đặc sắc của nền văn hóa, mỹ thuật Đông Nam Á với các phòng mỹ thuật Phù Nam, Óc Eo, Việt Nam, Chiêm Thành, Khmer, Tiền Đế Thiên Đế Thích (PréAngkor), Thái Lan và nhiều nét mỹ thuật Trung Hoa, Tây Tạng, Nhật Bản. Sau năm 1954 Viện được đặt dưới sự quản lý của Bộ Quốc Gia Giáo Dục (chính phủ Việt Nam Cộng Hòa), được tăng bổ thêm rất nhiều cổ vật quí giá.

Cũng cần biết thêm là do sự gắn bó đặc biệt giữa Hội Nghiên Cứu Đông Dương và Viện Bảo Tàng Sài Gòn từ trong trứng nước, nên khi viện vừa thành lập thì trụ sở hoạt động của hội cũng được đặt ngay chính giữa lòng Viện với một thư viện rất đầy đủ, số sách khảo cứu về Viễn Đông nơi đây lên đến năm nghìn quyển cùng ba trăm loại tạp chí viết bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau.(2)

Thiết lập được một Viện Bảo Tàng qui mô như thế là đã xây dựng được một cơ sở rất lớn cho việc nghiên cứu, đi tìm những mặt chủ yếu của giá trị tinh thần, văn hóa, thẩm mỹ của dân tộc, lại hết sức hữu ích khi đặt nó giữa các nền văn hóa lân cận là phương thức cốt yếu để tìm hiểu và thấu đáo mọi lẽ. Viện Bảo Tàng Sài Gòn cũng góp công phần nào trong việc nâng cao trình độ thẩm mỹ của đại chúng, giúp cho mọi người thấy được cái đẹp, cái tinh túy của tiền nhân, của mấy ngàn năm lịch sử qua tiếng nói thầm lặng mà hùng hồn của những di vật để lại. Trong những ngày ngoại thuộc trước đây, khi vận mệnh xứ sở còn đặt trong bàn tay ngoại bang, đến thăm Viện Bảo Tàng Sài Gòn, chỉ cần nặng một chút ưu tư, thì bất kỳ người Việt nào cũng tìm thấy nơi đây một sức mạnh sâu xa tiềm tàng rất đáng tự hào, những di vật để lại là một sợi chỉ đỏ nối kết những điểm lớn trên chiều dài lịch sử, biểu lộ tính liên tục và độc đáo của đất nước. Và như thế, Viện Bảo Tàng Sài Gòn nguyên thủy được hình thành do nhu cầu của thực dân, muốn biểu lộ thể thống và sức mạnh của bọn cai trị, để chinh phục người bản xứ bằng lòng khâm phục, thì tự nó lại trở thành phần nào là vũ khí góp vào cuộc đấu tranh giải phóng xứ sở của những người mất nước, vừa kích thích lòng yêu tổ quốc, vừa học tập được một phương pháp nghiên cứu rất khoa học của thời đại.

Cũng vào thời kỳ này, ngay từ đầu thế kỷ, năm 1901, *Trường Mỹ Nghệ Thủ Dầu Một* được thành lập. Mục tiêu xa xôi là dựng chiêu bài "khai hoá",

tuyên truyền che giấu âm mưu xâm lược(3). Mục tiêu gần gũi, thiết thực là sản xuất, cung cấp tại chỗ cho bọn cầm quyền hàng tiêu dùng và trang trí nội thất có giá trị cao. Trước đây, sau khi đã chiếm đóng toàn bộ lãnh thổ nước ta, những vật dụng trang trí cho nhà cửa, dinh thự của Pháp như bàn, ghế, tủ, giường... tất cả mọi thứ đều chở qua từ Pháp hay từ những thành phố thuộc Pháp ở Ấn Độ. Đường sá xa xôi, vận chuyển như vậy thực hết sức tốn kém, đắt đỏ. Chúng ta còn nhớ khi Đô đốc Bonard trên đường đi qua nhậm chức Thống đốc Nam Kỳ (1861-1863), cũng đã ghé Tân Gia Ba, mua nguyên cả một sườn nhà gỗ để lắp ráp và dựng lại làn dinh của mình(4). Về sau này, khi tiếp xúc với nhiều người Việt, bọn thực dân mới thấy rằng việc chở vật dụng từ Pháp sang là vô ích, không hợp lý. Nghề thủ công của người Việt rất tinh xảo, nguyên liệu để chế ra đồ dùng không phải là thiếu, mà còn có thể nói là rất quí nữa là khác. Trong cuộc triển lãm mỹ thuật Việt Nam được tổ chức năm 1887 ở Hà Nội, toàn quyền Paul Bert đến khai mạc, những hàng mỹ nghệ trưng bày đã gây một sự chú ý và hấp dẫn hết sức đặc biệt, từ những hàng thảm dệt, thêu thùa, trang sức bằng đá quí và vàng bạc, những đồ dùng bằng thau và kim loại khác cho đến các thứ đồ gốm, sành sứ, đất nung, những thứ đồ mộc chạm trổ, sơn son thếp vàng, cẩn xà cừ, những đồ thờ, tượng thờ, hoành phi, liễn đối, những vật dụng bằng tre trúc, đồ ngà, đồi mồi và tranh dân gian. Những mặt hàng đó đã biểu lộ được cá tính của một dân tộc, qua một nền nghệ thuật đặc sắc(5). Vấn đề đó càng được xác lập nhiều hơn sau hàng chục cuộc điền dã nghệ thuật được tiến hành khắp nơi trên toàn cõi đất nước ta. Tại miền Nam, Pháp chọn Thủ Dầu Một làm nơi xây dựng một trường mỹ thuật ứng dụng là từ nền tảng đó. Một nguyên nhân khác nữa: Thủ Dầu Một là một nơi có tiếng tăm từ nhiều đời, ngay từ thời kỳ đầu của triều Nguyễn với nghề mộc và chạm trổ rất tinh vi, nghề làm sơn ta và khảm xà cừ rất tuyệt xảo. Trường bắt đầu mở thì đã có bốn mươi học viên ghi tên vào học tập, làm việc, trong số này có nhiều người đã là thợ giỏi từ trước. Chương trình gồm có bốn môn: Gỗ *(Ébénisterie)*, điêu khắc *(Sculpture)*, khảm xà cừ *(Incrustation)* và đúc đồng *(Fonderie de Bronze)* nhưng trên thực tế chỉ chú trọng đến đến chạm gỗ và sử dụng sơn ta (laque) để sơn thếp. Dưới sự chi phối của viên giám hiệu đầu tiên, các sản phẩm thực hiện được đều dựa vào tiêu chuẩn là vật dụng trang trí được bày tại Bảo tàng Khải Định và cung điện triều đình Huế. Năm 1923, viên giám hiệu mới được bổ nhiệm đến chú trọng nhiều hơn trong việc đào tạo các nghệ nhân và thợ cả, ngoài nghề mộc còn triển khai thêm về điêu khắc trên gỗ và làm sơn (laquage). Nhiều thứ gỗ quí sản sinh từ rừng Đông Nam Bộ được đưa vào đây như cẩm lai, trắc, gõ, huê mộc (bois

de rose), nu, giáng hương... để chế biến thành biết bao nhiêu đồ trang trí tuyệt đẹp.

Về ngành nghề sơn thì khỏi cần phải nói nhiều, là một nghề cổ truyền của nước ta từ xa xưa lắm, vào thế kỷ thứ XV, XVI đã đạt đến một trình độ điêu luyện, hết sức phong phú. Triều Nguyễn, được phát triển vào Nam Bộ, nơi phát triển mạnh nhất là Thủ Dầu Một (Sông Bé), chính nơi đây có thể coi là cái nôi của nghệ thuật *sơn ta*, sau này là *sơn mài* của phía Nam. Trước kia, các màu sơn then (màu đen), màu đỏ son, nâu cánh gián, thêm vào đấy là vàng và bạc là các màu chủ yếu thường ngày được sử dụng để nâng cao chất lượng mỹ thuật các đồ vật thường dùng trong nhà như bàn ghế, tủ chạm, tủ chè, sập gụ. Hoặc để góp phần nâng cao cái đẹp trang trí ở các nơi thờ phượng công cộng, sơn son thếp vàng hoặc làm đen bóng các kiệu thờ, cửa võng, bao lan ở chùa chiền, sơn phủ và tô vẽ các tượng tôn giáo hay cung đình. Trang trí ở chùa Tây Phương và cái đẹp kỳ lạ của sơn ta trên các tượng La Hán ở đây, với đóng góp của thời gian càng làm cho nó kỳ lạ hơn, là đôi nét điển hình của nghề sơn cổ Việt Nam. Khoảng năm 1930-1932, các họa sĩ trẻ của trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương có nhiều thử nghiệm mới về sơn ta, không chỉ sử dụng kỹ thuật đơn giản cổ truyền nữa, những Nguyễn Gia Trí, Trần Văn Cẩn, Hoàng Tích Chù, Nguyễn Tiến Chung, Nguyễn Khang, Phạm Hậu... đưa sơn ta vào hội họa, nâng một chất liệu quý trước đây chỉ dùng ngang mức mỹ nghệ, nay bay bổng lên, chiếm lĩnh được một vị trí đáng kể trong đời sống mỹ thuật, trong nước cũng như trên thế giới. Vài người gốc miền Nam tốt nghiệp từ trường Mỹ Thuật Hà Nội như họa sĩ Nguyễn Văn Long đã mang về phổ biến những kết quả mới này ở trường Mỹ Nghệ Thủ Dầu Một(6), cộng thêm vào đó là phương pháp làm sơn khắc (coromandel) có giảng dạy tại nhà trường, các học viên được trang bị cách nhìn và kỹ thuật mới làm cho ngành sơn mài mỗi ngày càng hoàn thiện, lý thú và hấp dẫn. Ngành sơn mài phát triển rộng, nhân dân thị xã Thủ Dầu Một và các vùng lân cận hầu hết chuyên sống bằng nghề sơn mài. Từ những hàng mỹ nghệ gia dụng nhỏ đã phát triển ngày càng lớn hơn, sản xuất được nhiều mặt hàng có giá trị kinh tế cao như tủ, bàn, sa-lông, bình phong, các loại tranh trang trí, gây được sự hấp dẫn lớn ở nhiều nơi, xuất khẩu qua các nước Tây Âu, Bắc Phi, Trung Đông, Mỹ... chiếm được nhiều huy chương vàng tại các hội chợ quốc tế. Thành công khá lớn của xưởng Mỹ Nghệ Thành Lễ trước đây là một chứng cứ điển hình, tuy nằm ngay tại trung tâm Sài Gòn nhưng thực chất vẫn là dặt căn cứ trên vùng Thủ Dầu Một, các mặt hàng hầu hết đều do nghệ sĩ sơn mài của trường Mỹ Nghệ Thủ Dầu Một đảm trách, hoặc nếu không thì cũng là những người thợ ít nhiều có liên hệ hay nằm trong ảnh hưởng của trường

này. Với đà phát triển đó, thế hệ những nghệ sĩ sơn mài mới, tài hoa, đam mê, năng nổ, đã đưa nghệ thuật sơn mài đến những vinh quang cao nhất của một phong cách nghệ thuật riêng, rất bí ẩn, kỳ diệu, sâu thẳm, tưởng là phi hiện thực nhưng lại hoàn toàn gần gũi với đời sống con người, phản ánh hiện thực với qui luật chắt lọc tinh túy riêng của nó.

Sau *Trường Mỹ Nghệ Thủ Dầu Một, Trường Mỹ Nghệ Biên Hòa* được thành lập năm 1907, khởi đầu có khoảng từ 40 đến 50 học viên, do ông Maspéro sáng lập với sự đề nghị gợi ý của họa sĩ Victor Lamorte(7). Cũng nằm trong bối cảnh và chiều hướng chính trị, kinh tế, xã hội như đã phân tích trên. Khi nhà cửa, cơ ngơi, dinh thự của thực dân Pháp đã được trang bị đầy đủ những đồ gỗ quý báu, tinh xảo, tuyệt đẹp, những mẫu hàng mô phỏng theo lối cổ điển Việt Nam hay ký kiểu Tây Phương do các nghệ nhân trường Mỹ Nghệ Thủ Dầu Một cung cấp, bọn thực dân còn muốn có thêm nhiều trân ngoạn bằng đồng và sành sứ để trang trí nội ốc thêm phần thanh lịch, sang trọng. Trường Mỹ Nghệ Biên Hòa, trong mục tiêu thực tiễn ấy, đã đáp ứng được đòi hỏi này đến mức độ cao nhất. Nhiều năm về sau, những sản phẩm của trường trình bày trong cuộc hội chợ triển lãm ở Sài Gòn năm 1942 là bằng chứng về sự tinh xảo hết sức kỳ lạ này, gây ngạc nhiên và lòng hâm mộ lớn đối với người thưởng ngoạn trong nước cũng như khách quốc tế. Đúng như chính người Pháp lúc bấy giờ phải công nhận: Tiếng tăm của trường Mỹ Nghệ Biên Hòa và tổ hợp tác những nghệ nhân xuất thân từ trường đã vượt xa ngoài biên giới bán đảo Đông Dương.

Đối với Âu Châu thì nghệ thuật sành sứ của Trung Hoa đã đạt đến mức tuyệt hảo, từ trong quá khứ xa xăm của lịch sử. Họ biết đến những ngoạn vật này từ thứ kỷ thứ XV. Và từ thế kỷ thứ XVI trở đi các bậc vua chúa, vương hầu, công tôn, quí tộc, phú gia cũng như các tao nhân, mặc khách đua nhau tàng trữ, mua sắm, sưu tập đồ sứ Trung Quốc, rất ham thích các loại sành nhuyễn mịn đầy vẻ huyền bí, đặc biệt là các sưu tập về sứ trắng men lam (blue de cobatt) và xanh biếc nước biển (céladon), quyến rũ, đẹp mắt, trông chẳng bao giờ biết chán. Từ đời Đường, Đỗ Phủ đã khen đồ sành men trắng là: da trắng như tuyết, tiếng gõ kêu trong như ngọc(8). Sứ đời Tống càng tinh xảo hơn và do thâm nhiễm bầu khí Lão Trang đương thời nên chế ra loại sứ độc sắc (monochrome), nhờ vào sức lửa và chất đất dùng mà đồ chế tạo ra cực kỳ lạ lùng. Vấn đề hỏa biến là cả một điều hết sức huyền bí, chỉ từ một ít đất, thêm vào đấy vài phân men, rồi đi qua lò nung, và sau đấy, đôi lúc, những kiệt tác xuất hiện không lường trước được. Lửa đối với đồ gốm có sức tác động của một thứ định mệnh, của thần thánh và ma quỷ không làm sao hiểu thấu được. Những nền da rạn (craquelé) trên các đồ sành xanh biếc màu ngọc (vert de jade), hay xanh lam (bleu indigo),

xanh như đuôi chim công (vert paon), xanh ánh trăng (clair de lune) hay xanh xa-phia (bleu saphir) mãi mãi sẽ là một bí ẩn như tứ thơ bộc phát trong thoáng chớp của thiên tài. Đến đời Mãn Thanh, chính vua Khang Hi (1662-1722) và Càn Long (1736-1795) tự chăm sóc, nghiên cứu và vẽ kiểu cho thợ thực hiện nên đồ sành sứ đã được đẩy đến mức phát triển cao nhất.

Do cảm thức và quan niệm như thế của người Pháp về đồ sành sứ, trường Mỹ Nghệ Biên Hòa không dạy thêm được gì mới cho các học viên. Trong suốt bao nhiêu năm, sản phẩm của trường như độc bình, chén bát đủ cỡ với nhiều hình dạng khác nhau, tượng thờ, tượng trang trí nhỏ, nghiên mực, ống đựng bút, đôn sứ, chậu hoa, nhiều đồ vật gia dụng... thực sự chỉ là những bản rập của Trung Hoa. Về kỹ thuật thì hoàn toàn theo phương pháp cũ, từ cách sử dụng men, nhào nặn đất, đến lối xoay nặn, nung hầm, đặc biệt lặp lại kỹ thuật của lò Cảnh Đức Trấn thuộc tỉnh Giang Tây, lừng lẫy từ thời nhà Tống vì nơi đây vua Tống Chân Tông đã ra lệnh lập lò sứ ngự chế. Tuy nhiên, nói tóm lại, về đồ sứ, đồ gốm cũng như đồ đồng do trường Mỹ Nghệ Biên Hòa thực hiện, cũng có nhiều thay đổi về mặt tạo hình, chính là do những nỗ lực suy nghĩ và trí tuệ riêng tư của các nghệ nhân đóng góp, là những sự đổi mới hình thể và nét vẽ qua cách nhìn mới của nghệ sĩ và thời đại. Ông Vương Hồng Sển, một nhà sưu tập cổ ngoạn uyên bác và tài hoa, suốt cả cuộc đời đã hiến mình cho cuộc chơi này, từ năm 1971 đã phát biểu: “Hiện nay trong xứ có một trường dạy nghề làm đồ gốm ở Biên Hòa, và kể luôn ở Đà Lạt, ở Bình Dương và ở Lái Thiêu, Thị Nghè và Biên Hòa, có trên bốn chục lò sản xuất đồ gốm, đồ sành, có lò Thành Lễ (Bình Dương) từng gởi đồ chế tạo ra bán ngoại quốc, nhưng nói về phẩm, thì đồ gốm, đồ sành ngày nay còn thua đồ thời Pháp thuộc của trường Mỹ Nghệ Biên Hòa do Tây điều khiển, không biết vì trường khó mà nghề hay, hay là vì xưa kia vật liệu dồi dào, thợ thầy cố gắng, còn nay vì chiến tranh, không đủ vật liệu, thêm trả công thợ ít..."(9). Lời đánh giá của ông Vương, trong chừng mực nào đó, có lẽ là khách quan và công bình, chúng ta có thể tạm chấp nhận như một kết luận về trường Mỹ Nghệ Biên Hòa trước đây.

Trường Mỹ Thuật Trang Trí Gia Định được thành lập năm 1913, đầu tiên được gọi là *Trường Nghệ Thuật Bản Xứ Gia Định* (Ecole D'Arts Indigènes De Gia Định). Qua nhiều lần tranh cãi, tên trường được thay đổi lần kế tiếp là *Trường Hình Họa Chạm Khắc Và Đồ Họa* (École Dessins Et De Gravures), sau đó được đổi là *Trường Nghệ Thuật Thực Hành* (École D'Arts Appliqués), cuối cùng thì gọi là *Trường Nghệ Thuật Trang Trí Và Đồ Họa Gia Định* (École D'Arts Décoratifs Et De Gravures De Gia Định). Tên trường phải thay đổi đến mấy lần như thế cũng phản ảnh được phần

nào nội dung và ý đồ của Pháp về trường này. Với một thành phố thuộc địa đang phát triển mạnh về nhiều mặt như Sài Gòn lúc bấy giờ, bọn cai trị rất cần chuyên viên bản xứ về hình họa, trang trí, nắm vững kỹ thuật đồ họa, đáp ứng cho nhu cầu xây dựng kỹ nghệ, công chánh. Vậy nên, đây không phải là một trường mỹ thuật mà chỉ là một trường nghệ thuật thực hành, một loại trường trang trí trung cấp, đào tạo sự hiểu biết chắc chắn nhưng chỉ vừa đủ, cả thực hành lẫn lý thuyết. Tất nhiên về chương trình học tập thì trình độ của trường Gia Định cao hơn trường Mỹ Nghệ Biên Hòa nhiều, như đã được xác định: *Trường Nghệ Thuật Trang Trí Và Đồ Họa Gia Định* được thành lập cốt để hoàn tất chương trình dạy nghề của *Trường Mỹ Nghệ Biên Hòa* được thành lập hơn mười năm trước(10).

Sài Gòn là một vú sữa của đế quốc, đầu mối của vựa thóc Nam Bộ, cần phải triển khai nhanh thành một trung tâm công nghiệp, giao dịch quốc tế, nơi tàu bè vào ra tấp nập hàng ngày. Trong tình hình như thế, việc thiết lập một trường trang trí và đồ họa là tất yếu. Bọn quan cai trị Pháp như L'Helgouach và Ganier cùng với nghị sĩ Outrey đã hối hả tổ chức để trường hình thành. Giám đốc đầu tiên của trường là kiến trúc sư André Joyeux.

Hồi mới thành lập, trường chỉ có 15 học sinh theo học, đến năm 1942-1943, số học sinh đã lên đến khoảng 150 đến 160 người. Những học viên ra trường trở thành thầy dạy vẽ trong các trường tiểu học hoặc là nhân viên thực hiện công tác hình họa, chạm khắc, đồ họa, li-tô trong các công sở, xí nghiệp.

Ông André Joyeux điều khiển trường từ năm 1913 đến năm 1926. Người kế tiếp là ông Huỳnh Đình Tựu, có lẽ là người Việt Nam thứ hai được đào tạo về hội họa ở Pháp, sau ông Lê Văn Miến là người đầu tiên theo học Trường Mỹ Thuật Quốc Gia Paris đã trở về nước vào năm 1895, dưới thời vua Đồng Khánh. Ông Tựu lúc ở Lyon trở về, có vẽ một số chân dung bán thân và tranh phong cảnh(11), tiếc là đều thất lạc cả, chẳng còn vết tích gì về những tấm tranh này. Vừa vẽ, vừa dạy về sơn dầu, và làm phụ tá cho ông André Joyeux trong nhiều năm, đến năm 1926, được đề cử làm giám hiệu để điều khiển trường. Ông Tựu chỉ giữ chức vụ này trong vòng một năm (1926-1927). Sau đó tiếp nhau là: Georges Besson (1927-1937), Claude Lemaire (1937-1942), Stéphane Brecq (1942-1944), giám viện người Pháp sau cùng là ông Bâte (1944-1948). Sau năm 1948, trường Trang Trí Gia Định được giao cho các họa sĩ Việt Nam tốt nghiệp Trường Mỹ Thuật Hà Nội và Gia Định thay nhau quản lý: Lưu Đình Khải, Đỗ Đình Hiệp, Trương Văn Ý(12).

Trong ý đồ của Pháp, trường Nghệ Thuật Trang Trí Gia Định chỉ là một công cụ phục vụ nhu cầu của đế quốc đến chừng mực chúng đòi hỏi,

nhưng nương vào ý đồ đó, người Việt Nam tiếp thu nhanh phương pháp khoa học mới, bổ sung bằng thiên tư, trí tuệ riêng cũng như lòng ham học hỏi, đã phát triển kiến thức nhận được đến chỗ đầy bất ngờ. Ở phòng triển lãm năm 1942-1943, những tác phẩm của trường trưng bày là bằng chứng cho thấy rằng kết quả và tiến bộ đạt được quả là rất tốt, ngoài cả sự mong mỏi của mọi người. Những tác phẩm in thạch bản, chạm khắc trên gỗ, trên đồng, những bản in bằng cường toan, những hình chạm khắc bằng dao, tranh sơn dầu, tranh lụa, sơn mài, đá khảm, những công trình thiết kế... tất cả đã để lộ ra rất nhiều hy vọng và hứa hẹn về một nền nghệ thuật mới, gắn bó nhiều với xã hội công nghiệp về sau.

HUỲNH HỮU ỦY

(1) *Sau năm 1975, rất đáng tiếc là các người quản lý mới của Viện Bảo Tàng đã hủy phá hai câu liễn này, cùng lúc di chuyển hai pho tượng ở bên dưới đến một vị trí nào khác chúng tôi chưa được biết. Ở bên trong nhà Bảo Tàng thì bị xáo trộn rất nhiều, không biết các bảo vật trước đây còn được giữ gìn được bao nhiêu.*

(2)- Chỉ Nam Về Viện Bảo Tàng Quốc Gia Việt Nam Tại Sài Gòn. *Thái Văn Kiểm và Trương Bá Phát. Tủ sách khảo cứu Bộ Văn Hóa Giáo Dục Và Thanh Niên. Sài Gòn 1974.*

- Thăm Viếng Viện Bảo Tàng Quốc Gia. *Trương Bá Phát. Văn Hóa Tập San số 3- 1970.*

- Lịch Sử Những Vị Phật Gỗ Trong Viện Bảo Tàng Quốc Gia Việt Nam. *Trương Bá Phát. Văn Hóa Tập San số 1-1971*

- Le Musée Blanchard De La Brosse. *Revue Éducation. No 17, 31 Décembre 1949.*

(3)*Đề nghị xem thêm* Chủ Nghĩa Thực Dân Pháp Ở Việt Nam: Thực Chất Và Huyền Thoại *Nguyễn Văn Trung. Nam Sơn xuất bản. Sài Gòn 1963.*

(4)*Xem thêm Nguyễn Phi Hoanh,* Lược Sử Mỹ Thuật Việt Nam *chương* Thời Pháp Thuộc. *Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội. Hà Nội 1970.*

(5)*Xem thêm Marcel Bernanose,* Les Arts Décoratifs Au Tonkin. *Paris 1922.*

(6)*Theo Nguyễn Phi Hoanh.* Kiến Trúc Và Nghệ Thuật Tạo Hình *Sài Gòn. Gia Định. Thành Phố Hồ Chí Minh (Bản thảo)*

(7)*Theo lời giới thiệu trong kỷ yếu về hội chợ triển lãm Sài Gòn (Foire - Exposition de Saigon 1942 - Imp. Aspar, Saigon).*

(8)*Vương Hồng Sển.* Khảo Về Đồ Sứ Trung Hoa, *trang 7. Tác giả xuất bản. Sài Gòn 1971.*

(9)*Vương Hồng Sển, sdd, trang 87-88. Nhận định này không đề cập đến các xưởng gốm và sành sứ tại miền Bắc, có lẽ vì bấy giờ (1971) đất nước chưa thống nhất, tác giả không có tài liệu cũng như chưa nắm vững về sinh hoạt này trên miền Bắc.*

(10)*Kỷ yếu hội chợ triển lãm Sài Gòn 1942-1943, trang 40.*

(11)*Theo Nguyễn Phi Hoanh.* Mỹ Thuật Việt Nam. *Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh, 1984, trang 198.*

(12)*Theo Huỳnh Minh.* Gia Định Xưa Và Nay. "Vài Nét Về Trường Trang Trí Mỹ Thuật" *trang 379-381.*

CHÚC MỪNG

Đám Cưới
Phan Mỹ Sương
Bùi Bảo Trúc

sẽ được cử hành tại Santa Ana, California
ngày 29-5-1992

Trân trọng chia vui và
chúc anh chị trăm năm hạnh phúc.

Ban Chủ Trương Tạp Chí HỢP LƯU



DƯƠNG TƯỜNG

tình khúc 24

24 phím cầm chiều
24 nhành sương mím
24 tiếng ve sầu đại lộ tháng Tư

Gửi lại em
cầu thang 24 bậc
tờ thư 24 gác mưa
làn menuet 24 âm xưa
Gửi lại em
mùi hoa sữa 24 miền hoài niệm
ga khuya 24 lần đưa đón
bài huê tình 24 lối sân sau
Gửi lại em
doi sông 24 nhịp cầu
tình khúc bãi ngô 24
sương dăng 24 nẻo đi về

Nhâm Thân 24 hàng đèn
mênh mênh 24 ngã tư mắt
Gửi lại em
chiêm bao 24 chợt hiện tan
cung đàn 24 lần đứt nối
vũng im đêm 24 mạy sao chìm

Gửi lại em
24 phố dài thơm

24 xêrênađ
24 vibratô
24 khung trời tím
24 lối công viên
24 vầng trăng góa
Gửi lại em
gửi lại em tất cả
kể cả con âm đầu trót thụ mầm thơ
Riêng đêm em xòa bóng nốt ruồi
24 quầng
anh giữ
DƯƠNG TƯỜNG
(Trong nước)



LÊ ĐẠT

những cái hôn

Những cái hôn gửi đi
Nối đỏ chiều hoang di thực
Bến đục sương lau còi tàu

Những cái hôn gửi đi
Trun trút gió sang sông
Sếu gọi đò ngang nước đổ
Dải yếm đào gãy cầu

Những cái hôn gửi đi
Biền biệt phù sa
Đất hẹn má mùa nắng lạ
Vườn đồi ai nhặt lá ô môi
LÊ ĐẠT
(Trong nước)



THỤY KHUÊ *thực hiện*

võ đình: tâm, thân, văn và vẽ



Mỗi một mùa hè, Paris lại có dịp tiếp đón các văn nghệ sĩ từ bốn phương ghé lại. Hôm nay (1), Paris gặp Võ Đình, người bạn cũ đã quen từ gần nửa thế kỷ.

Họa sĩ kiêm nhà văn Võ Đình sinh năm 1933 tại Huế. Sang Pháp năm 1951, học văn chương tại Sorbonne, hội họa ở La Grande Chaumière và trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Paris; sang Mỹ năm 1960, hiện sống tại một làng nhỏ miền núi thuộc Maryland. Triển lãm cá nhân đầu tiên ở New York năm 1961. Từ đó họa phẩm của ông đã được trưng bày trong nhiều cuộc triển lãm khắp nơi trên thế giới. Đoạt giải Christopher Award năm 1975 tại New York. Song song với nghệ thuật hội họa, nhà văn Võ Đình cộng tác thường xuyên với các báo Mỹ, Việt.

Võ Đình viết đủ mọi thể loại: từ tùy bút, truyện ngắn sang phê bình và nhận định văn học, phê bình và nhận định hội họa... Trong thể loại nào, văn ông cũng có tính chất tùy bút...

*

Về hội họa, Võ Đình quan niệm là ngôn ngữ của tâm thân. *Hội họa không những là ngôn ngữ của* Tâm, *hội họa còn là ngôn ngữ của* Thân *nữa.* Tâm *ở đây không phải chỉ là lòng dạ, là cảm xúc, là ưu tư.* Tâm *ở đây còn có nghĩa là ý tưởng, ý niệm, ý chí, ý thức.* Thân *là thể xác, thân thể, thân hình... với tất cả những tế bào, những hệ thần kinh...(2)*

Cézanne phát triển quan niệm thể *(forme, đừng nhầm với forme là hình thức) và* khối *để biểu hiện phần không gian, hiện diện trong hội họa mà vắng mặt trong các ngành nghệ thuật khác.*

Từ Cézanne, Võ Đình nhấn mạnh hơn về thể *(forme) mà ông gọi là* hình tượng *trong hội họa.* Hình tượng *vừa cho ta ý niệm không gian, vừa cho ta ý niệm hiện hữu. Võ Đình đi xa hơn nữa:* Hình tượng chỉ có thể biểu hiện trong không gian, như một biến thể của thân xác người nghệ sĩ. (3)

Nói cách khác, đối với Võ Đình: Hình tượng *là một thể trọn vẹn của hội họa, thể hiện cả* Tâm *lẫn* Thân.

Về văn chương, Võ Đình băn khoăn rồi đánh dấu hỏi: "Có lẽ với con người Việt Nam hiện đại (Việt Nam hải ngoại) đẳng độ của năng lực sáng tạo hãy còn đứng lại ở tình tự quê hương trong một *môi trường quê hương* chăng? Nếu quả thật như vậy thì trong bao lâu nữa chúng ta mới bước vào giai đoạn ở đó *tình tự quê hương* sẽ hóa thân để biến thành một chất liệu sáng tác siêu quốc gia? [...] Nghệ thuật giúp người nghệ sĩ nhận định rõ vị trí, phương hướng của mình, nhưng ở một mức nào đó, khi chưa có một sự thăng hoa và hóa thân xứng đáng, nghệ thuật cũng có thể nhận chìm người nghệ sĩ trong ao tù của quá khứ và tiếc nuối". (4)

*

Hai quan niệm hội họa và văn chương trên đây thường đi đôi trong tác phẩm của Võ Đình.

Từ những bức hậu ấn tượng giảm thiểu quang *mang dấu vết trường phái Paris, những năm 50, 60 (Tranh Võ Đình vào thời kỳ này giao thoa giữa ấn tượng và trừu tượng: gân guốc, "tối" và "nổi" hơn tranh ấn tượng vốn dĩ có "truyền thống" để nhật quang tràn ngập môi trường, làm "mất" không gian - mà sự thể hiện của không gian lại là mục đích chủ yếu của hội họa); đến những bức trừu tượng mang màu sắc* "chiến tranh và hòa bình" *những năm 70 (xin tạm gọi như thế vì một số tranh vẽ khoảng thập niên 70 có hiện thực chiến tranh ẩn trong khát vọng hòa bình). Hoặc sau này và gần đây, trong* hội họa Võ Đình không còn trường phái, *bao giờ cũng có những tìm tòi, khám phá: họa sĩ luôn luôn tra vấn mình và tra vấn nghệ thuật.*

Ở ông bây giờ, quê hương đã tan loãng trong hình hài thể xác con người, nhập vào cây cọ, vào ngòi bút. Cọ và bút, dù tẩm hương sen, hương quế, hương trà, mà vẫn ngát mùi tục lụy. Bút lông dù dầm trong nghệ thuật phối sắc: nồng, ấm, đằm, say, hay trong không gian ba chiều của Tây Phương mà vẫn có gì đạm bạc, chay tịnh, nhớ nhung, phôi pha, bàng bạc như đã nhuốm màu thiền vị Đông Phương trong một không gian hai chiều nào đó.

Đọc Võ Đình và xem tranh Võ Đình không khác nhau.

Tập tiểu luận "Sao Có Tiếng Sóng" *do văn Nghệ xuất bản 1991, gói ghém những suy nghĩ sâu xa của Võ Đình về hội họa và văn chương, về những người làm hội họa và văn chương.*

Tập truyện ngắn "Xứ Sấm Sét" *của Võ Đình viết sau 1975, cũng do Văn Nghệ xuất bản, là giao điểm của ba vùng nghệ thuật: thơ, văn và họa. Người thưởng ngoạn bắt gặp lại những cái nhìn soi buốt vào cuộc đời, vào quá vãng, vào con người, trong một nội tâm cuồn cuộn chảy, liên tục. Gói tròn quê hương, nhục cảm, dĩ vãng, Huế, tàn cây bách hương, hay một buổi chiều mù sương bên bờ đại dương Mỹ quốc... Tất cả cuộn lại với nhau như một* chiếc vòng *be bờ bên vũng nước đọng, vừa kín, vừa loãng, vừa siết sa vừa chan chứa, lồng ấp tình thương: thương thân, thương sinh vật và tĩnh vật, thương quê hương đất nước và thương người.*

*

Thưa anh Võ Đình, trong các tác phẩm văn chương của anh có rất nhiều hội họa, và ngược lại trong hội họa của anh cũng có rất nhiều chất thơ. Theo anh, phần quan trọng hơn cả trong một sáng tác là hình ảnh, là chữ nghĩa hay là tư tưởng?

Có lẽ bạn đọc nhận xét như vậy vì nghề tay phải của tôi là hội họa. Người xưa nói "thi trung hữu họa", trong trường hợp Vương Duy chẳng hạn. Ngày nay trong hội họa hiện đại Việt Nam, *chất thơ* rành rành ra đó, cho nên chúng ta cũng có thể nhai lại người xưa mà nói rằng "họa trung hữu thi". Sự thật, theo thiển ý, ở thời đại chúng ta, cuối thế kỷ thứ XX này, văn chương và nghệ thuật có những qui luật, những nguyên tắc, những chất liệu hoàn toàn khác biệt. Vì vậy tôi xin trả lại văn chương cho chữ nghĩa - chữ nghĩa chứ không phải hình ảnh hay tư tưởng - Riêng phần tôi, hội họa cốt tủy ở hình tượng (forme), chất thơ, nếu có, chỉ là hương hoa, phấn son. Trong hội họa nói riêng, nghệ thuật tạo hình nói chung, hình tượng chứ không phải hình ảnh, là ngôn ngữ.

Bút pháp và tư tưởng tuy hai mà một.

Văn chuyên ở ý, thơ cốt ở lời đúng ở điểm nào và sai ở điểm nào, theo ý anh?

Thưa chị, tôi không nghĩ rằng ở đây có vấn đề đúng hay sai. Câu chị vừa dẫn đã có từ lâu rồi, từ ngày xưa trong văn chương, nhất là văn chương biền ngẫu, cốt dụng chữ nghĩa để đối đáp bay bướm, cho nên mới có ý niệm về sự cần thiết làm giản dị câu văn và coi "cái chữ" là nhẹ. Ý tôi muốn nói, là nhẹ kiểu bay bướm như "giọt lệ năm canh"... Ấy, cái khuôn sáo đó mới là

không quan trọng, chứ thật ra trong văn, "chữ" quan trọng lắm!

Anh chi li trong việc chọn chữ. Có phải anh chọn chữ như anh chọn màu?

Thật ra tôi không chọn chữ cũng không chọn màu. Tôi chọn sự liên hệ giữa chữ với nhau, và màu với nhau. Sự tương quan (*relation*) mới quan trọng, chứ không phải chữ hay màu. Trong tranh của tôi chẳng hạn, thời gian gần đây, tôi bỏ rất nhiều màu, chỉ dùng phần lớn đen trắng. Màu, cốt dùng như một gợi ý mà thôi. Cũng vậy khi tôi viết, chính cảm xúc chọn chữ, chứ tôi không cố tình chọn nó.

Anh không chọn chữ, nhưng dường như độc giả có cảm tưởng rằng trước khi mỗi chữ, mỗi màu xuất hiện ở trong tác phẩm của anh, thì nó đã sống trong anh một thời gian rất dài?

Vâng, tôi nghĩ "chữ" chỉ đến lúc mình viết mà thôi, và màu sắc cũng đến trước lúc mình vẽ. Tức là màu và chữ *đến trước* hành động viết và vẽ. Đây là vấn đề tâm thức. Chính tâm thức tạo nên màu và chữ. Tâm thức sống trong mình, nó khuấy động, nó tạo nên những cái đó.

Nó thúc đẩy ra "cái chữ" hay "cái màu".

Vâng.

Có người cho rằng, sáng tác trước hết thuộc về cảm hứng, kỹ thuật đến sau. Anh nghĩ sao về cảm hứng? Anh đặt kỹ thuật trên cảm hứng, hay ngược lại cảm hứng lên trên kỹ thuật?

Từ lâu tôi vẫn tin rằng chính cảm hứng tạo nên kỹ thuật. Chứ không phải có kỹ thuật rồi mới có cảm hứng, lại dùng kỹ thuật đó để mà diễn tả cảm hứng đó.

Một người đã đi xa đất nước gần nửa thế kỷ như anh, mà biết rõ về Huế, hơn một số người mới đi sau này. Vì sao?

Nói rằng tôi biết rõ Huế, thì thưa chị, cũng không phải lắm. Chỉ nói được rằng cái biết của tôi, về Huế, thuộc về một thế giới khác. Vì tôi sinh trưởng ở Huế và chỉ biết có Huế. Cho nên cái biết của tôi nó cô đọng, nó thiết tha mà có thể nếu bao nhiêu năm nay tôi sống tại quê hương, sẽ không thể có được. Nói như thế không có nghĩa chỉ vì sinh trưởng ở Huế, biết có Huế mà tôi yêu Huế hơn người khác hay yêu *quê hương* hơn người khác. Chỉ giản dị thế này: Huế, với tôi đã trở thành quê hương, nói chung. Thành ra, tất cả quê hương gom lại ở Huế. Cụ thể hơn nữa, có thể gom lại một khu

xómcủa Huế, chứ không hẳn cả thành phố Huế.

Huế không phải là một thành phố như nhiều thành phố khác. Nhưng đối với anh, thì Huế là gì?

Huế? Huế là Việt Nam. Huế là một ngọn cỏ, một hạt sỏi ở Huế. Huế, đối với tôi không phải là đền đài, miếu mạo. Huế đối với tôi không phải là sông Hương, núi Ngự. Huế đối với tôi là Việt Nam, lớn hơn nhiều.

Và những người bạn ở Huế, của anh ngày xưa và bây giờ nữa chứ?

Vâng, tôi đi xa cũng lâu. Nhớ năm 1974 tôi có về nước, về Huế, và gặp một người bạn, một mà thôi, anh Trần Như Nguyên dạy ở Đại học Huế... Không biết bây giờ anh ấy ở đâu rồi! Còn sau thời gian 74, những người gặp mà bây giờ không còn ở Huế thì tôi không biết. Hình như Trịnh Công Sơn ở Sài Gòn chứ không phải Huế.

Vâng, Trịnh Công Sơn thì ở Sài Gòn... Thưa anh, xin anh cho biết thêm vài điều thuộc lãnh vực lúc nãy anh gọi là "nghề tay phải" của anh...

Vâng.

Nhiều người hồi nhỏ có khiếu về vẽ, lớn lên đi học hội họa. Tại sao anh học mỹ thuật?

Thật ra tôi không biết "khiếu vẽ" là cái gì. Chỉ biết, hồi nhỏ tôi thích hễ có giấy, có bút là tôi vẽ. Nhiều khi không có giấy, có bút, tôi lấy que quẹt xuống đất, tôi vẽ. Tôi vẽ... Vẽ quá nhiều, thầy mẹ tôi mắng, bảo phí giấy bút đi! Về sau, đến lúc gần tuổi hai mươi, tôi sang Pháp du học, theo lệnh của thầy mẹ là học y khoa chứ không phải học vẽ. Nhưng mà tôi lang bang tìm con đường của tôi. Tôi học một ít về văn chương, rồi luật, sau cùng đến năm 1957 thì quyết định bỏ tất cả và đi theo con đường hội họa.

Khi đi học ở Paris, anh thâu lượm được những gì? Đối với quãng đời sau này của anh, khoảng thời gian đó có lợi ra sao và có hại ra sao?

Những gì tôi sắp nói, có thể bị hiểu lầm như là một sự vô ơn đối với các bậc tiền bối của tôi ở trường Mỹ Thuật Paris ngày xưa... Thật sự, tôi chẳng học được gì ở trường Mỹ Thuật cả! Sau mấy chục năm, bây giờ nghĩ lại, tôi thấy rõ lối giáo dục Mỹ Thuật cổ điển và qui ước đó sai lầm vô cùng. Nó không tạo nên những họa sĩ, nó chỉ tạo nên những giáo sư hội họa hay những anh thợ vẽ. Thành ra, điều chính mà tôi học được là xem tranh của các bậc thầy, ở các viện bảo tàng và đọc sách thêm, chứ không phải ở

trường Mỹ Thuật.

Sau khi đi học, anh đã có một hành trình dài, anh đã có những va chạm đôi khi xung đột với đời và với nghệ thuật. Xin anh kể lại kinh nghiệm của một cuộc đời. Nói khác đi, những khó khăn và những tìm tòi, lăn lộn trên bốn mươi năm hội họa.

Đó là một câu chuyện rất dài, một câu chuyện bất tận. Câu chuyện hiện giờ cũng vẫn chưa kết liễu, chưa xong. Tôi chỉ xin nêu hai điểm. Thứ nhất: vị trí của người họa sĩ trong xã hội. Ngày xưa, họa sĩ thường làm một thứ công cụ cho tôn giáo hoặc vua chúa, hay bắt đầu từ thế kỷ thứ 19 trở đi, từ cuộc cách mạng kỹ nghệ, thì cung cấp hình ảnh sắc đẹp cho giới tư bản mới thành hình. Nghĩa là người họa sĩ vẫn luôn luôn đóng cái vai trò của những thứ vui chơi trà dư tửu hậu, chứ tôi chưa, thật tình là chưa thấy, ở Tây Phương vị trí của người họa sĩ, như vị trí của những nhà trí thức, nhà thơ, nhà văn ở những thời đại hoàng kim của Trung Quốc chẳng hạn. Điểm thứ hai, tôi cho là quan trọng hơn: vị trí của người họa sĩ Việt Nam trong những xã hội Tây Phương - tôi nhấn mạnh chữ *những* vì tôi từng sống ở Pháp , ở Âu Châu và ở Mỹ Châu. Đó là những xã hội tân tiến, kỹ nghệ hóa tối đa. Trong những xã hội tiêu thụ ấy, thế đứng của người họa sĩ càng chênh vênh bơ vơ hơn nữa, vì dù hội họa vẫn là tiếng nói mang hình ảnh màu sắc, nhưng luôn luôn phải lệ thuộc vào thị trường và thị hiếu của quần chúng. Từ hoặc cổ điển, hoặc tiền phong, hoặc ấn tượng họa đến bây giờ, không có thời nào hội họa có thể hoàn toàn thoát khỏi vòng kiềm tỏa gò bó của nhu cầu quần chúng, thị chúng được. Riêng về phần cá nhân tôi, là một họa sĩ Việt Nam, thì sự lạc lõng, bơ vơ càng tăng thêm gấp bội. Nói như thế không có nghĩa, do hoàn cảnh gay gắt đó, một họa sĩ Việt Nam sẽ không đủ kiên trì để đi theo con đường của mình. Con đường đó tôi thiết nghĩ không gì khác hơn là tìm tòi cho được cái ngôn ngữ biểu hiện thành hình ảnh và màu sắc, để có thể diễn tả được những tình tự, những trạng thái tâm linh của người Việt Nam qua không gian và thời gian. Qua không gian là tại hiện nay chúng ta có hiện tượng: "quốc nội, quốc ngoại". Qua thời gian vì từ xưa đến nay, hội họa Việt Nam thật ra chưa thành hình theo đúng nghĩa của nó. Hiện tại bổn phận của người cầm cọ Việt Nam, cầm bút vẽ Việt Nam là tạo nên một nền hội họa Việt Nam.

Bây giờ cuộc đời đã xế bóng, anh chiêm nghiệm và gặt hái được những gì trên hai phương diện nghề nghiệp và tâm linh?

Tôi rất lấy làm lúng túng khi nói đến nghề nghiệp của một họa sĩ. Bởi vì khó có thể tưởng tượng một nghề nghiệp nào khó định nghĩa, khó đặt vị trí

cho bằng cái nghề của một họa sĩ sáng tác. Tôi nhấn mạnh ở hai chữ *sáng tác*, *một họa sĩ sáng tác* chứ không phải một họa sĩ trang trí hay một họa sĩ trình bày. Hai cái này rất là khác nhau. Riêng về cá nhân tôi, cũng có một số triển lãm cá nhân, hơn bốn mươi triển lãm cá nhân, tức *Exposition particulière*, tiếng Anh gọi là *one-man exhibition,* và nhiều triển lãm tập thể ở nhiều nơi, đến nỗi tôi không còn nhớ bao nhiêu cái nữa. Nhưng mà điều đó, đối với một họa sĩ, không phải là chặng đường, những bước tiến ghi nhận một cách máy móc và chắc nịch, như trong các nghề nghiệp khác. Người ta có thể có một hay hai, ba cái triển lãm mà có thể làm giàu ngay lập tức. Nhưng người ta cũng có thể có hàng chục cái triển lãm mà vẫn vất vả như thường. Thành ra đứng về mặt nghề nghiệp, tôi xin nói với tất cả sự giản dị: là không có gì đáng nói cả. Riêng về mặt tâm linh, tôi rất vui mừng, tôi rất lấy làm bằng lòng rằng hội họa đã đem lại cho tôi, một người Việt Nam, một nghệ sĩ Việt Nam, những kích thước rung cảm, nghĩa là một *dimension*: một không gian rộng lớn của sự rung cảm. Rung cảm đó không phải là rung cảm của thơ văn hay nhạc, mà là rung cảm của hội họa. Tôi nghĩ, trong bao nhiêu năm qua, hội họa mang lại cho tôi kích thước đó. Và điều đó không hẳn là sự thành công của cá nhân tôi. Vì điều đó thật tình không đáng kể. Nhưng cái đó chính là sự thành công của những người đã đi trước, của những bậc tiền bối, của những đại danh họa Pháp, hay Hòa lan, hay Mỹ quốc. Đó là cái tôi đã thu lượm được, để tới ngày nay, tôi có thể đặt bên cạnh những rung cảm mà tôi đã có từ những năm mười mấy tuổi về văn và về thơ.

Xin cảm ơn anh Võ Đình.

THỤY KHUÊ *thực hiện*

(1) Hai buổi nói chuyện với họa sĩ và nhà văn Võ Đình được ghi âm trực tiếp và truyền thanh trên đài RFI những ngày 14 và 21 tháng 7, 1991, nhân dịp anh ghé thăm Paris.

(2), (3) và (4) Trích *Sao Có Tiếng Sóng* trang 131, 132, 134 và 19.



ANTÓNIO RAMOS ROSA

***

Tôi không thể đình hoãn tình yêu qua một thế kỷ khác
tôi không thể
dầu cho tiếng kêu có tắc nghẹn trong cổ họng tôi
dầu cho căm thù có bùng ra nổ lốp đốp bốc cháy
dưới những ngọn núi xám
và những ngọn núi xám

Tôi không thể đình hoãn cái vòng ôm siết này
cái vòng ôm cũng là một vũ khí có hai lưỡi
tình yêu và oán thù

Tôi không thể đình hoãn gì hết
dầu cho đêm tối có đè nặng hằng thế kỷ trên vai tôi
và hừng đông mơ hồ có chậm tới
tôi không thể đình hoãn đời tôi qua một thế kỷ khác
hoặc đình hoãn tình tôi
hay tiếng kêu giải thoát

Không, tôi không thể đình hoãn trái tim

ANTÓNIO RAMOS ROSA
DIỄM CHÂU dịch

*Nhà thơ Bồ-đào-nha hiện đại, Giải Pessoa 1988 của Lisbon.



VƯƠNG NHƯ *thực hiện*

nghệ thuật không biên giới



LTS.:*Vào trung tuần tháng ba 1992, một cuộc triển lãm đồ họa (Graphic) của các họa sĩ Việt Nam được tổ chức tại trường Đại học Emmanuel, Boston, dưới một tên chung: EXCHANGED IMPRESSIONS, gồm khoảng 100 bức tranh, đa số là khắc gỗ.*

Cuộc triển lãm được bảo trợ bởi Indochina Arts Project (IAP), một tổ chức tư nhân của Hoa Kỳ. Đây là một tổ chức đang có nhiều quan tâm đến việc phát triển văn hóa Việt Nam (không phân biệt trong hay ngoài nước), nhằm giới thiệu những thành tựu của nghệ thuật tạo hình Việt Nam đến giới thưởng ngoạn Hoa Kỳ, và sẽ được luân lưu tại một số Gallery hoặc các trường Đại học trong vòng từ hai đến ba năm.

Nhân dịp này, ông C. David Thomas, giám đốc IAP, giới thiệu sơ lược hoạt động của hội, đồng thời cho biết, thay mặt hội, ông có mời một số họa sĩ đại diện từ Việt Nam sang tham dự buổi lễ khai mạc, đó là:

Ông Trần Việt Sơn, Vụ trưởng Vụ Mỹ Thuật Việt Nam.

Bà Vũ Giáng Hương, phó Tổng thư ký Hội Nghệ Sĩ Tạo Hình Việt Nam.

Ông Quách Phong, Tổng thư ký Hội Mỹ Thuật Sài Gòn.

Ông David cho biết: "Đã có nhiều buổi tiếp đón ở Boston và Porland, Maine để chào mừng phái đoàn. Và họ đã gặp nhiều nghệ sĩ, các nhà tổ chức mỹ thuật, giáo sư mỹ thuật và viên chức địa phương trong chuyến viếng thăm. Đồng thời khi ở Boston, họ cũng đã hoàn tất việc tuyển chọn cuộc triển lãm mỹ thuật "An Ocean Apart" (Cách Một Đại Dương Xa). Cuộc triển lãm được tổ chức bởi IAP, Vụ Mỹ thuật và Hội Mỹ thuật Việt Nam cho Smithsonian Institution Touring Exhibition Service (SITES - Dịch vụ triển lãm của viện Smithsonian ở Washington D.C.), gồm khoảng 30 họa sĩ cư ngụ ở Việt Nam và Hoa Kỳ. Tất cả các họa sĩ đều là người Việt Nam, và giới hạn duy nhất của chủ đề là không nói về chiến tranh. Khi hoàn thành, cuộc triển lãm sẽ bắt đầu luân lưu hai năm trên các tiểu bang Hoa Kỳ, kể từ mùa hè 1993. Viện Smithsonian sẽ ấn hành quyển sưu tập chính (Major catalogue) kèm theo cuộc triển lãm."

Ông David cũng cho biết thêm: "Có 10 họa sĩ hiện sinh sống tại Hoa Kỳ được tuyển chọn trong cuộc triển lãm sắp tới do IAP phối hợp cùng SITES tổ chức. Đó là các họa sĩ: Ngô Bảo, Nguyên Khai, Đinh Cường, Hồ Thành Đức, Nguyễn Trọng Khôi, Nguyễn Việt, Ngô Việt, Lý Tín, Bùi Văn Hoàng, Trần Kim."

Ngoài ra IAP còn có dự kiến xây dựng một số phim tài liệu về chân dung các họa sĩ lão thành của Việt Nam đã có công đóng góp cho nền nghệ thuật tạo hình như Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Sáng, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Tư Nghiêm, Trần Văn Cẩn... Có thể sẽ khởi quay lần lượt vào tháng 7/1992.

Chúng tôi kính mời độc giả theo dõi buổi nói chuyện giữa Vương Như, đại diện tập san Hợp Lưu tại Boston với các ông Trần Việt Sơn, Quách Phong và bà Vũ Giáng Hương (một chi tiết bên lề khá thú vị: bà Vũ Giáng Hương là con gái của cố phê bình gia nổi tiếng Vũ Ngọc Phan và thi sĩ Hằng Phương).

Hợp Lưu

*

Xin ông cho biết nhiệm vụ và mục đích của ông trong chuyến đi Mỹ lần này?

Trần Việt Sơn: Tôi là họa sĩ chịu trách nhiệm quản lý cơ quan Vụ Mỹ Thuật của Bộ Văn Hóa Việt Nam, được tổ chức Chương Trình Nghệ Thuật Đông Dương (IAP) mời sang thăm Boston để dự lễ khai mạc một số triển lãm của các họa sĩ Việt Nam và Mỹ.

Ông cho biết cảm tưởng của ông về khuynh hướng mở rộng giao lưu giữa các nền văn hóa, nói chung, và hội họa nói riêng?

Lần đầu tiên chúng tôi đến thăm nước Mỹ. Nhưng đất nước này rộng lớn, nền kinh tế công nghệ và văn hóa cũng rộng lớn, cho nên chỉ thông qua sự tiếp xúc và viếng thăm một số bảo tàng Mỹ thuật, một số trường đại học và các cơ sở đào tạo mỹ thuật của thành phố Boston và Portland để mà kết luận thì chắc chắn sẽ không đầy đủ. Nhưng *trăm nghe không bằng một thấy*, quả là thích thú và học hỏi được nhiều. Đối với nền nghệ thuật hội họa Việt Nam trong những năm gần đây, do được mở rộng trong lĩnh vực sáng tác, các họa sĩ Việt Nam đã có cơ hội biểu lộ được nhiều khuynh hướng, thông qua tác phẩm của mình, tiếp cận với nền hội họa chung của thế giới. Nhưng cái đáng quan tâm và khuyến khích là bằng vào vốn liếng tiếp thu đó, từ một số nước Âu Châu, Á Châu... các họa sĩ Việt Nam đã đãi lọc để rút được cho bản thân những kinh nghiệm, để tạo nên những tác phẩm đậm đà bản sắc dân tộc. Đặc biệt hiện nay, lại được tiếp cận với những tác phẩm hội họa Mỹ và các nước Châu Mỹ, bằng nhiều cách, có thể như sự gặp gỡ trao đổi giữa chúng tôi trong các chuyến đi thăm nước Mỹ, như chúng tôi đã tập hợp được một số sách, catalogue, tranh ảnh về Mỹ thuật. Đối với chúng tôi, đó là những kinh nghiệm quý báu.

Hội họa Việt Nam hiện nay phát triển ra sao?

Có thể nói là rất phong phú và đa dạng. Nhiều cuộc triển lãm mỹ thuật của từng cá nhân, nhóm, mở ra liên tục nối tiếp nhau không ngừng. Phong trào sáng tác của các họa sĩ chuyên nghiệp cũng như nghiệp dư nhiều vô kể. Trong số đó nhiều tác giả đã dành được những giải thưởng lớn ở trong nước và quốc tế.

Xin ông tóm lược những kết quả trong quan hệ đối ngoại vừa qua, hiện nay, cùng dự kiến trong tương lai của ngành hội họa.

Thật là tốt đẹp trong quan hệ giữa chúng tôi và những người bạn Mỹ. Khi các bạn ấy đến Việt Nam, chúng tôi đã đón tiếp với tấm lòng chân thành, nhiệt tình và hiếu khách, đáp ứng được mọi đề nghị và công việc mà các bạn ấy đề ra. Cũng bằng tinh thần ấy, các người bạn Mỹ đã rất nồng hậu với chúng tôi. Chỉ tiếc là thời gian quá ít nên chưa thể tìm hiểu được gì nhiều, về mọi mặt nói chung, và hội họa nói riêng.

Nếu có thể, xin ông cho biết những dự kiến tương lai?

Theo tôi, cần mở rộng việc trao đổi triển lãm với các tác giả, tác phẩm của nhiều lĩnh vực nữa, trong ngành hội họa của hai quốc gia. Bằng nghệ

thuật thị giác, bằng tư duy tạo hình, sẽ đem đến cho công chúng hai nước những tình cảm thẩm mỹ tốt đẹp là hòa bình, hữu nghị, hợp tác với tinh thần bình đẳng và thiện chí. Đó là tất cả những điều chúng tôi mong muốn bây giờ và sau này.

*

Thưa bà, xin bà cho biết sơ qua về thân thế của bà?

Vũ Giáng Hương: Tôi yêu văn học, nhưng lại ham mê vẽ từ nhỏ. Năm 1946 tôi rời Hà Nội đi Thanh Hóa và Việt Bắc, năm 1955 tôi về học trường Mỹ Thuật và tốt nghiệp trường đại học Mỹ Thuật khóa 1 năm 1962 chuyên khoa lụa và khắc gỗ. Cũng từ năm này tôi giảng dạy tại trường, đến năm 1989 sau đại hội Mỹ Thuật tôi về hội làm việc cho đến nay.

Bà chọn khuynh hướng nào khi sáng tác?

Cuộc sống đã đem lại cho tôi nguồn cảm hứng sáng tác, tất nhiên cuộc sống có vui, có buồn và có đau khổ nữa. Tôi yêu những nét ngây thơ của các em bé và vẻ dịu dàng của người phụ nữ Việt Nam, nên đã sáng tác nhiều tranh về trẻ em và phụ nữ. Từ trước đến nay, tôi vẽ tranh hiện thực. Tôi mong muốn thể hiện lên tranh vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam trong hòa bình, hạnh phúc.

Bà có kỳ vọng nào về một nền nghệ thuật dân tộc trong tương lai?

Từ đầu thế kỷ hai mươi, hội họa Việt Nam đã chịu ảnh hưởng của nghệ thuật phương Tây, cùng với những giao lưu nghệ thuật từ lâu với Trung Quốc và Nhật Bản. Nhưng các họa sĩ Việt Nam, với tình cảm quê hương, đã kế thừa truyền thống dân tộc, sáng tạo nên những tác phẩm giá trị có phong cách Việt Nam, phát triển được chất liệu sơn mài và lụa. Những năm gần đây, nhiều tác giả, phần đông là tác giả trẻ, đã có những sự tìm tòi về nội dung biểu hiện và phong cách nghệ thuật. Tôi trân trọng những tìm tòi đó. Nghệ thuật phải là việc tiếp tục sáng tạo. Những giá trị nghệ thuật đã đi vào lịch sử. Nghệ thuật đương đại phải được nối tiếp với những sáng tạo mới. Nhưng giá trị nghệ thuật của hôm nay còn phải được chọn lọc, công chúng sẽ là người quyết định.

Bà có muốn nói gì với những người cùng thời và những người trẻ của thế hệ sau?

Những bạn cùng thời với tôi có khuynh hướng vẫn chưa vừa lòng với những tác phẩm của mình, nhưng tìm được cái gì hay hơn, mới hơn ngày hôm qua là việc vô cùng khó khăn.

Với các bạn trẻ, tôi thấy họ làm việc với tốc độ rất cao. Tất nhiên chúng tôi không thể làm việc như họ được, nhất là còn phải chu toàn những công việc khác.

Cuối cùng, tôi nghĩ rằng sự sáng tạo cần tình cảm chân thành của nghệ sĩ, phát triển cái mới cần tiếp nối truyền thống dân tộc. Sự giao lưu nghệ thuật sẽ thúc đẩy nghệ thuật phát triển.

*

Với tư cách là phó Tổng thư ký Hội Nghệ Sĩ Tạo Hình Việt Nam kiêm Tổng thư ký Hội Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, xin ông cho biết về tình hình đội ngũ họa sĩ hiện nay?

Quách Phong: Thành phố Hồ Chí Minh có 500 họa sĩ hội viên gồm các ngành nghệ thuật như hội họa, điêu khắc, đồ họa, trang trí, phê bình lý luận, mỹ nghệ. Các hội viên gồm tất cả anh chị em ba miền và một thiểu số anh chị em họa sĩ người Hoa.

Với số lượng hội viên đông đảo như thế, ngành nghệ thuật tạo hình hẳn rất sinh động?

Vâng, trong những năm gần đây tình hình phát triển sự nghiệp mỹ thuật khá sôi động. Triển lãm cá nhân và nhóm với các khuynh hướng, trường phái sáng tác rất đa dạng. Nổi bật nhất là hoạt động sáng tác và tiêu thụ tác phẩm trên địa bàn thành phố mang tính thị trường, và thị trường thực tế đã và đang hình thành trong nước cũng như ở nước ngoài. Nhiều Gallery của tư nhân, nhà nước và các cơ quan đoàn thể đã tổ chức với sự kết hợp của Hội Mỹ Thuật được sự ủng hộ của nhiều nhóm tác giả thị trường nghệ thuật ngoài nước như Singapore, Hongkong, Malaysia, Nhật Bản, Pháp... đã chính thức tổ chức nhiều cuộc triển lãm từng nhóm tác giả Việt Nam. Giá tranh nghệ thuật trong và ngoài nước đã cân bằng với giá tranh trung bình tại các nước.

Như vậy, điều kiện sáng tác của giới làm hội họa tương đối khá?

Các họa sĩ đã hình thành các xưởng sáng tác cá nhân với trang thiết bị vật tư ngoại quốc, đạt yêu cầu chất lượng...

Ngoài lãnh vực sáng tác tranh nghệ thuật, các ngành khác như đồ họa, trang trí... thì thế nào?

Một số họa sĩ chuyển sang làm đồ họa như trình bày những mặt hàng hóa, vẽ áo, trang trí nội thất. Hàng mỹ nghệ càng phát triển như sơn mài, gốm, gỗ chạm, đồ đồng... đã khá phong phú, đa dạng, đạt chất lượng cao

hơn về nghệ thuật, kỹ thuật, style... Các công trình tượng đài bằng chất liệu đá, đồng cũng đã được thực hiện thành công.

Nó như thế không có nghĩa không có những trở ngại?

Tất nhiên là có? Trong tình hình thị trường cạnh tranh, một số mặt khó khăn và tiêu cực cũng đã nảy sinh, ví dụ hiện tượng vàng thau lẫn lộn. Có người kém về tài năng có khi lại khá hơn về mặt đời sống vật chất...

Khó khăn thứ hai là yêu cầu sáng tác, đổi mới, hiện đại hóa... anh chị em còn gặp nhiều giới hạn về lượng thông tin nghệ thuật, bị giao động và đánh giá sai ngay cả những tìm tòi mới lạ của mình.

Xin anh cho biết yêu cầu thiết thực hiện nay đối với ngành tạo hình Việt Nam?

Yêu cầu thiết thực hiện nay đối với sự nghiệp mỹ thuật Việt Nam là làm sao cho anh chị em đi tham quan, sáng tác, triển lãm ở nước ngoài, tạo điều kiện trao đổi thông tin nghệ thuật, nghiên cứu phương pháp, qui luật sáng tác của nghệ thuật hiện đại, kể cả nghệ thuật truyền thống của của các dân tộc khác trên thế giới, để xác định vị trí nghệ thuật của mình. Đồng thời trang bị vật tư kỹ thuật cho các ngành nghệ thuật hầu phù hợp yêu cầu thực tế để có triển vọng nâng cao chất lượng nghệ thuật.

Để kết luận, xin anh một nhận xét cụ thể về tương lai nghệ thuật tạo hình Việt Nam?

Với cơ chế mới rộng rãi cho sáng tạo và thị trường nghệ thuật là môi trường đời sống sáng tác, đó là những yếu tố rất triển vọng để phát triển ngành mỹ thuật Việt Nam nếu có quan hệ mở rộng hơn và được sự giúp đỡ của các nước. Hội Mỹ Thuật sẽ luôn luôn là tổ chức tích cực tạo điều kiện cho anh chị em họa sĩ quan hệ rộng rãi với nền nghệ thuật của các dân tộc trên thế giới.

Thay mặt độc giả Hợp Lưu, trân trọng cảm ơn hai anh Trần Việt Sơn, Quách Phong và chị Vũ Giáng Hương.

VƯƠNG NHƯ *thực hiện*
Boston, March, 1992

Ảnh: Từ trái sang phải Quách Phong, Vũ Giáng Hương, Trần Việt Sơn.



THANH THẢO

giấc mơ (I)

trong giấc mơ có một người cụ thể
mà anh không nhớ mặt
nói với anh một con số nào đó
như dấu hiệu cuộc đổi đời dễ dãi
mùa đông cơn mưa đột ngột quét sạch những con đường
những chiếc xe hơi tung nước bùn vào mặt
những chiếc xe đạp cùng cực
có lẽ anh muốn nói anh cần một con số khác
điềm báo của người lạ mặt
một con số níu lại những giấc mơ
đã tan biến

Níu lại tuổi trẻ khiến anh giật mình
hai mươi năm đoạn đường quá ngắn
hai mươi năm khát khao ngu dại
có lẽ
anh cần một dấu hiệu
trên tấm biển chỉ đường đã gãy
có lẽ anh cần một con đường khác
không có biển chỉ đường



giấc mơ (II)

trong giấc mơ anh chỉ gặp những người dễ chịu
anh không gặp đĩa bay không gặp người hành tinh khác
anh không thấy rơi vào trại tị nạn Hồng Kông
nơi những người đồng hương của anh tan tác
kinh hãi chờ ngày bị cưỡng bức hồi hương
kinh hãi phải từ chối tổ quốc
vì không biết lấy gì chứng minh
ngoài cái bụng lép kẹp
thế giới ngày càng chật, lạnh, ngoa, ác
sao trong giấc mơ anh chỉ gặp những người hiền lành
12-1989
THANH THẢO *(Trong nước)*



ĐẶNG TIẾN

đọc Nghĩ Trong Mùa Xuân của thế uyên*



Nghĩ Trong Mùa Xuân là tác phẩm của Thế Uyên vừa xuất bản tại Hoa Kỳ, gồm mười hai tiểu luận, bút ký liên quan đến tình hình Việt Nam và đời sống người Việt nước ngoài qua nhận định của một người Việt ở Mỹ.

Thế Uyên là nhà văn nổi tiếng tại miền Nam trước đây; trước 1975 anh đã có trên hai mươi tác phẩm, chủ yếu là truyện ngắn, bút ký. Đặc biệt anh đứng ra chủ trương nhóm văn hóa Thái Độ (khoảng 1965), ra báo, in sách, trong tham vọng tìm cho miền Nam một thể chế chính trị lành mạnh, không theo Cộng Sản và cũng không theo Mỹ. Là sĩ quan trừ bị cấp úy, anh bị bắt đi học tập trong ba năm, rồi về sống vất vưởng tại Sài Gòn. Rời Việt Nam năm 1987 trong diện đoàn tụ gia đình, anh định cư tại Hoa Kỳ, tiếp tục đi học mặc dù tuổi đã quá năm mươi, và tiếp tục viết sách, viết báo, đã xuất bản ba tác phẩm, chưa kể những tác phẩm in lại.

Từ ba mươi năm nay, trừ giai đoạn không được viết, Thế Uyên luôn luôn là ngòi bút tiên phong trong những vấn đề chính trị, xã hội. Ngòi bút lúc nào cũng nhạy bén, sắc sảo, dũng cảm, luôn luôn cưỡng lại thời đại. Thế Uyên được cảm tình của nhiều người đọc, thường là thiểu số trí thức và anh cũng bị nhiều người căm ghét, từ thời Thiệu đến thời Cộng Sản. Ra đến nước ngoài, anh vẫn giữ vững tiết tháo, và mới đây bị nhiều hội đoàn di tản chụp mũ mạ lỵ và hăm dọa, như nhiều báo đã đăng tải.

Thế Uyên đã hướng những ý **Nghĩ Trong Mùa Xuân** về nhiều đề tài khác nhau.

Về chính trị, anh mong mỏi có sự thay đổi nhanh chóng và toàn diện ở chế độ Việt Nam hiện tại. Sự thay đổi ấy sẽ xảy ra trong nước, và do người trong nước thực hiện. Vai trò của người Việt nước ngoài rất từ tốn, và dừng lại ở mặt khoa học kỹ thuật, *"về điểm này thì cộng đồng hải ngoại có vốn rất khá, nhưng vốn này lại bao gồm đa số là những người trẻ đi sau hoặc thế hệ di dân đời thứ hai". "Sẽ có những thanh niên đầy lý tưởng từ khắp các nơi trên thế giới trở về... Nhưng rồi họ sẽ ra đi. Bởi vì một con người lớn lên ở nơi nào thì nơi đó mới là quê hương đích thực để mà thiết tha tưởng nhớ"* (trang 15 - 16). Ngoài ra người Việt nước ngoài không nên nuôi một ảo tưởng nào về vai trò chính trị của mình, vì "*chính trường chính là nội địa Việt Nam. Thắng được hay thua thêm một lần nữa cũng tại phần đất này mà thôi. Đâu có thể ngồi ở hải ngoại mà mơ màng một ngày đẹp trời, nhân dân nội địa vùng lên được, thay đổi chế độ, mình chỉ có việc đáp phi cơ tiện nghi, quần áo đẹp, tiền đầy túi, bước xuống phi trường Tân Sơn Nhất để làm Tỉnh Trưởng, Bộ Trưởng, Dân Biểu, Thượng Nghị Sĩ được*" (tr. 11), chưa kể "*đã là công dân Mỹ rồi, chúng ta đâu còn quyền hoạt động đấu tranh gì về chính trị nữa trong khuôn khổ một chế độ đa nguyên mà chúng ta mong ước sẽ có ở Việt Nam*" (tr. 12). Nhưng trở ngại trầm trọng nhất là *"Hơn mười sáu năm trôi qua rồi mà nếu chúng ta không thực hiện được bình đẳng với nhau, không tôn trọng tự do của nhau, không giải quyết được mọi bất đồng theo tinh thần và thể chế dân chủ, thì thử hỏi chúng ta sẽ mang lại cái gì cho bà con đồng bào mình bên kia biển Thái Bình Dương*" (tr. 177).

Mới sang Mỹ được vài ba năm, Thế Uyên đã có những nhận xét tinh tế về thái độ một số người cao tuổi ở đây. Lẽ ra tuổi tác và tư thế của họ phải tạo ra sự chừng mực và hòa nhã, thì ngược lại một số người trở thành quá khích và thô bạo - trái với truyền thống Việt Nam, các bô lão thường là lực lượng hòa giải trong hương thôn. Thế Uyên giải thích: "*Óc đa số đã khép kín với mọi biến chuyển bên ngoài, từ chối tiếp thu kiến thức mới, thậm chí đến cả sinh ngữ Anh, Pháp, Đức cũng không học nổi (...) Dĩ nhiên có những người già hiện nay và sắp già trong mười năm tới rất ghét Cộng Sản và có*

huyết hải thâm thù với chế độ này. Thành phần này thà làm một người di tản buồn, người tị nạn sầu bi, chết già nơi quê người còn hơn là đội trời chung với Cộng Sản..." (tr 17), "*Các ông bố già mất dần vị trí gia trưởng, quyền uy vẫn có từ hồi bên nhà. Nhìn ra ngoài xã hội da trắng nơi mình mới định cư, thì thân phận mình càng lại không khá gì hơn. Từ hoàn cảnh đó, nếu có những người già có nhiều mặc cảm thì cũng là điều dễ hiểu. Và khi đã có mặc cảm như thế thì phản ứng đương nhiên là tìm cách bù trừ. Và khi phản ứng bù trừ, thường thường con người dễ cực đoan, độc tôn và độc đoán*" (tr. 169). Những cụ này đứng ra lãnh đạo những hội đoàn, "*tự cho mình là trưởng lão khôn ngoan... những đồng bào khác chỉ có việc thi hành theo kỷ luật quân đội. Ai không đồng ý, không nghe theo thì sử dụng ngay tới bạo lực trong ngôn ngữ hay đôi khi tệ hại hơn, bạo lực trong thực tế*" (tr. 171).

Hào khí của quí vị trưởng lão kia đã chuyển lửa sang hùng tính của giới tăng sĩ Phật Giáo. *"Kể từ khi tới Hoa Kỳ, tôi cũng có thấy cảnh các tăng sĩ áo vàng xách thiền trượng đi cả bầy, liên kết với năm môn phái khác kéo tới Quang Minh Đỉnh để tiêu diệt Minh Giáo lúc đó bị chụp cho cái mũ ma giáo. Các tăng sĩ Thiếu Lâm ấy trước khi động thủ, bao giờ cũng than:* Thiện tai! Thiện tai! Bần tăng hôm nay phải khai sát giới! *Nhưng đó là chuyện xảy ra trong phim chưởng (...) Dĩ nhiên các vị tăng ni kiêm tướng lãnh cùng các tăng binh của họ chẳng buồn hô* thiện tai! Thiện tai! *gì hết trước khi khai sát giới. Những tài liệu tôi được đọc về hiện tượng tăng binh này không thấy nói tới chuyện sau khi khai sát giới thì các vị tăng binh có khai sắc giới không. Nhưng tôi phỏng đoán là có*" (tr. 75-76). Và Thế Uyên, vừa thế tục vừa uyên thâm, viện dẫn kinh sử để chứng minh chuyện khai luôn sắc giới đã xảy ra với tăng sĩ... Nhật Bản. Thật là quá quắt!

Thế Uyên cho ta biết không khí trong một giới nào đó tại Hoa Kỳ: "*Gần đây có một người viết đã hô hào "không có một đạo lý nào cao hơn chống Cộng (...)" để tha hồ bạo lực ngôn ngữ, bạo lực bạo hành, những người theo chủ trương này đã vượt ra ngoài vòng luật pháp của Việt Nam Cộng Hòa xưa kia đã đành, mà còn vi phạm luật pháp của quốc gia đang cư ngụ nữa*" (tr. 176).

Bạo lực nuôi ảo tưởng của người này bằng quyền lợi thiết thực của người kia. Khi "*Ủy Ban chống kinh tài Cộng sản đốt nhà, đốt xe phá hoại một loạt năm cửa hàng chuyển tiền, gởi quà của người Việt tại tiểu bang California (...) thì (người Hoa) cứ việc kinh doanh thoải mái tiếp tục, và lần này độc quyền một mình một chợ*" (tr. 224). Đây là đoạn kết của bài *Thế Lực Kinh Tế Của Người Hoa*, trong đó, tác giả kể lại khá chính xác lịch sử của người Hoa định cư tại Việt Nam thời Trịnh Nguyễn đến nay, đặc biệt là những thăng trầm sau 1975. Một tư liệu quý.

*

Thế Uyên mang trong tâm tư khuynh hướng hòa hợp, hòa đồng. Suốt đời anh phải chịu đựng một cuộc chiến dai dẳng và tàn khốc với những hậu quả dài hạn; cuối đời anh lại phải lưu vong. Từ đó, cái nhìn của anh về lịch sử nói chung là hiếu hòa và chủ hòa. Theo Thế Uyên: "*Không ai chối cãi sự cần thiết của chín năm chống Pháp giành độc lập, nhưng đảng Cộng Sản Việt Nam đã vô cùng lầm lẫn khi phát động cuộc chiến chống miền Nam và Mỹ*" (tr. 228). Đối với các sĩ phu chủ trương chống Pháp thời Tự Đức, anh gọi họ là "*bảo thủ diều hâu, chỉ biết hô hào có đánh, đánh, đánh và đánh. Càng đánh càng thua vẫn cứ hô hào đánh*", và hô hào bất hợp tác với Pháp như Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, "*được hỗ trợ bằng những tay kiếm sĩ có những lưỡi kiếm sắc nổi danh như Nguyễn Trung Trực, Trương Định (...) Thậm chí đến khi mất cả nước luôn, cũng còn các cụ Phan Đình Phùng, Đề Thám hô hào đánh tiếp*" (tr. 203). Theo Thế Uyên, hai chế độ Tây Sơn và Gia Long đều tàn ác, tàn nhẫn như nhau; Nguyễn Ánh thắng cuộc vì được lòng dân Nam Việt, "*Yếu tố trợ giúp của người Pháp không quan trọng*". Theo anh "*người Việt không quá kỳ thị chủng tộc và không hiếu sát, nhưng với các quý vị nông dân thì lại khác!*" (tr. 153).

Những quan điểm cực đoan này có lẽ là phản ứng đối với những lập luận quá khích của những sử gia Hà Nội hoàn toàn dựa trên quan điểm chính trị, không cần tôn trọng luận lý và tư liệu, mà Thế Uyên đã phải chịu đựng mười hai năm. Nói chung, Thế Uyên chủ hòa giữa nhiều hình thái bạo lực - bóp méo lịch sử là một bạo lực trí thức - vì chủ hòa mà có lúc anh mất ôn hòa.

Tâm hồn hòa đồng đưa Thế Uyên đến gần những người khác anh, từ những người Việt gốc Hoa đến người Công Giáo, thậm chí đến người Cộng Sản đã chửi bới và đày đọa anh. Bài *Nguyễn Văn Trung Và Những Người Công Giáo Bạn Tôi* nói lên tinh thần hòa hợp đó. "*Tại nơi tôi chưa bao giờ tôi nhìn những người Công Giáo như những người xa lạ...*" (tr. 134). Chúng ta không ngạc nhiên khi anh kể: "*Sau này một lần Lý Chánh Trung có nói với tôi: toa là nhà văn Bắc duy nhất mà moa đọc được, và tôi chơi thân dễ dàng với rất nhiều bạn bè gốc miệt vườn*" (tr. 90). Theo hiểu biết giới hạn của tôi thì Thế Uyên là nhà văn Bắc nếu không duy nhất thì cũng hiếm hoi đã viết những trang đằm thắm nhất về Trịnh Công Sơn và những người bạn tranh đấu miền Trung khoảng 1964 đăng trên Bách Khoa (1970), tuy rằng anh không tán thành. Miếng ngon nhớ lâu, cơ cầu nhớ dai. Với Lữ Phương, nhà phê bình đã từng lên án anh chuyên viết "*chuyện dâm ô câu khách*", người khác phe, khác phía Thế Uyên đã tán dương: "*Những năm gian khổ ngoài rừng núi và chức tước không làm thay đổi con người Lữ Phương. Anh*

vẫn là một trí thức ngay thẳng và bản chất nồng nhiệt, (...) người trí thức đầu tiên dám công phá trên báo chí chê chính sách của Đảng là sai lầm và Đảng đã mất lòng dân rồi" (tr. 119).

Về Nguyễn Văn Trung, anh cũng ghi lại thật nhiều kỷ niệm thiết tha, "*Nguyễn Văn Trung, con người trí thức Công Giáo đầy lòng yêu thương dân tộc và quê hương ấy*" (tr. 133). Với những bạn bè thân thiết, những lời xưng tụng chưa cảm động bằng những nhận xét chính xác: "*Về già anh nóng nảy hơn xưa*" (tr. 124). Thật đúng; và người chịu đựng những cơn nóng nảy ấy và những hậu quả dài hạn của nó là chị Nguyễn Văn Trung - tiếc rằng Thế Uyên không một lần nhắc đến.

Thế Uyên đi gần người Công Giáo, lại thường lai vãng chùa chiền với tư cách Phật Tử dù không thuần thành, vì trong người anh có tinh thần hướng thượng. Tuy rằng anh rất trần tục, ham nói chuyện tình dục và thế sự, thích tranh cãi sân si; tuy rằng trong tư tưởng Thế Uyên không bày tỏ một băn khoăn siêu hình nào; nhưng anh vẫn hướng về một lý tưởng siêu luận (métamonali) để hóa giải những quyền lợi và dục vọng đã hòa nhịp với chiến tranh để chia rẽ và tàn phá con người. Anh nhiều lần bày tỏ niềm tin ở vai trò các tôn giáo tại Việt Nam, bây giờ và mai sau, trong việc hóa giải thù hận và dựng lại tình thương, giúp con người dù không thoát tục được, thì cũng đi vào trần thế với một ít từ bi, bác ái.

*

Về mặt biên khảo văn học, bài *Nghĩ Về Văn Chương Phản Kháng* là một đóng góp lớn, căn bản, một tiểu luận xuất sắc vận dụng được nhiều tinh anh của Thế Uyên nhà văn, nhà báo, nhà giáo, người trí thức ba mươi năm thao thức với những vấn đề văn học và chính trị. Hoàn toàn làm chủ đề tài nên Thế Uyên viết rất ung dung: từ hiện tình văn chương nội địa đến những phản ứng tại hải ngoại đặc biệt từ những người "phản phản kháng" trực tiếp và gián tiếp, những phản ứng ngoài da và gan ruột, Thế Uyên đã đi đến một tổng hợp hàm súc như sau: "*Chính vì nền văn chương phản kháng hiện đại, kiểu mới, phải nằm trong một chế độc độc tài, chuyên chính nên thứ văn chương này cũng mang những đặc tính như giới hạn, gián tiếp và trường kỳ*" (tr. 152). Ta tìm thấy ở đây khoa sư phạm của nhà giáo. Câu văn cô đúc là đầu đề lý tưởng của một bài luận văn ở lớp tú tài hay dự bị đại học. Hàm súc nhất là chữ "*giới hạn*", giới hạn trong một chế độc độc tài, và trong lòng chế độc đó, nó còn giới hạn trong hoàn cảnh, không gian, thời gian, và ngay trong cả đề tài và ngôn ngữ. Thế Uyên nói thêm: "*Có thể nói rằng trong các chế độ Cộng Sản, chỉ cần* không ca tụng *cái mà Đảng và chế độ ca tụng, cũng là một thứ phản kháng rồi*" (tr. 153). Muốn là nhà văn, thì anh phải có tác phẩm trước đã: "*Chính tác phẩm của tôi làm cho tôi thành nhà văn, chứ*

không phải những tấn phong hay xưng tụng (tr. 153) (...), *muốn viết thì đương nhiên phải còn sống mới viết được, phải được ở ngoài nhà tù, trại cải tạo mới viết được (...) không cho nói mười, thì tôi nói năm, không cho nói năm thì tôi nói ba, nói ba không cho thì tôi không nói thẳng nữa mà nói bằng ngụ ngôn, châm biếm... bởi vì nói kiểu nào viết kiểu nào chăng nữa cũng còn tốt hơn là im lặng*" (tr. 155), dù rằng, sự im lặng ở một nhà văn đã nổi tiếng, đôi khi cũng có nội dung. Gần đây, trong một buổi nói chuyện về thơ, nhà thơ Phan Khắc Khoan, một trong những người đi tiên phong trong phong trào thơ mới được mời phát biểu. Ông trả lời: từ bốn mươi năm nay tôi im lặng bây giờ tôi xin được quyền tiếp tục im lặng. Nhưng đây là một biệt lệ vì nói như Nguyễn Ngọc Lan: đã làm người thì không thể làm thinh, "*khi xét về văn chương phản kháng, chúng ta không nên đặt vấn đề nhà văn này có thẻ Đảng, nhà văn kia là đại tá, nhà văn nọ là công chức của chế độ đỏ. Vấn đề là xét thái độ, nội dung và giá trị văn chương của những bài văn đó mà thôi (...) Phản kháng hay không phản kháng... gì gì thì cũng phải hay trước đã, phải đạt tới một giá trị tối thiểu*" (tr. 159-160). Trường hợp Nguyễn Chí Thiện "*ném tập thơ duy nhất vào tòa đại sứ Anh*" (tr. 154) thì chỉ đạt được "*mục tiêu tố cáo*", một hành động chính trị; hơn nữa "*nghệ thuật không cao* (thì) *mặc dù báo chí hải ngoại ca tụng liên miên cũng không làm Nguyễn Chí Thiện trở thành một đại thi hào của Việt Nam được*" (tr. 160). Lập luận chính đáng, nhưng nhất định làm phật lòng nhiều người, nhất là những người tôn vinh Nguyễn Chí Thiện không phải vì tác giả mà để giải tỏa cho mình một số ẩn ức nào đó.

*

Trước khi là nhà văn, Thế Uyên là nhà giáo. Lối viết của anh không mô phạm nhưng rất sư phạm, ít nhất ở hai điểm: anh lúc nào cũng lý luận phân minh và rạch ròi bao biện, như làm bài mẫu cho học trò; và để cho học trò khỏi chán, anh thường đổi đề tài, thường đổi giọng văn. Kết quả là đọc Thế Uyên rất thoải mái dù phải thường xuyên va chạm vào những vấn đề gay gắt, nhờ lối bình giải trong sáng, bình dị và duy lý.

Nghĩ Trong Mùa Xuân gồm có những đoản văn đa dạng, từ những vấn đề tình dục đến văn chương, từ kinh tế đến tôn giáo, chính trị đến ngôn ngữ, từ những kỷ niệm đằm thắm với gia đình, bạn bè đến những biện luận nghiêm túc, Thế Uyên hướng người đọc về tương lai dân tộc trong viễn tượng hòa giải hòa hợp tự do và dân chủ, hiện đại và phồn vinh, trong tình người, công lý. Vậy sao có người chống Thế Uyên? Trước hết, theo thường tình, không phải ai ai cũng đồng quan điểm về công lý; tiếp theo, người Việt chúng ta còn nuôi quá nhiều thù hận, tị hiềm, ảo giác và tham vọng riêng tư; cuối cùng vì lối viết của Thế Uyên rạch ròi, rốt ráo, phá vỡ những

huyền thoại, những ảo tưởng ở những người sống bằng những thứ đó. Thế Uyên sức yếu thế cô, mà lại nói có lý có tình nên đẩy những kẻ có bạo lực và chỉ có bạo lực thôi, phải sử dụng vũ khí của họ. Truyện Tàu đầy rẫy những Nễ Hành, Dương Bưu chết chỉ vì sức yếu mà đòi có lý. Thế Uyên cứ đòi đối thoại với những người không có thoại nào hết để mà đối. Họ sống bằng những ẩn ức và không thoát ly nổi. Nay thế Uyên nói đúng phóc vào tim phổi họ, họ thù oán thì cũng dễ hiểu, và điều này không hề làm anh chùn chân. Ngược lại nó dường như kích thích anh thêm. Cuối sách, anh khẳng định: *Chỗ Đứng Và Trách Nhiệm Nhà Văn Trong Xã Hội* bằng ba điểm:

- *"Trách nhiệm đầu tiên của nhà văn là viết văn ra văn chương trước đã. Và viết càng hay càng tốt.*
- *Trách nhiệm thứ hai của nhà văn là phải ngay thẳng, ngay thẳng với bản thân mình, với độc giả cũng như cuộc đời.*
- *Trách nhiệm thứ ba, đối với xã hội anh đang sống bên trong, thì tùy theo thái độ văn học và lập trường chính trị. Nếu anh chọn thái độ dấn thân thì anh hãy cố gắng dùng văn chương mình để làm đẹp con người, làm đẹp cái xã hội anh đang sống bên trong. Nếu vì đi con đường này anh phải đả phá cái cũ, cái lỗi thời, cái xấu và bị các thế lực này phang lại tối tăm mặt mũi, thì cũng đành phải chấp nhận thôi*" (tr. 270).

*

Cái thời chúng tôi còn trẻ, cái thời đã quá xa xôi, trên báo Bách Khoa số 327 ngày 15-8-1970, Thế Uyên có viết một bài về *Trịnh Công Sơn, cuộc hành trình làm người Việt Nam* và trong kết luận, anh mơ ước: *"Lần cuối cùng gặp nhau trước khi Trịnh Công Sơn* (từ SàiGòn) *trở về Huế, trong gác xép mưa dột đầy một góc, ngồi trên chiếc chiếu rách, anh có hỏi tôi: Khi đất nước thanh bình, tôi sẽ làm gì. Tôi không thể trả lời câu hỏi ấy, nhưng tôi biết khi thanh bình tôi sẽ làm gì. Tôi sẽ ra Huế, kiếm Trịnh Công Sơn và sẽ rủ anh làm như trong một bản nhạc anh đã đặt tên Tôi sẽ đi thăm:* ... Đi chung một cuộc mừng và quên chuyện non nước mình"...

Giờ đây, tại Pháp tôi viết những dòng này về Thế Uyên, bên bờ sông Loiret mà Sơn lúc say gọi là sông An Cựu, thì Trịnh Công Sơn trên đường ngao du có lẽ đang ngồi tại một quán café terrasse nào đó ở Canada, còn Thế Uyên thì gươm đàn nửa gánh tại Hoa Kỳ. Một đời dở dở dang dang.

Mười bảy năm sau *"khi đất nước tôi thanh bình"*?, cái ngày *"đi chung vui cuộc mừng"* vẫn còn xa lăng lắc. Trong chúng tôi, có lẽ Thế Uyên là người gian truân nhất. Phải chăng vì anh là người dũng cảm nhất, về già vẫn còn *"chọn lối đoạn trường mà đi"*. Người khác, ở tuổi anh, khi đã lập nghiệp ở nước ngoài, có thể an thân thủ phận, khuây khỏa với dăm ba bài báo, vài trăm trang sách nuôi chút tài hoa và danh vị mà cuộc đời còn lưu lại.

Nhưng anh thì không. Anh vẫn hăm hở lao mình vào những trận chiến mới, hoàn toàn vì lý tưởng, cho dù có bị cô đơn và cô lập. Bạn bè có người cho anh là một thứ Don Quichotte, thời đại nào cũng đi tìm những cối xay gió. Với nhiều người khác Thế Uyên là một hiệp sĩ, một Thái Sử Từ của tự do và công lý. Chúng tôi ước ao anh giữ được bình an và đủ thư thái để tiếp tục làm một nghệ sĩ, mê say vẻ đẹp, trong cuộc đời, trong tình người, trong ngôn ngữ.

ĐẶNG TIẾN
Pâques 1992

* Nghĩ Trong Mùa Xuân, Xuân Thu, 1992. Giá 12 Mỹ Kim.





MILAN KUNDERA
TRỊNH Y THƯ chuyển ngữ

nhẹ kiếp nhân sinh

(Tiếp theo kỳ trước)

PHẦN HAI
Tâm Hồn Và Thể Xác

1.

Thực là vô lý nếu người viết cố gắng thuyết phục người đọc những nhân vật trong tiểu thuyết của mình có thật ngoài đời. Họ không từ bụng mẹ chui ra. Họ nảy sinh từ đôi ba nhóm chữ và có vẻ gây kích động hay từ một hoàn cảnh căn bản nào đó. Tomas được đẻ ra từ câu nói *"Einmal ist keinmal"*, Tereza từ tiếng bụng sôi cồn cào vì cơn đói.

Hôm đầu tiên đến nhà Tomas, bụng cô bỗng sôi lên đùng đùng. Buổi sáng, lúc đứng chờ trên sân ga, cô chỉ ăn lót dạ qua loa một mẩu bánh mì thịt. Cô để hết tâm trí vào chuyến hành trình liều lĩnh trước mắt mà quên khuấy cả chuyện ăn uống. Nhưng ta rất dễ biến thành nạn nhân của thân thể ta nếu ta lãng quên nó. Cô ngượng đến chín người lúc đứng trước Tomas, bụng réo sùng sục. Cô muốn khóc lên được. Nhưng may quá, chỉ mười giây đồng hồ sau Tomas đã quàng tay lên người cô và cô quên hẳn tiếng sôi bụng của mình.

2.

Tereza nảy sinh từ hoàn cảnh mà nói một cách tàn bạo, cho thấy luật đối tính bất khả hòa giải giữa tâm hồn và thể xác.

Thủa xưa, con người lạ lẫm lắng nghe tiếng đập đều đặn phát ra từ lồng ngực, thắc mắc không hiểu đó là tiếng gì. Hắn ta không có khả năng nhận

thức ra chính bản thân mình với một thể xác quá lạ lùng, xa lạ. Thể xác là cái cũi, và trong cái cũi đó là vật gì biết nhìn, biết lắng nghe, biết sợ hãi, biết suy nghĩ, biết kinh ngạc; cái gì đó, cái phần còn lại ngoài thể xác, chính là tâm hồn.

Ngày nay, dĩ nhiên, thể xác không còn là vật gì xa lạ nữa: chúng ta thừa biết tiếng đập phát ra từ lồng ngực là quả tim và mũi chúng ta chẳng qua chỉ là cái ống hút thò ra từ thể xác có nhiệm vụ hút khí ốc-xy vào hai lá phổi. Bộ mặt chúng ta chỉ là nơi ghi nhận và tiếp nhận mọi năng động của thể xác: tiêu hóa, hô hấp, thính thị, ý nghĩ.

Kể từ khi con người tìm tòi, khám phá và đặt tên cho các bộ phận trên thân thể con người thì thân thể cũng bớt phiền nhiễu con người nhiều lắm. Con người biết tâm hồn chẳng qua chỉ là chất xám trong não bộ mà thôi. Sự đối chọi giữa tâm hồn và thể xác bị che phủ bởi hàng trăm danh từ khoa học và chúng ta cả cười, cho đó là một thành kiến đã phai nhạt rất nhiều.

Nhưng thử bắt người vừa mới yêu lắng nghe tiếng bụng mình sôi sùng sục, nghe tiếng hòa hợp giữa tâm hồn và thể xác mình xem. Lập tức cái ảo ảnh trữ tình của kỷ nguyên khoa học biến ngay vào hư không.

3.

Qua thể xác, Tereza cố nhìn vào nội tâm mình. Đó là lý do tại sao, ngay từ khi còn bé, cô có thói quen hay đứng soi gương. Và vì sợ bị mẹ bắt gặp nên mỗi lần liếc mắt vào gương, cô không nghĩ cô đang nhìn vào bề mặt của phần thân xác, cô cho cô chỉ nhìn thấy tâm hồn mình đang hiện ra trên khuôn mặt. Cô quên mũi cô chỉ là cái ống có nhiệm vụ hít ốc-xy vào hai lá phổi. Cô thực sự tin tưởng nhìn thấy bản chất mình hiện ra.

Soi gương hoài, đôi lúc cô thấy bực dọc về những nét của mẹ cô trên mặt mình. Càng nhìn vào gương cô càng ước ao phải chi những gì thuộc về mẹ cô có ngày biến hết đi để nhường chỗ cho những gì thuộc về cô mà thôi. Mỗi lần thấy lời ước nguyện thành tựu là mỗi lần cô say đắm trong ý tưởng: tâm hồn cô ngoi lên, tràn ra ngoài thân thể như đoàn thủy thủ túa lên boong tàu, đưa tay lên trời vẫy vẫy, vui sướng cùng cất tiếng ca vang.

4.

Cô giống mẹ cô cả tính nết nữa. Đôi lúc tôi có cảm tưởng cả cuộc đời cô chỉ là đoạn nối dài phần đời mẹ cô, giống như đường banh trái bi-da chỉ là cánh tay người chơi banh vươn dài ra.

Cuộc đời Tereza bắt đầu từ đâu và từ lúc nào?

Có lẽ nó bắt đầu từ khi ông ngoại cô, một thương gia sinh sống ở Praha, tán dương quá đáng về sắc đẹp của cô con gái yêu quí của ông, tức là bà mẹ

của Tereza. Khi mẹ cô mới lên ba hay lên bốn gì đó, ông bảo mọi người con gái ông đẹp như Thánh Mẫu trong tranh của Raphael. Cô gái bốn tuổi không bao giờ quên được điều đó. Khi lớn lên đi học, cô không chịu lắng nghe lời giảng của thầy cô trong lớp mà cứ ngồi mơ mộng, miên man nghĩ về bức tranh nào của Raphael có hình Thánh Mẫu giống mình.

Rồi đến tuổi cập kê, tính chuyện dựng vợ gả chồng, bà mẹ của Tereza có đến chín người đàn ông theo đuổi. Họ quỳ xuống chân bà thành một vòng tròn. Đứng giữa chín người đàn ông như một nàng công chúa kiêu sa, bà không biết chọn lựa ai bây giờ: người thứ nhất đẹp trai nhất, người thứ hai khôn ngoan lanh lợi nhất, người thứ ba giàu có nhất, người thứ tư thể thao nhất, người thứ năm có gia đình sang cả đàng hoàng, người thứ sáu biết làm thơ, người thứ bảy đi đây đi đó rất nhiều, người thứ tám biết chơi vĩ cầm, người thứ chín tráng kiện nhất. Nhưng cả chín người quỳ mọp dưới chân bà như nhau, da đầu gối họ chai lì, dày cộm như nhau.

Lý do cuối cùng bà chọn người thứ chín không phải vì gã là người tráng kiện nhất trong bọn mà chỉ vì gã cố tình tặng cho bà một cái bào thai. Bà đã kêu khẽ vài tai gã "Hãy cẩn thận" trong lúc hai người ân ái, thế mà gã không chịu nghe lời bà. Bà mang thai và không tìm được thầy thuốc nào chịu phá thai. Thế là Tereza ra đời. Bà con trong họ khắp nơi đổ về đứng bên nôi đứa bé sơ sinh nói chuyện về con cái. Bà mẹ Tereza chẳng buồn nói câu nào. Bà đang nghĩ về tám người đàn ông kia, dường như cả tám người đều tốt lành, cao đẹp hơn gã đàn ông thứ chín này.

Giống như Tereza, bà mẹ cô cũng có thói quen hay nhìn mình trong gương. Một hôm bà khám phá ra những đường nhăn dưới đuôi mắt và quyết định cuộc hôn nhân này đã không đi đến đâu. Cùng lúc bà gặp một gã đàn ông khác, một người không đàn ông chút nào, một người có tiền án, dính líu đến vài vụ lường gạt, không kể gã đã có hai đời vợ trước. Bà ghét thậm tệ những kẻ đầu gối chai lì quỳ mọp trước mặt bà khi xưa. Bây giờ bà muốn chính bà là người quỳ xuống trước mặt người đàn ông nào đó. Bà quỳ xuống trước mặt gã đàn ông gian xảo mới gặp này và bà bỏ mặc bố con Tereza tự xoay sở lấy trong cuộc sống.

Người đàn ông tráng kiện nhất biến thành người đàn ông cùng quẫn nhất. Ông ta cùng quẫn đến nổi không có gì trên cõi đời này còn ý nghĩa với ông ta nữa. Ông nói toạc ra những điều ông nghĩ trong đầu và bọn công an đã không để yên cho ông. Ông bị bắt ra tòa và lãnh một cái án nhiều năm tù. Nhà cửa bị tịch thu và Tereza lại về sống với mẹ.

Người đàn ông cùng quẫn chết trong tù sau một thời gian ngắn. Tereza theo mẹ cùng người cha ghẻ về sống tại một thị trấn nhỏ gần miền núi. Người cha ghẻ làm nghề thư ký có văn phòng dưới phố, bà mẹ làm công

trong một tiệm tạp hóa. Bà còn đẻ thêm ba người con nữa. Bà nhìn vào gương và thấy giờ đây bà là một bà già xấu xí.

5.

Khi biết đã mất hết mọi thứ trên đời, bà bắt đầu truy tìm xem ai là thủ phạm làm cuộc đời bà khốn khổ như vậy. Dưới mắt bà, ai cũng có thể là thủ phạm: người chồng thứ nhất, tráng kiện, đàn ông, nhưng không có tình yêu, đã không chịu nghe lời bà cảnh giác khiến bà phải mang thai; người chồng thứ hai, có tình yêu nhưng không đàn ông chút nào, người đã lôi kéo bà về cái xó xỉnh này và bắt bà sống trong cảnh ghen tuông thường trực vì ông ta lén lút đi lại với hết người đàn bà này sang người đàn bà nọ. Nhưng bà bất lực trước cả hai người đàn ông. Người duy nhất nằm dưới quyền sinh sát của bà, người không có lối thoát, người làm con tin để bà giải tỏa tất cả các nguyên cớ làm đời bà khốn khổ chính là Tereza.

Không phải Tereza đã là nguyên nhân định đoạt cả cuộc đời bà mẹ cô sao? Chính cô? Sự gặp gỡ phi lý giữa con tinh trùng người đàn ông tráng kiện nhất và noãn châu người đàn bà xinh đẹp nhất? Thật vậy, trong phút giây định mệnh đó, giây phút có tên là Tereza, cuộc chạy đua đường trường, cuộc đời của mẹ cô bắt đầu.

Bà mẹ Tereza không ngừng nhắc nhở cô, làm mẹ tức là hy sinh mọi thứ. Lời nói bà được chứng thực bởi kinh nghiệm của người đàn bà mất hết mọi thứ trên cuộc đời chỉ vì một đứa trẻ. Tereza lắng nghe và cô tin tưởng giá trị cao cả nhất trong đời sống là bổn phận làm mẹ, làm mẹ tức là hy sinh. Nếu người mẹ là sự Hy Sinh được nhân cách hóa thì đứa con là điều Tội Lỗi không có cơ may dung thứ.

6.

Dĩ nhiên, Tereza làm sao biết được câu chuyện xảy ra trong đêm tối khi mẹ cô kêu khẽ vào tai bố cô, "Hãy cẩn thận". Lương tâm cô cắn rứt nhưng nó mơ hồ, lãng đãng như nguyên tội của thủy tổ loài người mà thôi. Cô cố gột rửa nó ra khỏi tâm tư mình bằng mọi cách. Cô thôi học từ năm mười lăm tuổi. Cô làm nghề hầu bàn. Tiền kiếm được cô đem về đưa hết cho bà mẹ. Cô sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì để có tình thương của bà. Cô làm việc nhà, săn sóc lũ em ghẻ, dùng trọn ngày chủ nhật lau chùi nhà cửa và giặt giũ áo quần cho cả gia đình. Thực đáng tiếc vì cô là người thông minh. Cô khao khát muốn vươn lên cao, nhưng ở cái xó xỉnh nơi cô sinh sống làm gì có cái cao hơn để cô tìm cơ hội vói lên? Ngồi giặt quần áo cô luôn luôn để một quyển sách bên cạnh. Lúc dở trang sách, cô vô ý để nước bắn tung tóe làm ướt cả quyển sách.

Trong nhà, không ai biết sự xấu hổ là gì. Mẹ cô mặc quần áo lót thản nhiên đi lại trong nhà, có khi bà còn không thèm che đậy bộ ngực của bà lại nữa. Vào mùa hè bà cởi hết quần áo, trần truồng như nhộng là chuyện thường. Người cha ghẻ không đến nỗi vậy, nhưng ông ta hay xông vào phòng tắm mỗi khi Tereza tắm rửa bên trong. Có lần cô khóa trái cửa phòng tắm lại thì bà mẹ cô giận dữ la lên: "Mày làm cái giống gì vậy Tereza? Bộ mày nghĩ sắc đẹp mày sẽ bị ông ấy cắn nát ra đấy phỏng?"

(Sự va chạm này cho thấy lòng ghét bỏ con gái còn nặng hơn lòng nghi kỵ người chồng. Tội lỗi của con gái bà cao đến vô cùng tận, nó che lấp cả ý tưởng bậy bạ đen tối của người chồng. Những quyền hạn tối thiểu của Tereza - như quyền được phép khóa cửa nhà tắm - đối với bà, còn đáng bị xét lại hơn cả ý tưởng dâm ô của người chồng muốn làm chuyện bậy bạ với người con gái riêng.)

Có lần, vào một buổi tối mùa đông, đèn trong nhà cháy sáng và bà không buồn khoác lên người mảnh vải che thân nào. Tereza thấy vậy, vội vã chạy ra kéo bức màn cửa lại để hàng xóm trước nhà không nhìn thấy thân thể trần truồng của bà. Cô nghe tiếng bà cười lớn đằng sau lưng. Ngày hôm sau, có vài người bạn quen đến nhà chơi: một bà hàng xóm, một bà làm cùng chỗ, một nữ giáo viên, và hai ba mụ khác vẫn thường đến nhà lê la tụ họp. Tereza gặp một cậu trai mười sáu tuổi, con một người đàn bà theo mẹ đến chơi. Cô vừa cất tiếng chào hỏi cậu trai thì mẹ cô lập tức kể cho mọi người nghe về câu chuyện xảy ra hồi tối. Bà phá lên cười, đám đàn bà cũng cất tiếng cười theo. "Cái con bé Tereza không sao chấp nhận được ý tưởng cơ thể con người ta tiểu tiện và trung tiện tùm lum". Bà mẹ nói trong lúc cười. Tereza đỏ chín cả mặt, nhưng mẹ cô vẫn tiếp tục: "Có gì ghê gớm đâu nào?" Bà ta trả lời câu hỏi rồi tiếp tục cười. Những người đàn bà khác cũng ré lên cười theo.

7.

Bà mẹ Tereza có tật hỉ mũi rất to, bà nói bô bô về đời sống riêng tư trong phòng the, bà còn thú vị biểu diễn cho mọi người xem hàm răng giả của bà. Bà rất khéo léo dùng lưỡi điều khiển hàm răng giả. Miệng bà chành ra, bà lấy lưỡi đẩy hàm trên xuống hàm dưới, khiến mặt bà trở nên rúm ró trông đến gớm ghiếc, ghê sợ.

Hành động này của bà chẳng qua là cố gắng muốn gạt bỏ tất cả những gì dính líu đến tuổi trẻ và sắc đẹp. Khi bà còn son trẻ, khi bà có chín gã đàn ông say mê theo đuổi, quỳ xuống chung quanh bà thì bà rất lo ngại trong việc bảo vệ xác thân, như thể giá trị người con gái là ở tính nết đằm thắm đoan trang chứ không phải ở sắc đẹp bên ngoài. Giờ đây, bà không những

đã mất hết vẻ nết na đằm thắm, bà còn thẳng tay đập phá nó cho tan tành ra nữa. Bà dùng sự luông tuồng, thô bỉ để vạch ra lằn ranh ngăn cách đời bà, với bà sự trẻ đẹp chỉ có ở đầu môi chót lưỡi người đời, nó tuyệt đối không có một giá trị gì cả.

Tôi thấy cuộc đời Tereza là hậu quả của hành vi bà mẹ cô, hành vi cố ý gạt bỏ hình ảnh người con gái đẹp ra khỏi đời sống cô, bà vất bỏ nó ra tuốt đằng sau lưng cô.

(Và nếu Tereza có dáng đi rụt rè, nếu cử chỉ cô thiếu vẻ dịu dàng, duyên dáng thì chúng ta cũng đừng nên ngạc nhiên: hành vi, ngôn ngữ hung tợn, thô bạo, đầy chất tự hủy của mẹ cô đã để lại dấu hằn không sao xóa nhòa được trong tâm khảm cô.)

8.

Bà mẹ Tereza đòi hỏi phải có công lý. Bà muốn thủ phạm làm đời bà khốn khổ phải đền tội. Đó là lý do tại sao bà trì kéo Tereza vào cái thế giới luông tuồng, thô bỉ của bà, thế giới không có chỗ đứng cho tuổi trẻ và sắc đẹp, thế giới trống rỗng ngoại trừ những trại tập trung khổng lồ lúc nhúc thân xác người nằm xếp lớp bên nhau, thế giới không có phần tâm hồn.

Bây giờ chúng ta có thể hiểu rõ hơn ý nghĩa, tật xấu bí mật của Tereza, tật hay nhìn mặt mình trong gương. Nó là trận chiến không ngừng giữa cô với bà mẹ. Nó là ý muốn khát khao thân xác mình không giống những thân xác khác, để thấy nét mặt bên ngoài là đoàn thủy thủ từ dưới hầm tàu chạy túa lên boong vui sướng ca hát. Cô thấy khó khăn lắm: tâm hồn cô - một tâm hồn sâu thẳm, nhát nhúa, chìm đắm - nằm yên ẩn nấp tận dưới đáy lòng cô. Cô thấy xấu hổ khi phải trưng bày nó ra cho mọi người xem xét.

Thế rồi cái hôm đầu tiên cô gặp Tomas. Lách người qua bọn đàn ông ồn ào, nồng nặc hơi rượu bia trong tiệm ăn, thân xác cô lún xuống dưới sức nặng khay bia cô bưng trên tay, và tâm hồn cô thì ở lưng chừng đâu đó, khoảng ngang bụng hay cạnh sườn. Tomas cất tiếng gọi cô. Tiếng gọi có một ý nghĩa rất lớn, bởi vì nó xuất phát từ một người không biết chút gì về bà mẹ cô và đám đàn ông say sưa miệng không ngớt buông lời chọc ghẹo chớt nhả này. Vai trò một người ngoại cuộc đã đưa Tomas lên cao, vượt hẳn những người tầm thường khác.

Điều nữa khiến anh được cô đặc biệt chú ý: trước mặt anh là một quyển sách đang xem dở. Xưa nay, có ai bước vào tiệm ăn này mà lại đem theo sách ngồi đọc bao giờ đâu. Dưới mắt Tereza, sách vở là biểu tượng cho hội tình thương bí mật. Bởi vì khí giới cô có duy nhất trong tay để chống chọi với cái thế giới thô bỉ, nhơ nhớp chung quanh cô là những quyển sách cô mượn từ thư viện thành phố. Nhất là những quyển tiểu thuyết. Cô đọc bất

cứ quyển gì cô vớ được trong tay, từ Fielding cho đến Thomas Mann. Sách vở không những giúp cô tạm thời thoát ra khỏi đời sống buồn nản, chán ngắt cô đang vướng mắc, nó còn mang một ý nghĩa khác nữa: cô rất thích đi bộ xuống phố, trên tay ôm một quyển sách. Đối với cô quyển sách có ý nghĩa như cách đây gần thế kỷ người đàn ông lịch sự, bảnh bao cầm trên tay cây can khi bước ra đường. Nó làm cô khác những người chung quanh.

(So sánh quyển sách với cây can không được chính xác tuyệt đối lắm. Cây can làm người đàn ông lịch sự, bảnh bao kia không những khác người, nó còn làm ông ta hợp thời trang, mới mẻ. Quyển sách làm Tereza khác người, nhưng trông cô cũ kỹ, quê mùa làm sao. Dĩ nhiên cô còn quá trẻ để thấy cô cũ kỹ quê mùa đến đến mức nào dưới mắt người khác. Cô thấy đám trai trẻ qua lại trên đường phố với chiếc máy thu thanh áp sát vào tai trông thật ngớ ngẩn, dị hợm. Dưới mắt cô, bọn con trai đó không có gì tân tiến, mới mẻ cả.)

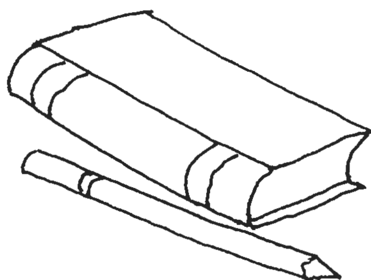
Vì thế người đàn ông cất tiếng gọi cô trong tiệm ăn của khách sạn là người lạ mặt và cũng là hội viên của hội tình thương bí mật. Anh gọi cô bằng giọng từ tốn, nhã nhặn, và Tereza cảm thấy tâm hồn cô đột nhiên như muốn vùng lên chạy xuyên qua trăm ngàn sợi mạch máu li ti, tràn lên mặt và nôn nóng muốn hiện ra cho anh thấy.

(Còn tiếp)
MILAN KUNDERA



KIM THI *phụ trách*

ngày... tháng...



Dưới hình thức nhật ký, ở những trang sau, độc giả sẽ tiếp cận với mọi vấn đề, không chỉ liên quan đến văn học nghệ thuật, mà có thể sẽ bao gồm nhiều lãnh vực khác. Đây là vùng đất tự do, không của riêng ai, Hợp Lưu rất mong văn hữu và độc giả tiếp tay đóng góp.

*

Ngày 4 tháng 4, 1992

Nếu so tuổi tác, anh không lớn hơn tôi bao nhiêu, và trong văn giới, anh hình như cũng chỉ mới xuất hiện sau 1975 tại hải ngoại. Nhìn vào số lượng tác phẩm anh đã cho ra đời, đóng góp của anh chưa thể gọi là đồ sộ. Tuy nhiên, đó thực sự là những "tác phẩm", nếu hiểu hai chữ "tác phẩm" như là những công trình tim óc cẩn trọng. Tôi quý anh. Và vì quý anh, thỉnh thoảng có dịp đến địa phương anh cư ngụ, thế nào tôi cũng thu xếp đến thăm anh.

Trong căn phòng khách đơn sơ nhưng ấm cúng, ngót bốn tiếng đồng hồ, chúng tôi đã nói với nhau khá nhiều vấn đề. Tựu chung, đó là những vấn đề liên quan xa gần đến văn học nghệ thuật.

Bây giờ, trên đường về, chiếc xe chạy êm giữa mênh mông bóng tối. Đêm đã khuya, xa lộ 101 hun hút trước tầm mắt, tôi vừa lái xe, vừa miên man nghĩ về những điều chúng tôi đã trao đổi, và nhận ra, dù tuổi tác không cách xa nhau nhiều lắm, nhưng quan niệm của anh và tôi, thật quá đổi dị biệt. Điều đó khiến tôi xao xuyến buồn! Cùng sinh trưởng và lớn lên

ở một nửa miền đất nước, cùng có chung một quá khứ, một nền giáo dục, cùng hít thở một bầu khí chính trị, mà đã thế, huống gì đối với những người ở bên kia, những người, suốt ba mươi năm chiến tranh và mười bảy năm cách chia bởi một đại dương vời vợi, làm thế nào để họ hiểu được chúng ta, và ngược lại? Tôi tự hỏi, những nỗ lực tôi và bằng hữu tôi đang làm, liệu có ích gì không? Liệu có thay đổi được một nếp nghĩ, những nếp nghĩ, đã chai lì, đã hóa đá, đã trở thành bản năng?

Anh nói: "Tại sao quan tâm đến họ nhiều thế? Phải giữ phẩm cách của mình chứ!". Phẩm cách? Tôi hiểu ý anh. Anh muốn nói đến cái chỗ đứng lưu vong của các nhà văn sống bên ngoài đất nước. Hay rõ hơn, chỗ đứng của những người từng từ bỏ một chế độ, để tự chọn cho mình một thế sống, đối nghịch từ căn bản với nơi chốn mình đã từ bỏ. Nhưng tôi rất muốn hỏi anh, cái chỗ đứng đó, nó chỉ tạm thời (mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm... chỉ là thoáng chốc, nếu lấy lịch sử làm đơn vị đo lường), hay sẽ vĩnh viễn? Và chỗ đứng đó, có được, do bởi thái độ phân định chánh tà nặng tính chất chủ quan của chúng ta hay do giá trị tự thân của mỗi tác phẩm? Tôi thì cho rằng, khi anh ném tác phẩm ra ngoài cuộc đời, là chính nó đã có riêng cho nó một định mệnh rồi. Nếu nó thực sự giá trị, dù người ta muốn xóa đi cũng chẳng cách nào xóa nổi. Ngược lại, nếu chỉ là hàng mã, dẫu có giữ "phẩm cánh" cách mấy chăng nữa, nó vẫn bị ngọn lửa tương lai đốt rụi. Lịch sử bao giờ cũng là thước đo chuẩn xác nhất cho những giá trị. Vấn đề của chúng ta hôm nay, bây giờ, không phải mãi loay hoay bảo vệ cái "phẩm cách" vốn dĩ rất mù mờ kia, mà một cách nào đó, chúng ta, mỗi chúng ta, phải quyết liệt với chính bản thân, can đảm vượt bỏ quá khứ, can đảm trực diện với lòng mình: nhà văn, anh là người của đám đông, của dân tộc, anh đau chung nỗi đau của họ, anh vui chung niềm vui của họ. Khi anh dời bỏ vị trí đó, để chỉ loay hoay bảo vệ cái "phẩm cách" của mình, thì tôi e rằng anh đã quay lưng với chức năng của người cầm bút. Còn câu hỏi: tại sao chúng tôi quan tâm đến họ nhiều thế? (trong câu hỏi, có hàm ý: chúng ta đã quên mất chúng ta, đã lơ là với chúng ta). Thưa anh, họ là ai? Chúng ta là ai? Họ và chúng ta chẳng phải là người Việt Nam ư? Họ và chúng ta không phải đang sử dụng tiếng mẹ đẻ để tạo thành tác phẩm, làm giàu cho gia tài văn hóa dân tộc ư? Vâng, nói trắng ra, ừ thì chúng tôi có quan tâm đến họ thật. Nhưng tại sao? Anh tin tôi đi, chắc chắn chẳng phải vì hoang mang chao đảo, cũng chẳng phải vì tác phẩm của họ hay ho vĩ đại gì (cái này, phàm những ai từng hệ lụy với chữ nghĩa, đều có khả năng để thẩm định, sàng lọc), mà chỉ vì, trong giai đoạn này của lịch sử, họ cần thiết lắm, họ là hạt nhân, là ngòi nổ, là chất xúc tác, và nhất là vì cái chỗ đứng của họ, cái chỗ đứng của những người từng là "ruột thịt" với chế độ, tiếng nói họ

ném ra hẳn nhiên có trọng lượng nhiều lần hơn tiếng nói của chúng ta, những người dù muốn dù không đã là những kẻ bên lề, những kẻ bỏ chạy. Tôi yêu lắm, kính trọng lắm các nhà văn của miền Nam trước đây đã và đang bị tù đày kìm kẹp, nhưng xin cho tôi được cúi đầu tạ lỗi: liệu họ có còn đủ "trọng lượng" để tạo nên một cơn lốc lớn, một trận cuồng phong? Tôi nghĩ, họ đã làm xong, làm trọn vai trò lịch sử của mình, một cách dũng cảm. Mai sau, thế hệ tương lai chắc chắn sẽ không quên tri ân họ, còn bây giờ, xin đừng dùng họ như một thứ bung xung, một phương tiện.

Nói tóm lại, phẩm cách của anh, vâng, rồi sẽ được xác lập, chẳng ai tranh dành và cướp đoạt được đâu. Chỉ có điều, là nhà văn, anh có nghĩ rằng, đôi khi ta phải tạm quên mình đi, nếu sự quên mình đó, trong một giới hạn dẫu rất khiêm nhường, biết đâu sẽ góp phần giúp cho bánh xe lịch sử chuyển động nhanh hơn? Tôi luôn nghĩ rằng, chính cái đó mới là "phẩm cách" anh cần bảo vệ. Chuyện "tao đúng, mày sai", "tao hay, mày dở", "tao thật, mày giả"... Ôi thôi, không khéo lại trở thành chuyện đàn bà tủn mủn: "Áo tôi đẹp hơn áo chị", "tiệm làm tóc tôi sang hơn tiệm chị", "chồng tôi lương cao hơn chồng chị"... Văn chương chữ nghĩa nào có "xuống cấp" đến như vậy, phải không anh?!

Anh cũng nói: *"Bổn phận của nhà văn là phải viết cho hay, cho tốt, phải vượt lên trên những sinh hoạt có tính cách chính kiến, giai đoạn. Hãy tách rời thời sự ra khỏi văn học."* Tôi lại muốn hỏi anh: Thế nào là hay, là tốt? Tách được chăng cái giới hạn bất khả phân ly giữa văn học và thời sự? Đâu là chỗ đứng thực sự của nhà văn trong cuộc đời này? Bổn phận của người cầm viết, lương tâm và trách nhiệm (những phạm trù tầm thường kia - cứ cho là như thế) gắn bó một cách hữu cơ với văn chương chứ? Tách làm sao, tách thế nào khi anh còn bóp đầu, vắt tim sử dụng chất liệu từ cuộc đời để làm nên tác phẩm? Tách làm sao, tách thế nào khi quê hương anh, đất nước anh, sáu mươi lăm triệu đồng bào anh đang mỏi mòn chờ đợi một phép lạ, cái phép lạ mà chính anh - kẻ nhạy cảm nhất - phải tiên phong gióng lên tiếng trống hô hào? Tách làm sao, tách thế nào khi mỗi chữ anh viết xuống, đều mang trong nó hơi thở Việt Nam, cảnh thổ Việt Nam, sông núi Việt Nam, tình tự Việt Nam, cho dù nhân vật của anh có đôi mắt xanh, có mái tóc vàng, là John, là Smith, là Pière chứ chẳng phải thầy Hai Quờn, ông chủ Thạnh, cô Năm Sa Đéc; cho dù bối cảnh tiểu thuyết của anh là San Francisco, là Paris, là Tokyo hay một nơi nào đó chẳng phải Sài Gòn, Hà Nội, Cà Mau; cho dù anh chọn phương pháp biểu đạt nào: hiện thực, siêu hình, huyền ảo, hoang tưởng...? Tách làm sao, tách thế nào khi cho đến hôm nay, sau mười bảy năm xa lìa tổ quốc, trong anh vẫn hiển hiện mồn một hình ảnh những đứa trẻ còi xương lang thang đầu đường xó chợ? Hình

ảnh những trại tị nạn chen chúc như nêm, nơi mà thú tính và bản năng của con người tha hồ bộc phát? Hình ảnh những bé gái mười hai mười ba, những thiếu nữ đang độ dậy thì, những chị, những em, những mẹ sau muôn vàn đớn đau khổ nhục, đã bị ném xuống biển sâu? Hình ảnh những chia lìa đổ vỡ, ly tán phát sinh từ hoàn cảnh chao đảo quê người? Tách làm sao, tách thế nào khi mỗi ngày qua đi, sớm mai thức dậy, nhìn quanh, chỉ thấy quạnh hiu nỗi đời lưu lạc, cho dẫu anh đã vợ con, cửa nhà, tài sản vững chải: anh no đủ thừa mứa vật chất nhưng khánh kiệt làm sao một giải nắng mong manh trên rào dâm bụt, một tiếng chim cu dọc lũy tre làng, một dề lục bình trôi lang thang giữa dòng kinh ngầu đục phù sa?

Anh muốn tách lắm sao? Anh muốn văn chương nghệ thuật của anh phải vượt qua, vượt trên những cái có vẻ ngang tầm thời sự kia thật sao?

Như vậy, "nhà văn, tiếng nói của lương tri, kỹ sư của tâm hồn". Như vậy, "nhà văn, loài chim báo bão", chỉ là những câu nói làm dáng cốt mua vui?

Thú thật với anh, lòng tôi hoang mang quá đỗi!

Ngày 11 tháng 4, 1992

Nhật báo Người Việt, phát hành tại Nam Cali, số 2379, ra ngày hôm nay, trong mục *Thư Sài Gòn* có một bài viết làm tôi bàng hoàng nhiều giờ liền. Đó là bài *Phùng Gia Lộc Trước Hai Cỗ Quan Tài* của một người ký tên Lê Hạ Vân, gởi từ trong nước ra. Xin hãy cùng tôi đọc lại vài đoạn trong bài viết này, để thấy cái "giá" mà một nhà văn phải trả cho những dòng chữ trung thực của mình.

PHÙNG GIA LỘC TRƯỚC HAI CỖ QUAN TÀI

Không thể nào xua đuổi khỏi đầu óc hai cỗ quan tài dính liền với tên tuổi của người viết đã nổi bật dậy từ cõi âm u ấy. Hai cỗ quan tài đóng bằng ván rẻ tiền đặt nằm sẵn trong nhà để đợi người sẽ nằm xuống. Hình ảnh thật rùng rợn làm sao! Và phải chăng vì cái sống được đặt cận kề với cái chết như vậy, mà con người chợt thấy phải kêu gào lên những gì cần nói, cần trối trăn lại, trước khi vĩnh biệt cõi đời. Người ta không thể nói điều gì không khẩn thiết, không thật, trước khi nằm vào lòng hòm đang đợi sẵn ấy.

Hai chiếc quan tài. Một của mẹ anh, và một của anh.

Cỗ quan tài thứ nhất nằm ở bút ký *Cái Đêm Hôm Ấy... Đêm Gì* viết vào cuối năm 1987, ghi lại một thực trạng nông thôn Việt Nam ngày nay. Chuyện có thật, xảy ra tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào năm 1983...

... anh Phùng Gia Lộc, một người vừa dạy học vừa viết văn, sau đó chuyển hẳn sang làm cán bộ văn hóa, vào cuối năm 1983, được ở nhà chờ quyết định về "nghỉ chế độ". Anh cũng như bạn anh là Lê Trung Quang, trưởng phòng tổ chức ủy ban huyện Thọ Xuân, đều sống trong tình trạng cực kỳ túng thiếu: "Nộp sản đi rồi lúa đã cạn, khó mà ăn thấu Tết được", nghĩa là cơm cũng không có mà ăn. Vợ con anh cũng như con chó mực trong nhà đều gầy trơ xương vì thiếu ăn (cả nhà sống nhờ vào mấy luống rau cải của chị). Buổi tối ấy, khi anh về nhà, một nắm gạo được thổi lên thành cơm cho riêng một mình anh trước con mắt thèm thuồng của thằng con nhỏ, chỉ được ăn cháo rau má với mẹ và "anh Học". Anh cay xè cả mắt, than : *"Làm con người mà miếng cơm vào bụng vẫn không đủ thì sống thế nào!"* Trong khi đó, mẹ già anh, năm ấy đã 75 tuổi, mặt mũi *phù nề và vàng ủng như quả thị rụng*, sắp chết. Bởi thế, vợ chồng anh đã lo sẵn một cỗ quan tài cho cụ, chờ ngày cụ đi thì *có cái áo mà mặc*. Cái hòm được đặt dưới gầm bàn thờ, nơi kín đáo và thiêng liêng nhất của căn nhà xiêu vẹo.

Đêm hôm ấy, một đêm trời rét cắt da cắt thịt. Vừa lúc bà cụ vừa than xong *"Rau cải ế nhăn. Đói. Chả mấy người mua", thì có người đến hỏi mua rau cải của vườn chị, lại năn nỉ để lại "vài cân" ngan hoặc gà, là thứ mà chị chỉ có vài con, cố nuôi để dành cho ngày trăm tuổi cụ.*

"À, mua cho mấy thằng về đội ta thu sản, khuya các hắn đớp. Đội và quản trị thuê khoán tôi nấu". Lại rì rầm bỏ nhỏ cho hay "đêm nay là đêm đồng khởi *thu sản, tổng quát cả xã". Lại lo lắng dặn dò: "Bác có thiếu sản thì liệu mà xoay đi!"*

Thu sản là thu thuế ấy mà. Chẳng khác nào Tây thời Pháp thuộc, nhưng khủng khiếp hơn nhiều, vì là nhân danh tổ quốc, nhân danh "cách mạng". Chồng lo lắng hỏi vợ: *"Nhà mình còn thiếu của hợp tác xã bao nhiêu lúa nữa?"* Vợ cáu gắt, rít lên: *"Có biết thế này, đái tòe toe vào, chứ vội gì lôi về. Cha đời! Bữa trước thì tuyên bố vớt được mấy ăn nấy, người ta mới hụp lặn xuống nước lụt mà khở từng bông lúa. Nay lại giở trò giảm tỷ lệ"... "Còn thiếu một tạ mười hai cân... Đã nói khất rồi. Không cho khất thì nhà đấy, có dỡ được, đến mà dỡ"...* Rồi vợ rên rỉ như sắp khóc: *"Chả nhẽ kiếm liều thuốc chuột cho vào nồi cháo ăn chết cả nhà cho sướng cái đời..."*? Cuối cùng, gần mười hai giờ khuya ở nông thôn, cả nhà mới đi nằm. Anh ngủ với hai thằng oắt trong ổ rơm dưới bếp, trong nỗi bồn chồn lo sợ.

Rồi... *Cái Đêm Hôm Ấy*, chuyện gì phải đến đã đến. Bọn đi thu thuế gồm công an, dân quân, vào lúc gần một giờ sáng, ập đến các nhà nợ thóc sau khi từng hồi kẻng giục giã liên hồi bùng nổ khắp nơi, *"Tiếng loa phóng thanh mở hết cỡ đọc bản tin, kế hoạch huy động lương thực của tỉnh và chỉ thị của tỉnh ủy về công tác lương thực. Hoàng Văn Nhân, đội trưởng đội 12,*

đọc trên loa danh sách những nhà thiếu thóc chưa giao nộp cho hợp tác xã. Đèn đóm soi rừng rực ở các ngã đường. Chó sủa ơi là chó sủa..."

Chúng đang hoành hành ở ngoài kia. Hai thằng con anh nằm thin thít không dám cựa, nghe tiếng bà hàng xóm đang van xin chúng khi chúng "xiết" lấy chiếc xe đạp, cả phích và xô... để trừ thuế.

Rồi thì tới phiên nhà anh bị gõ cửa liên hồi theo với những bước chân rần rần, rịch rịch. Ba đứa con anh khóc thét, run lên bần bật. Bọn thu thuế xông vào nhà, hung hăng, đầy sát khí. Vợ anh lên lời năn nỉ, mẹ anh góp tiếng than van. Anh chạy ra trụ sở hội, tìm phương kế cứu vãn tình thế. Nhưng vô phương. Công an nhắc lại: *"Mất mùa màng, lợi ích thứ ba của người lao động phải hy sinh cho lợi ích nhà nước*". Bằng mọi giá, phải trả nợ thiếu của nhà nước! Cuối cùng, tên hộ pháp cao lớn nhất trong bọn khám phá ra chiếc quan tài nằm dưới bàn thờ, và nghi ngờ, chúng đạp lật nghiêng một cái, nắp ván hòm bung ra, lúa ở trong đổ ra rào rào. Thì ra cỗ quan tài có giấu lúa. Tất cả chừng một tạ, của vợ chồng anh và hai người con gái bà cụ chung góp, "để dành hôm sau", chờ bà về cõi chết thì làm đám.

Lại khóc lóc, lại van xin thương cho thân già. Nhưng vì bị đá vấp gậy, bà cụ ngã chỏng quèo như chiếc ghế đổ. Vợ chồng anh xúc hết lúa ra thúng, hì hục gánh đi trong đêm, ra trụ sở nộp, trong khi bà cụ vật vã và gào lên:

- *Ôi, Đảng ôi là Đảng ôi! Chính phủ ôi! Trông xuống mà coi!*

Trên đây là tóm lược bút ký *Cái Đêm Hôm Ấy... Đêm Gì?* của Phùng Gia Lộc, một trong những người đầu tiên châm ngòi *Văn Chương Phản Kháng* ở quê nhà, mà hình ảnh cỗ quan tài cứ ám ảnh tâm trí tôi mãi, từ ngày đọc nó đến nay. Văn chương như thế, nhất định là Sự Thật, là Tiếng Kêu Gào, là Chuông Báo Động, là Lời Trăn Trối, chứ không thể là thứ gì khác.

Và đây, Phùng Gia Lộc với cỗ quan tài thứ hai, không phải nằm trong một thiên bút ký nào khác của Phùng, mà là ở vài bài viết của bạn hữu dành cho anh, sau khi anh nằm xuống, ngay tại căn nhà của anh tại Phú Yên, trong lòng chế độ mà anh sinh trưởng.

Cỗ quan tài đã nằm đó ngay từ khi thân nhân và bạn hữu cảm thấy rằng anh chẳng còn sống được bao lâu nữa, và một người bạn từ huyện Ngọc Lạc đã lo trước cho anh "cái áo để mặc" một khi trở về với lòng đất lạnh, như trước kia vợ chồng anh và con cái đã nhịn cá phần ăn để lo "cái áo" cho mẹ già. Mua gỗ ván, thuê thợ đóng, chở đến tận nhà, và đặt nằm ngay trước mặt người sắp chết, đó là món quà đặc biệt mang đầy tính chất bi thảm đến rùng rợn hãi hùng, mà có lẽ chỉ có người Việt Nam, nhà văn Việt Nam mới điềm nhiên đón nhận, để mà vui mừng cảm kích, cầm bút đề một bài thơ. Thơ rằng:

Sự đời còn muốn nói chăng ai

Khát khao quan giỏi hóa quan tài
Bề ngoài phủ lớp sơn hào nhoáng
Kỳ thực bên trong chực nuốt người
(Phùng Gia Lộc)
Vẫn còn đùa được cơ đấy...
...
(Trích Người Việt).

Vẫn còn đùa được cơ đấy! Đùa ngay với chính cái chết sắp đến với mình. Tôi nghĩ, hoặc giả phải có một lòng can đảm vô biên, hoặc giả đang mang trong đầu niềm tuyệt vọng tận cùng đối với đời sống, người ta mới đạt tới sự dửng dưng kinh hoàng đến thế. Nhưng Phùng Gia Lộc đã không thể tiếp tục đùa giai, anh đã ra đi vào 8 giờ sáng ngày 25-2-1992 (theo tin của tuần báo Văn Nghệ, số 10 (1678), thứ bảy, 7-3-1992), trong khánh kiệt và sau một thời gian dài tật bệnh, thiếu thốn thuốc men. Tôi hình dung một căn nhà xiêu vẹo, mái tranh, vách đất, nơi vợ chồng con cái anh triền miên bữa cháo bữa rau, nơi có chiếc quan tài bằng ván tạp, rẻ tiền, "cái áo" anh đã mặc, gia tài cuối cùng theo anh vào lòng đất lạnh. Tôi cũng hình dung đến những nhà văn nhà thơ hiện nay đang sống tại hải ngoại, hàng ngày ngồi trước màn ảnh computer, hả hê gõ xuống những ô vuông màu ngà, làm bật lên không biết mệt những lời rủa sả căm thù, những giọng điệu mỉa mai cay độc, để ném vào "cái gọi là một dòng văn chương phản kháng"! Tôi tự hỏi hành động đó, so với hành động của "tên hộ pháp", đạp đổ cái quan tài chứa thóc dành làm đám tang cho bà mẹ già của Phùng Gia Lộc, có khác gì nhau không? Câu hỏi khiến ngực tôi tức nặng, câu hỏi khiến ruột gan tôi cồn cào, câu hỏi khiến tôi không ngăn nổi một tiếng thở dài. Sự bất nhân ở đâu cũng có, nhưng sự bất nhân trước cái chết của đồng loại, có lẽ là hành vi bạo ngược nhất mà con người đã nghĩ ra.

Ngày 20 tháng 4, 1992

Tôi vẫn muốn quên đi những tranh chấp, cải vả chẳng bao giờ đi đến đâu về cái gọi là lằn ranh Quốc/Cộng đã và đang làm tổn hao giấy mực một cách vô ích hiện nay tại hải ngoại. Tự nhủ: sẽ chẳng thèm lý đến làm gì. Bao nhiêu lần ngồi một mình trong đêm, tôi đã trút xuống trang giấy những dòng chữ bực dọc, nhằm trả lời cho những luận điệu cực kỳ cay độc, thậm chí đôi khi bất chấp cái nguyên tắc sơ đẳng nhất của báo chí: lòng trung thực và ý hướng cải thiện. Nhưng rồi tôi lại xóa đi, lại cố gắng bình tĩnh, cân nhắc, cảm thông. Freeway thênh thang của nước Mỹ, những năm bảy lane,

đến giờ cao điểm vẫn kẹt cứng, phải nhích từng thước một, huống hồ cái truông hẹp đầy rẫy chướng ngại dẫn về quê hương.

Nhưng rồi những sự việc xảy ra hàng ngày, quanh tôi, vẫn như những cái gai nhọn, chọc vào mắt, khiến muốn quên vẫn chẳng thể quên.

Mới ngày hôm qua, khi một người bạn đưa cho một người bạn khác, gốc quân nhân, bài thơ của một thi sĩ trẻ trong nước. Anh vui vẻ: "Đọc đi, hay lắm". Người bạn gốc quân nhân liếc nhanh bài thơ, liếc tên tác giả, rồi hằn học: "Hay gì, cái thứ Việt cộng!". Tôi nhìn bạn tôi, tôi nhìn ánh mắt ngẩn ngơ bẽ bàng của anh, và đọc được ở đó sự buồn nản ê chề. Tôi hỏi bạn tôi "Thơ của ai vậy?". "Của..., một người làn thơ trẻ". "Năm nay cô ấy bao nhiêu tuổi?". "Khoảng trên hai mươi". Tôi tính nhẩm, trên hai mươi, có nghĩa là vào năm 1975, cô ấy còn thò lò mũi xanh, và có thể còn... ở truồng! Đã đành người bạn gốc quân nhân của chúng ta căm thù Cộng sản, đã đành những năm tù tội đã tạo cho anh một cái nhìn khắt khe với kẻ thắng trận, đã đành anh dứt khoát không "đội trời chung" với cái chế độ đã từng đày đọa anh và đồng đội anh. Anh có lý của anh. Nợ nần đó, nếu không xóa được, thì "sống để dạ, chết mang theo"! Hãy thông cảm cho anh, không phải ai sinh ra đời cũng đều có một tấm lòng đủ rộng, một trí óc đủ lớn để vượt trên thảm kịch cá nhân hầu mưu cầu cho lợi ích chung! Nhưng, người nữ thi sĩ trẻ ấy, đối với anh, đối với chúng ta, có tội tình gì? Nếu có tội chăng, là cái tội cô đã sinh ra ở Việt Nam, đã làm người Việt Nam, đã chịu một nền giáo dục của Việt Nam, và đã sử dụng ngôn ngữ Việt Nam để ghi lại những cảm xúc của mình!

Này cô thi sĩ trẻ tuổi đáng thương, cô bất hạnh lắm, biết không? Nếu 1975 gia đình cô rời khỏi nước, và cô lớn lên ở đây, hẳn bây giờ cô đã ngồi trong giảng đường đại học, đã lái xe vi vút trên freeway, đã nói năng suy nghĩ bằng ngôn ngữ "quốc tế", đã không hàng ngày lóc cóc đạp xe trên những con đường lồi lõm ổ gà để đến trường, hoặc đến sở làm, đã không lợi dụng những ngày cuối tuần để bương chải đầu tắt mặt tối ngoài chợ trời, trong quán bia ôm, hay thậm chí trong những ổ điếm trá hình để kiếm thêm lợi tức hầu "cải thiện" đời sống của cô, của gia đình cô. Tất cả những khổ nhục đó tích lũy trong trái tim cô, thay vì bật thành tiếng kêu đau thương thì nó đã đã được gạn lọc để làm nên những dòng thơ no ứ tình người. Và cô đã được trả giá thế nào? Tại quê nhà, chắn hẳn những bài thơ ấy không đổi được một lon gạo, một bó rau. Bên này đại dương, người ta xếp cô vào hàng ngũ "kẻ địch", và với họ, "kẻ địch" là đồng nghĩa với tội ác, với phi nhân, với tù đày, với giết tróc, với khủng bố. Bây giờ người ta không thèm đọc cô, đã khá, vài ba năm trước đây, tác phẩm của cô có thể bị cột dây treo cổ, bị dồn đống giữa parking lot làm mồi cho lửa! Đó là cái giá cô

phải trả, dù chưa bao giờ vay. Khi cuộc chiến tranh đang xảy ra, cô chưa chào đời, khi chế độ mới ngự trị ở miền Nam, cô còn ngủ vùi trong lòng mẹ vào những buổi tối họp tổ dân phố, và cha cô thì đang trầm luân đâu đó trên miền thượng du: ông phải trả giá cho cái "tội" của một người đã trót chiến bại!... Vậy mà, ngày nay, người ta gọi cô là "cái thứ Việt cộng"! Và người ta căm thù! Cô biết không, cô đang mang trong bản thân một tội tày đình: tội làm người Việt nam da vàng máu đỏ!

Này cô thi sĩ trẻ tuổi đáng thương, xin đừng vội buồn, nỗi bất hạnh đó không chỉ một mình cô, hay thế hệ của cô gánh chịu. Tôi nghĩ rằng nó đang được chia đều cho tất cả những con người Việt Nam trong thời đại này, ở bất cứ nơi nào trên mặt địa cầu. Đó là định mệnh khốc liệt mà dân tộc ta phải gánh chịu. Người bạn gốc quân nhân của tôi chắc hẳn không sung sướng gì hơn cô đâu. Anh đã phải từ bỏ một quá khứ, mà trong khả năng của anh, có thể gọi là vàng son. Anh cũng đã từ bỏ một quê hương, cũng trong khả năng đó, nếu không có ngày 30 tháng tư, đến giờ này, anh có quyền ngẩng mặt nhìn lên, có quyền nhà cao cửa rộng, có quyền vợ đẹp con khôn, có quyền ăn trên ngồi trốc, chứ không buộc phải đắm chìm trong áo cơm lận đận giữa ghẻ lạnh quê người. Lòng căm hờn của một người bị đánh mất tương lai, cô hiểu, nó dai dẳng và xót xa đến chừng nào!

Xét cho cùng, thế hệ chúng tôi, cái thế hệ đã có quá nhiều hệ lụy với quá khứ, của bên này hoặc bên kia, sẽ chẳng làm gì được cho quê hương đâu, nếu không muốn nói, ngược lại, chúng tôi đã làm chậm đi dòng chảy của lịch sử. Vậy thì, cô hãy cứ viết, cô hãy cứ tiếp tục cái công việc bạc bẽo đang làm. Tôi còn nhớ đã đọc ở đâu đó, rằng lịch sử sẽ chỉ được làm nên bởi tuổi trẻ. Trong văn chương Việt Nam, Bình Nguyên Lộc cũng đã đã nói đến ý này qua "Rừng Mắm". Cô hãy quên chúng tôi đi, như quên những đôi giày đã cũ, đã mòn, đã rách, đã trở nên vô dụng! Tôi đang cố gắng thật khách quan để nói với cô điều đó, vì điều đó, nếu đặt vào địa vị người bạn gốc quân nhân của tôi, nó nào khác gì những nhát dao bén, cứa chậm trên từng khúc ruột!

Và cô tin thêm một điều này nữa, cô chẳng bao giờ cô đơn. Điều đó, đã hẳn, ở ngay chính trên quê hương, mà điều đó, cũng đã hẳn, ở bên ngoài đất nước, bắt nguồn từ những người cũng trẻ như cô, cũng không hệ lụy với quá khứ như cô. Họ tuy không nhiều, nhưng cũng đủ để tạo nên những hạt nhân quý. Đó là những người, theo tôi được biết, đang dò dẫm từng bước trong gian nan (vì họ phải học lại ngôn ngữ mẹ đẻ của mình, phải tìm hiểu lại lịch sử, văn hóa, tập quán của dân tộc mình) để tạo thành văn chương, thơ ca, nghệ thuật. Và họ cũng như cô, không nhìn văn chương, thơ ca, nghệ thuật qua cái lăng kính tối ám của chính kiến, của chủ nghĩa. Họ là

những người đang sống ngoài quê hương nên thấy rất rõ điều này: ngày nay người ta không đánh nhau bằng ý thức hệ, bằng súng đạn nữa, cuộc chiến tranh đó hao tổn quá nhiều máu xương. Ngày nay người ta đánh nhau bằng một thứ vũ khí khác, tuy vô hình nhưng không kém gay gắt: ấy là quyền lực kinh tế, chiến tranh của đô la và vật chất. Trong cuộc chiến này, loài người không chết ngay bằng mìn, chông, đại bác hay vũ khí hóa học, mà sẽ chết dần mòn, thoi thóp bằng thiếu ăn, thiếu thuốc, thiếu quần, thiếu áo. Cho nên họ hiểu căm thù chỉ tạo thêm căm thù, giết tróc chỉ nẩy sinh giết tróc, chỉ có yêu thương và đùm bọc, chỉ có nương vai vào nhau mà đi thì mới mong sống còn. Tôi tin, thế hệ của cô, sẽ chẳng bao giờ nỡ ném vào mặt nhau những lời tàn độc: "Cái thứ Việt cộng", hay "đồ lưu vong mất gốc". Hãy trả những câu nguyền rủa đó lại cho chúng tôi. Chúng tôi, một thế hệ sắp bị lịch sử chôn vùi. Chúng tôi, những gốc cây già sắp bị tương lai đốn ngã. Cô cũng đừng e ngại rằng cái nhìn của họ về cuộc đời, con người, xã hội... sẽ khác cô. Lý do thật giản dị: họ đang viết bằng tiếng Việt, đang sử dụng ngôn ngữ Việt, trên một bình diện nào đó, tôi nghĩ, là điều đáng mừng. Biết đâu, qua họ, văn chương Việt Nam sẽ bát ngát hơn, cao rộng hơn, phơi phới hơn. Đã đến lúc thế hệ trẻ của cô phải khai tử đi cái nền văn chương ao tù nước đọng, cái nền văn chương chỉ thấm đẫm căm thù và đau thương, cái nền văn chương chỉ gào lên những tiếng kêu hấp hối. Một dân tộc, một giống nòi không thể vươn cao lớn mạnh, nếu những hạt mầm chỉ được gieo dưới đáy sâu tăm tối thiếu ánh mặt trời.

Và, cô cũng hãy cố lạc quan để tin đi, thêm một điều nữa: Rồi ra, người bạn gốc quân nhân của tôi, sẽ phải có một ngày chịu đọc đến cô. Trừ phi, anh chấp nhận cái thân phận của một cánh bèo bị cuốn phăng trong dòng chảy vô tình của lịch sử. Nếu điều đó xảy ra, âu cũng chuyện chẳng đặng đừng. Hãy rộng lòng với bạn tôi. Hãy tha thứ cho anh ấy. Cô cứ đi đi, muộm lắm rồi, lịch sử không có thì giờ để ngoái lại, đợi chờ. Nhân danh một kẻ đã từng trầm luân trong cuộc chiến, đã mang trong người không ít thương tích - cả trên thân xác lẫn tâm hồn - tôi tha thiết mong cô chân cứng đá mềm.

Ngày 25 tháng 4, 1992

Đọc *Nhật Ký Nguyễn Ngọc Lan* (Nhà xuất bản Tin, Paris 1991), thấy vẽ ra trước mắt - qua những nhận xét dí dỏm, thông minh, nhạy cảm, đôi khi cười ra nước mắt - một bối cảnh Việt Nam lầm than, tha hóa, phá sản đến tận căn rễ. Sau đây là vài đoạn liên quan đến chuyện văn chương:

"Thưa các thiên thần bé bỏng
Tôi gặp sáng nay trên đường có hàng me xanh ngắt
Những hàng me đã đi vào vô số các bài thơ
...
Mới chỉ lên năm lên mười
Đang đuổi theo chiếc lá me lăn tăn ngoài phố
...
Những thiên thần dễ thương quá đỗi
Sau phút đùa chơi lại trật tự nghiêm trang
Nối đuôi nhau xếp hàng
Để người lớn đưa vào xem... máy chém
Đưa vào xem những chai lọ thủy tinh không có chú cá phướn
Bồng bềnh, trôi nổi những xác người
Nhăn nhúm co quắp
Thưa các người lớn
Những nhà dìu dắt
Có ai đi mua đồ chơi là những chiếc máy chém
Tặng sinh nhật con mình?
Có ai mua tặng cho cô bé lên mười xinh xắn
Những xác người trong chiếc lọ thủy tinh?
Đố quí vị đêm nay sẽ có bao nhiêu thiên thần
Trong giấc mơ ôm mặt khóc
...
Thưa những người đã lớn
Chúng mình đã đi qua chiến tranh
Tuổi thơ tôi là mái nhà rơm lửa
Giấc mộng kinh hoàng
Thưa các thiên thần
Hãy mãi mãi hỏi một câu không bao giờ được giải thích,
Chiến tranh, tội ác là gì?
Đừng bao giờ em hỏi
Máy chém để làm gì?

Mấy câu thơ trên trích từ Thư Gởi Các Thiên Thần *của Đỗ Trung Quân.*

Mười ngày trước đây, buổi chiều, mình gặp ĐTQ ở nhà anh chị Biên. Quân nói với mình tất cả sự phẫn nộ chưa nguôi vì sáng hôm đó thấy mấy thầy cô đưa một đám học sinh cấp 1 vào nhà "Trưng Bày Tội Ác Mỹ Ngụy" xem máy chém và mấy cái lọ đựng quái thai...

Một đoạn khác:

Anh chị Phúc Châu mời bạn bè tới nhà ăn tất niên. Nguyễn Quốc Thái đưa Trần Mạnh Hảo tới. Tác giả Ly Thân *nói chuyện cởi mở. Đúng là anh xuất thân từ chủng viện Trung Linh (Bùi Chu) rồi đi bộ đội, vượt Trường Sơn (nhưng lúc gian nguy quá thì lại... khấn Đức Mẹ), ở chiến trường miền Nam cho đến 75.*

Anh kể chuyện mấy năm trước, sau một bài nói chuyện nào đó của Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh với giới văn nghệ, báo chí, anh về quê thăm ông bố vẫn là người giữ đạo nghiêm túc. Ông bố làm tiệc rượu đãi con và bạn bè. Ngà ngà say, ông đứng lên ôm con vừa cười vừa khóc: "Mày là nhà văn phải không con? Tao mừng cho mày bây giờ được cởi trói". Mấy tháng trước đây, Trần Mạnh Hảo lại về quê thăm ông bố. Lại một bữa rượu tưng bừng. Ông bố lại ngà ngà say rồi cũng lại đứng lên ôm con vừa khóc vừa cười: "Mày là nhà văn phải không con? Tao buồn cho mày bây giờ bị cột lại. Mà mừng hay buồn mà làm chi? Tao phải hỏi mày trước đã: nhà văn chúng mày là con người hay con mèo, con chó mà khi được cởi trói, khi bị cột lại như vậy, hở con!"

Một đoạn khác nữa:

Hai anh em họ Cao tới thăm, có ý khuyên mình thận trọng về Dương Thu Hương. Mình cám ơn thiện chí của họ: thận trọng thì mình vẫn thận trọng (...) Nhưng khi một nhà văn trẻ không sẵn thành tích hay vết tích chính trị "ngồi bệt xuống cỏ" mà nói chuyện đất nước, chẳng lẽ cũng phải nghi kỵ đến mức không dám nói tới hay nói chuyện với hay sao?

- Những điều DTH nói ra như thế có thể là một đòn ma quái để thăm dò dư luận.

- Các anh nghĩ người ta có thể ngây thơ đến nỗi còn cần phải thăm dò như vậy mới biết được là 99% dân chúng đều nghĩ như DTH hay sao? DTH chỉ diễn tả sắc nét và đến nơi đến chốn điều bàn dân thiên hạ vẫn nghĩ thôi.

KIM THI



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới

Các tác phẩm sau đây đã được bày bán tại các nhà sách. Hợp Lưu trân trọng giới thiệu cùng độc giả:

CUỘC PHIÊU LƯU CỦA MỘT GIA ĐÌNH NÔNG DÂN, tiểu thuyết, hai tập, của Thập Lang. Hình bìa Trương Anh Quân. Đánh máy và trình bày Đoàn Hồng Phúc, Trương Anh Quân. Ấn phí 17 Mỹ Kim cho mỗi tập. Liên lạc: Thập Lang. P.O Box 721992, Houston, Texas 77272-1992, USA.

Cuốn tiểu thuyết dày 700 trang, ghi lại bước thăng trầm của cuộc đời một người đàn ông mang tên Khánh Thọ, trải dài suốt bốn mươi năm, kinh qua bao nhiêu biến động xã hội, kể từ đầu thập niên ba mươi, tại Việt Nam.

Để có cái nhìn khái quát về tác phẩm tương đối đồ sộ này, có lẽ không gì xác thực hơn là chính tác giả nói về nó:

... Từ Xô Viết Nghệ Tĩnh, đến cuộc khởi nghĩa Quỳnh Lưu đẫm máu, dưới con mắt một sử gia, đó là hai sự kiện lịch sử đối kháng nhau trong mục tiêu cũng như ý thức tranh đấu. Nhưng đứng trên cái nhìn về "con người" và "con người thực", hai sự kiện đó là một. Đây là cái "ngửng mặt lên" của đám nông dân ngàn đời nghèo đói, ngàn đời cúi xuống nhặt những hạt cơm rơi, từ mâm cơm của các thế lực, đứng trên lưng trên đầu họ. Cái ngửng mặt không lấy gì làm kiêu hãnh, hiên ngang như những ngòi bút chính trị gian dối tô màu, nhưng nó dũng cảm. Cái dũng cảm của một con thú đến lúc cùng đường, thất thế...

... Tất cả chỉ là bản nhạc đệm trong một cuốn phim mà Khánh Thọ là một diễn viên bất đắc dĩ, trong một cuộc phiêu lưu di truyền của dòng máu cha ông để lại. Dòng máu luân lưu trong huyết quản mới đích thực là thủ phạm. Thời thế, hoàn cảnh, chỉ là môi trường xúc tác, yểm trợ cho cuộc phiêu lưu trường kỳ này... (Lời Vào Truyện)

Sự thật lịch sử và hư cấu tiểu thuyết đã hòa quyện vào nhau, tạo cho tác phẩm một sức nặng, đè lên tâm não chúng ta, nhất là lớp người trên dưới năm mươi, lớp người dù muốn dù không vẫn phải chịu ảnh hưởng trực tiếp những biến động khốc liệt của một giai đoạn lịch sử.

MỘT THOÁNG TRONG MƠ, thơ, nhạc, hòa âm của Nguyễn Tấn Hưng, tựa Hà Huyền Chi, Bìa Đồng Trung Dư, phụ bản Nguyễn Nhật Tân, phác thảo chân dung Vivi Võ Hùng Kiệt, nhạc Phan Ni Tấn, Nguyễn Tấn Hưng, hòa âm Linh Phương, Miệt Vườn xuất bản. Giá 8 Mỹ Kim.

Trong vài năm trở lại đây, người ta thấy Nguyễn Tấn Hưng xuất hiện trên báo chí với nhiều bài viết thuộc đủ mọi lĩnh vực: thơ, văn, nhạc, tùy bút, tạp bút, tạp ghi, phê bình... Nếu xét về lượng (căn cứ trên đầu sách) thì ông đang là một cây viết có sức sáng tác mạnh. Tuy nhiên, có nên chăng nếu Nguyễn Tấn Hưng tự giới hạn mình ở một vài lĩnh vực sở trường, hầu giữ vững được bản sắc đặc thù của văn chương ông, như đã, trong *Một Thuở Làm Trùm?*

SÓNG LỪNG (MAFIA VIỆT NAM), tiểu thuyết của Triệu Xuân, Hồng Lĩnh tái bản tại Hoa Kỳ, trong "Tủ Sách Đen". Bìa Khánh Trường. Giá 14 Mỹ Kim.

Tuy là tiểu thuyết, nhưng Sóng Lừng dựa vào những dữ kiện thực đã xảy ra tại Việt Nam, trong các cơ cấu chính quyền, xã hội và giới lãnh đạo. Cuốn sách đã vạch trần nhiều chuyện kinh khủng nhất từng được xem là thuộc loại "thâm cung bí sử" của một số người, những thế lực đã và đang lèo lái vận mệnh đất nước.

Tác phẩm bị tịch thu ngay khi vừa phát hành, làm "thay chủ đổi ngôi" một số những lãnh tụ, những tai to mặt lớn trong cơ chế nhà nước Việt Nam.

GIỌT NƯỚC MẮT THỦY TINH, truyện dài Lê Thao Chuyên, tạp chí Yêu xuất bản. Bìa chân dung tác giả, màu. Không đề giá bán.

Lê Thao Chuyên là một một trong vài ba người viết khỏe nhất tại hải ngoại hiện nay. Sách của chị xuất hiện đều, mỗi năm vài ba cuốn, ngang ngửa với một cây viết phái nam khác: Hoàng Việt.

BÊN LỞ BÊN BỒI, tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc. Bìa, phụ bản Đinh Cường. An Tiêm xuất bản lần thứ nhất tại Hoa Kỳ. Giá 10 Mỹ Kim.

Sách dày trên hai trăm trang, gồm 14 truyện ngắn có tên theo thứ tự: Như Khói Như Mây, Chi Lạ Rứa?, Áo Màu Xanh, Mây Lạc, Phàn Lê Huê, Bên Lở Bên Bồi, Máu Se Tàn Lạnh, Ma Nữ, Tuyết Trắng, Tình Bậu Muốn Thôi, Chuyện Nhà, Xin Đón Xem Hồi Sau Sẽ Rõ, Trăng Biển, Bài Thơ Cho Ngôi Nhà Thờ Đá.

Viết về tác phẩm thứ hai này của Nguyễn Thị Hoàng Bắc, nhà văn Nguyễn Mộng Giác cho rằng: *Giống như trong* Long Lanh Hạt Bụi, *những*

truyện ngắn trong Bên Lở Bên Bồi *của Nguyễn Thị Hoàng Bắc không có "chuyện" hiểu theo nghĩa thông thường, nghĩa là có gặp gỡ, trắc trở, và hạ hồi kết cuộc. Đời sống của cả dân tộc lẫn tác giả có quá nhiều bất trắc chông chênh để văn chương Nguyễn Thị Hoàng Bắc là những mẫu đời tròn trịa, hợp lý. Truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc toàn là những mảnh đời mong manh bắt đầu bằng những kỷ niệm, trải dài qua thăng trầm của thời thế, và thường không biết kết thúc ở đâu. Nhiều truyện chấm dứt ở chỗ lửng lơ. Nhiều chuyện khác dứt ở một tiếng thở dài. Giọng văn linh hoạt của* Long Lanh Hạt Bụi *thuở đầu, qua* Bên Lở Bên Bồi *trở thành trầm lắng hơn, bùi ngùi hơn, tiếng cười chưa tắt nhưng đã nhuốm chút đắng cay, hoang mang.* Bên Lở Bên Bồi, *tác phẩm thứ nhì của Nguyễn Thị Hoàng Bắc đánh dấu sự chuyển biến quan trọng ấy của nhà văn.*

THÀNH ĐÔ GIÓ BỤI, tập truyện Nguyễn Văn Ba, Bìa tác phẩm nhiếp ảnh của Lê Quang Xuân, Bình Minh xuất bản.

Là tác phẩm thứ ba của Nguyễn Văn Ba, sau **Phận Đàn Bà** (viết chung với Nguyễn Bạch Mai) và **Làm Dâu Lãnh Nợ Gác Cu Cầm Chầu. Thành Đô Gió Bụi** gồm 12 truyện ngắn: Thành Đô Gió Bụi, Về Miệt Vườn Ăn Tết, Đất Lạnh Tình Nồng, Hắn, Ngỡ Ngàng, Mua Quà Giáng Sinh Cho Bà Xã, Dưới Tàn Cây Ô Môi, Ông Thiếu Tá Hải Quân Và Cây Ổi Xá Lị, Một Đoạn Đời Sinh Viên Tị Nạn, Anh Mười Vạn, Tiếng Pháo Đêm Xuân, Con Khỉ Nhà Tôi.

Cùng với nhiều cây viết khác miền Nam khác, Nguyễn Văn Ba đã góp phần tạo nên một dòng văn chương có nhiều nét đặc thù trong văn học Việt Nam. Qua những nhan đề chúng tôi vừa trích dẫn bên trên, ít nhiều độc giả đã hình dung được bản sắc văn chương của Nguyễn Văn Ba: mộc mạc, chơn chất, và dĩ nhiên là hết sức trong sáng, tình nghĩa.

NIỀM VUI UNG THƯ, tập truyện của Trần Long Hồ, bìa, phụ bản Đinh Cường, Minh Văn xuất bản. 194 trang. Giá 10 Mỹ Kim.

Gồm bảy truyện ngắn: Sao Còn Đau Như Xưa, Người Sống Đã Chết, Bên Này Sóng, Thôi Im Cho Qua Đi, Niềm Vui Ung Thư, Chiều Mưa Rồi Cũng Qua, Phải Đành.

và **CỐI SA MÙ, truyện dài, tập một trong bộ trường thiên DUNG THÂN, cũng của Trần Long Hồ. Bìa Đinh Cường, Minh Văn xuất bản. Sách dày 452 trang. Giá 18 Mỹ Kim.**

Trong hai năm trở lại đây, Trần Long Hồ đã nhanh chóng trở thành một nhà văn có sức sáng tác sung mãn nhất. Sau *Ngày Quanh Quẩn,* tập

truyện, vừa xuất hiện cách đây không lâu, bây giờ chúng ta lại có thêm *Cõi Sa Mù* và *Niềm Vui Ung Thư*.

Qua Trần Long Hồ, nói riêng, và những đầu sách xuất hiện đều đặn hàng tháng của các tác giả khác, nói chung, chúng ta có đủ lạc quan để tin rằng: dòng văn chương hải ngoại chẳng những không rơi vào tình trạng "trì trệ, bế tắc" như một vài nhà văn đã âu lo, mà ngược lại, mỗi ngày một chững chạc hơn, phong phú hơn, từ hình thức đến nội dung. Ngoài những bộ trường thiên của Nguyễn Mộng Giác: *Mùa Biển Động, Sông Con Mùa Lũ*, chúng ta lại đã có thêm *Cuộc Phiêu Lưu Của Một Gia Đình Nông Dân* của Thập Lang, và bây giờ, *Dung Thân* của Trần Long Hồ. Hãy khoan xét vội về phẩm, chỉ dựa trên lượng, kẻ bi quan nhất cũng không thể phủ nhận được xu thế mạnh mẽ, sung mãn của một dòng văn học lưu vong. Thực trạng này đã chứng tỏ nỗ lực làm việc vô bờ bến khởi từ những người cầm bút hải ngoại. Hầu như không một nhà văn nào sống được bằng ngòi bút, và công việc áo cơm hàng ngày thì vô cùng đa đoan, thế nhưng, bằng cách này, cách khác, những nhà văn của chúng ta vẫn kiên trì, bền bỉ và can đảm đem tim óc mình tạo thành tác phẩm, cống hiến cho đời. Sức làm việc của họ rất xứng đáng để chúng ta, những độc giả, nghiêng đầu kính phục, đồng thời càng tin tưởng hơn, rằng, sẽ có một ngày, tác phẩm của họ sẽ có được chỗ đứng xứng đáng trong lòng người đọc, không phải chỉ trên dưới hai triệu người đang sinh sống ngoài quốc gia, mà là gần 70 triệu người, trải dài từ Nam Quan đến Cà Mau.

Theo tác giả, *Cõi Sa Mù* là quyển truyện dài đầu tiên trong bộ trường thiên *Dung Thân*. Bối cảnh được xây dựng tại một thị xã nghèo nàn và heo hút ở miền Nam, đó là Chương Thiện sau bị đổi tên là Vị Thanh. Thời gian của truyện bất đầu từ những năm sau 1975.

Do bối cảnh rộng lớn của tác phẩm, một vài dòng giới thiệu chắc chắn không đủ để độc giả nắm bắt được nội dung của tác phẩm. Chúng tôi trân trọng mời độc giả tìm mua *Cõi Sa Mù*, để cùng chia xẻ với tác giả những gian nan, khổ nhọc, chắc chắn không thể không có, suốt quá trình hình thành tác phẩm. Có lẽ đó là cách hay nhất để khích lệ những nhà văn của chúng ta tiếp tục con đường họ đã chọn.

CƠN MƯA DỘI BÙN, tập truyện Phạm Miên Tưởng, bìa Hạ Vũ Trân Cơ, phụ bản Vũ Thái Hòa, Văn Nghệ Xám xuất bản. Giá 13 Úc Kim.

Tác phẩm thứ năm của Phạn Miên Tưởng, một nhà văn hiện sống tại Sydney, Úc Châu, sau *Nắng Vàng* (thơ), *Mưa Hiền* (thơ), *Đất Bằng Nổi Sóng* (tập truyện), *Cửa Ngoài* (tập truyện). *Cơn Mưa Dội Bùn* gồm tám truyện ngắn: Cuộc Hẹn, Người Bạn Học Cũ, Một Người Thứ Ba, Ngôi

Trường Nằm Trong Nghĩa Địa, Người Đàn Bà Có Quán Cà Phê Trên Đảo, Một Ngày Cuối Năm, Cơn Mưa Dội Bùn, Người Đâu Gặp Gỡ Mà Chi.

Về hình thức, tập truyện *Cơn Mưa Dội Bùn* đã có một bước tiến rõ rệt so với các tác phẩm trước của Phạm Miên Tưởng: Trang nhã và rất văn nghệ.

Về nội dung, vẫn những truyện ngắn mang "ý đồ" rõ rệt. Phạm Miên Tường viết văn không có tính cách "vô thưởng vô phạt" nhằm đáp ứng nhu cầu "giải trí" của một số độc giả nào đó. Truyện của ông, là những suy tư, trăn trở, dò tìm không nguôi.

Hình như con người chỉ là "một nửa" vì thế nên luôn luôn sống trong tình trạng lấp đầy. Sự thiếu hụt tất yếu mang tính cách lịch sử đó, con người gồm những dục năng căn bản, dự phóng tới đàng trước và ở tương lai. Rồi lỡ là người hiểu như một khiếm khuyết nền tảng; con người luôn sống ở khuynh hướng đi lên, khát khao những thứ chưa có, những điều kiện ở ngoài mình... (Một Người Thứ Ba).

Mua sách: Phạm An. P.O.Box 833 Bankstown NSW, 2200 Australia.

AI LAO, CÁI ĐẸP VÀ CON NGƯỜI (Viễn Phương 1992), tuyển tập văn, thơ, nhạc và biên khảo về Ai Lao, Phan Đình Thìn xuất bản và phát hành. Paris 1992. Giá 75FF.

Với sự hợp tác của Vân Đài, Vi Khuê, Bích Vân, Hoàng Cơ Thụy, Thái Văn Kiểm, Phạm Trọng Nhân, Võ Thu Tịnh, Trần Quang Hải, Nguyễn Tầm, Lê Nguyên Dũng, Cuồng Vũ, Hoàng Hội Tao Nhân, Đinh Nho Tiêu, Phan Tình, Lộc Nguyên, Văn Tấn Phước, Du Tử Long, Nhật Tảo, Ngân Đoài, Hàn Lệ Nhân.

Đất nước Ai Lao được vẽ lại một cách rõ nét, cụ thể qua thơ văn, nhạc và biên khảo của những tác giả chúng tôi vừa nêu trên. Đó là những người đã gắn bó ít nhiều với vùng đất hiền hòa này. Bạn đọc nào muốn biết rõ hoặc biết thêm về Ai Lao, xin tìm đọc tác phẩm trên.

Mua sách, liên lạc: Madame Phan Đình, 2 Avenue de la Convention 77184 Emerainville, France.

NGƯỜI VỀ, tập truyện Trần Thị Diệu Tâm, bìa Vũ Thái Hòa, nhà xuất bản Nam Á, Paris. 280 trang, giá 75FF. Hoa Kỳ và Canada 12 Mỹ Kim.

Gồm 13 truyện ngắn có tên theo thứ tự: Đêm Thánh Vô Cùng, Lời Tự Khai, Ngôi Thánh Đường Ở Lisieux, Gió Khuya, Một Ngày Cuối Đông, Nhớ Ngày Cuối Đông, Nhớ Ngày Di Tản, Mùa Lúa Mới, Người Về, Hôn Thú Trắng, Tìm Trong Quá Khứ, Vỹ Tuyến, Bông Hải Đường, Ngày Hè Trên Biển.

Không biết có phải vì thổ ngơi chăng, mà rất nhiều nghệ sĩ, trên mọi lãnh vực, đều xuất thân từ miền đất ở phía bên kia đèo Hải Vân, thường được gọi là đất Thần Kinh. Tài năng của những vị này không chỉ giới hạn tại địa danh họ cư ngụ, nó vượt qua ngọn đèo nổi tiếng hùng vĩ, đổ về phương Nam, nó phóng ngang sông Bến Hải - chứng tích bi thảm của ba mươi năm chia cách - trải rộng trên miền Bắc. Đôi người còn phá bỏ được cái biên giới hữu hạn của quốc gia, để trở thành vốn quí của nhân loại. Cùng với những người nữ nổi tiếng một thời sinh trưởng tại miền đất này: Tuý Hồng, Nhã Ca... Ngày nay chúng ta có thêm Trần Thị Diệu Tâm, và tập truyện đầu tay: *Người Về*. Với châm ngôn *Viết để vinh danh con người*, Trần Thị Diệu Tâm đã gởi đến chúng ta những truyện ngắn hiền hòa, trong sáng, chân thật, bằng một văn phong giản dị, không làm dáng chuốt lọc, không cầu kỳ bí hiểm, cũng không gắng sức chuyên chở bất cứ vấn đề gì to tát. Văn chương với đời sống quanh chị: những niềm vui và nỗi buồn, những mất mát và thành tựu, những khổ đau và hạnh phúc... gắn bó một cách hữu cơ với nhau. Người đọc sẽ dễ dàng nhận ra, trong hầu hết 13 truyện ngắn của Trần Thị Diệu Tâm, bóng dáng rất thân quen của ta, của bằng hữu bè bạn và con người quanh ta. Đọc văn chị, là một cách soi vào chiếc gương trong, để nhận diện lại chân dung mình. Cái chân dung tưởng như quá đỗi tầm thường, nhưng không có nó, chắn hẳn sẽ không có cuộc đời.

CHÂN DUNG THƠ LUÂN HOÁN, cảm nhận của 30 văn thi họa sĩ về các thi phẩm đã xuất bản của Luân Hoán. Nguyễn Đông Ngạc và Thái Tú Hạp chủ biên. Bìa Hồ Đình Nghiêm. Sông Thu xuất bản 1992. Giá 12 Mỹ Kim.

Đây là tập hợp những cảm nhận của một số văn thi họa sĩ về một người thơ đã có quá trình hệ lụy dài lâu với thi ca. Theo lời vào tập của nhà xuất bản, những bài viết, những bản vẽ xuất hiện trong *Chân Dung Thơ Luân Hoán* đã được góp nhặt không phân biệt, không chọn lựa và in thành sách với mục đích giản dị: làm một món quà kỷ niệm tặng người thơ Luân Hoán vừa tròn 28 năm có tác phẩm đã ấn hành. Tính từ *Về Trời*, năm 1964 đến *Cảm Ơn Đất Đá Trổ Thơ, Lòng Ta Hạt Bụi Vu Vơ Bám Hoài* năm 1991.

30 mươi tác giả góp mặt trong tác phẩm này là: Bùi Bảo Trúc, Chu Vương Miện, Đỗ Quí Toàn, Đinh Cường, Hoàng Trọng Bân, Hoàng Xuân Sơn, Hồ Công Tâm, Hồ Đình Nghiêm, Hồ Trường An, Khánh Trường, Lê Nhật Thăng, Lê Quang Xuân, Lưu Nguyễn, Nghiêu Đề, Ngu Yên, Nguyên Sa, Nguyễn Đông Ngạc, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Tấn Hưng, Phan Ni Tấn, Song Thao, Thái Tuấn, Thái Tú Hạp, Trang

Châu, Trần Hoài Thư, Trương Quốc Huy, Võ Đình, Võ Kỳ Điền, ViVi.

CHIẾC CHÌA KHÓA, nguyên tác Junichiro Tanizaki, bản dịch Phạm Thị Hoài. Bìa Đinh Cường. Hồng Lĩnh tái bản tại hải ngoại. Giá 10 Mỹ Kim.

Hai cuốn nhật ký, một của người chồng, một của người vợ, đan cài, bổ sung lẫn cho nhau để đẩy tấn bi kịch gia đình từ một xung đột tay đôi, lên một tam giác tình yêu.

Tác giả Junichiro Tanizaki là một trong vài nhà văn hiện đại lớn nhất của Nhật Bản, đã từng được đề cử để xét tặng giải Nobel về văn chương. *Chiếc Chìa Khóa* đã được dựng thành phim và dịch ra 24 thứ tiếng.

Qua bản dịch của Phạm Thị Hoài, tác phẩm đã được in tại Việt Nam và sau đó bị tịch thu ngay, vì bị xếp vào loại "dâm thư".

Nhưng đối độc giả ở ngoài nước, trong môi trường tự do của văn hóa, có cơ hội tiếp xúc với mọi loại tác phẩm, kể cả những tác phẩm nằm trong lĩnh vực tính dục thuần túy, thì *Chiếc Chìa Khóa* tuy đã đụng chạm tới cái "taboo" cấm kỵ của phong tục Á Đông: Tình yêu thế tam giác giữa mẹ vợ và con rễ, được sự "tiếp tay" vô thức và ý thức của cha vợ và con gái, nhưng xuyên qua mối tình có tính cách vô luân này chúng ta sẽ nhận thấy, ẩn chứa trong câu chuyện là cuộc giằng co quyết liệt giữa hệ đạo đức truyền thống phương Đông trong tình yêu và hôn nhân, và hệ giá trị phổ biến của cuộc sống trong xã hội Nhật Bản hiện đại, được phơi bày bằng một ngòi bút tài hoa, làm bật lên muôn vàn xung động hết sức tinh vi và điển hình của tình yêu, tính dục, tình vợ chồng, của quan hệ giữa cha mẹ và con cái, của lý trí và thân xác, của tuổi tác, cái chết và những khát khao vĩnh cửu, của ước vọng tự do, giải phóng con người, nhất là giải phóng phụ nữ, nhưng cũng là sự băng hoại đau xót của từng cá nhân trong chính quá trình vươn tới tự do ấy.

Một tác phẩm nên đọc, đáng đọc.

DÒNG LỆ THƠ NGÂY, thơ Huy Trâm, bìa Khánh Trường, tác giả xuất bản tại Orange 1992.

Người cựu thẩm phán công tố này, sau 7 năm tù cải tạo, 3 năm bị giam giữ vì lý do chính trị, đến Mỹ cuối năm 1991, ngoài đời, đã được anh em bằng hữu văn nghệ rất mực yêu mến, bởi bản chất hiền hòa vui vẻ.

Có lẽ từ cá tính đó, thơ ông tuy đề cập đến nhiều vấn đề mà bất cứ một cựu tù nhân nào khi cầm viết cũng phải nhắc đến khi ra được xứ người: tù đày, đói khổ, hoài nhớ gia đình, bơ vơ đất lạ... nhưng khác với nhiều người, những dòng thơ trong *Dòng Lệ Thơ Ngây* tuy có buồn, có chua cay, có đắng

chát, vẫn bàng bạc trên mỗi dòng, mỗi chữ là sự êm đềm, nhẹ nhàng của một người đã vượt qua được con dốc hận thù, để chỉ còn lại trong trái tim một thứ tình cảm vị tha. Và cũng có lẽ nhờ vậy, thơ Huy Trâm dễ đi vào lòng người, dễ ở lại với chúng ta.

Được biết, *Dòng Lệ Thơ Ngây* là tác phẩm thứ chín của Huy Trâm. Trong chín tác phẩm này, tập biên khảo *Những Hàng Châu Ngọc Trong Thi Ca Hiện Đại* xuất bản năm 1969 đã được trao tặng giải thưởng văn chương toàn quốc, cùng năm.

NGƯỜI TÌNH (L' Amant) của Marguerite Duras, bản dịch của Phạm Việt Cường. Tựa Mai Thảo, bìa Đinh Cường, Hồng Lĩnh xuất bản, 1992 tại Hoa Kỳ. Giá 12 Mỹ Kim.

"Cuốn *L' Amant*, như một ngược đường trở về một thời gian và một không gian xa thẳm, thời gian ấy là 60, 70 năm về trước, không gian ấy là một vùng trời đất Việt Nam, vừa là nơi chốn ra đời vừa là cửa ngõ vào đời, không phải là một bản thảo nhiều năm sau mới tình cờ thấy lại và bằng một tr1i nhớ bị bôi xóađến tận cùng như thế. Trái lại, và tại sao? Tại vì cái xứ sở thuộc địa cũ của "mẫu quốc" Pháp là Le Cochinchine, là miền Nam Việt Nam, tuy đã khuất cách nghìn trùng và không bao giờ trở lại đã có một tầm quan trọng và gắn bó rất lớn lao đố với Duras, không chỉ vì tình cảm và nội tâm bà mà còn với văn chương bà nữa." (trích tựa Mai Thảo).

Một cuốn sách nên có trong mọi tủ sách giađình.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



với văn hữu và độc giả

Thể theo yêu cầu của nhiều văn hữu và độc giả, ngoài phần trả lời thư, chúng tôi sẽ chọn đăng mỗi kỳ vài lá thư đã gởi về tòa soạn. Những lá thư này sẽ phản ảnh trung thực cái nhìn của người đọc đối với tờ báo. Qua đó, chúng ta sẽ hiểu hơn tâm tư tình cảm của người đọc. Cũng qua đó, chúng ta sẽ rút tỉa được nhiều điều hữu ích, hầu kiện toàn. Rất mong văn hữu và độc giả tích cực hơn nữa trong phần góp ý này. Hợp Lưu cũng xin lỗi các vị có thư trích đăng: toà soạn xin được phép sửa đổi đôi chút để câu văn gãy gọn hơn. Ngoài ra, tòa soạn TUYỆT ĐỐI tôn trọng nội dung của các lá thư.

THƯ BẠN ĐỌC

Nhìn chung, cần hoàn chỉnh hơn.

Là người theo dõi Hợp Lưu từ số ra mắt, tôi rất vui khi thấy lần đầu tiên tại hải ngoại, một tờ báo công khai minh định lập trường giao lưu văn hóa. Nếu lập trường này xuất hiện vài ba năm trước, tôi e rằng những người chủ trương sẽ gặp không ít khó khăn, thậm chí có thể nguy đến tính mạng, như trường hợp vài người cầm bút khác đã như thế, mà quí báo hẳn từng biết.

Lịch sử thế giới chuyển động quá nhanh, cái của ngày hôm nay tưởng là chân lý, ngày mai đã trở nên lạc hậu. Dĩ nhiên có nhiều điều chúng ta

không thể tiên đoán được, nhưng có một điều chắc như đinh đóng cột, là khi nào nhà văn Việt Nam còn dùng tiếng Việt để viết văn, thì tác phẩm của họ còn thuộc về gia tài văn hóa dân tộc. Mà lịch sử của một dân tộc, đâu phải chỉ xảy ra năm năm, mười năm, hay mười bảy hai mươi năm. Ông Thế Uyên rất có lý: *"Hận thù, đánh nhau tá đả, triệt hạ nhau không khoan nhượng... là việc của những người lãnh đạo chính trị, không ăn nhằm gì đến sự tồn tại của văn học"*. Cho nên *"những năm 75, 76 các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn đều bị tịch thu đốt bỏ hay bị xay thành giấy, để rồi đến năm 88, 89 lại được tái bản bày bán khắp nơi"*, và sẽ có một ngày, *"đám hậu sinh trong thế kỷ 21 sẽ học và nghiên cứu cả Tố Hữu lẫn Võ Phiến một cách thoải mái"* (Thế Uyên, *Vài Ghi Nhận Về Chế Độ, Dân Tộc và văn Chương*. Hợp Lưu số 1).

Hợp Lưu nhìn chung rất cấp tiến và can đảm, tuy nhiên vẫn còn nhiều mặt cần hoàn chỉnh hơn. Ví dụ phần lý luận. Tôi là một độc giả từng đọc rất nhiều sách bên trong, khách quan mà nói: chúng ta có thể hơn họ ở một số mặt, nhưng dứt khoát phần phê bình lý luận thì... nên xét lại! Dĩ nhiên nói như thế không có nghĩa tôi hoàn toàn bội phục họ, trái lại, tôi vẫn thường lấy làm khó chịu khi thấy - hoặc để làm một thứ mộc che, hoặc do được đào tạo từ trứng nước - họ bao giờ cũng nhìn mọi vấn đề qua lăng kính Mác xít. Điều này làm cho bài viết không thể tránh khỏi những giới hạn. Mong rằng quí vị làm công tác lý luận phê bình phía bên ngoài, có cơ hội tiếp xúc với nhiều hệ thống tư tưởng, sẽ làm tốt công việc này hơn, do bởi quí vị có nhiều lợi thế hơn: tự do và đầy đủ điều kiện, tư liệu.

Trần Hùng Tâm (Houston, Texas)

Sao mà khổ quá!

Tôi đã đọc những bài viết liên quan đến vấn đề "Thụy Khuê - Dương Thu Hương" trên nhiều tờ báo ở hải ngoại. Là một người trẻ trưởng thành từ bên ngoài đất nước, tôi may mắn không có một quá khứ nặng nề như quý vị, nên hết sức ngạc nhiên khi thấy quí vị, dù bênh, dù chống, dù tỏ ra rộng lượng hay hẹp hòi, cách nào, vẫn có một cái gì đó hết sức nặng nề nó níu phía sau lưng. Sao mà khổ quá! Cho nên tôi thích nhất bài viết của Đỗ Kh. Có lẽ ông này cùng thế hệ với chúng tôi, thưởng thức văn chương, tác phẩm không bằng cái "khẩu vị" đã bị bẻ cong bởi định kiến, lập trường. Ừ thì bà Dương Thu Hương can đảm. Ừ thì bà Thụy Khuê có lòng. Cảm ơn và bội phục. Nhưng "Tiểu Thuyết Vô Đề", tôi đồng ý với ông Đỗ Kh., không hay. Mà đã không hay thì... thôi, chúng ta tìm cái khác hay hơn mà đọc. Còn chuyện ai chính nghĩa hơn ai? Ai bất hạnh hơn ai? Ai đổ máu chết chóc

nhiều hơn ai? Ố là là, chiến tranh mà, lại là chiến tranh nồi da xáo thịt, vẻ vang gì đâu mà kể công với luận tội. Vả lại đó là công việc của lịch sử, mà lịch sử thì chẳng chịu bênh ai chống ai đâu. Từ từ rồi trắng đen đâu ra đó cả mà.

Alex Nguyễn, CA

Hư cấu và hiện thực.

Vài người bạn tôi cho rằng Trần Vũ, với *Mùa Mưa Gai Sắc*, đã ảnh hưởng nặng nề Nguyễn Huy Thiệp. Tôi không cho như thế. Mượn lịch sử để dựng thành tiểu thuyết, truyện, thơ, kịch theo quan điểm của mình đâu phải chỉ một mình NHT làm? Ở Việt Nam, trước 75, Nghiêm Xuân Hồng với *Người Viễn Khách Thứ Mười*, Dương Nghiễm Mậu với *Nhan Sắc*, Vũ Khắc Khoan với *Thành Cát Tư Hãn*... Nhìn ra thế giới, gần chúng ta nhất, Gabriel García Márquez rất thích sử dụng phương pháp này. Chẳng lẽ mấy vị đó ảnh hưởng lẫn nhau? Riêng tôi, *Mùa Mưa Gai Sắc* là một nỗ lực trong thử nghiệm của Trần Vũ. Hơi tiếc, truyện có nhiều chi tiết về tâm lý, địa lý, và thơ phú chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng. Đành rằng tiểu thuyết là hư cấu, nhà văn có quyền buông thả trí tưởng tượng, nhưng như thế không có nghĩa không cần tôn trọng một số những qui luật có tính cách "qui tắc". Ví dụ Trần Vũ viết bài phú của Ngọc Hân gồm 64 câu **thơ**. Chúng ta đều biết, thể phú đâu phải là thơ! Ví dụ Nguyễn Hữu Chỉnh *luồn tay vào trong yếm, ghì chặt lấy ngực nàng* (Ngọc Hân). Với chức phận, thân phận và trình độ trí thức của Nguyễn Hữu Chỉnh, ông ta chẳng ngu dại gì hành động một cách thảo khấu như thế, nhất là biết rằng Ngọc Hân sẽ là vợ Quang Trung, bộ ông ta "điếc" không sợ súng à? Ví dụ, đầm Thị Nại tuy gọi là đầm, nhưng thật ra đó là một vụng biển, nước mặn, trong vắt, hai bên bờ cát trắng phau, và rộng mênh mông, đứng bên này bờ không nhìn thấy bờ bên kia (Tiện nữ này là dân Bình Định chính hiệu con nai, bảo đảm điều trên đúng phóc 100%), làm gì có chuyện *vừa đục vừa tanh*? Làm gì có *những cánh bèo nổi lặng lờ như không muốn trôi*? Ví dụ *trong phủ Chúa, chốn sang trọng lộng lẫy nhất Thăng Long, từng mảng da beo lớn trải làm thảm lót chân, Huệ đi lại trên đó và* khạc nhổ *cũng trên đó*. Ngày trước cũng như bây giờ, phàm một người đã trở thành "nhân vật quan trọng", thì từ dáng đi, tướng đứng, cách ăn nói v.v... đều được một ban nghi lễ sắp đặt, nghiên cứu, hướng dẫn... Nhất là với một người xuất thân nông dân như Nguyễn Huệ, mặc cảm giai cấp càng khiến ông ta phải thận trọng hơn trong cử chỉ, thái độ và hành động, làm gì có chuyện "khạc nhổ" bừa bãi như thế?...

Tuy nhiên, phải công nhận Trần Vũ là một nhà văn có tài và óc tưởng tượng hết sức phong phú. Đã có lần, nếu tôi nhớ không lầm, bà Thụy Khuê cho rằng Trần Vũ ít vốn sống, truyện thường dựa trên hư cấu nên rất dễ rơi vào hời hợt thiếu chiều sâu (nếu tôi nhớ sai, kính xin bà Thụy Khuê thứ lỗi). Tôi xin phép không đồng ý với bà Thụy Khuê. Đành rằng vốn sống là cần thiết, rất cần thiết ở một nhà văn, nhưng nếu không có tài, và không biết sử dụng cái vốn của mình, tác phẩm có nguy cơ biến thành một mớ tạp nham tả chân vụng về. Ngược lại, khả năng hư cấu mạnh ở một nhà văn, cộng thêm kiến thức và kỹ thuật vững vàng, sẽ mở cho tác phẩm được nhiều bất ngờ. Trần Vũ, qua tập truyện *Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu* và hầu hết các truyện ngắn sau này của ông, đã chứng tỏ cho chúng ta thấy, ông là một nhà văn có khả năng và tài năng để chịu đựng được đường dài và thử thách của thời gian. Trở lại *Mùa Mưa Gai Sắc,* nếu không có một số những sơ xuất vừa nêu trên, tôi nghĩ rằng đó là một truyện ngắn rất hay.

Nguyễn Thúy Nga (San Jose, CA)

ước gì Hợp Lưu phổ biến trong nước

Về hình thức có lẽ còn lâu báo chí trong nước mới theo kịp. Về nội dung, khác với nhiều tờ báo cháu được đọc, Hợp Lưu rất cởi mở, rất công bình. Nhiều bài viết của các tác giả trong nước, cháu đã đọc, nhưng khi được in một cách trang trọng, sáng sủa, sạch sẽ, thấy giá trị hẳn lên. Riêng phần các tác giả ngoài nước, nhiều truyện và thơ làm cháu thích thú vô cùng. Ước gì Hợp Lưu được nhà nước cho phổ biến rộng rãi trong nước, để mọi người cùng thưởng thức.

Cháu đọc mục "Giới Thiệu Sách Mới", ngạc nhiên vô cùng khi thấy ở ngoại quốc người ta sáng tác mạnh quá. Chẳng biết nội dung thế nào. Mong rằng đừng như trong nước hiện nay, đa số toàn sách gì đâu, loạn xà ngầu cả lên, chẳng còn phân biệt nổi đâu là tốt đâu là xấu.

Nguyễn Thị Hoa (Vĩnh Long, Việt Nam).

thật đúng lúc

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được Hợp Lưu số 4 tháng 4 - 1992 do tòa soạn gởi cho chúng tôi. Kính cảm ơn ban chủ trương rất nhiều.

Như hạn hán gặp mưa rào, như trẻ thơ đói sữa mẹ, Hợp Lưu đến, với chúng tôi thật đúng lúc, mặc dầu chúng tôi nhận và liên lạc với Hợp Lưu hơi muộn so với các nơi khác, nhưng trễ còn hơn không, như vậy từ nay chúng tôi không lo đói "sữa mẹ" nữa rồi.

Chúng tôi là những Việt Kiều tại Bulgaria nói chung và Varna, thành phố Biển Đen của của Bulgaria nói riêng, như Hợp Lưu biết, chúng tôi gặp khá nhiều khó khăn do đủ mọi hoàn cảnh, nên không dám đòi hỏi nhiều, chỉ xin phép nếu có điều kiện thì Hợp Lưu gởi cho chúng tôi các tin tức, để chúng tôi chuyền nhau đọc, vì ở đây không có lấy một nguồn tin nào để có thể lấy đó làm chỗ dựa cho Dân Chủ, Bình Đẳng, Tự Do và Công Bình...

Tôi hiện là một sinh viên kinh tế tại Varna, thay mặt tất cả Việt kiều tại Varna, xin cám ơn Hợp Lưu một lần nữa, và luôn mạnh khỏe để làm chỗ dựa tinh thần cho chúng tôi.

La Anh Tuấn (Varna, Bungaria)

hy vọng sẽ nhận được Hợp Lưu thường xuyên

Không thể nói hết nỗi xúc động của chúng tôi khi nhận được số 4 tập san do các anh chị gửi tặng. Đây là lần đầu tiên chúng tôi được ngưỡng mộ một tập san đẹp và có tầm cỡ như thế. Xin cám ơn rất nhiều. Và chỉ riêng sự hiện diện của Hợp Lưu thôi cũng là một sự trân trọng, một sức động viên lớn đối với những ai say mê văn học nghệ thuật và có một chút trăn trở...

Rất tiếc bên này chúng tôi có những hạn chế bó buộc nhất định, dẫu sao cũng rất mong được đóng góp bài vở cho Hợp Lưu và hy vọng sẽ nhận được Hợp Lưu thường xuyên..

Phạm Trí Dũng (Moldova. Nga)

HỢP LƯU TRẢ LỜI BẠN ĐỌC

Anh NGUYỄN TRỌNG CHỨC (Báo Nghệ Thuật - Việt Nam): Cảm ơn những lời khen của anh. Vâng, dĩ nhiên là có nhiều điều "chưa hợp" giữa chúng ta, nhưng nhất định rồi sẽ "hợp". Nỗ lực của Hợp Lưu là từng bước một, tiến đến mục tiêu đó. Ba mươi năm chiến tranh, thêm mười bảy năm không có cơ hội "nói với nhau", nên sự cách ngăn, khác biệt trong suy nghĩ, trong cách nhìn về nhau hẳn nhiên là rất sâu đậm, không thể một sớm một chiều xóa bỏ ngay được. Vấn đề là chúng ta - những người làm văn học nghệ thuật - vốn nhạy cảm hơn người bình thường (và có lẽ do đó, cũng... xét nét hơn người bình thường) phải cố vượt qua những định kiến, hằn thù đã trở thành gần như bản năng, để đưa mọi người Việt Nam đến gần nhau, hầu góp phần tạo dựng một tương lai mới cho đất nước, một tương lai không còn bị kiềm tỏa, bủa vây bởi những giáo điều, dù phát xuất từ phe

"đỏ" hay phe "trắng". Chúng tôi cũng đã chuyển lời khen của anh đến nhà văn nữ Nguyễn Thị Hoàng Bắc. Chị ấy nhờ chúng tôi cảm ơn anh. Kính.

TRẦN MẠNH HẢO (Việt Nam): Ừ, tất cả chúng ta, những người chẳng may sinh ra trong thời đại này, và nhạy cảm thái quá với đời sống, thường phải nhận lãnh những hậu quả bất ưng. Bọn này cũng chẳng hơn gì cậu đâu. Nhiều lúc nản lắm, nhưng nếu không thế thì chức năng của người cầm bút dùng để làm gì? Cho nên, mặc, việc cần làm, cứ làm, ngoài ra, như cậu nói: "hãy để cái bọn chính trị chó ỉa đó đi chỗ khác chơi." Tôi thêm một chút: luôn cả bọn bồi bút (của cậu) và hung hăng con bọ xít (của tôi) nữa, đi chơi chỗ khác một thể, cho nó tiện. Thăm GT, cu Ngọt và Rừng. Quả đất tròn, rồi sẽ có ngày lại "thịt chó, nếp than" với nhau một trận. Thân mến.

Anh THƯỜNG QUÁN (Úc): Đã nhận thư và cái giấy "có trọng lượng". Vâng, sẽ gởi báo cho Cheo Reo. Nói chung, giới trẻ khoái bài viết đó lắm, nhưng những anh chị thuộc thế hệ trước lại cau mày, bảo: chuyện nghiêm trang, đâu có đùa được. Làm báo cũng giống như làm dâu trăm họ. Thân mến.

ĐOÀN NHẬT (VA): Cảm ơn anh đã khích lệ. Qua nhiều sóng gió, nhưng Hợp Lưu vẫn đi được đến số 5 (và sẽ còn đi dài dài), anh hẳn biết, chẳng phải chuyện dễ dàng. Thành quả đó tất nhiên không phải do vài mươi người trong ban chủ trương có thể lo được. Phần lớn, và quyết định, là nhờ vào sự ủng hộ của độc giả, nhất là độc giả dài hạn. Hợp Lưu hiện nay, về số bán, xét chung trên toàn thế giới, rất đáng lạc quan. Kính.

Bà TRẦN THỊ DIỄM (MA): Không phải chỉ mình bà hoang mang đâu, nhiều độc giả cũng có tâm trạng đó. Nhưng may quá, xin bà đọc trong số này, sẽ rõ. Hai người hàng xóm, cách nhau có một cái hàng rào, mà đôi khi còn "không thèm nhìn nhau", huống hồ là một người ở "phía bên kia", một người "phía bên này", chia lìa bởi ba mươi năm chiến tranh, mười bảy năm vời vợi một đại dương, thì chuyện xảy ra như đã xảy ra, âu cũng chuyện bình thường. Nhưng cái quan trọng nhất, và làm chúng ta nhẹ lòng nhất, là sự "nhìn thấy được nhau" đã trở nên hiện thực một cách nhanh chóng. Điều đó chứng tỏ, chỉ có những tấm lòng rộng, những trái tim thực sự đập chung một nhịp đập với quê hương, mới có thể rút ngắn dễ dàng khoảng cách, bất chấp thực tế địa dư, bất chấp chính kiến, định kiến, bất chấp cả những hằn thù quá vãng. Kính.

Ông NGUYỄN VIẾT SƠN (ÚC): Thành thật với ông: chúng tôi chỉ mới giao cho một nhà sách bên Úc bán Hợp Lưu, và độc giả dài hạn bên đó cũng chưa nhiều. Lý do: Thực tế địa lý không cho phép chúng tôi phát hành một cách rộng rãi. Vấn đề chúng tôi đang tìm cách khắc phục là làm thế nào để công chúng biết đến sự hiện diện của tờ báo. Có biết đến thì mới tính chuyện mua. Chúng tôi hiểu, người Việt hiện sống tại Úc Châu cũng như Âu Châu, tinh thần rất phóng khoáng, dân chủ. Có thể sẽ có người không bằng lòng với chủ trương của Hợp Lưu, nhưng chắc chắn sẽ không có những thái độ chống đối một cách... kỳ cục như tại Mỹ. Ở đây, đã từng xảy ra sự kiện "treo cổ sách", "đốt sách" cứ y như thời đại Tần Thủy Hoàng! Và thỉnh thoảng, giữa đêm, người chủ biên HL bị dựng dậy, để buộc phải nghe... chửi tục! Thậm chí HL còn nhận những lá thư rất... văn chương, đại loại như nhà văn VHQ cách đây vài ba hôm, đã "được" tặng cho một bài báo lá cải với không thiếu một ngôn từ hạ tiện nào, về việc ông đã "đầu têu" (chữ dùng trong bài báo) đứng ra xin chữ ký đòi hỏi nhà cầm quyền Hà Nội thả DTH, thuở bà bị cầm tù, kèm theo một thư tay có câu như thế này: "ĐM. mầy (trong thư không viết tắt), tên chó đẻ!" Ông thấy, ở Mỹ người ta sử dụng quyền tự do một cách "đẹp đẽ" như vậy đấy. Thật là hãnh diện cho cộng đồng lưu vong! Rất mong sự cổ động, giới thiệu của ông đến những bè bạn quen biết. Chúng tôi hy vọng, dần dần, sẽ bắt được những đầu cầu tốt, để tờ báo đến được tay người đọc một cách hiệu quả hơn. Kính.

Anh ĐOÀN XUÂN KIÊN (London, Anh): Rất cảm động khi nhận được phiếu mua báo dài hạn... 3 năm. Lai rai, cũng có vài độc giả "lạc quan" như anh, nghĩa là không sợ báo chết bất tử, họ gởi cho chúng tôi những số tiền vượt quá mức ấn định không những chỉ một năm, mà đến ba bốn năm, chỉ với lời dặn dò dễ dãi: chừng nào hết, xin cho biết! Chúng tôi hiểu, đây là cách yểm trợ tế nhị, có tính thuyết phục cụ thể nhất. Chân tình đó càng khiến chúng tôi "có trách nhiệm" hơn với công việc đang làm. Nghĩa là, bằng mọi giá, phải nuôi dưỡng tờ báo sống. Không những nuôi dưỡng mà còn phải quan tâm nhiều hơn, để mỗi ngày mỗi thêm khởi sắc. Rất mong anh cổ động Hợp Lưu đến nhiều độc giả Việt Nam ở xứ sương mù đó. Kính.

Anh NGUYỄN THỌ (Houston): Vâng, vì chuyện ấy, chúng tôi đã mất đi một vài người bạn, và đã chịu nhiều tai tiếng cười ra nước mắt! Kể cả những lời nguyền rủa hoàn toàn thiếu tự chủ! (như chúng tôi vừa đơn cử phía trên). Kính.

Anh NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG (Anh); DIỄM CHÂU (Pháp): Cảm ơn hai anh rất nhiều về những khích lệ. Nếu trong vòng mười ngày (kể từ ngày 1 của tháng thứ hai theo chu kỳ Hợp Lưu) các anh chưa nhận được báo (chúng tôi gởi bằng đường hàng không) thì xin hai anh cho biết ngay, vì có thể báo đã thất lạc. Kính.

Chị PHAN BỘI HẰNG (VA): Cảm ơn bản chụp bức tranh của NT chị gởi tặng. Rất tiếc, nhiều chỗ bị hư và tối quá, e lên bìa không được đẹp. Kính.

NHẮN TIN CHUNG CÁC VĂN HỮU VÀ ĐỘC GIẢ: Có thể do sơ suất của ty trị sự hoặc nhà bưu điện, báo không đến được tay quí vị. Vậy, những vị nào ngụ trong nội địa nước Mỹ, trong vòng mười ngày chưa nhận được báo, xin cho chúng tôi biết ngay, bằng thư hoặc điện thoại, để gởi bù. Những vị ở các nước khác, chúng tôi không nắm được thời gian bao lâu báo mới đến, tuy nhiên, nếu đã nhận được số kế, mà chưa có số chuyển tiếp, thì cũng xin cho chúng tôi được biết. Kính.

HỢP LƯU

MỤC LỤC



Việt Nam



tạp chí Nhân Văn
P.O. Box 53658. San Jose, CA 95153



HỒNG LĨNH

ĐÃ IN

- **Chuyện Tình Kể Trước Lúc Rạng Đông** *Dương Thu Hương*
- **Sự Lừa Dối Hào Nhoáng** *Phóng Tác Theo* The Bright & Shining Lie *của Neil Sheehan*
Giải Thưởng Pulitzer 1988 và National Book Award
- **Tác Phẩm và Dư Luận** *Nguyễn Huy Thiệp*
- **Nỗi Buồn Chiến Tranh** *Bảo Ninh*
Giải Thưởng Hội Nhà Văn Việt Nam 1991
- **Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma** *Nguyễn Khắc Trường*
Giải Thưởng Hội Nhà Văn Việt Nam 1991
- **Chiếc Chìa Khóa** *Junichiro Tanizaki, Phạm Thị Hoài dịch*
- **Mê Lộ** *Phạm Thị Hoài*
- **Sóng Lừng** *Triệu Xuân (Tủ Sách Đen)*
- **Hành Trình Ngày Thơ Ấu** *Dương Thu Hương*
- **Quãng Đời Đánh Mất** *Dương Thu Hương*
- **Người Tình** *(The Lover) Marguerite Duras, Phạm Việt Cường dịch*
- **Sống Và Chết Ở Thượng Hải** *Trịnh Niệm*
- **Ác Mộng** *Ngô Ngọc Bội*
- **Thơ Quang Dũng**
- **Soi Bóng Cuộc Tình** *Văn Quang*

TỦ SÁCH NHẠC

- **Em Còn Nhớ Hay Em Đã Quên**
53 Tình Khúc Trịnh Công Sơn
- **Một Cõi Đi Về**
25 Tình Khúc Trịnh Công Sơn
- **Ai Cho Tôi Tình Yêu**
43 Tình Khúc Trúc Phương
- **Tạ Ơn Đời**
30 Ca Khúc Phạm Duy
- **Niềm Vui Còn Đó**
30 Ca Khúc Phạm Duy



Nhà xuất bản An Tiêm trân trọng giới thiệu
tập truyện thứ hai của:

Nguyễn Thị Hoàng Bắc

BÊN LỞ BÊN BỒI

Giọng văn linh hoạt của Hạt Bụi Long Lanh thuở đầu, qua Bên Lở Bên Bồi trở thành trầm lắng hơn, bùi ngùi hơn, tiếng cười chưa tắt nhưng đã nhuốm chút đắng cay, hoang mang. Bên Lở Bên Bồi của Nguyễn Thị Hoàng Bắc đánh dấu sự chuyển biến quan trọng ấy của nhà văn.



Liên lạc:
Nhà xuất bản An Tiêm
1528 S. La Cienega Blvd.
Los Angeles, CA 90035, USA



Nhà Xuất Bản **TÂN THƯ**
P.O. Box 277
Garden Grove, Ca. 92642, USA
Tel: (714) 537-2468

* **Đã Xuất Bản** (từ 1989 đến nay):
— Cây Gậy Làm Mưa, tập truyện, Đỗ Kh.
— Mười Truyện Tân Liêu Trai, tân truyện, Thăng Long Văn Sĩ
— Thơ Đỗ Kh., thơ, Đỗ Kh.
— Có Yêu Em Không, tập truyện, Khánh Trường
— Điểm Tâm Cho Người Yêu, thơ, Trân Sa
— Có Những Bực Mình Tức Không Thể Nói, thơ, Đỗ Kh.
— Sàigòn Ở Phố Lưu Vong, thơ, Lê Giang Trần
— Mưa, thơ, Cao Nguyên
— Không Có Mây Trên Thành Phố Los Angeles, tập truyện và tùy bút, Lê Uyên Phương
— Tờ Mộng Rách Rồi, tập truyện, Hồ Đình Nghiêm
— Chỗ Tiếp Giáp Với Cánh Đồng, tập truyện, Khánh Trường

* **Đang in** (tháng 3-1992):
— Tuyển Tập Văn Chương Hải Ngoại, tuyển tập thơ và truyện, ba mươi lăm tác giả (hợp tác với NXB Văn Học tại Việt Nam)
— Hóa Thạch, thơ, Phạm Việt Cường
— Tưởng Tượng, thơ, Khánh Trường

* **Sắp xuất bản** (trong năm 1992):
— Tường Trình Từ Thiên Đường, thơ dịch, Phạm Việt Cường (tháng 4-92)
— Những Bài Thơ Phổ Nhạc, nhạc, Lê Uyên Phương (tháng 5-92)
— Con Nước Vô Danh, thơ, Trịnh Y Thư (tháng 5-92)
— Thơ Quỳnh, thơ, Hoàng Xuân Sơn
— Chàng, Nàng Và Buổi Chiều, tập truyện, Phan Tấn Hải
— Modan Geishas, tập truyện, Vũ Quỳnh N.H.
— Trên Ghế Ngồi Ngoài Đường, tập truyện, Đỗ Kh.
— Thơ Cao Đồng Khánh, thơ, Cao Đồng Khánh
— Nhẹ Kiếp Nhân Sinh, tiểu thuyết Milan Kundera, Trịnh Y Thư dịch
— Vẫn Chưa Hết Buổi Chiều, truyện dài, Khánh Trường

PHÂN ƯU



Chúng tôi nhận được tin

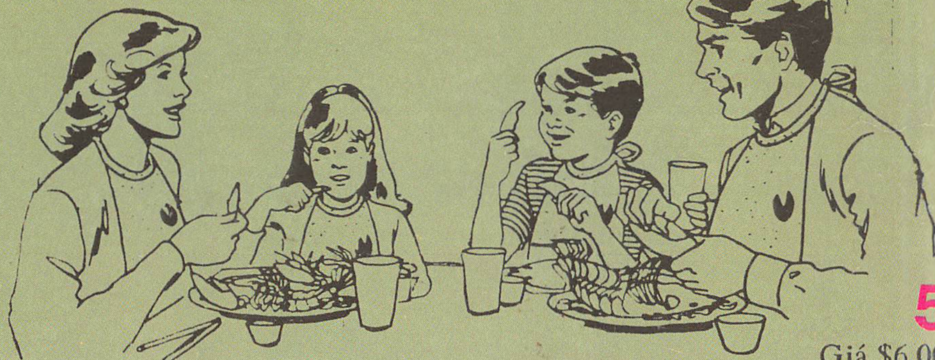
cụ DƯƠNG ĐÌNH CHÂU

thân phụ của nhà văn Dương Thu Hương
đã tạ thế tại Hà Nội ngày 16 tháng 4, 1992.
Thành kính chia buồn cùng
nhà văn Dương Thu Hương và tang quyến.



ĐẠI DIỆN TẬP SAN HỢP LƯU:
Lê Bi, Phạm Việt Cường, Phan Tấn Hải,
Đỗ Kh., Thụy Khuê, Trân Sa, Đặng Tiến,
Nhật Tiến, Khánh Trường, Trần Vũ.





5

Giá $6.00